

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC KỸ THUẬT BỆNH VIỆN ĐA KHOA HỒNG NGỌC - PHÚC TRƯỜNG MINH

(Đính kèm Thông báo số.1537.../QĐ-PTM ngày...25.../...12.../...2023 về việc công khai Danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt của Bệnh viện đa khoa Hồng Ngọc - Phúc Trường Minh năm 2023)

*TT BHYT: Số thứ tự theo DMKT tại Thông tư 43/2013/TT-BYT, Thông tư 21/2017/TT-BYT

TT	TT BHYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
			I	II	III	IV
1	2	3				
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		A. TUẦN HOÀN				
1	1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	
2	2	Ghi điện tim cấp cứu tại giư-ờng	x	x	x	
3	3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại gi-ường liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
4	5	Làm test phục hồi máu mao mạch	x	x	x	x
5	6	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x	x
6	7	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 01 nòng	x	x	x	
7	8	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng	x	x	x	
8	9	Đặt catheter động mạch	x	x		
9	10	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x	
10	11	Chăm sóc catheter động mạch	x	x		
11	15	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
12	16	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục ≤ 8 giờ	x	x		
13	17	Đo áp lực động mạch xâm nhập liên tục ≤ 8 giờ	x	x		
14	18	Siêu âm tim cấp cứu tại giư-ờng	x	x	x	
15	19	Siêu âm Doppler mạch cấp cứu tại giường	x	x	x	
16	20	Siêu âm dẫn đường đặt catheter tĩnh mạch cấp cứu	x	x	x	
17	21	Siêu âm dẫn đường đặt catheter động mạch cấp cứu	x	x	x	
18	22	Siêu âm cấp cứu đánh giá tiền gánh tại giường bệnh ở người bệnh sốc	x	x		
19	25	Kỹ thuật đánh giá huyết động cấp cứu không xâm nhập bằng USCOM	x	x		
20	28	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	x
21	32	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	x	x	x	
22	35	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	x	x	x	
23	39	Hạ huyết áp chi huy ≤ 8 giờ	x	x	x	
24	40	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm	x	x	x	
25	41	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu	x	x	x	
26	42	Đặt dẫn l-ưu màng ngoài tim cấp cứu bằng catheter qua da	x	x		
27	44	Dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
28	45	Dùng thuốc chống đông	x	x	x	
29	51	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ	x	x	x	x
		B. HỒ HẤP				
30	53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	x	x	x	x
31	54	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	x	x	x	x
32	55	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)	x	x	x	
33	56	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)	x	x	x	
34	57	Thở oxy qua gọng kính (£ 8 giờ)	x	x	x	x
35	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (£ 8 giờ)	x	x	x	x
36	59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (£ 8 giờ)	x	x	x	x
37	60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (£ 8 giờ)	x	x	x	x
38	61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (£ 8 giờ)	x	x	x	x
39	62	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ	x	x	x	x
40	64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	x	x	x	x
41	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
42	66	Đặt ống nội khí quản	x	x	x	
43	68	Đặt nội khí quản cấp cứu bằng Combitube	x	x	x	
44	69	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	x	x	x	
45	71	Mở khí quản cấp cứu	x	x	x	
46	72	Mở khí quản qua màng nhĩn giáp	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
47	73	Mở khí quản thường quy	x	x	x	
48	74	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngay thở	x	x	x	
49	75	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)	x	x	x	
50	76	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x	
51	77	Thay ống nội khí quản	x	x	x	
52	78	Rút ống nội khí quản	x	x	x	
53	79	Rút canuyn khí quản	x	x	x	
54	80	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x	
55	85	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	
56	86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	x	x	x	x
57	87	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	x	x	x	
58	88	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù	x	x	x	
59	89	Đặt canuyn mở khí quản 02 nòng	x	x	x	x
60	92	Siêu âm màng phổi cấp cứu	x	x		
61	93	Chọc hút dịch – khí màng phổi bằng kim hay catheter	x	x	x	
62	94	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp ≤ 8 giờ	x	x	x	
63	95	Mở màng phổi cấp cứu	x	x	x	
64	96	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca	x	x	x	
65	97	Dẫn lưu màng phổi liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
66	106	Nội soi khí phế quản cấp cứu	x	x	x	
67	107	Nội soi phế quản ống mềm chẩn đoán cấp cứu ở người bệnh không thở máy	x	x		
68	108	Nội soi phế quản ống mềm chẩn đoán cấp cứu ở người bệnh có thở máy	x	x		
69	109	Nội soi phế quản ống mềm điều trị cấp cứu ở người bệnh không thở máy	x	x		
70	110	Nội soi phế quản ống mềm điều trị cấp cứu ở người bệnh có thở máy	x	x		
71	111	Nội soi khí phế quản lấy dị vật	x	x	x	
72	112	Bơm rửa phế quản	x	x		
73	113	Rửa phế quản phế nang	x	x		
74	114	Rửa phế quản phế nang chọn lọc	x	x		
75	116	Nội soi bơm rửa phế quản cấp cứu lấy bệnh phẩm ở người bệnh thở máy	x	x		
76	118	Nội soi phế quản sinh thiết ở người bệnh thở máy	x	x		
77	119	Nội soi phế quản sinh thiết xuyên thành ở người bệnh thở máy	x	x		
78	120	Nội soi khí phế quản hút đờm	x	x		
79	121	Nội soi khí phế quản điều trị xẹp phổi	x	x		
80	128	Thông khí nhân tạo không xâm nhập ≤ 8 giờ	x	x	x	
81	130	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ	x	x	x	
82	131	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP ≤ 8 giờ	x	x	x	
83	132	Thông khí nhân tạo xâm nhập ≤ 8 giờ	x	x	x	
84	133	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV ≤ 8 giờ	x	x	x	
85	134	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV ≤ 8 giờ	x	x	x	
86	135	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C (VCV) ≤ 8 giờ	x	x	x	
87	136	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SIMV ≤ 8 giờ	x	x	x	
88	137	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV ≤ 8 giờ	x	x	x	
89	138	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ	x	x	x	
90	139	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức APRV ≤ 8 giờ	x	x		
91	144	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển	x	x	x	
92	145	Cải thở máy bằng phương thức SIMV ≤ 8 giờ	x	x	x	
93	146	Cải thở máy bằng phương thức PSV ≤ 8 giờ	x	x	x	
94	147	Cải thở máy bằng thở T-tube ngắt quãng ≤ 8 giờ	x	x	x	
95	148	Thủ thuật huy động phế nang 40/40	x	x		
96	149	Thủ thuật huy động phế nang 60/40	x	x		
97	150	Thủ thuật huy động phế nang PCV	x	x		
98	151	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở CPAP	x	x	x	
99	152	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở bằng T-tube	x	x	x	
100	154	Theo dõi các thông số cơ học phổi ≤ 8 giờ	x	x	x	
101	155	Gây mê liên tục kiểm soát người bệnh thở máy ≤ 8 giờ	x	x	x	
102	157	Cổ định lồng ngực do chấn thương gây xương sườn	x	x	x	x
103	158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x	x	x	x
		C. THẬN - LỌC MÁU				
104	160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	x

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
105	161	Chọc hút nước tiểu trên x-ương mu	x	x	x	
106	162	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp vệ	x	x	x	
107	164	Thông bàng quang	x	x	x	x
108	165	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x	
109	166	Vận động trị liệu bàng quang	x	x	x	
110	170	Bài niệu c-ưỡng bức ≤ 8 giờ	x	x	x	
111	171	Kiểm hóa nước tiểu tăng thải trừ chất độc ≤ 8 giờ	x	x	x	
112	172	Đặt catheter lọc máu cấp cứu	x	x		
113	173	Lọc máu cấp cứu (ở người chưa có mở thông động tĩnh mạch)	x	x	x	
114	174	Thận nhân tạo cấp cứu	x	x	x	
115	175	Thận nhân tạo thường qui	x	x	x	
		D. THẬN KINH				
116	202	Chọc dịch tủy sống	x	x	x	
117	210	Làm test chết não thực hiện trong 12-24 giờ	x	x		
118	211	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	x
119	213	Điều trị co giật liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
120	214	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
		D. TIÊU HOÁ				
121	215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	x	x	x	x
122	216	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x
123	218	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x
124	219	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	x	x	x	x
125	221	Thụt tháo	x	x	x	x
126	222	Thụt giữ	x	x	x	x
127	223	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x
128	224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	x	x	x	x
129	225	Nuôi d-ưỡng ng-ười bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)	x	x	x	x
130	226	Nuôi d-ưỡng ngư-ời bệnh qua ống thông hồng tràng ≤ 8 giờ	x	x	x	
131	227	Nuôi d-ưỡng ngư-ời bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua ống thông dạ dày ≤ 8 giờ	x	x	x	
132	228	Nuôi d-ưỡng ng-ười bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)	x	x	x	x
133	229	Nuôi d-ưỡng ng-ười bệnh bằng đư-ờng truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ	x	x	x	x
134	230	Nuôi d-ưỡng người bệnh bằng đ-ường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ	x	x	x	
135	232	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chẩn đoán và cầm máu	x	x	x	
136	233	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu có gây mê tĩnh mạch	x	x	x	
137	234	Nội soi trực tràng cấp cứu	x	x	x	
138	235	Nội soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm	x	x	x	
139	236	Nội soi đại tràng cầm máu	x	x	x	
140	238	Đo áp lực ổ bụng	x	x	x	
141	239	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	x	x	x	
142	240	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	x	x	x	
143	241	Dẫn lư-u dịch ổ bụng cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
144	243	Dẫn lư-u ổ bụng trong viêm tụy cấp ≤ 8 giờ	x	x	x	
145	244	Chọc dẫn lư-u ổ áp xe d-ưới siêu âm	x	x	x	
		E. TOÀN THÂN				
146	245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử	x	x	x	
147	246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	x
148	250	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	x	x	
149	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x	x	x	x
150	252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ	x	x	x	x
151	253	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	x	x	x	x
152	254	Truyền máu và các chế phẩm máu	x	x	x	x
153	255	Kiểm soát pH máu bằng bicarbonate ≤ 8 giờ	x	x	x	
154	256	Điều chỉnh tăng/giảm kali máu bằng thuốc tĩnh mạch	x	x	x	
155	257	Điều chỉnh tăng/giảm natri máu bằng thuốc tĩnh mạch	x	x	x	
156	258	Kiểm soát tăng đư-ờng huyết chỉ huy ≤ 8 giờ	x	x	x	
157	259	Rửa mắt tẩy độc	x	x	x	
158	261	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)	x	x	x	x
159	262	Gội đầu cho người bệnh tại gi-ường	x	x	x	x

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
160	263	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x
161	264	Tắm cho người bệnh tại gi-ường	x	x	x	x
162	265	Tắm tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x
163	266	Xoa bóp phòng chống loét	x	x	x	x
164	267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	x	x	x	
165	269	Băng ép bất động sơ cứu rạn cần	x	x	x	x
166	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x	x	x	x
167	272	Sử dụng than hoạt đa liều cấp cứu ngộ độc ≤ 8 giờ	x	x	x	
168	274	Điều trị giải độc ngộ độc rượu cấp	x	x	x	
169	275	Băng bó vết thương	x	x	x	x
170	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x
171	277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x
172	278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	x	x	x	x
173	280	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy	x	x	x	
		G. XÉT NGHIỆM				
174	281	Xét nghiệm đ-ường máu mao mạch tại giường (một lần)	x	x	x	x
175	282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	x	x	x	
176	283	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm	x	x	x	
177	284	Định nhóm máu tại gi-ường	x	x	x	x
178	286	Đo các chất khí trong máu	x	x	x	
179	287	Đo lactat trong máu	x	x	x	
180	296	Phát hiện opiat bằng naloxone	x	x	x	
		H. THĂM DO KHÁC				
181	303	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	x	x	x	
		I. HỒ HẤP				
182	305	Chăm sóc bệnh nhân thở máy	x	x	x	
183	306	Đo áp lực của bóng chèn ở bệnh nhân đặt nội khí quản hoặc mở khí quản	x	x	x	
184	307	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản xét nghiệm của bệnh nhân cúm ở khoa hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
185	309	Vệ sinh khử khuẩn máy thở	x	x	x	
186	310	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống nội khí quản, mở khí quản bằng ống hút thường để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy	x	x	x	
187	311	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống hút đờm có đầu bảo vệ để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy	x	x	x	
188	312	Thông khí nhân tạo nằm sấp trong hội chứng suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS)	x	x		
189	313	Lọc máu liên tục CVVH trong hội chứng suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS)	x	x		
		K. TIM MẠCH				
190	317	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
191	318	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm hai nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
192	319	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm ba nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
193	320	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
194	323	Chăm sóc catheter tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
195	325	Đo và theo dõi liên tục áp lực tĩnh mạch trung tâm qua công đo áp lực trên máy theo dõi	x	x	x	
		L. TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU				
196	333	Chăm sóc catheter tĩnh mạch đùi ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu	x	x	x	
197	334	Chăm sóc ống thông bàng quang	x	x	x	x
198	335	Chăm sóc catheter thận nhân tạo ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
199	336	Rửa bàng quang ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
200	337	Lọc máu cấp cứu ở bệnh nhân có mở thông động tĩnh mạch (FAV)	x	x	x	
		M. THẦN KINH				
201	345	Điều trị an thần giãn cơ < 8 giờ trong hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
		O. TIÊU HÓA				
202	351	Nội soi dạ dày-tá tràng điều trị chảy máu do ổ loét bằng tiêm xơ tại đơn vị hồi sức tích cực	x	x	x	
203	352	Nội soi tiêu hóa cầm máu cấp cứu bằng vòng cao su tại đơn vị hồi sức tích cực	x	x	x	
204	353	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng cầm máu bằng kẹp clip đơn vị hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
205	354	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng gây mê tại đơn vị hồi sức tích cực	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
206	355	Chọc hút dẫn lưu nang giả tụy dưới hướng dẫn của siêu âm trong hồi sức cấp cứu	x	x	x	
207	356	Chọc hút dẫn lưu dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong điều trị viêm tụy cấp	x	x	x	
208	357	Chọc tháo dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong khoa hồi sức cấp cứu	x	x	x	
209	358	Đo áp lực ổ bụng trong hồi sức cấp cứu	x	x	x	
210	360	Theo dõi liên tục áp lực ổ bụng gián tiếp qua bàng quang	x	x	x	
		P. CHỐNG ĐỘC				
211	361	Nội soi phế quản điều trị sặc phổi ở bệnh nhân ngộ độc cấp	x	x	x	
212	362	Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho bệnh nhân ngộ độc	x	x	x	
213	363	Điều trị giảm nồng độ canxi máu	x	x	x	
214	364	Điều trị thải độc bằng phương pháp tăng cường bài niệu	x	x	x	
215	366	Điều trị ngộ độc cấp ma túy nhóm opi	x	x	x	
216	367	Tư vấn cho bệnh nhân ngộ độc	x	x	x	
217	369	Xét nghiệm định tính một chỉ tiêu ma túy trong nước tiểu	x	x	x	
218	370	Xét nghiệm sàng lọc và định tính 5 loại ma túy	x	x	x	
219	380	Sử dụng thuốc giải độc trong ngộ độc cấp (chưa kể tiền thuốc)	x	x	x	
220	381	Giải độc ngộ độc rượu methanol và ethylene glycol	x	x	x	
221	382	Điều trị giảm nồng độ natri máu ở bệnh nhân bị rạn cấp nia cận	x	x	x	
		II. NỘI KHOA				
		A. HÔ HẤP				
222	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
223	2	Bơm rửa khoang màng phổi	x	x	x	
224	4	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x	x
225	7	Chọc dò dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
226	8	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
227	9	Chọc dò dịch màng phổi	x	x	x	x
228	10	Chọc tháo dịch màng phổi	x	x	x	x
229	11	Chọc hút khí màng phổi	x	x	x	
230	12	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
231	13	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính	x	x		
232	14	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter	x	x	x	x
233	16	Đặt ống dẫn lưu khoang MP	x	x	x	
234	17	Đặt nội khí quản 2 nòng	x	x		
235	24	Đo chức năng hô hấp	x	x	x	x
236	25	Gây dính màng phổi bằng thuốc/ hóa chất qua ống dẫn lưu màng phổi	x	x	x	
237	26	Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục	x	x	x	
238	28	Kỹ thuật ho có điều khiển	x	x	x	x
239	29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành	x	x	x	x
240	30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương	x	x	x	
241	31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế	x	x	x	x
242	32	Khí dung thuốc giãn phế quản	x	x	x	x
243	33	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	x	x	x	
244	36	Nội soi phế quản dưới gây mê	x	x		
245	38	Nội soi màng phổi, sinh thiết màng phổi	x	x		
246	39	Nội soi màng phổi, gây dính bằng thuốc/ hóa chất	x	x		
247	40	Nội soi phế quản sinh thiết xuyên vách phế quản	x	x		
248	43	Nội soi phế quản ống mềm sinh thiết niêm mạc phế quản	x	x		
249	45	Nội soi phế quản ống mềm	x	x		
250	48	Nội soi phế quản chải phế quản chẩn đoán	x	x		
251	49	Nội soi rửa phế quản phế nang chọn lọc	x	x		
252	50	Nội soi phế quản lấy dị vật (ống cứng, ống mềm)	x	x		
253	51	Nội soi phế quản qua ống nội khí quản	x	x		
254	54	Nội soi phế quản ống mềm ở người bệnh có thở máy	x	x		
255	58	Nghiệm pháp hồi phục phế quản với thuốc giãn phế quản	x	x		
256	59	Nghiệm pháp kích thích phế quản	x	x		
257	60	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút	x	x	x	
258	61	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x	
259	63	Siêu âm màng phổi cấp cứu	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
260	64	Sinh thiết màng phổi mù	x	x	x	
261	65	Sinh thiết u phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
262	66	Sinh thiết u phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính	x	x		
263	67	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x	x
264	68	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	x
		B. TIM MẠCH				
265	75	Chọc dò màng ngoài tim	x	x	x	
266	85	Điện tim thường	x	x	x	x
267	93	Gây xơ tĩnh mạch điều trị suy, giãn tĩnh mạch mãn tính	x	x		
268	94	Ghi điện tim qua chuyên đạo thực quản	x	x		
269	95	Holter điện tâm đồ	x	x	x	
270	96	Holter huyết áp	x	x	x	
271	97	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	x	x	x	
272	109	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ	x	x		
273	110	Nghiệm pháp bàn nghiêng	x			
274	111	Nghiệm pháp atropin	x	x	x	
275	112	Siêu âm Doppler mạch máu	x	x	x	
276	113	Siêu âm Doppler tim	x	x	x	
277	114	Siêu âm tim gắng sức (thâm chạy, thuốc)	x			
278	119	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
279	120	Sốc điện điều trị rung nhĩ	x	x		
280	121	Sốc điện điều trị các rối loạn nhịp nhanh	x	x	x	
		C. THẦN KINH				
281	128	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)	x	x	x	x
282	129	Chọc dò dịch não tủy	x	x	x	
283	130	Điều trị đau rễ thần kinh thắt lưng - cùng bằng tiêm ngoài màng cứng	x	x		
284	131	Điều trị đau rễ thần kinh bằng phong bế đám rối	x	x		
285	133	Điều trị chứng co thắt nửa mặt bằng tiêm Botulinum Toxin A (Dysport, Botox,...)	x	x		
286	138	Điều trị co cứng cơ sau các tổn thương thần kinh khác bằng tiêm Botulinum Toxin A (Dysport, Botox,...)	x	x		
287	141	Đo tốc độ dẫn truyền (vận động, cảm giác) của thần kinh ngoại vi bằng điện cơ	x	x		
288	142	Đo tốc độ phản xạ Hoffmann và sóng F của thần kinh ngoại vi bằng điện cơ	x	x		
289	143	Đo điện thế kích thích bằng điện cơ	x	x		
290	144	Ghi điện cơ cấp cứu	x	x		
291	145	Ghi điện não thường quy	x	x	x	
292	148	Ghi điện cơ bằng điện cực kim	x	x		
293	149	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường	x	x	x	
294	150	Hút đờm hầu họng	x	x	x	x
295	151	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	x	x	x	
296	152	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy, truyền thức ăn qua thực quản, dạ dày	x	x		
297	156	Soi đáy mắt cấp cứu tại giường	x	x		
298	158	Test chẩn đoán nhược cơ bằng thuốc	x	x	x	
299	159	Test chẩn đoán nhược cơ bằng điện sinh lý	x	x		
300	163	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	x	x	x	
301	164	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường	x	x	x	
302	165	Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường	x	x	x	
303	166	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	x	x	x	
		D. THẬN TIẾT NIỆU				
304	167	Chăm sóc sonde dẫn lưu bể thận qua da/lần	x	x	x	
305	168	Chăm sóc sonde dẫn lưu tự dịch- máu quanh thận/lần	x	x	x	
306	169	Chăm sóc catheter TMTT trong lọc máu	x	x		
307	170	Chăm sóc và bảo quản catheter tĩnh mạch trung tâm trong lọc máu	x	x	x	
308	171	Chăm sóc và bảo quản catheter đường hầm có cuff để lọc máu	x	x	x	
309	172	Chăm sóc ống dẫn lưu bể thận qua da 24 giờ	x	x	x	
310	178	Chụp bàng quang chẩn đoán trào ngược bàng quang niệu quản	x	x		
311	183	Đặt catheter tĩnh mạch cánh để lọc máu cấp cứu	x	x		
312	184	Đặt catheter hai nồng độ cuff, tạo đường hầm để lọc máu	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
313	185	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch cảnh trong để lọc máu	x	x		
314	186	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch dưới đòn để lọc máu	x	x		
315	187	Đặt catheter một nòng hoặc hai nòng tĩnh mạch đùi để lọc máu	x	x		
316	188	Đặt sonde bàng quang	x	x	x	
317	191	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh để lọc máu cấp cứu	x	x		
318	195	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	
319	200	Đo áp lực thẩm thấu niệu	x	x		
320	201	Kỹ thuật tạo đường hầm trên cầu nối (AVF) để sử dụng kim đầu tù trong lọc máu (Kỹ thuật Button hole)	x	x		
321	202	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi	x	x		
322	209	Lọc máu bằng kỹ thuật thẩm tách siêu lọc dịch bù trực tiếp từ dịch lọc (Hemodiafiltration Online: HDF-Online) (Hoặc: Thẩm tách siêu lọc máu (HDF-Online))	x	x		
323	211	Nong niệu đạo và đặt sonde đái	x	x		
324	213	Nội soi niệu quản chẩn đoán	x	x		
325	220	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser).	x	x		
326	227	Rút sonde dẫn lưu bể thận qua da	x	x		
327	228	Rút sonde dẫn lưu tự dịch- máu quanh thận	x	x		
328	229	Rút sonde JJ qua đường nội soi bàng quang	x			
329	230	Rút sonde modelage qua đường nội soi bàng quang	x	x		
330	231	Rút catheter đường hầm	x	x		
331	232	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x	
332	233	Rửa bàng quang	x	x	x	
		D. TIÊU HÓA				
333	241	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)	x	x	x	x
334	242	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	x	x	x	
335	243	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	x	x	x	
336	244	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x
337	247	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x
338	249	Đo áp lực ổ bụng gián tiếp qua ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	
339	252	Mở thông dạ dày bằng nội soi	x	x		
340	253	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng cấp cứu	x	x	x	
341	254	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng có dùng thuốc tiền mê	x	x	x	
342	255	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng qua đường mũi	x	x	x	
343	256	Nội soi trực tràng ống mềm	x	x	x	
344	257	Nội soi trực tràng ống mềm cấp cứu	x	x	x	
345	258	Nội soi trực tràng ống cứng	x	x	x	
346	259	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết	x	x	x	
347	260	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc tiền mê	x	x		
348	261	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc gây mê	x	x		
349	262	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có sinh thiết	x	x	x	
350	264	Nội soi can thiệp - tiêm xơ búi giãn tĩnh mạch thực quản	x	x		
351	265	Nội soi can thiệp - thắt búi giãn tĩnh mạch thực quản bằng vòng cao su	x	x		
352	266	Nội soi can thiệp - Nong thực quản bằng bóng	x	x		
353	268	Nội soi can thiệp - sinh thiết niêm mạc ống tiêu hóa	x	x	x	
354	271	Nội soi can thiệp - tiêm cầm máu	x	x		
355	272	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori	x	x	x	
356	273	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ	x	x	x	
357	283	Nội soi mật tụy ngược dòng - (ERCP)	x	x		
358	284	Nội soi mật tụy ngược dòng can thiệp - cắt cơ oddi	x	x		
359	285	Nội soi can thiệp - kẹp Clip cầm máu	x	x		
360	287	Nội soi can thiệp - nhuộm màu chẩn đoán ung thư sớm	x	x	x	
361	288	Nội soi ổ bụng	x	x		
362	289	Nội soi ổ bụng có sinh thiết	x	x		
363	290	Nội soi can thiệp - gấp giun, dị vật ống tiêu hóa	x	x		
364	292	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - thắt trĩ bằng vòng cao su	x	x		
365	293	Nội soi trực tràng toàn bộ có sinh thiết	x	x		
366	294	Nội soi đại trực tràng toàn bộ can thiệp cấp cứu	x	x		
367	295	Nội soi can thiệp - cắt 1 polyp ống tiêu hóa < 1cm	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
368	296	Nội soi can thiệp - cắt polyp ống tiêu hóa > 1cm hoặc nhiều polyp	x	x		
369	297	Nội soi hậu môn ống cứng	x	x	x	
370	300	Nội soi đại trực tràng toàn bộ dải tần hẹp (NBI)	x	x		
371	304	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có sinh thiết	x	x		
372	305	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết	x	x		
373	306	Nội soi đại tràng sigma không sinh thiết	x	x	x	
374	307	Nội soi đại tràng sigma ổ có sinh thiết	x	x	x	
375	308	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết	x	x	x	
376	309	Nội soi trực tràng ống mềm có sinh thiết	x	x	x	
377	310	Nội soi trực tràng ống cứng không sinh thiết	x	x		
378	311	Nội soi trực tràng ống cứng có sinh thiết	x	x		
379	313	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x
380	314	Siêu âm ổ bụng	x	x	x	x
381	315	Siêu âm DOPPLER mạch máu khối u gan	x	x		
382	316	Siêu âm DOPPLER mạch máu hệ tĩnh mạch cửa hoặc mạch máu ổ bụng	x	x		
383	317	Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x	
384	321	Siêu âm can thiệp - Đặt dẫn lưu đường mật, đặt stent đường mật qua da	x	x		
385	322	Siêu âm can thiệp - Chọc dịch ổ bụng xét nghiệm	x	x		
386	325	Siêu âm can thiệp - chọc hút mũ ổ áp xe gan	x	x	x	
387	333	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu dịch màng bụng liên tục	x	x	x	
388	334	Siêu âm can thiệp - chọc hút ổ áp xe trong ổ bụng	x	x	x	
389	335	Test thở C14O2 tìm H.Pylori	x	x		
390	336	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân	x	x	x	x
391	337	Thụt thuốc qua đường hậu môn	x	x	x	x
392	338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	x	x	x	x
393	339	Thụt tháo phân	x	x	x	x
		E. CƠ XƯƠNG KHỚP				
394	340	Chọc hút tế bào cơ bằng kim nhỏ	x	x		
395	341	Chọc hút tế bào xương bằng kim nhỏ	x	x		
396	342	Chọc hút tế bào phần mềm bằng kim nhỏ	x	x		
397	343	Chọc hút tế bào phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
398	344	Chọc hút tế bào hạch dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
399	345	Chọc hút tế bào cơ dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
400	346	Chọc hút tế bào xương dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
401	347	Chọc hút tế bào khối u dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
402	348	Đo độ nhớt dịch khớp	x	x	x	
403	349	Hút dịch khớp gối	x	x	x	
404	350	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
405	351	Hút dịch khớp háng	x	x		
406	352	Hút dịch khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
407	353	Hút dịch khớp khuỷu	x	x		
408	354	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
409	355	Hút dịch khớp cổ chân	x	x		
410	356	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
411	357	Hút dịch khớp cổ tay	x	x		
412	358	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
413	359	Hút dịch khớp vai	x	x		
414	360	Hút dịch khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
415	361	Hút nang bao hoạt dịch	x	x	x	
416	362	Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
417	363	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	x	x	x	
418	364	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
419	373	Siêu âm khớp (một vị trí)	x	x		
420	374	Siêu âm phần mềm (một vị trí)	x	x		
421	376	Sinh thiết phần mềm bằng súng Fast Gun dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
422	377	Sinh thiết phần mềm bằng kim bắn dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
423	378	Sinh thiết màng hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm	x			
424	379	Sinh thiết xương dưới hướng dẫn của siêu âm	x			
425	380	Sinh thiết da bằng kim chuyên dụng (biopsy punch)	x			

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
426	381	Tiêm khớp gối	x	x		
427	382	Tiêm khớp háng	x	x		
428	383	Tiêm khớp cổ chân	x	x		
429	384	Tiêm khớp bàn ngón chân	x	x		
430	385	Tiêm khớp cổ tay	x	x		
431	386	Tiêm khớp bàn ngón tay	x	x		
432	387	Tiêm khớp đốt ngón tay	x	x		
433	388	Tiêm khớp khuỷu tay	x	x		
434	389	Tiêm khớp vai	x	x		
435	390	Tiêm khớp ức đòn	x	x		
436	391	Tiêm khớp ức - sườn	x	x		
437	392	Tiêm khớp đòn- cùng vai	x	x		
438	393	Tiêm khớp thái dương hàm	x			
439	394	Tiêm ngoài màng cứng	x			
440	395	Tiêm khớp cùng chậu	x			
441	396	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (mỏm trâm trụ)	x	x		
442	397	Tiêm điểm bám gân lõi cầu trong (lõi cầu ngoài) xương cánh tay	x	x		
443	398	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối	x	x		
444	399	Tiêm hội chứng DeQuervain	x	x		
445	400	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay	x	x		
446	401	Tiêm gân gấp ngón tay	x	x		
447	402	Tiêm gân nhị đầu khớp vai	x	x		
448	403	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)	x	x		
449	404	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai	x	x		
450	405	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (trâm trụ)	x	x		
451	406	Tiêm gân gót	x	x		
452	407	Tiêm cân gan chân	x	x		
453	408	Tiêm cạnh cột sống cổ	x			
454	409	Tiêm cạnh cột sống thắt lưng	x			
455	410	Tiêm cạnh cột sống ngực	x			
456	411	Tiêm khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
457	412	Tiêm khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
458	413	Tiêm khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
459	414	Tiêm khớp bàn ngón chân dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
460	415	Tiêm khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
461	416	Tiêm khớp bàn ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
462	417	Tiêm khớp đốt ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
463	418	Tiêm khớp khuỷu tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
464	419	Tiêm khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
465	420	Tiêm khớp ức đòn dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
466	421	Tiêm khớp ức – sườn dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
467	422	Tiêm khớp đòn- cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
468	423	Tiêm khớp thái dương hàm dưới hướng dẫn của siêu âm	x			
469	424	Tiêm hội chứng DeQuervain dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
470	425	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
471	426	Tiêm gân gấp ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
472	427	Tiêm gân nhị đầu khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
473	428	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai) dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
474	429	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
475	431	Xét nghiệm Mucin test	x	x	x	
		G. HỒ HẤP				
476	432	Chọc hút mũ màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
477	433	Chọc hút khí, mũ màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính	x	x		
		H. TIM MẠCH				
478	437	Chụp động mạch vành	x	x		
479	445	Siêu âm mạch trong điều trị RF mạch máu	x	x		
480	447	Siêu âm Doppler màu tim qua thành ngực trong tim mạch can thiệp	x	x		
481	451	Theo dõi điện tim bằng máy ghi biến cố (Event Recorder)	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
		I. THẦN KINH				
482	474	Ghi điện cơ điện thế kích thích thị giác, thính giác	x	x		
483	475	Ghi điện cơ điện thế kích thích cảm giác thân thể	x	x		
484	476	Ghi điện cơ đo tốc độ dẫn truyền vận động và cảm giác của dây thần kinh ngoại biên chi trên	x	x		
485	477	Ghi điện cơ đo tốc độ dẫn truyền vận động và cảm giác của dây thần kinh ngoại biên chi dưới	x	x		
486	478	Phản xạ nhắm mắt và đo tốc độ dẫn truyền vận động của dây thần kinh VII ngoại biên	x	x		
487	479	Nghiệm pháp đánh giá rối loạn nuốt tại giường cho người bệnh tai biến mạch máu não	x	x	x	
		K. THẬN TIẾT NIỆU				
488	480	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm chạy thận nhân tạo cấp cứu	x	x	x	
489	481	Rút catheter tĩnh mạch đùi chạy thận nhân tạo cấp cứu	x	x	x	
490	482	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm ở bệnh nhân sau ghép thận	x	x		
491	483	Rút sonde dẫn lưu hố thận ghép qua da	x	x		
492	484	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sonde JJ) có tiền mê	x	x		
493	485	Nội soi bàng quang chẩn đoán có gây mê (Nội soi bàng	x	x		
494	486	Nội soi bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể có gây mê	x	x		
495	487	Nội soi bàng quang để sinh thiết bàng quang đa điểm có gây mê	x	x		
496	488	Nội soi bàng quang lấy sỏi, dị vật có gây mê	x	x		
497	489	Nội soi đặt catheter bàng quang - niệu quản để chụp UPR có gây mê	x	x		
498	491	Nội soi bàng quang gấp dị vật bàng quang có gây mê	x	x		
499	492	Nội soi bàng quang có gây mê	x	x		
500	493	Rút sonde JJ qua đường nội soi bàng quang có gây mê	x	x		
501	494	Rút sonde Modelage qua đường nội soi bàng quang có gây mê	x	x		
502	495	Thận nhân tạo chu kỳ (Quả lọc, dây máu 06 lần)	x	x	x	
503	496	Thận nhân tạo cấp cứu (Quả lọc, dây máu 01 lần)	x	x	x	
504	497	Phối hợp thận nhân tạo (HD) và hấp thụ máu (HP) bằng quả hấp phụ máu HA 130	x	x		
505	498	Đặt catheter một nòng hoặc hai nòng tĩnh mạch đùi để lọc máu	x	x	x	
506	499	Kỹ thuật tạo đường hầm trên cầu nối (AVF) để sử dụng kim đầu tù trong lọc máu (Kỹ thuật Button hole)	x	x		
		L. TIÊU HÓA				
507	503	Test thở C13 tìm Helicobacterpylori	x	x		
		M. CƠ XƯƠNG KHỚP				
508	508	Thay bằng vết loét do vỡ hạt tophy	x	x		
509	509	Kỹ thuật truyền một số thuốc sinh học	x	x		
510	510	Tiêm nội khớp: acid Hyaluronic	x	x		
511	511	Điều trị thoái hóa khớp bằng huyết tương giàu tiểu cầu	x	x		
512	513	Tiêm huyết tương giàu tiểu cầu (PRP) tự thân điều trị một số bệnh lý phần mềm quanh khớp	x	x		
513	514	Lấy xét nghiệm tế bào học dịch khớp	x	x		
514	515	Lấy dịch khớp xác định tinh thể urat	x	x		
515	516	Tiêm Enbrel	x	x		
516	517	Truyền Remicade	x	x		
517	518	Truyền Actemra	x	x		
518	519	Sinh thiết phần mềm bằng phương pháp sinh thiết mở	x	x		
		N. DỊ ỨNG - MIỄN DỊCH LÂM SÀNG				
519	520	Định lượng kháng thể kháng nhân và kháng thể kháng chuỗi kép (ANA&DsDNA)	x	x		
520	521	Định lượng kháng thể kháng Phospholipid IgG/IgM	x	x		
521	522	Định lượng kháng thể kháng Cardiolipin IgG/IgM	x	x		
522	523	Định lượng kháng thể kháng Beta2- Glycoprotein IgG/IgM	x	x		
523	524	Định lượng kháng thể kháng tương bào bạch cầu đa nhân trung tính (ANCA)	x	x		
524	525	Định lượng kháng thể kháng ty lạp thể (AMA-M2)	x	x		
525	528	Định lượng kháng thể kháng thụ thể GLYCOPROTEIN trên màng tế bào gan người châu Á (ASGPR)	x	x		
526	529	Định lượng ERYTHROPOIETIN (EPO)	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
527	533	Định lượng kháng thể kháng Sm	x	x		
528	539	Định lượng MPO (pANCA)	x	x		
529	540	Định lượng PR3 (cANCA)	x	x		
530	542	Định lượng kháng thể kháng CCP	x	x		
531	573	Định lượng IgE đặc hiệu với dị nguyên hô hấp (Đối với 1 dị nguyên)	x	x		
532	574	Định lượng IgE đặc hiệu với dị nguyên thức ăn (Đối với 1 dị nguyên)	x	x		
533	622	Tìm tế bào Hargraves	x	x	x	
534	628	Theo dõi và chăm sóc người bệnh sốc phản vệ 72 giờ đầu	x	x		
535	642	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình xịt định liều	x	x	x	
536	643	Tập ho có hiệu quả cho người bệnh Hen phế quản	x	x		
537	644	Tập ho có hiệu quả cho người bệnh Luput ban đỏ hệ thống	x	x		
538	645	Tập ho có hiệu quả cho người bệnh Xơ cứng bì	x	x		
539	646	Vỗ rung cho người bệnh Hen phế quản	x	x		
540	647	Vỗ rung cho người bệnh Lupus ban đỏ hệ thống	x	x		
541	648	Vỗ rung cho người bệnh Xơ cứng bì	x	x		
542	649	Tập vận động cho người bệnh Xơ cứng bì	x	x		
543	650	Xoa bóp cho người bệnh Xơ cứng bì	x	x		
		O. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)				
544	653	Chăm sóc da cho người bệnh dị ứng thuốc nặng	x	x		
545	654	Chọc rửa màng phổi	x	x	x	
546	655	Thay rửa hệ thống dẫn lưu màng phổi	x	x	x	
		III. NHI KHOA				
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		A. TUẦN HOÀN				
547	9	Hạ thân nhiệt chủ động	x			
548	10	Tăng thân nhiệt chủ động	x			
549	12	Dùng thuốc chống đông và tiêu sợi huyết	x	x		
550	19	Theo dõi điện tim cấp cứu tại gi-ường liên tục 24 giờ	x	x		
551	27	Xử trí và theo dõi loạn nhịp tim cấp cứu	x	x		
552	28	Đặt catheter tĩnh mạch	x	x	x	
553	29	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	x	x	x	
554	31	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
555	33	Đặt catheter động mạch	x	x	x	
556	41	Siêu âm tim cấp cứu tại gi-ường	x	x	x	
557	44	Ghi điện tim cấp cứu tại gi-ường	x	x	x	
558	46	Theo dõi huyết áp liên tục tại giường	x	x	x	
559	47	Theo dõi điện tim liên tục tại giường	x	x	x	
560	49	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x	
561	50	Chăm sóc catheter động mạch	x	x		
562	51	Ép tim ngoài lồng ngực	x	x	x	x
		B. HỒ HẤP				
563	56	Nội soi khí phế quản hút đờm	x	x		
564	58	Thở máy bằng xâm nhập	x	x		
565	69	Siêu âm màng ngoài tim cấp cứu	x	x		
566	70	Siêu âm màng phổi	x	x		
567	71	Theo dõi ETCO2 liên tục tại giường	x	x		
568	73	Nội soi khí phế quản lấy dị vật	x	x		
569	75	Cải máy thở	x	x	x	
570	76	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy.	x	x	x	
571	77	Đặt ống nội khí quản	x	x	x	
572	78	Mở khí quản	x	x	x	
573	79	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi	x	x	x	
574	80	Chọc hút/dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp	x	x	x	
575	81	Bơm rửa màng phổi	x	x	x	
576	82	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BIPAP)	x	x	x	
577	83	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản	x	x	x	
578	87	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2) liên tục tại giường	x	x	x	
579	88	Thăm dò chức năng hô hấp	x	x	x	
580	89	Khí dung thuốc cấp cứu	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
581	90	Khí dung thuốc thở máy	x	x	x	
582	91	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter một lần	x	x	x	
583	92	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter kín	x	x	x	
584	94	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	x	x	x	
585	99	Đặt nội khí quản 2 nòng	x	x	x	
586	101	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x	
587	102	Chăm sóc lỗ mở khí quản	x	x	x	
588	103	Làm ẩm đ-ường thở qua máy phun sương mù	x	x	x	
589	104	Mở màng giáp nhân cấp cứu	x	x	x	x
590	105	Thở ngạt	x	x	x	x
591	106	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
592	107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	x	x	x	x
593	108	Thở oxy gọng kính	x	x	x	x
594	110	Thở oxy qua mặt nạ có túi	x	x	x	x
595	111	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)	x	x	x	x
596	112	Cố định lồng ngực do chấn th-ương gãy xương s-ườn	x	x	x	x
597	113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	x	x	x	x
		C. THẬN – LỌC MÁU				
598	117	Đặt catheter lọc máu cấp cứu	x	x		
599	125	Chọc hút nước tiểu trên x-ương mu	x	x	x	
600	129	Mở thông bàng quang trên xương mu	x	x	x	
601	131	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x	
602	132	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	
603	133	Thông tiểu	x	x	x	x
604	134	Hồi sức chống sốc	x	x	x	x
		D. THẬN KINH				
605	137	Xử trí tăng áp lực nội sọ	x	x	x	
606	138	Điện não đồ thường quy	x	x		
607	148	Chọc dịch tủy sống	x	x	x	
608	149	Điều trị co giật liên tục (điều trị trạng thái động kinh)	x	x	x	
		D. TIÊU HÓA				
609	154	Mở thông dạ dày bằng nội soi	x	x		
610	155	Nội soi dạ dày cầm máu	x	x		
611	157	Cầm máu thực quản qua nội soi	x	x		
612	158	Soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm	x	x		
613	159	Soi dạ dày thực quản chẩn đoán và cầm máu	x	x		
614	162	Nội soi trực tràng cấp cứu	x	x		
615	163	Chọc dẫn lưu ổ áp xe d-ưới siêu âm	x	x	x	
616	165	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	x	x	x	
617	167	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	
618	168	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	
619	169	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	x	x	x	
620	171	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	x	x	x	
621	172	Cho ăn qua ống thông dạ dày	x	x	x	
622	173	Rửa dạ dày bằng ống Faucher và qua túi kín	x	x	x	
623	174	Nuôi d-ưỡng người bệnh bằng đ-ường tĩnh mạch trung tâm	x	x		
624	175	Nuôi d-ưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày	x	x	x	
625	177	Nuôi d-ưỡng người bệnh liên tục bằng máy, truyền thức ăn qua thực quản, dạ dày	x	x		
626	178	Đặt sonde hậu môn	x	x	x	x
627	179	Thụt tháo phân	x	x	x	x
628	180	Nuôi d-ưỡng người bệnh bằng đ-ường truyền tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x	x
		E. TOÀN THÂN				
629	182	Thay máu sơ sinh	x	x		
630	183	Kiểm soát tăng đ-ường huyết chi huy	x	x		
631	185	Nâng thân nhiệt chủ động	x	x	x	
632	186	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh	x	x		
633	187	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	x	x	
634	189	Chụp X quang cấp cứu tại gi-ường	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
635	190	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm khí máu	x	x	x	
636	191	Xét nghiệm đ-ường máu mao mạch tại gi-ường	x	x	x	
637	192	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng	x	x	x	
638	193	Truyền máu và các chế phẩm máu	x	x	x	
639	194	Tắm cho người bệnh tại giường	x	x	x	x
640	196	Gội đầu cho người bệnh tại gi-ường	x	x	x	x
641	198	Vệ sinh răng miệng đặc biệt	x	x	x	x
642	199	Xoa bóp phòng chống loét	x	x	x	x
643	200	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x
644	201	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x
645	202	Băng bó vết thương	x	x	x	x
646	203	Cầm máu (vết thương chảy máu)	x	x	x	x
647	204	Vận chuyển người bệnh an toàn	x	x	x	x
648	206	Định nhóm máu tại gi-ường	x	x	x	*
649	207	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê	x	x	x	x
650	208	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	x	x	x	x
651	210	Tiêm truyền thuốc	x	x	x	x
		G. XÉT NGHIỆM ĐỘC CHẤT NHANH				
652	215	Đo các chất khí trong máu	x	x	x	
		II. TÂM THẦN				
653	231	Thang đánh giá mức độ tự kỷ (CARS)	x	x		
654	232	Thang sàng lọc tự kỷ cho trẻ nhỏ 18 - 36 tháng (CHAT)	x	x		
655	233	Test Denver đánh giá phát triển tâm thần vận động	x	x		
656	234	Test hành vi cảm xúc CBCL	x	x		
657	235	Test tăng động giảm chú ý Vandebilt	x	x		
658	237	Trắc nghiệm tâm lý Beck	x	x	x	
659	238	Trắc nghiệm tâm lý Zung	x	x	x	
660	239	Trắc nghiệm tâm lý Raven	x	x	x	
661	240	Trắc nghiệm tâm lý Wais và Wics (thang Weschler)	x	x	x	
662	256	Đo lưu huyết não	x	x		
663	264	Tư vấn tâm lý cho người bệnh và gia đình	x	x	x	
664	266	Liệu pháp giải thích hợp lý	x	x	x	
		III. Y HỌC CỔ TRUYỀN				
		A. KỸ THUẬT CHUNG				
665	273	Mai hoa châm	x	x		
666	274	Kéo nắn cột sống cổ	x	x		
667	275	Kéo nắn cột sống thắt lưng	x	x		
668	288	Chườm ngải	x	x	x	x
669	289	Hào châm	x	x	x	x
670	290	Nhĩ châm	x	x	x	x
671	291	Ôn châm	x	x	x	x
672	292	Chích lễ	x	x	x	x
		B. ĐIỆN MĂNG CHÂM				
673	295	Điện măng châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	
674	296	Điện măng châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
675	297	Điện măng châm điều trị liệt nửa người	x	x	x	
676	312	Điện măng châm điều trị liệt VII ngoại biên	x	x	x	
677	319	Điện măng châm điều trị thất ngôn	x	x	x	
678	331	Điện măng châm điều trị đau lưng	x	x	x	
679	333	Điện măng châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
680	334	Điện măng châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
681	346	Điện măng châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	
		C. ĐIỆN NHĨ CHÂM				
682	351	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	
683	352	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
684	353	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh tọa	x	x	x	
685	354	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người	x	x	x	
686	356	Điện nhĩ châm điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	
687	360	Điện nhĩ châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
688	361	Điện nhĩ châm điều trị khản tiếng	x	x	x	
689	364	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	
690	366	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
691	367	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	x	x	x	
692	368	Điện nhĩ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	
693	369	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	
694	370	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	
695	371	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	
696	372	Điện nhĩ châm điều trị chắp lẹo	x	x	x	
697	373	Điện nhĩ châm điều trị sụp mí	x	x	x	
698	378	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	
699	379	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng	x	x	x	
700	380	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	
701	382	Điện nhĩ châm điều trị viêm xoang	x	x	x	
702	383	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi dị ứng	x	x	x	
703	387	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	
704	391	Điện nhĩ châm điều trị đau dạ dày	x	x	x	
705	392	Điện nhĩ châm điều trị nôn, nấc	x	x	x	
706	393	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	x	x	x	
707	395	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
708	396	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	x	x	x	
709	398	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
		D. CÂY CHỈ				
710	405	Cây chỉ điều trị liệt chi trên	x	x	x	
711	406	Cây chỉ điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
712	407	Cây chỉ điều trị liệt nửa người	x	x	x	
713	423	Cây chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
714	424	Cây chỉ điều trị mất ngủ	x	x	x	
715	428	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	
716	430	Cây chỉ điều trị rối loạn tiền đình	x	x	x	
717	432	Cây chỉ điều trị thất ngôn	x	x	x	
718	445	Cây chỉ điều trị thoái hóa khớp	x	x	x	
719	446	Cây chỉ điều trị đau lưng	x	x	x	
720	448	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
721	449	Cây chỉ điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
722	457	Cây chỉ điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	
		D. ĐIỆN CHÂM				
723	461	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	x	x	x	x
724	462	Điện châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
725	463	Điện châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x
726	464	Điện châm điều trị liệt nửa người	x	x	x	x
727	465	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x
728	466	Điện châm điều trị teo cơ	x	x	x	x
729	467	Điện châm điều trị đau thần kinh tọa	x	x	x	x
730	468	Điện châm điều trị bại não	x	x	x	x
731	470	Điện châm điều trị chứng ù tai	x	x	x	x
732	471	Điện châm điều trị giảm khứ giác	x	x	x	x
733	472	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	x	x	x	x
734	473	Điện châm điều trị khản tiếng	x	x	x	x
735	474	Điện châm cai thuốc lá	x	x	x	x
736	476	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
737	478	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x
738	479	Điện châm điều trị mất ngủ	x	x	x	x
739	480	Điện châm điều trị stress	x	x	x	x
740	481	Điện châm điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	x
741	482	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x
742	483	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x
743	484	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	x
744	485	Điện châm điều trị chắp lẹo	x	x	x	x

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
745	486	Điện châm điều trị sụp mí	x	x	x	x
746	491	Điện châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	x
747	492	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
748	493	Điện châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	x
749	494	Điện châm điều trị thất ngôn	x	x	x	x
750	495	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
751	496	Điện châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	x	x	x	x
752	497	Điện châm điều trị nôn nấc	x	x	x	x
753	501	Điện châm điều trị rối loạn trĩ đại, tiểu tiện	x	x	x	x
754	502	Điện châm điều trị táo bón	x	x	x	x
755	503	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x
756	504	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác	x	x	x	x
757	505	Điện châm điều trị đái dầm	x	x	x	x
758	506	Điện châm điều trị bí đái	x	x	x	x
759	507	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
760	508	Điện châm điều trị cảm cúm	x	x	x	x
761	510	Điện châm điều trị béo phì	x	x	x	x
762	512	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	x
763	513	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x
764	517	Điện châm điều trị giảm đau do Zona	x	x	x	x
765	518	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
766	519	Điện châm điều trị hen phế quản	x	x	x	x
767	522	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x	x	x	x
768	523	Điện châm điều trị đau ngực sườn	x	x	x	x
769	524	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh	x	x	x	x
770	525	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
771	526	Điện châm điều trị thoái hóa khớp	x	x	x	x
772	527	Điện châm điều trị đau lưng	x	x	x	x
773	528	Điện châm điều trị đau môi cơ	x	x	x	x
774	529	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
775	530	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x
776	531	Điện châm điều trị chứng tic	x	x	x	x
		E. THUY CHÂM				
777	532	Thủy châm điều trị liệt	x	x	x	x
778	533	Thủy châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
779	534	Thủy châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x
780	535	Thủy châm điều trị liệt nửa người	x	x	x	x
781	536	Thủy châm điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x
782	537	Thủy châm điều trị teo cơ	x	x	x	x
783	538	Thủy châm điều trị đau thần kinh tọa	x	x	x	x
784	539	Thủy châm điều trị bại não	x	x	x	x
785	543	Thủy châm điều trị rối loạn vận ngôn	x	x	x	x
786	544	Thủy châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	x
787	547	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
788	549	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x
789	550	Thủy châm điều trị mất ngủ	x	x	x	x
790	551	Thủy châm điều trị stress	x	x	x	x
791	552	Thủy châm điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	x
792	553	Thủy châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x
793	554	Thủy châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x
794	555	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	x
795	556	Thủy châm điều trị sụp mí	x	x	x	x
796	561	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
797	562	Thủy châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	x
798	563	Thủy châm điều trị thất ngôn	x	x	x	x
799	564	Thủy châm điều trị viêm xoang	x	x	x	x
800	565	Thủy châm điều trị viêm mũi dị ứng	x	x	x	x
801	566	Thủy châm điều trị hen phế quản	x	x	x	x
802	568	Thủy châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
803	569	Thủy châm điều trị đau vùng ngực	x	x	x	x
804	570	Thủy châm điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	x
805	571	Thủy châm điều trị đau ngực, sườn	x	x	x	x
806	574	Thủy châm điều trị đau dạ dày	x	x	x	x
807	575	Thủy châm điều trị nôn, nấc	x	x	x	x
808	579	Thủy châm điều trị thoái hóa khớp	x	x	x	x
809	580	Thủy châm điều trị đau lưng	x	x	x	x
810	581	Thủy châm điều trị đau môi cơ	x	x	x	x
811	582	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
812	583	Thủy châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x
813	584	Thủy châm điều trị chứng tic	x	x	x	x
814	585	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
815	586	Thủy châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	x	x	x	x
816	589	Thủy châm điều trị táo bón	x	x	x	x
817	590	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	x
818	591	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác	x	x	x	x
819	592	Thủy châm điều trị đái dầm	x	x	x	x
820	593	Thủy châm điều trị bí đái	x	x	x	x
821	594	Thủy châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
822	595	Thủy châm điều trị béo phì	x	x	x	x
823	597	Thủy châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	x
824	598	Thủy châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x
825	602	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
		G. XOA BÓP BẨM HUYẾT				
826	603	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt	x	x	x	x
827	604	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
828	605	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x
829	606	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người	x	x	x	x
830	607	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa	x	x	x	x
831	608	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	x	x	x	x
832	609	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em	x	x	x	x
833	610	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	x	x	x	x
834	611	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	x	x	x	x
835	612	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất	x	x	x	x
836	614	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	x	x	x	x
837	615	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứ giác	x	x	x	x
838	616	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x
839	617	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh	x	x	x	x
840	618	Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ	x	x	x	x
841	619	Xoa búp bấm huyệt cai thuốc lá	x	x	x	x
842	621	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	x
843	622	Xoa búp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
844	624	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x
845	625	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	x	x	x	x
846	626	Xoa bóp bấm huyệt điều trị stress	x	x	x	x
847	627	Xoa búp bấm huyệt điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	x
848	628	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x
849	629	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x
850	630	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	x
851	631	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	x	x	x	x
852	632	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
853	633	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác	x	x	x	x
854	634	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực do teo gai thị	x	x	x	x
855	635	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
856	636	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	x	x	x	x
857	637	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
858	638	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	x	x	x	x
859	640	Xoa búp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
860	641	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực	x	x	x	x

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
861	642	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	x
862	643	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn	x	x	x	x
863	644	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau dạ dày	x	x	x	x
864	645	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	x	x	x	x
865	646	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
866	647	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hóa khớp	x	x	x	x
867	648	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	x	x	x	x
868	649	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau môi cơ	x	x	x	x
869	650	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
870	651	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x
871	652	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic	x	x	x	x
872	653	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	x	x	x	x
873	654	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
874	655	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm cơ cứng cơ delta	x	x	x	x
875	656	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	x	x	x	x
876	657	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	x	x	x	x
877	658	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x
878	659	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	x	x	x	x
879	660	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đại	x	x	x	x
880	661	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
881	662	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	x	x	x	x
882	663	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	x
883	664	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x
884	665	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	x
885	667	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau răng	x	x	x	x
886	668	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	x	x	x	x
887	670	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hysteria	x	x	x	x
		H. CỨU				
888	671	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	x	x	x	x
889	672	Cứu điều trị đau thần kinh tọa thể hàn	x	x	x	x
890	673	Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn	x	x	x	x
891	674	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn	x	x	x	x
892	675	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	x	x	x	x
893	676	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	x	x	x	x
894	677	Cứu điều trị liệt thể hàn	x	x	x	x
895	678	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	x	x	x	x
896	679	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	x	x	x	x
897	680	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	x	x	x	x
898	681	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn	x	x	x	x
899	682	Cứu điều trị bại não thể hàn	x	x	x	x
900	684	Cứu điều trị ù tai thể hàn	x	x	x	x
901	685	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	x	x	x	x
902	686	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	x	x	x	x
903	688	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	x	x	x	x
904	689	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	x	x	x	x
905	690	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn	x	x	x	x
906	691	Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn	x	x	x	x
907	692	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	x	x	x	x
908	693	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	x	x	x	x
909	694	Cứu điều trị bí đại thể hàn	x	x	x	x
910	695	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	x	x	x	x
911	696	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	x	x	x	x
		IV. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
912	698	Tiêm Botulinum vào điểm vận động để điều trị co cứng	x			
913	699	Laser chiếu ngoài	x			
914	700	Laser điều trị	x			
915	703	Giao thoa điện	x			
916	705	Điều trị bằng sóng ngắn và sóng cực ngắn	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
917	706	Kỹ thuật điều trị bằng vi sóng	x	x		
918	707	Điều trị bằng từ trường	x	x		
919	708	Siêu âm điều trị	x	x		
920	709	Điều trị bằng laser công suất thấp	x	x		
921	710	Điều trị bằng đắp paraffin	x	x		
922	714	Kéo cột sống bằng máy	x	x		
923	718	Tập vận động PHCN sau bỏng	x	x		
924	719	Sử dụng gell silicol điều trị sẹo bỏng	x	x		
925	720	Tập vận động trên người bệnh đang điều trị bỏng để dự phòng cứng khớp và co kéo chi thể	x	x		
926	721	Tập vận động để phục hồi khả năng vận động của chi thể sau bỏng	x	x		
927	722	Điều trị sẹo bỏng bằng mặt nạ áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo	x	x		
928	725	Điều trị sẹo bỏng bằng điện phân, điện xung kết hợp với thuốc	x	x		
929	726	Điều trị sẹo bỏng bằng siêu âm kết hợp với thuốc	x	x		
930	730	Vật lý trị liệu sau phẫu thuật bàn tay	x	x		
931	731	Vật lý trị liệu sau mổ vi phẫu nối thần kinh ngoại biên và mô mềm	x	x		
932	732	Vật lý trị liệu sau mổ nội soi rách nhóm cơ chòm xoay	x	x		
933	733	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh sau chiếu xạ	x	x		
934	735	Tắm PHCN sau bỏng	x	x		
935	736	Vật lý trị liệu- PHCN người bệnh thay khớp gối hoàn toàn	x	x		
936	737	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh thay khớp hông toàn phần	x	x		
937	738	Đánh giá chung về sự phát triển của trẻ - ASQ	x	x		
938	739	Đánh giá kỹ năng ngôn ngữ-giao tiếp	x	x		
939	740	Đánh giá kỹ năng vận động tinh-sinh hoạt hàng ngày	x	x		
940	741	Đánh giá trẻ tự kỷ DSM-IV	x	x		
941	742	Đánh giá trẻ tự kỷ CARS	x	x		
942	744	Kéo giãn cột sống cổ bằng máy	x	x		
943	745	Kéo giãn cột sống thắt lưng bằng máy	x	x		
944	746	Kỹ thuật ABA	x	x		
945	747	Kỹ năng giao tiếp sớm	x	x		
946	748	Kỹ năng hiểu và diễn tả bằng ngôn ngữ nói	x	x		
947	749	Sửa lỗi phát âm	x	x		
948	750	Kỹ năng vận động môi miệng chuẩn bị cho nói	x	x		
949	751	Kỹ năng hòa nhập xã hội	x	x		
950	752	Kỹ năng tiền học đường	x	x		
951	753	Ngôn ngữ trị liệu cả ngày	x	x		
952	754	Ngôn ngữ trị liệu nửa ngày	x	x		
953	755	Ngôn ngữ trị liệu theo nhóm 30 phút	x	x		
954	756	Kỹ năng vận động tinh của bàn tay	x	x		
955	757	Kỹ năng sinh hoạt hàng ngày (ăn/uống/vệ sinh/thay quần áo...)	x	x		
956	758	Kỹ năng kiểm soát hàm và nhai nuốt	x	x		
957	759	Kỹ năng phối hợp tay - mắt	x	x		
958	760	Kỹ năng kiểm soát tư thế	x	x		
959	761	Kỹ năng phối hợp các bộ phận cơ thể	x	x		
960	762	Kỹ năng điều hòa cảm giác	x	x		
961	763	Kỹ năng sử dụng xe lăn	x	x		
962	764	Hoạt động trị liệu cả ngày	x	x		
963	765	Hoạt động trị liệu nửa ngày	x	x		
964	766	Hoạt động trị liệu theo nhóm 30 phút	x	x		
965	767	Thủy trị liệu	x	x	x	
966	769	Hoạt động trị liệu	x	x	x	
967	770	Ngôn ngữ trị liệu	x	x	x	
968	771	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	x	x	x	
969	772	Điều trị bằng điện phân thuốc	x	x	x	
970	773	Điều trị bằng các dòng điện xung	x	x	x	
971	774	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x	
972	775	Đo liều sinh học trong điều trị từ ngoại	x	x	x	
973	776	Điều trị bằng tia từ ngoại tại chỗ	x	x	x	
974	777	Điều trị bằng tia từ ngoại toàn thân	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
975	778	Dẫn l-tru tư- thể	x	x	x	
976	779	Kỹ thuật di động khớp – trư-ợt khớp	x	x	x	
977	780	Kỹ thuật kéo giãn	x	x	x	
978	781	Đánh giá nguy cơ loét chân ở người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
979	782	Thông tiểu ngắt quãng trong PHCN tổn thương tủy sống	x	x	x	
980	785	Vật lý trị liệu cho người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
981	786	Vật lý trị liệu trong tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ở trẻ sơ sinh do tai biến sản khoa	x	x	x	
982	787	Vật lý trị liệu cho viêm khớp thái dương – hàm	x	x	x	
983	788	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị viêm não.	x	x	x	
984	789	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cổ	x	x	x	
985	790	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị dị tật bàn chân khoèo bẩm sinh	x	x	x	
986	791	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cột sống	x	x	x	
987	793	Khám-đánh giá người bệnh PHCN xây dựng mục tiêu và ph-ương pháp PHCN	x	x	x	
988	795	Vật lý trị liệu -PHCN cho trẻ bị chậm phát triển trí tuệ	x	x	x	
989	796	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh cứng khớp	x	x	x	
990	797	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não thể co cứng	x	x	x	
991	798	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não múa vờn	x	x	x	
992	799	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh sau mổ thoát vị đĩa đệm cột sống cổ và cột sống thắt l-ưng	x	x	x	
993	800	Đánh giá kỹ năng Vận động thô	x	x	x	
994	801	Đánh giá trẻ Bại não	x	x	x	
995	802	Đánh giá trẻ Chậm PT trí tuệ	x	x	x	
996	803	Vật lý trị liệu hô hấp tại khoa PHCN	x	x	x	
997	806	Tập dưỡng sinh	x	x	x	x
998	807	Xoa bóp cục bộ bằng tay (60 phút)	x	x	x	x
999	808	Xoa bóp toàn thân bằng tay (60 phút)	x	x	x	x
1000	809	Ch-ườm lạnh	x	x	x	x
1001	810	Ch-ườm ngải cứu	x	x	x	x
1002	811	Tập vận động có trợ giúp	x	x	x	x
1003	812	Vỗ rung lồng ngực	x	x	x	x
1004	813	Xoa bóp	x	x	x	x
1005	814	Tập ho	x	x	x	x
1006	815	Tập thở	x	x	x	x
1007	816	H-ướng dẫn ngư-ời bệnh ra vào xe lăn tay	x	x	x	x
1008	817	Sử dụng khung, nạng, gậy trong tập đi	x	x	x	x
1009	818	Sử dụng xe lăn	x	x	x	x
1010	819	Kỹ thuật thay đổi tư thế lăn trở khi nằm	x	x	x	x
1011	820	Tập vận động chủ động	x	x	x	x
1012	821	Tập vận động có kháng trở	x	x	x	x
1013	822	Tập vận động thụ động	x	x	x	x
1014	823	Đo tâm vận động khớp	x	x	x	x
1015	824	Đắp nóng	x	x	x	x
1016	825	Thử cơ bằng tay	x	x	x	x
1017	828	Vật lý trị liệu phòng ngừa các biến chứng do bất động	x	x	x	x
1018	829	Vật lý trị liệu điều trị các chứng đau cho sản phụ trong lúc mang thai và sau khi sinh	x	x	x	x
1019	831	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn th-ương thần kinh quay	x	x	x	x
1020	832	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh giữa	x	x	x	x
1021	833	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh trụ	x	x	x	x
1022	834	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang tay giả	x	x	x	x
1023	835	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn th-ương dây chằng chéo trư-ớc khớp gối	x	x	x	x
1024	836	Vật lý trị liệu - PHCN người bệnh tổn thương sụn chêm khớp gối	x	x	x	x
1025	837	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh sau chấn thương khớp gối	x	x	x	x
1026	838	Vật lý trị liệu -PHCN viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
1027	839	Vật lý trị liệu -PHCN trật khớp vai	x	x	x	x
1028	840	Vật lý trị liệu -PHCN gãy xư-ơng đòn	x	x	x	x
1029	841	Vật lý trị liệu trong viêm cột sống dính khớp	x	x	x	x

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1030	842	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi d-ưới	x	x	x	x
1031	843	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi trên	x	x	x	x
1032	844	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật ổ bụng	x	x	x	x
1033	845	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật lồng ngực	x	x	x	x
1034	846	Phục hồi chức năng vận động người bệnh tai biến mạch máu não	x	x	x	x
1035	847	Phục hồi chức năng và phòng ngừa tàn tật do bệnh phong	x	x	x	x
1036	848	Vật lý trị liệu -PHCN cho ngư-ời bệnh gãy thân xương đùi	x	x	x	x
1037	849	Vật lý trị liệu -PHCN gãy cổ xư-ơng đùi	x	x	x	x
1038	850	Vật lý trị liệu -PHCN gãy trên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x	x
1039	851	Vật lý trị liệu -PHCN gãy hai xư-ơng cẳng tay	x	x	x	x
1040	852	Vật lý trị liệu -PHCN gãy đầu dư-ới xương quay	x	x	x	x
1041	853	Vật lý trị liệu -PHCN gãy hai xư-ơng cẳng chân	x	x	x	x
1042	854	Vật lý trị liệu -PHCN trong tổn thư-ơng thần kinh chày	x	x	x	x
1043	855	Vật lý trị liệu -PHCN tổn thư-ơng tủy sống	x	x	x	x
1044	856	Vật lý trị liệu -PHCN trong gãy đầu dư-ới x-ương đùi	x	x	x	x
1045	857	Vật lý trị liệu -PHCN sau chấn thư-ơng xương chậu	x	x	x	x
1046	858	Phục hồi chức năng cho ngư-ời bệnh mang chi giả trên gối	x	x	x	x
1047	859	Phục hồi chức năng cho ng-uời bệnh mang chi giả dư-ới gối	x	x	x	x
1048	860	Vật lý trị liệu cho ngư-ời bệnh áp xe phổi	x	x	x	x
1049	861	Phòng ngừa và xử trí loét do đè ép	x	x	x	x
1050	862	Phục hồi chức năng cho ng-uời bệnh động kinh	x	x	x	x
1051	863	Vật lý trị liệu -PHCN cho ng-uời bệnh chấn thư-ơng sọ não	x	x	x	x
1052	864	Vật lý trị liệu ngư-ời bệnh lao phổi	x	x	x	x
1053	865	Vật lý trị liệu -PHCN trong vẹo cổ cấp	x	x	x	x
1054	866	Vật lý trị liệu trong suy tim	x	x	x	x
1055	867	Vật lý trị liệu trong bệnh tắc nghẽn phổi mãn tính	x	x	x	x
1056	868	Vật lý trị liệu cho ngư-ời bệnh tràn dịch màng phổi	x	x	x	x
1057	869	Vật lý trị liệu sau phẫu thuật van tim	x	x	x	x
1058	871	Tập vận động PHCN cho người bệnh đái tháo đường phòng ngừa biến chứng	x	x	x	x
1059	872	Vật lý trị liệu trong viêm tắc động mạch chi d-ưới	x	x	x	x
1060	873	Vật lý trị liệu-PHCN ngư-ời bệnh bỏng	x	x	x	x
1061	874	Vật lý trị liệu-PHCN ngư-ời bệnh vảy da	x	x	x	x
1062	875	Vật lý trị liệu-PHCN trong giãn tĩnh mạch	x	x	x	x
1063	876	Phục hồi chức năng thoái hóa khớp (cột sống cổ - lưng)	x	x	x	x
1064	877	Phục hồi chức năng cho ng-uời bệnh viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
1065	878	Phục hồi chức năng cho ng-uời bệnh đau lư-ng	x	x	x	x
1066	879	Vật lý trị liệu-phục hồi chức năng cho ngư-ời bệnh hội chứng đuôi ngựa	x	x	x	x
1067	880	Vật lý trị liệu- PHCN cho ngư-ời bệnh đau thần kinh tọa	x	x	x	x
1068	881	Vật lý trị liệu-PHCN cho ngư-ời bệnh liệt dây VII ngoại biên	x	x	x	x
1069	883	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh Parkinson	x	x	x	x
1070	884	Xoa bóp bấm huyệt/kéo nắn cột sống, các khớp	x	x	x	x
1071	885	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay	x	x	x	x
1072	886	Xoa bóp lưng, chân	x	x	x	x
1073	887	Xoa bóp	x	x	x	x
1074	888	Xoa bóp tại gi-ường bệnh cho người bệnh nội trú các khoa	x	x	x	x
1075	889	Tập do cứng khớp	x	x	x	x
1076	890	Tập do liệt ngoại biên người bệnh liệt nửa ng-uời,liệt các chi,tổn th-ương hệ vận động	x	x	x	x
1077	891	Tập do liệt thần kinh trung -ương	x	x	x	x
1078	892	Tập vận động đoạn chi 30 phút	x	x	x	x
1079	893	Tập vận động đoạn chi 15 phút	x	x	x	x
1080	894	Tập vận động toàn thân 30 phút	x	x	x	x
1081	895	Tập vận động toàn thân 15 phút	x	x	x	x
1082	896	Tập vận động cột sống	x	x	x	x
1083	897	Tập KT tạo thuận VĐ cho trẻ (lấy, ngồi, bò, đứng, đi.....)	x	x	x	x
1084	898	Tập cho trẻ bị Xơ hóa cơ	x	x	x	x
1085	899	Tập cho trẻ dị tật tay/ chân	x	x	x	x
1086	900	Tập vận động tại gi-ường	x	x	x	x
1087	901	Tập luyện với ghế tập cơ 4 đầu đùi	x	x	x	x

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1088	902	Tập với hệ thống ròng rọc	x	x	x	x
1089	903	Tập với xe đạp tập	x	x	x	x
1090	904	Tập với xe lăn	x	x	x	x
1091	906	Vật lý trị liệu hô hấp tại gi-ường bệnh	x	x	x	x
1092	907	Điều trị rối loạn đại tiện, tiểu tiện bằng phản hồi sinh học	x	x		
		B. LÀM VÀ SỬ DỤNG CÁC DỤNG CỤ TRỢ GIÚP				
1093	913	Bỏ bột chậu lu-ng không nắn (làm nẹp khớp háng)	x			
1094	914	Bỏ bột chậu lưng có nắn (làm nẹp cột sống)	x			
1095	915	Bỏ bột ngực chậu lu-ng chân không nắn (làm nẹp cột sống háng)	x			
1096	916	Bỏ bột ngực chậu lu-ng chân có nắn (làm nẹp cột sống háng)	x			
1097	917	Bỏ bột cẳng bàn tay không nắn (làm nẹp bàn tay)	x			
1098	918	Bỏ bột cẳng bàn tay có nắn (làm nẹp bàn tay)	x			
1099	919	Bỏ bột cánh cẳng bàn tay không nắn (nẹp bàn tay trên khuỷu)	x			
1100	920	Bỏ bột cánh cẳng bàn tay có nắn (nẹp bàn tay trên khuỷu)	x			
1101	924	Bỏ bột bàn chân khòeo	x			
1102	926	Nắn bỏ bột cẳng bàn chân (làm nẹp dưới gối)	x			
1103	927	Nắn bỏ bột xương đùi - chậu/cột sống (làm nẹp trên gối)	x			
1104	928	Nắn bỏ bột cánh - cẳng bàn tay (làm nẹp bàn tay trên khuỷu)	x			
1105	929	Nẹp bột cẳng bàn chân	x			
1106	930	Nẹp bột đùi cẳng bàn chân	x			
1107	931	Nẹp bột cẳng bàn tay	x			
1108	932	Nẹp bột cánh cẳng bàn tay	x			
1109	945	Nẹp cổ-bàn tay	x			
1110	969	Thang t-ường	x	x		
1111	970	Thanh song song	x	x		
1112	977	Khung tập đi	x	x	x	
1113	978	Dụng cụ tập sấp ngửa cổ tay	x	x	x	
1114	979	Dụng cụ tập cổ chân	x	x	x	
1115	980	Dụng cụ tập khớp cổ tay	x	x	x	
1116	981	Bàn tập mạnh cơ tứ đầu đùi	x	x	x	
1117	982	Xe đạp	x	x	x	
1118	983	Nạng nách	x	x	x	x
1119	984	Nạng khuỷu	x	x	x	x
1120	985	Gậy tập	x	x	x	x
1121	986	Nẹp khớp gối	x	x	x	x
1122	987	Máng đỡ bàn tay	x	x	x	x
1123	988	Các dụng cụ tập sự khéo léo của bàn tay	x	x	x	x
		V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP				
		B. TAI - MŨI - HỌNG				
1124	991	Nội soi thanh quản-hạ họng đánh giá và sinh thiết u	x	x		
1125	992	Nội soi cầm máu mũi không sử dụng Meroxio (1 bên)	x	x		
1126	993	Nội soi cầm máu mũi có sử dụng Meroxio (1 bên)	x	x		
1127	994	Nội soi cầm máu mũi	x	x		
1128	995	Nội soi thanh quản treo cắt hạt xơ	x	x		
1129	996	Nội soi thanh quản cắt papilloma	x	x		
1130	997	Nội soi mũi, họng có sinh thiết	x	x		
1131	998	Nội soi thanh quản ống mềm không sinh thiết	x	x		
1132	999	Nội soi mũi xoang	x	x		
1133	1001	Nội soi tai	x	x	x	
1134	1002	Nội soi mũi	x	x	x	
1135	1003	Nội soi họng	x	x	x	
		C. THANH- PHẾ QUẢN				
1136	1019	Nội soi rửa phế quản phế nang chọn lọc	x	x		
1137	1020	Nội soi rửa phế quản phế nang toàn bộ phổi	x	x		
		Đ. TIÊU HOÁ- Ổ BỤNG				
1138	1036	Nội soi tiêu hóa dưới gây mê (dạ dày - đại tràng)	x	x		
1139	1049	Nội soi cầm máu bằng clip trong chảy máu đường tiêu hóa	x	x		
1140	1057	Nội soi thực quản-dạ dày, tiêm cầm máu	x	x		
1141	1059	Nội soi thực quản-dạ dày, lấy dị vật	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1142	1060	Siêu âm nội soi dạ dày, thực quản	x	x		
1143	1062	Nội soi đại tràng sigma	x	x		
1144	1063	Nội soi đại tràng-lấy dị vật	x	x		
1145	1064	Nội soi đại tràng tiêm cầm máu	x	x		
1146	1066	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	x	x		
1147	1070	Nội soi chích (tiêm) keo điều trị giãn tĩnh mạch phình vị	x	x		
1148	1071	Soi trực tràng	x	x		
		E. TIẾT NIỆU				
1149	1074	Nội soi đặt ống thông niệu quản (sonde JJ)	x	x		
1150	1075	Nội soi rút sonde JJ	x			
1151	1076	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser).	x	x		
1152	1077	Nội soi lấy sỏi niệu quản	x	x		
1153	1078	Nội soi bàng quang	x	x		
1154	1079	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	x	x		
1155	1084	Nội soi bàng quang đặt UPR, đặt Catheter niệu quản	x	x		
1156	1085	Nội soi niệu quản chẩn đoán	x	x		
1157	1087	Nội soi bàng quang sinh thiết	x	x		
		G. KHỚP				
1158	1089	Nội soi khớp chân đoán	x	x		
		VII. GÂY MÊ HỒI SỨC				
1159	1351	Đặt NKQ khó trong phẫu thuật hàm mặt	x	x		
1160	1354	Gây mê lấy dị vật đường hô hấp	x	x		
1161	1355	GMHS cho các phẫu thuật TMH	x	x		
1162	1356	GMHS nạo VA ở trẻ em	x	x		
1163	1361	Giảm đau sau phẫu thuật bằng thuốc tê + morphinic qua khoang NMC thắt lưng: 1 liều hay truyền liên tục qua bơm tiêm điện	x	x		
1164	1372	Kỹ thuật gây mê hô hấp qua mặt nạ	x	x	x	
1165	1373	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch với etomidate, ketamine, propofol	x	x	x	
1166	1374	Kỹ thuật đặt Mask thanh quản	x	x	x	
1167	1376	Kỹ thuật đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp	x	x	x	
1168	1377	Kỹ thuật đặt nội khí quản khi dạ dày đầy	x	x	x	
1169	1378	Kỹ thuật đặt nội khí quản với ống nội khí quản có vòng xoắn kim loại	x	x	x	
1170	1379	Kỹ thuật đặt nội khí quản qua mũi	x	x	x	
1171	1380	Kỹ thuật thường quy đặt nội khí quản khó	x	x	x	
1172	1381	Kỹ thuật đặt nội khí quản khó với ống soi mềm	x	x		
1173	1382	Kỹ thuật đặt nội khí quản khó với đèn Mac Coy (đèn có mũi điều khiển), mask thanh quản	x	x	x	
1174	1383	Kỹ thuật đặt nội khí quản khó ngược dòng	x	x	x	
1175	1384	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày	x	x	x	
1176	1385	Kỹ thuật gây mê vòng kín có vôi soda	x	x	x	
1177	1386	Kỹ thuật gây mê lưu lượng thấp	x	x	x	
1178	1387	Kỹ thuật gây mê bằng ống Magill	x	x	x	
1179	1388	Kỹ thuật thông khí qua màng giáp nhân	x	x	x	
1180	1390	Kỹ thuật săn sóc theo dõi ống thông tiểu	x	x	x	
1181	1391	Kỹ thuật hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hay ambu trong và sau mê	x	x	x	
1182	1392	Kỹ thuật hô hấp nhân tạo bằng máy trong và sau mê	x	x	x	
1183	1393	Kỹ thuật theo dõi người bệnh trong và sau mổ	x	x	x	
1184	1394	Kỹ thuật xử lý thường quy các tai biến trong và sau vô cảm	x	x	x	
1185	1395	Kỹ thuật vô cảm ngoài phòng mổ	x	x	x	
1186	1396	Kỹ thuật vô cảm nắn xương	x	x	x	
1187	1399	Kỹ thuật theo dõi SpO ₂	x	x	x	
1188	1400	Kỹ thuật theo dõi et CO ₂	x	x	x	
1189	1401	Kỹ thuật theo dõi HAĐM bằng phương pháp xâm lấn	x	x	x	
1190	1402	Kỹ thuật theo dõi HAĐM không xâm lấn bằng máy	x	x	x	
1191	1403	Kỹ thuật theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường quy	x	x	x	
1192	1404	Thử nhóm máu trước truyền máu	x	x	x	
1193	1405	Truyền dịch thường quy	x	x	x	
1194	1406	Truyền máu thường quy	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
1195	1407	Kỹ thuật chọc đặt kim luồn tĩnh mạch ngoại biên trẻ em	x	x	x	
1196	1409	Kỹ thuật truyền dịch trong sốc	x	x	x	
1197	1410	Kỹ thuật truyền máu trong sốc	x	x	x	
1198	1411	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp	x	x	x	
1199	1412	Kỹ thuật cấp cứu ngừng tim	x	x	x	
1200	1413	Kỹ thuật cấp cứu ngừng thở	x	x	x	
1201	1414	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch cánh trong	x	x	x	
1202	1415	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch cánh ngoài	x	x	x	
1203	1416	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch đùi	x	x	x	
1204	1417	Kỹ thuật chọc tủy sống đường giữa	x	x	x	
1205	1418	Kỹ thuật chọc tủy sống đường bên	x	x	x	
1206	1419	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng (NMC) thắt lưng đường giữa	x	x	x	
1207	1420	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang NMC thắt lưng đường bên	x	x	x	
1208	1421	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường trên xương đòn	x	x	x	
1209	1422	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường gian cơ bậc thang	x	x	x	
1210	1423	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường nách	x	x	x	
1211	1424	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ nông	x	x	x	
1212	1425	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ sâu	x	x	x	
1213	1426	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay	x	x	x	
1214	1427	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay	x	x	x	
1215	1428	Kỹ thuật gây tê thần kinh hông to	x	x	x	
1216	1429	Kỹ thuật gây tê 3 trong 1	x	x	x	
1217	1430	Kỹ thuật gây tê vùng khớp gối	x	x	x	
1218	1431	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân	x	x	x	
1219	1432	GMHS phẫu thuật động mạch, tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x	
1220	1434	GMHS phẫu thuật thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần	x	x	x	
1221	1435	GMHS phẫu thuật viêm ruột thừa, viêm phúc mạc, áp xe ruột thừa	x	x	x	
1222	1437	GMHS phẫu thuật vùng đáy chậu, hậu môn, bẹn, búi	x	x	x	
1223	1438	GMHS phẫu thuật chi trên	x	x	x	
1224	1439	GMHS phẫu thuật chi dưới	x	x	x	
1225	1440	GMHS phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn	x	x	x	
1226	1441	GMHS người bệnh chấn thương không sốc, sốc nhẹ	x	x	x	
1227	1442	GMHS phẫu thuật bứt cổ nhỏ	x	x	x	
1228	1444	Gây mê, gây tê cắt amidan ở trẻ em	x	x	x	
1229	1445	GMHS phẫu thuật ổ bụng trung phẫu ở trẻ em	x	x	x	
1230	1446	GMHS phẫu thuật thoát vị bẹn, nước màng tinh hoàn ở trẻ em	x	x	x	
1231	1447	Vô cảm cho các phẫu thuật nhỏ ở tầng sinh môn trẻ em: chích áp xe, lấy máu tụ, dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản	x	x	x	
1232	1448	Giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương	x	x	x	
1233	1449	Giảm đau sau phẫu thuật bằng tiêm Morphine cách quãng dưới da	x	x	x	
1234	1450	Vệ sinh, vô trùng phòng phẫu thuật	x	x	x	
1235	1451	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS	x	x	x	
1236	1452	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
1237	1453	Chụp X-quang cấp cứu tại giường	x	x	x	
1238	1454	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
1239	1455	Theo dõi HA liên tục tại giường	x	x	x	
1240	1456	Theo dõi điện tim liên tục tại giường	x	x	x	
1241	1458	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x	
1242	1460	Thở máy xâm nhập, không xâm nhập với các phương thức khác nhau	x	x	x	
1243	1461	Mở khí quản trên người bệnh có hay không có ống nội khí quản	x	x	x	
1244	1462	Thở oxy gọng kính	x	x	x	
1245	1463	Thở oxy qua mặt nạ	x	x	x	
1246	1464	Thở oxy qua ống chữ T	x	x	x	
1247	1465	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông hồng tràng	x	x	x	
1248	1466	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày	x	x	x	
1249	1467	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật	x	x	x	
1250	1468	Dự phòng tắc tĩnh mạch sau phẫu thuật, sau chấn thương	x	x	x	
1251	1469	Điều trị rối loạn đông máu trong ngoại khoa	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1252	1470	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu...)	x	x	x	
		IX. MẮT				
1253	1533	Tháo dầu Silicon nội nhãn	x	x		
1254	1545	Tháo đai độn củng mạc	x	x		
1255	1548	Điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)	x	x		
1256	1563	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)	x	x		
1257	1577	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rìa tự thân, màng ối...) ± áp thuốc chống chuyển hóa (5FU hoặc MMC)	x	x		
1258	1578	Gọt giác mạc đơn thuần	x	x		
1259	1579	Ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thùng giác mạc	x	x		
1260	1591	Chích mù mắt	x	x		
1261	1599	Đóng lỗ dò đường lệ	x	x		
1262	1602	Phẫu thuật lác thông thường	x	x		
1263	1603	Phẫu thuật lác có chỉnh chỉ	x	x		
1264	1604	Chỉnh chỉ sau phẫu thuật lác	x	x		
1265	1605	Phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt	x	x		
1266	1606	Sửa sẹo sau phẫu thuật lác	x	x		
1267	1649	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)	x	x		
1268	1651	Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, giác mạc hình chóp, bệnh lý bề mặt giác mạc	x	x		
1269	1657	Phẫu thuật mộng đơn thuần	x	x	x	
1270	1658	Lấy dị vật giác mạc	x	x	x	
1271	1661	Chích dẫn lưu túi lệ	x	x	x	
1272	1662	Phẫu thuật lác thông thường	x	x	x	
1273	1663	Khâu da mi	x	x	x	
1274	1664	Khâu phục hồi bờ mi	x	x	x	
1275	1665	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	x	x	x	
1276	1673	Bơm hơi tiền phòng	x	x	x	
1277	1674	Cắt bỏ nhãn cầu ± cắt thị thần kinh dài	x	x	x	
1278	1675	Múc nội nhãn	x	x	x	
1279	1676	Cắt thị thần kinh	x	x	x	
1280	1677	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)	x	x	x	
1281	1680	Mổ quặm bẩm sinh	x	x	x	
1282	1682	Tiêm dưới kết mạc	x	x	x	
1283	1683	Tiêm cạnh nhãn cầu	x	x	x	
1284	1684	Tiêm hậu nhãn cầu	x	x	x	
1285	1685	Bơm thông lệ đạo	x	x	x	
1286	1688	Khâu kết mạc	x	x	x	
1287	1689	Lấy calci đông dưới kết mạc	x	x	x	
1288	1690	Cắt chỉ khâu kết mạc	x	x	x	
1289	1691	Đốt lông xiêu	x	x	x	
1290	1692	Bơm rửa lệ đạo	x	x	x	
1291	1693	Chích chắp, lẹo, chích áp xe mi, kết mạc	x	x	x	
1292	1694	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	x	x	x	
1293	1695	Rửa củng đồ	x	x	x	
1294	1696	Bóc sợi (Viêm giác mạc sợi)	x	x	x	
1295	1697	Bóc giả mạc	x	x	x	
1296	1698	Rạch áp xe mi	x	x	x	
1297	1699	Soi đáy mắt trực tiếp	x	x	x	
1298	1700	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	x	x	x	
1299	1701	Soi đáy mắt bằng Schepens	x	x	x	
1300	1702	Soi góc tiền phòng	x	x	x	
1301	1704	Cấp cứu bong mắt ban đầu	x	x	x	x
1302	1705	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	x	x	x	x
1303	1706	Lấy dị vật kết mạc	x	x	x	x
1304	1707	Khám mắt	x	x	x	x
		X. RĂNG HÀM MẶT				
		A. RĂNG				

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
1305	1716	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng màng sinh học	x	x		
1306	1721	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương đông khô và đặt màng sinh học	x	x		
1307	1722	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học	x	x		
1308	1723	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vật trượt đẩy sang bên có ghép niêm mạc	x	x		
1309	1724	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng ghép vật niêm mạc toàn phần	x	x		
1310	1726	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội.	x	x		
1311	1727	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	x	x		
1312	1728	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x		
1313	1729	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	x	x		
1314	1730	Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x		
1315	1731	Phẫu thuật nội nha - chia cắt chân răng	x	x		
1316	1732	Phục hồi cổ răng bằng Compomer	x	x		
1317	1738	Chụp sứ Cercon	x	x		
1318	1739	Cầu sứ Cercon	x	x		
1319	1762	Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định	x	x		
1320	1764	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định Quad-Helix	x	x		
1321	1765	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định Forsus	x	x		
1322	1766	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định MARA	x	x		
1323	1767	Nắn chỉnh dùng lực ngoài miệng sử dụng Headgear	x	x		
1324	1768	Nắn chỉnh dùng lực ngoài miệng sử dụng Facemask	x	x		
1325	1769	Nắn chỉnh dùng lực ngoài miệng sử dụng Chincup	x	x		
1326	1770	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định	x	x		
1327	1772	Nắn chỉnh răng sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khẩu cái (TPA)	x	x		
1328	1773	Nắn chỉnh răng có sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)	x	x		
1329	1775	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định	x	x		
1330	1776	Nắn chỉnh răng ngậm sử dụng khí cụ cố định	x	x		
1331	1777	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định	x	x		
1332	1778	Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khẩu cái (TPA)	x	x		
1333	1779	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định Nance	x	x		
1334	1780	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)	x	x		
1335	1781	Nắn chỉnh trước phẫu thuật điều trị khe hở môi-vòm miệng giai đoạn sớm	x	x		
1336	1782	Làm dài thân răng lâm sàng bằng khí cụ cố định	x	x		
1337	1783	Gắn cố định mắc cài sử dụng chất gắn hóa trùng hợp	x	x		
1338	1784	Gắn cố định mắc cài sử dụng chất gắn quang trùng hợp	x	x		
1339	1785	Nắn chỉnh răng sử dụng mắc cài gián tiếp mặt trong	x	x		
1340	1786	Nắn chỉnh răng sử dụng mắc cài gián tiếp mặt ngoài	x	x		
1341	1787	Nắn chỉnh răng sử dụng mắc cài tự buộc	x	x		
1342	1788	Nắn chỉnh răng sử dụng mắc cài trực tiếp mặt ngoài	x	x		
1343	1790	Làm trôi răng bằng khí cụ cố định	x	x		
1344	1791	Đóng khoảng răng bằng khí cụ cố định	x	x		
1345	1792	Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định	x	x		
1346	1800	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	x	x		
1347	1801	Phẫu thuật nhổ răng ngậm	x	x		
1348	1802	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	x	x		
1349	1804	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng	x	x		
1350	1805	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc	x	x		
1351	1806	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng	x	x		
1352	1807	Phẫu thuật cắt cuống răng	x	x		
1353	1808	Cấy chuyển răng	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
1354	1809	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	x	x		
1355	1810	Phẫu thuật làm dài thân răng lâm sàng	x	x		
1356	1811	Phẫu thuật cắt, nạo xương ổ răng	x	x		
1357	1812	Phẫu thuật cắt bỏ 1 chân răng để bảo tồn răng	x	x		
1358	1813	Cắt lợi xơ cho răng mọc	x	x		
1359	1814	Cắt lợi di động để làm hàm giả	x	x		
1360	1815	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	x	x		
1361	1816	Phẫu thuật cắt phanh môi	x	x		
1362	1817	Phẫu thuật cắt phanh má	x	x		
1363	1818	Phẫu thuật tạo hình xương ổ răng	x	x		
1364	1819	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	x	x		
1365	1820	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	x	x		
1366	1821	Phẫu thuật nạo túi quanh răng	x	x		
1367	1822	Phẫu thuật tạo hình nhú lợi	x	x		
1368	1826	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng	x	x		
1369	1827	Phẫu thuật vật điều trị túi quanh răng	x	x		
1370	1828	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương đồng khô	x	x		
1371	1829	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép vật liệu thay thế xương	x	x		
1372	1832	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng đặt màng sinh học	x	x		
1373	1833	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại	x	x		
1374	1834	Điều trị áp xe quanh răng	x	x		
1375	1835	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam có sử dụng Laser	x	x		
1376	1836	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite	x	x		
1377	1837	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Compomer	x	x		
1378	1838	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite có sử dụng Laser	x	x		
1379	1839	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) có sử dụng Laser	x	x		
1380	1840	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement (GIC) có sử dụng Laser	x	x		
1381	1841	Phục hồi cổ răng bằng Composite có sử dụng Laser	x	x		
1382	1844	Veneer Composite trực tiếp	x	x		
1383	1845	Chụp tủy bằng MTA	x	x		
1384	1846	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	x	x		
1385	1847	Lấy tủy buồng Răng vĩnh viễn	x	x		
1386	1848	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha có sử dụng trạm xoay máy	x	x		
1387	1849	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trạm xoay cầm tay	x	x		
1388	1850	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trạm xoay máy	x	x		
1389	1851	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA	x	x		
1390	1852	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)	x	x		
1391	1853	Điều trị tủy lại	x	x		
1392	1854	Phẫu thuật nội nha - hàn ng-ược ống tủy	x	x		
1393	1855	Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn Plasma	x	x		
1394	1856	Tẩy trắng răng tủy sống bằng Laser	x	x		
1395	1858	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x		
1396	1859	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay	x	x		
1397	1860	Chụp Composite	x	x		
1398	1861	Chụp thép	x	x		
1399	1862	Chụp sứ kim loại thường	x	x		
1400	1864	Cầu nhựa	x	x		
1401	1872	Hàm khung kim loại	x	x		
1402	1873	Hàm khung Titanium	x	x		
1403	1874	Chụp Composite	x	x		
1404	1876	Chụp sứ toàn phần	x	x		
1405	1880	Cầu sứ kim loại quý	x	x		
1406	1881	Cầu sứ toàn phần	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1407	1882	Veneer Composite gián tiếp	x	x		
1408	1883	Veneer sứ	x	x		
1409	1885	Cùi đúc Titanium	x	x		
1410	1886	Cùi đúc kim loại quý	x	x		
1411	1887	Inlay/Onlay Titanium	x	x		
1412	1888	Inlay/Onlay kim loại quý	x	x		
1413	1890	Inlay/Onlay sứ toàn phần	x	x		
1414	1893	Tháo chốt răng giả	x	x		
1415	1894	Tháo cầu răng giả	x	x		
1416	1895	Tháo chụp răng giả	x	x		
1417	1896	Máng Titanium tái tạo xương có hướng dẫn	x	x		
1418	1897	Máng điều trị đau khớp thái dương hàm	x	x		
1419	1898	Máng nâng khớp cắn	x	x		
1420	1899	Gắn band	x	x		
1421	1900	Lấy lại khoảng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
1422	1901	Nong rộng hàm bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
1423	1902	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng tháo lắp	x	x		
1424	1903	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
1425	1904	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp	x	x		
1426	1905	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
1427	1906	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp	x	x		
1428	1907	Làm lún răng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
1429	1908	Làm trôi răng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
1430	1909	Đóng khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
1431	1914	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x	
1432	1915	Nhổ chân răng vĩnh viễn	x	x	x	
1433	1916	Nhổ răng thừa	x	x	x	
1434	1917	Nhổ răng vĩnh viễn	x	x	x	
1435	1918	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	x	x	x	
1436	1919	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x	
1437	1920	Nhổ chân răng vĩnh viễn	x	x	x	
1438	1921	Nhổ răng thừa	x	x	x	
1439	1922	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	
1440	1923	Tẩy trắng răng tùy sống bằng máng thuốc	x	x	x	
1441	1924	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt	x	x	x	
1442	1925	Liên kết cố định răng lung lay bằng Composite	x	x	x	
1443	1927	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	x	x	x	
1444	1928	Điều trị viêm quanh răng	x	x	x	
1445	1929	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	x	x	x	
1446	1930	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	
1447	1931	Phục hồi cổ răng bằng Composite	x	x	x	
1448	1932	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà	x	x	x	
1449	1933	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi {Ca(OH) ₂ }	x	x	x	
1450	1934	Máng hở mặt nhai	x	x	x	
1451	1935	Mài chỉnh khớp cắn	x	x	x	
1452	1936	Tháo chụp răng giả	x	x	x	
1453	1937	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement (GIC) hóa trùng hợp	x	x	x	
1454	1938	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement (GIC) quang trùng hợp	x	x	x	
1455	1939	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	x	x	x	
1456	1940	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	x	x	x	
1457	1941	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	x	x	x	
1458	1942	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	x	x	x	
1459	1943	Lấy tủy buồng răng sữa	x	x	x	
1460	1944	Điều trị tủy răng sữa	x	x	x	
1461	1945	Điều trị đóng cuống răng bằng Ca(OH) ₂	x	x	x	
1462	1946	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	x	x	x	
1463	1947	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor	x	x	x	
1464	1948	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1465	1949	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	x	x	x	
1466	1950	Hàn răng không sang chấn với GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x
1467	1951	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x
1468	1952	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Composite	x	x	x	x
1469	1953	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x
1470	1954	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x
1471	1955	Nhổ răng sữa	x	x	x	x
1472	1956	Nhổ chân răng sữa	x	x	x	x
1473	1957	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em	x	x	x	x
1474	1958	Chích Apxe lợi trẻ em	x	x	x	x
1475	1959	Điều trị viêm lợi trẻ em	x	x	x	x
1476	1960	Chích áp xe lợi	x	x	x	x
1477	1961	Điều trị viêm lợi do mọc răng	x	x	x	x
1478	1962	Máng chống nghiêng răng	x	x	x	x
1479	1963	Sửa hàm giả gãy	x	x	x	x
1480	1964	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x
1481	1965	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x
1482	1967	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	x	x	x	x
1483	1970	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Eugenate	x	x	x	x
1484	1971	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x
1485	1972	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x
1486	1973	Chụp nhựa	x	x	x	x
1487	1974	Lấy cao răng 2 hàm (Các kỹ thuật)	x	x	x	x
		B. HÀM MẶT				
1488	2001	Phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên	x	x		
1489	2002	Phẫu thuật ghép xương bằng vật liệu thay thế tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên	x	x		
1490	2038	Điều trị u lợi bằng Laser	x	x		
1491	2043	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả vùng hàm mặt	x	x		
1492	2044	Phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm	x	x		
1493	2045	Phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng	x	x		
1494	2047	Phẫu thuật điều trị hoại tử xương hàm do tia xạ	x	x		
1495	2048	Phẫu thuật điều trị hoại tử xương và phần mềm vùng hàm mặt do tia xạ	x	x		
1496	2049	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên	x	x		
1497	2050	Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên	x	x		
1498	2052	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới	x	x		
1499	2053	Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới	x	x		
1500	2055	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	x	x		
1501	2056	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	x	x		
1502	2063	Điều trị gãy xương chính mũi bằng nắn chỉnh	x	x		
1503	2064	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	x	x		
1504	2069	Nắn sai khớp thái dương hàm	x	x	x	
1505	2070	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	x	x	x	
1506	2071	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	x	x	x	
1507	2072	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x	
1508	2073	Gây tê vùng điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên	x	x	x	
1509	2074	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x	x	
1510	2075	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	x	x	x	
1511	2076	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	x	x	x	
1512	2077	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	x	x	x	x
		XI. TAI MŨI HỌNG				
		A. TAI				
1513	2096	Phẫu thuật tạo hình vành tai bằng vật liệu tự thân hay tổng hợp	x	x		
1514	2100	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm màng não	x	x		
1515	2101	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm tắc tĩnh mạch bên	x	x		
1516	2102	Phẫu thuật tiết căn xương chũm	x	x		
1517	2103	Phẫu thuật sào bào thương nhĩ, vá nhĩ	x	x		
1518	2104	Vá nhĩ đơn thuần	x	x		
1519	2108	Đặt ống thông khí hòm tai	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
1520	2112	Chỉnh hình tai giữa	x	x		
1521	2114	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai	x	x	x	
1522	2117	Lấy dị vật tai	x	x	x	
1523	2118	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai	x	x	x	
1524	2119	Chích nhọt ống tai ngoài	x	x	x	
1525	2120	Làm thuốc tai	x	x	x	
1526	2121	Chích rạch màng nhĩ	x	x		
1527	2123	Phẫu thuật đặt ống thông khí	x	x		
1528	2125	Lấy dáy tai (nút biểu bì)	x	x	x	x
1529	2126	Đo điện thính giác thân não	x	x		
		B. MŨI XOANG				
1530	2131	Phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt	x	x		
1531	2132	Phẫu thuật nội soi giảm áp dây thần kinh II	x	x		
1532	2134	Phẫu thuật tịt cửa mũi sau trẻ em	x	x		
1533	2136	Phẫu thuật rò vùng sống mũi	x	x		
1534	2137	Phẫu thuật xoang trán	x	x		
1535	2139	Khâu lỗ thủng bít vách ngăn mũi	x	x		
1536	2140	Khoan thăm dò xoang trán	x	x		
1537	2141	Phẫu thuật nạo sàng hàm	x	x	x	
1538	2143	Đốt cuốn mũi bằng coblator	x	x	x	
1539	2144	Phẫu thuật cuốn dưới bằng coblator	x	x	x	
1540	2145	Phẫu thuật vách ngăn mũi	x	x	x	
1541	2146	Phẫu thuật nạo VA đặt ống thông khí	x	x	x	
1542	2148	Nắn sống mũi sau chấn thương	x	x	x	
1543	2149	Nhét bắc mũi sau	x	x	x	
1544	2150	Nhét bắc mũi trước	x	x	x	
1545	2151	Đốt cuốn mũi	x	x	x	
1546	2152	Bẻ cuốn dưới	x	x	x	
1547	2153	Chọc rửa xoang hàm	x	x	x	
1548	2154	Làm Proetz	x	x	x	
1549	2155	Cầm máu mũi bằng Meroxio (2 bên)	x	x	x	x
		C. HỌNG – THANH QUẢN				
1550	2168	Phẫu thuật cắt dây thanh	x	x		
1551	2169	Phẫu thuật dính thanh quản	x	x		
1552	2172	Phẫu thuật chỉnh hình họng, màn hầu, lưỡi gà	x	x		
1553	2174	Phẫu thuật cắt phanh môi, má, 1-uối	x	x	x	
1554	2175	Chích áp xe thành sau họng	x	x	x	
1555	2176	áp lạnh Amidan	x	x	x	
1556	2177	Cắt u nang hạ họng-thanh quản qua nội soi	x	x	x	
1557	2178	Lấy dị vật hạ họng	x	x	x	
1558	2179	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê	x	x	x	
1559	2180	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	x	x	x	
1560	2181	Chích áp xe quanh Amidan	x	x	x	
1561	2184	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản	x	x	x	
1562	2186	Bơm thuốc thanh quản	x	x	x	
1563	2190	Lấy dị vật họng miệng	x	x	x	x
1564	2191	Khí dung mũi họng	x	x	x	x
		XII. PHỤ KHOA-SƠ SINH				
1565	2246	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	x	x		
1566	2247	Cắt cụt cổ tử cung	x	x		
1567	2249	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	x	x		
1568	2254	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiêu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	x	x		
1569	2257	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	x	x		
1570	2258	Chích áp xe tuyến Bartholin	x	x	x	
1571	2260	Chọc dò túi cùng Douglas	x	x	x	
1572	2261	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ	x	x	x	
1573	2262	Lấy dị vật âm đạo	x	x	x	
1574	2263	Khâu rách cùng đồ âm đạo	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1575	2264	Làm lại thành âm đạo, tăng sinh môn	x	x	x	
		XIII. NỘI KHOA				
		B. TIM MẠCH – HÔ HẤP				
1576	2321	Sốc điện điều trị rung nhĩ	x	x		
1577	2329	Đặt sonde dẫn lưu khoang màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
1578	2331	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x	
1579	2332	Chọc dò màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
1580	2333	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
		C. TIÊU HÓA				
1581	2337	Đặt dẫn lưu ổ dịch/áp xe ổ bụng sau mổ dưới siêu âm	x	x		
1582	2341	Chọc hút tế bào gan dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
1583	2346	Thắt vòng cao su và tiêm cầm máu qua nội soi	x	x		
1584	2354	Chọc dịch màng bụng	x	x	x	
1585	2355	Dẫn lưu dịch màng bụng	x	x	x	
1586	2356	Chọc hút áp xe thành bụng	x	x	x	
1587	2357	Thụt tháo phân	x	x	x	x
1588	2358	Đặt sonde hậu môn	x	x	x	x
1589	2359	Nong hậu môn	x	x	x	
		D. THẬN- TIẾT NIỆU – LỢC MÁU				
1590	2362	Dẫn lưu bể thận qua da dưới siêu âm	x	x		
		Đ. CƠ – XƯƠNG – KHỚP				
1591	2367	Chọc dịch khớp	x	x		
1592	2371	Tiêm chất nhờn vào khớp	x	x		
1593	2372	Tiêm corticoide vào khớp	x	x		
1594	2373	Tiêm thuốc ngoài màng cứng	x	x		
		E. DỊ ỨNG – MIỄN DỊCH LÂM SÀNG				
1595	2379	Test lấy da với các dị nguyên	x	x		
1596	2382	Test lấy da (Prick test) với các loại thuốc	x	x	x	x
1597	2383	Test nội bì	x	x	x	x
		G. TRUYỀN NHIỄM				
1598	2385	Lấy bệnh phẩm họng để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng	x	x		
1599	2386	Lấy bệnh phẩm trực tràng để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng	x	x	x	
		H. CÁC KỸ THUẬT KHÁC				
1600	2387	Tiêm trong da	x	x	x	x
1601	2388	Tiêm dưới da	x	x	x	x
1602	2389	Tiêm bắp thịt	x	x	x	x
1603	2390	Tiêm tĩnh mạch	x	x	x	x
1604	2391	Truyền tĩnh mạch	x	x	x	x
		XV. UNG BUỒU- NHI				
		A. ĐẦU CŨ				
1605	2443	Cắt u máu dưới da đầu có đ-ường kính 5 đến 10 cm	x	x		
1606	2452	Cắt u nang bạch huyết vùng cổ	x	x		
1607	2454	Cắt nang giáp móng	x	x		
1608	2457	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm	x	x	x	
		C. HÀM – MẶT				
1609	2534	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2cm	x	x	x	
1610	2537	Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm	x	x	x	
1611	2538	Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang tai hoặc dưới hàm từ 2-5 cm	x	x	x	
		D. MẮT				
1612	2543	Cắt u mi cá bẽ dày không vá	x	x		
1613	2549	Cắt u kết mạc không vá	x	x		
1614	2550	Cắt u kết mạc, giác mạc cú ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc	x	x		
		Đ. TAI – MŨI – HỌNG				
1615	2604	Cắt u lành tính dây thanh	x	x		
1616	2605	Cắt u lành tính thanh quản	x	x		
1617	2607	Cắt u thành sau họng	x	x		
1618	2608	Cắt u thành bên họng	x	x		
1619	2609	Phẫu thuật cạnh mũi lấy u hốc mũi	x	x		
1620	2610	Cắt u xương ống tai ngoài	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1621	2611	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư vòm	x	x		
1622	2613	Cắt polyp ống tai	x	x	x	
1623	2614	Cắt polyp mũi	x	x	x	
		E. LỒNG NGỰC – TIM MẠCH – PHỔI				
1624	2635	Phẫu thuật bóc kén màng phổi	x	x		
1625	2639	Cắt u xương sườn nhiều xương	x	x		
1626	2641	Phẫu thuật bóc u thành ngực	x	x		
		K. PHỤ KHOA				
1627	2726	Cắt cắt cổ tử cung	x	x		
1628	2729	Cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x	
1629	2730	Cắt u nang buồng trứng	x	x	x	
1630	2732	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	x	x	x	
1631	2733	Cắt u thành âm đạo	x	x	x	
1632	2734	Bóc nang tuyến Bartholin	x	x	x	
1633	2735	Cắt u vú lành tính	x	x	x	
1634	2736	Mổ bóc nhân xơ vú	x	x	x	
		L. PHẦN MỀM – XƯƠNG KHỚP				
1635	2762	Cắt u bạch mạch, đường kính bằng và trên 10cm	x	x		
1636	2763	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	x	x		
1637	2765	Cắt u bạch mạch đường kính dưới 10 cm	x	x	x	
1638	2766	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm	x	x	x	
1639	2767	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
		M. XẠ TRỊ - HÓA TRỊ LIỆU				
1640	2790	Truyền hóa chất vào ổ bụng	x	x		
1641	2792	Truyền hóa động mạch	x	x		
1642	2793	Truyền hóa chất tĩnh mạch	x	x		
1643	2795	Tiêm hóa chất vào màng bụng điều trị ung thư	x	x		
1644	2796	Điều trị hóa chất triệu chứng	x	x		
1645	2805	Điều trị giảm đau cho bệnh nhân ung thư	x	x	x	
1646	2806	Chọc hút tế bào chẩn đoán	x	x	x	
1647	2807	Sinh thiết khối u bằng kim nhỏ	x	x		
1648	2809	Chọc hút tủy xương làm tủy đồ	x	x		
1649	2816	Điều trị giảm đau không dùng thuốc	x	x		
1650	2817	Chăm sóc loét miệng cho bệnh nhân ung thư	x	x		
1651	2820	Siêu âm tim tại giường	x	x	x	
		XVI. NỘI TIẾT				
		A. NGOẠI KHOA				
1652	2867	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng DCSA	x	x		
1653	2868	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc bằng DCSA	x	x		
1654	2869	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong K giáp bằng DCSA	x	x		
1655	2870	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong K giáp có vết hạch cùng bên bằng DCSA	x	x		
1656	2871	Cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng DCSA	x	x		
1657	2872	Cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc bằng DCSA	x	x		
1658	2873	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng DCSA	x	x		
1659	2874	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc bằng DCSA	x	x		
1660	2875	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong K giáp (Không nạo vét hạch cổ 2 bên) bằng DCSA	x	x		
1661	2876	Cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow bằng DCSA	x	x		
1662	2877	Cắt 1 phần tuyến giáp trong bệnh basedow bằng DCSA	x	x		
1663	2882	Cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên bằng DCSA	x	x		
1664	2883	Cắt u tuyến thượng thận 1 bên bằng DCSA	x	x		
		XVII. TẠO HÌNH THẨM MỸ				
		A. THỦ THUẬT CHĂM SÓC DA ĐIỀU TRỊ VÀ THẨM MỸ				
1665	2896	ánh sáng xanh trị liệu	x	x	x	
1666	2897	Đắp mặt nạ điều trị	x	x	x	
1667	2898	Đắp mặt nạ d-ưỡng da	x	x	x	
1668	2899	Chăm sóc da điều trị	x	x	x	
1669	2900	Chăm sóc da thẩm mỹ	x	x	x	
1670	2902	Xông hơi nư-ớc, ozôn	x	x	x	
		B. PHẪU THUẬT THẨM MỸ				

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
		<i>2. Mắt</i>				
1671	2909	Phẫu thuật chỉnh hình sửa gò má - cung tiếp	x	x		
		<i>3. Mắt</i>				
1672	2911	Phẫu thuật rút ngắn, gấp cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x		
1673	2912	Phẫu thuật treo mi lên cơ trán điều trị sụp mi	x	x		
1674	2913	Phẫu thuật chuyển gân điều trị hở mi	x	x		
1675	2916	Phẫu thuật điều trị trĩ mi dư-ới	x	x		
1676	2917	Phẫu thuật tạo cùng đồ để lắp mắt giả	x	x		
1677	2919	Phẫu thuật tạo hình mi mắt toàn bộ	x	x		
1678	2920	Phẫu thuật tạo hình mi mắt từng phần	x	x		
1679	2921	Phẫu thuật tạo hình mi mắt kết hợp các bộ phận xung quanh	x	x		
1680	2922	Phẫu thuật tạo hình mắt 1 mí thành 2 mí	x	x		
1681	2923	Phẫu thuật cắt bỏ da thừa mi mắt	x	x		
		<i>4. Môi</i>				
1682	2924	Phẫu thuật tạo hình môi toàn bộ	x	x		
1683	2925	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần	x	x		
1684	2927	Phẫu thuật chỉnh sửa lệch miệng do liệt thần kinh VII	x	x		
1685	2928	Phẫu thuật tạo hình khe hở môi	x	x		
		<i>5. Tai</i>				
1686	2932	Phẫu thuật tạo hình từng phần vành tai	x	x		
1687	2934	Cắt sụn thừa nắp tai	x	x	x	
1688	2936	Phẫu thuật tạo hình vành tai bằng cấy ghép sụn sườn tự thân	x	x		
		<i>6. Mũi</i>				
1689	2938	Phẫu thuật tạo hình mũi toàn bộ	x	x		
1690	2939	Phẫu thuật tạo hình mũi từng phần	x	x		
1691	2943	Phẫu thuật chỉnh sửa chóp mũi (hếch, khoằm, nhọn...)	x	x		
		<i>7. Bụng</i>				
1692	2945	Phẫu thuật tái tạo thành bụng đơn giản	x	x		
1693	2946	Phẫu thuật tái tạo thành bụng phức tạp	x	x		
		<i>9. Các kỹ thuật chung</i>				
1694	2949	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo xấu ngắn d-ưới 5cm: Tạo hình phức tạp	x	x		
1695	2950	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo xấu dài trên 5cm: Tạo hình phức tạp	x	x		
1696	2951	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng ghép da tự do	x	x		
1697	2952	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng vật có cuống	x	x		
1698	2953	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng vật tại chỗ	x	x		
1699	2955	Phẫu thuật hút mỡ và bơm mỡ tự thân điều trị teo da	x	x		
1700	2956	Phẫu thuật hút mỡ và bơm mỡ tự thân thẩm mỹ	x	x		
1701	2957	Phẫu thuật cắt bỏ nốt ruồi phức tạp	x	x		
1702	2959	Tiêm Acid hyaluronic làm đầy nếp nhăn, sẹo lõm	x	x		
1703	2960	Xóa xăm bằng Laser YaG, Rubi, IPL, ...	x	x		
1704	2961	Tái tạo da mặt bằng hóa chất	x	x		
1705	2962	Tái tạo da mặt bằng Laser	x	x		
1706	2965	Xóa xăm bằng Laser CO2	x	x	x	
1707	2966	Phẫu thuật cắt bỏ nốt ruồi đơn giản	x	x	x	
1708	2967	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo xấu ngắn dư-ới 5cm: Cắt khâu đơn giản	x	x	x	
1709	2968	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo xấu dài trên 5cm: Cắt khâu đơn giản	x	x	x	
1710	2969	Điều trị sẹo xấu bằng Laser	x	x	x	
1711	2970	Điều trị sẹo xấu bằng sóng cao tần	x	x	x	
1712	2971	Điều trị sẹo xấu bằng hóa chất	x	x	x	
1713	2972	Điều trị sẹo lõm bằng laser CO2 siêu xung	x	x	x	
1714	2973	Điều trị sẹo lõm bằng chấm TCA	x	x	x	
1715	2974	Điều trị sẹo lõm bằng giải phóng các dải xơ dính	x	x	x	
1716	2975	Điều trị sẹo lõm bằng tiêm Acid hyaluronic	x	x	x	
		C. CÁC PHẪU THUẬT TẠO HÌNH VÀ THẨM MỸ ĐIỀU TRỊ DI CHỨNG BỎNG				
1717	2978	Phẫu thuật tạo hình co rút hệ vận động sau bỏng	x	x		
1718	2979	Phẫu thuật tạo hình co rút nếp gấp tự nhiên sau bỏng	x	x		
1719	2985	Chuyển vật da tại chỗ đơn giản điều trị sẹo bỏng	x	x		
		XVIII. DA LIỄU				

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
		A. NỘI KHOA DA LIỄU				
1720	2991	Tái tạo da mặt bằng hóa chất	x	x		
1721	2994	Điều trị bệnh da bằng tia hồng ngoại toàn thân	x	x	x	
1722	2995	Điều trị bệnh da bằng tia hồng ngoại từng phần	x	x	x	
1723	2996	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm	x	x	x	
1724	2997	Ánh sáng xanh trị liệu bệnh da	x	x	x	
1725	2998	Đắp mặt nạ điều trị bệnh da	x	x	x	
1726	2999	Chăm sóc da điều trị bệnh da	x	x	x	
1727	3002	Áp nito lỏng các khối u lành tính ngoài da	x	x	x	
1728	3007	Chăm sóc người bệnh dị ứng thuốc nặng: Lyell, Stevens-Johnson	x	x	x	
1729	3009	Điều trị sẹo lõm bằng tiêm Acid hyaluronic	x	x	x	
1730	3010	Chăm TCA điều trị sẹo lõm	x	x	x	
		B. ĐIỀU TRỊ NGOẠI KHOA DA LIỄU				
1731	3011	Điều trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser: YAG-KTP, Argon...	x	x		
1732	3012	Điều trị bớt sắc tố, chứng tăng sắc tố bằng laser: YAG-KTP, Rubi, IPL...	x	x		
1733	3013	Điều trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x		
1734	3014	Điều trị bớt sắc tố, chứng tăng sắc tố bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x		
1735	3017	Tái tạo da mặt bằng Laser	x	x		
1736	3018	Mài da mặt bằng laser CO2 siêu xung, máy mài da...	x	x		
1737	3019	Điều trị sùi mào gà (gây tê tùy sống) bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x		
1738	3020	Điều trị sùi mào gà (gây mê) bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x		
1739	3023	Thay băng người bệnh loét, loét da dư-ới 20% diện tích cơ thể	x	x	x	
1740	3024	Thay băng người bệnh loét, loét da trên 20% diện tích cơ thể	x	x	x	
1741	3025	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết dư-ới 20% diện tích cơ thể	x	x	x	
1742	3026	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết trên 20% diện tích cơ thể	x	x	x	
1743	3027	Điều trị sẹo xấu bằng Laser	x	x	x	
1744	3028	Điều trị sẹo lõm bằng laser CO2 siêu xung	x	x	x	
1745	3035	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
1746	3036	Điều trị hạt cơm phẳng bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
1747	3037	Điều trị chứng dày sừng bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng, gọt cắt bỏ	x	x	x	x
1748	3038	Điều trị dày sừng da đầu, ánh sáng bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
1749	3039	Điều trị u mềm lây bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
1750	3040	Điều trị u nhú, u mềm treo bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
1751	3041	Điều trị các thư-ong tổn có sùi bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
1752	3042	Điều trị sùi mào gà ở phụ nữ bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
1753	3043	Điều trị sùi mào gà ở nam giới bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
1754	3044	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
1755	3045	Điều trị mắt cá chân bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
1756	3046	Điều trị chai chân bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
1757	3048	Điều trị bớt sùi da đầu <0.5cm bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
		XIX. NGOẠI KHOA				
		A. ĐẦU, THẦN KINH SỌ NÃO				
1758	3072	Phẫu thuật mở nắp sọ giải áp, lấy máu tụ và chèn màng cứng	x	x		
1759	3083	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	x	x	x	
		C. TIÊU HÓA – BỤNG				
		2. Dạ dày				
1760	3284	Cắt 2/3 dạ dày do loét, viêm, u lành	x	x		
1761	3285	Phẫu thuật cắt 3/4 dạ dày	x	x		
1762	3297	Mở thông dạ dày	x	x	x	
		3. Ruột non - ruột già				
1763	3300	Phẫu thuật điều trị ruột đôi	x	x		
1764	3327	Phẫu thuật viêm ruột thừa	x	x	x	
1765	3328	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa	x	x	x	
		4. Hậu môn – trực tràng				
1766	3341	Phẫu thuật Longo	x	x		
1767	3348	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn	x	x		
1768	3360	Phẫu thuật khâu treo trĩ theo phương pháp Longo cải biên	x	x		
1769	3372	Phẫu thuật trĩ bằng máy ZZ2D	x	x		
1770	3373	Thắt trĩ bằng dây cao su	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1771	3377	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản	x	x	x	
		5. Bẹn - Bụng				
1772	3386	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát	x	x		
1773	3390	Phẫu thuật cắt u sau phúc mạc	x	x		
1774	3391	Cắt u nang buồng trứng	x	x		
1775	3392	Cắt u tuyến thượng thận	x	x		
1776	3405	Chọc dò túi cùng Douglas	x	x	x	
		D. GAN- MẬT – LÁCH – TỤY				
		1. Gan				
1777	3413	Cắt gan không điển hình do vỡ gan, cắt gan nhỏ	x	x		
1778	3414	Cắt chỏm nang gan bằng mở bụng	x	x		
		2. Mật				
1779	3436	Cắt bỏ nang ống mật chủ và nối mật ruột	x	x		
		Đ. TIẾT NIỆU – SINH DỤC				
		1. Thận				
1780	3470	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	x	x		
1781	3474	Tạo hình phần nối bể thận- niệu quản	x	x		
1782	3476	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	x	x		
1783	3477	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	x	x		
1784	3479	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	x	x		
1785	3480	Tán sỏi ngoài cơ thể	x	x		
1786	3482	Dẫn lưu đài bể thận qua da	x	x		
		3. Bàng quang				
1787	3517	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	x	x		
1788	3529	Dẫn lưu bàng quang trên xương mu bằng ống thông	x	x		
1789	3535	Đặt ống thông bàng quang	x	x	x	x
		4. Niệu đạo				
1790	3547	Lấy sỏi niệu đạo	x	x		
		5. Sinh dục				
1791	3572	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ 1 bên một thì	x	x		
1792	3578	Cắt phần phụ tinh hoàn/mào tinh hoàn xoắn	x	x		
1793	3604	Cắt hẹp bao quy đầu (phimosis)	x	x	x	
1794	3606	Nong niệu đạo	x	x	x	
		E. CHÁN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
		1. Cột sống - Ngực				
1795	3635	Cắt bỏ dây chằng vàng	x	x		
1796	3636	Mở cung sau cột sống ngực	x	x		
1797	3641	Phẫu thuật kết hợp xương cột sống ngực	x	x		
		2. Vai				
1798	3645	Phẫu thuật điều trị vẹo cổ	x	x		
1799	3646	Cố định nẹp vít gãy trật khớp vai	x	x		
1800	3647	Phẫu thuật trật khớp cùng đòn	x	x		
1801	3648	Tháo khớp vai	x	x		
1802	3649	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương đòn	x	x	x	
1803	3651	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương	x	x		
		3. Cánh, cẳng tay				
1804	3662	Cố định nẹp vít gãy liên lồi cầu cánh tay	x	x		
1805	3664	Cố định Kirschner trong gãy đầu trên xương cánh tay	x	x		
1806	3665	Cố định nẹp vít gãy thân xương cánh tay	x	x		
1807	3666	Phẫu thuật cứng duỗi khớp khuỷu	x	x		
1808	3667	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	x	x		
1809	3669	Phẫu thuật trật khớp khuỷu	x	x		
1810	3671	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	x	x		
1811	3673	Phẫu thuật can lệnh đầu dưới xương quay	x	x		
1812	3675	Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới	x	x		
1813	3677	Phẫu thuật giải phóng dây giữa trong hội chứng ống cổ tay	x	x		
1814	3678	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	x	x		
1815	3679	Phẫu thuật gãy Monteggia	x	x		
1816	3684	Phẫu thuật gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1817	3685	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	x	x	x	
1818	3686	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay	x	x	x	
1819	3687	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu	x	x	x	
1820	3688	Phẫu thuật cố định nếp vít gãy hai xương cẳng tay	x	x	x	
1821	3689	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 2 xương cẳng tay	x	x	x	
1822	3690	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 1 xương cẳng tay	x	x	x	
		4. Bàn, ngón tay				
1823	3702	Cắt dị tật bẩm sinh về bàn và ngón tay	x	x		
1824	3703	Găm đinh Kirschner gãy đốt bàn nhiều đốt bàn	x	x		
1825	3704	Phẫu thuật viêm tây bàn tay, cả viêm bao hoạt dịch	x	x		
1826	3705	Phẫu thuật dị tật dính ngón, bằng và dưới 2 ngón tay	x	x		
1827	3706	Phẫu thuật điều trị ngón tay cò súng	x	x		
1828	3707	Phẫu thuật điều trị các dị tật bàn tay, di chứng vết thương bàn tay	x	x		
1829	3710	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa	x	x	x	
1830	3711	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay	x	x	x	
1831	3712	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nếp vít	x	x	x	
		5. Hông - Đùi				
1832	3721	Phẫu thuật khoan xương có tưới rửa kháng sinh liên tục điều trị viêm xương tủy giai đoạn trung gian	x	x		
1833	3727	Kết xương đinh nếp một khối gãy liên mấu chuyển hoặc dưới mấu chuyển	x	x		
1834	3728	Kết xương đinh nếp khối gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu	x	x		
1835	3729	Phẫu thuật viêm xương khớp háng	x	x		
1836	3730	Phẫu thuật trật khớp háng	x	x		
1837	3731	Phẫu thuật vỡ trần ổ khớp háng	x	x		
1838	3732	Đặt đinh nếp gãy xương đùi (xuôi dòng)	x	x		
1839	3733	Đặt nếp vít gãy mâm chày và trên đầu xương chày	x	x		
1840	3737	Phẫu thuật đóng đinh xương đùi dưới C Arm	x	x		
1841	3738	Đặt nếp vít điều trị gãy mâm chày và đầu trên xương chày	x	x		
1842	3739	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	x	x		
1843	3740	Cắt cụt dưới mấu chuyển xương đùi	x	x		
1844	3741	Phẫu thuật viêm xương đùi đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	x	x		
1845	3742	Phẫu thuật xơ cứng cơ thẳng trước	x	x		
1846	3743	Cố định ngoài điều trị gãy khung chậu	x	x		
1847	3744	Cố định ngoài điều trị gãy xương đùi	x	x		
		6. Khớp gối				
1848	3749	Lấy bỏ toàn bộ xương bánh chè	x	x		
1849	3750	Phẫu thuật trật xương bánh chè bẩm sinh	x	x		
1850	3754	Néo ép hoặc buộc vòng chỉ thép gãy xương bánh chè	x	x	x	
1851	3755	Tháo khớp gối	x	x	x	
1852	3756	Chọc hút máu tụ khớp gối, bó bột ống	x	x	x	x
		7. Cẳng chân				
1853	3758	Đóng đinh xương chày mở	x	x		
1854	3759	Đặt nếp vít gãy thân xương chày	x	x		
1855	3760	Đặt nếp vít gãy đầu dưới xương chày	x	x		
1856	3763	Phẫu thuật co gân Achilles	x	x		
1857	3772	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương	x	x		
1858	3773	Cố định ngoài điều trị gãy xương cẳng chân	x	x		
1859	3774	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	x	x		
1860	3776	Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	x	x		
1861	3778	Găm Kirschner trong gãy mắt cá	x	x		
1862	3779	Kết hợp xương trong trong gãy xương mác	x	x		
		8. Cổ chân, bàn chân, ngón chân				
1863	3786	Đặt vít gãy thân xương sên	x	x		
1864	3788	Phẫu thuật Kirschner gãy thân xương sên	x	x		
1865	3789	Đặt nếp vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren	x	x		
1866	3790	Phẫu thuật chỉnh hình điều trị bàn chân khèo	x	x		
1867	3793	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	x	x		
1868	3794	Đặt nếp điều trị vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren	x	x		
		9. Phần mềm (da, cơ, gân, thần kinh)				

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1869	3800	Phẫu thuật bong lóc da và cơ phức tạp, sâu, rộng sau chấn thương	x	x		
1870	3801	Chuyển vật da có cuống mạch	x	x		
1871	3802	Tạo hình các vật da che phủ, vật trượt	x	x		
1872	3809	Ghép da rời rộng mỗi chiều trên 5cm	x	x		
1873	3810	Ghép da tự do trên diện hẹp	x	x		
1874	3811	Cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	x	x		
1875	3813	Phẫu thuật viêm khớp mũ thứ phát có sai khớp	x	x		
1876	3814	Dẫn lưu viêm mũ khớp, không sai khớp	x	x		
1877	3815	Dẫn lưu áp xe cơ đái chậu	x	x		
1878	3816	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần	x	x		
1879	3817	Chích áp xe phần mềm lớn	x	x	x	
1880	3818	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn	x	x	x	
1881	3819	Nối gân duỗi	x	x	x	
1882	3820	Tạo hình bằng các vật tại chỗ đơn giản	x	x	x	
1883	3821	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	x	x	x	
1884	3822	Cắt hoại tử tiếp tuyến 10 đến 15% diện tích cơ thể	x	x	x	
1885	3824	Vá da đầy toàn bộ, diện tích dưới 10cm ²	x	x	x	
1886	3825	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm	x	x	x	
		10. Nắn - Bó bột				
1887	3828	Bột Corset Minerve, Cravate	x	x		
1888	3829	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann	x	x		
1889	3830	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	x	x		
1890	3831	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O	x	x		
1891	3832	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	x	x		
1892	3833	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	x	x		
1893	3834	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi	x	x		
1894	3835	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	x	x		
1895	3836	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	x	x		
1896	3837	Nắn, bó bột gãy xương hàm	x	x	x	
1897	3838	Nắn, bó bột cột sống	x	x	x	
1898	3839	Nắn, bó bột trật khớp vai	x	x	x	
1899	3840	Nắn, bó bột gãy xương đòn	x	x	x	
1900	3841	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	x	x	x	
1901	3842	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	x	x	x	
1902	3843	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	x	x	x	
1903	3844	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	x	x	x	
1904	3845	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu	x	x	x	
1905	3846	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	x	x	x	
1906	3847	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	x	x	x	
1907	3848	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV	x	x	x	
1908	3850	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	x	x	x	
1909	3852	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	x	x	x	
1910	3853	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles	x	x	x	
1911	3854	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	x	x	x	
1912	3856	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	x	x	x	
1913	3857	Nắn, bó bột gãy mâm chày	x	x	x	
1914	3858	Nắn, bó bột gãy xương chậu	x	x	x	
1915	3859	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi	x	x	x	
1916	3861	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	x	x	x	
1917	3862	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	x	x	x	
1918	3863	Nắn, bó bột trật khớp gối	x	x	x	
1919	3864	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	x	x	x	
1920	3865	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	x	x	x	
1921	3866	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	x	x	x	
1922	3867	Nắn, bó bột gãy xương chày	x	x	x	
1923	3868	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	x	x	x	
1924	3869	Nắn, bó bột gãy Monteggia	x	x	x	
1925	3870	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1926	3871	Nắn, bó bột gãy xương gót	x	x	x	
1927	3872	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	x	x	x	
1928	3874	Nắn, cố định trật khớp hàm	x	x	x	x
1929	3875	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	x	x	x	x
1930	3877	Nẹp bột các loại, không nắn	x	x	x	x
		11. Các kỹ thuật khác				
1931	3884	Đục nạo xương viêm và chuyển vật che phủ	x	x		
1932	3885	Nắn bó giai đoạn trong cơ quan vận động	x	x		
1933	3887	Phẫu thuật điều trị can lệch, có kết hợp xương	x	x		
1934	3888	Phẫu thuật can lệch, không kết hợp xương	x	x		
1935	3889	Kết hợp xương bằng đinh Sign không mở ổ gãy	x	x		
1936	3897	Phẫu thuật điều trị liệt thần kinh vận động	x	x		
1937	3898	Chích rạch áp xe lớn, dẫn l-ưu	x	x	x	
1938	3899	Mở cửa sổ xương	x	x	x	
1939	3900	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	x	x	x	
1940	3901	Rút đinh các loại	x	x	x	
1941	3902	Phẫu thuật vết thương khớp	x	x	x	
1942	3903	Phẫu thuật viêm tấy phần mềm ở cơ quan vận động	x	x	x	
1943	3904	Mở khoang và giải phóng mạch bị chèn ép của các chi	x	x	x	
1944	3906	Đặt túi bơm giãn da	x	x	x	
1945	3907	Chuyển xoay vật da ghép có cuống mạch liên không nối	x	x		
1946	3908	Tạo hình bằng các vật tự do đa dạng đơn giản	x	x		
1947	3909	Chích rạch áp xe nhỏ	x	x	x	x
1948	3910	Chích hạch viêm mủ	x	x	x	x
1949	3911	Thay băng, cắt chi	x	x	x	x
		G. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC				
1950	3913	Cắt nang giáp móng	x	x		
1951	3924	Cắt lọc tổ chức hoại tử	x	x	x	
		XX. PHẪU THUẬT NỘI SOI				
		A. SỌ NÃO – ĐẦU – MẶT – CỔ				
1952	3930	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x		
1953	3931	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	x	x		
		B. TAI – MŨI – HỌNG				
1954	3954	Nội soi cắt hạt thanh đới	x	x		
1955	3955	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	x	x		
1956	3956	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn d-ưới	x	x		
1957	3957	Phẫu thuật nội soi mũi xoang dẫn lưu u nhầy	x	x		
1958	3958	Phẫu thuật nội soi cuốn giữa và cuốn dưới	x	x		
1959	3959	Phẫu thuật nội soi mở sàng-hàm, cắt polyp mũi	x	x		
1960	3960	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn	x	x		
1961	3961	Phẫu thuật nội soi nạo V.A	x	x		
1962	3962	Phẫu thuật nội soi vá nhĩ đơn thuần	x	x		
1963	3963	Phẫu thuật nội soi nạo V.A - đặt ống thông khí	x	x		
1964	3964	Phẫu thuật nội soi vá nhĩ	x	x		
1965	3965	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn giữa	x	x		
1966	3966	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí	x	x	x	
		D. BỤNG – TIÊU HÓA				
1967	4022	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở ống mật chủ lấy sỏi, đặt dẫn lưu Kehr	x	x		
1968	4026	Phẫu thuật nội soi mở thông dạ dày	x	x		
1969	4031	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày	x	x		
1970	4032	Phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày	x	x		
1971	4033	Phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày	x			
1972	4066	Nội soi cắt polyp dạ dày	x	x		
		Đ. TIẾT NIỆU – SINH DỤC				
		2. Niệu quản				
1973	4106	Nội soi đặt sonde JJ	x	x		
1974	4107	Nội soi tháo sonde JJ	x	x		
1975	4109	Tán sỏi niệu quản qua nội soi	x	x		
		3. Bằng quang				

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1976	4117	Nội soi bàng quang chẩn đoán	x	x		
1977	4118	Phẫu thuật nội soi cấp cứu vỡ bàng quang	x	x		
1978	4119	Bóp sỏi bàng quang qua nội soi (bóp sỏi cơ học)	x	x		
		4. Sinh dục, niệu đạo				
1979	4133	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	x	x		
1980	4134	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	x	x		
1981	4135	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung toàn phần	x	x		
1982	4137	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	x	x		
1983	4138	Nội soi niệu đạo, bàng quang chẩn đoán	x	x		
1984	4139	Phẫu thuật nội soi điều trị buồng trứng bị xoắn	x	x		
1985	4140	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng	x	x		
1986	4141	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	x	x		
		E. CƠ QUAN VẬN ĐỘNG				
1987	4153	Phẫu thuật nội soi điều trị thoái hóa khớp cổ chân	x	x		
1988	4154	Phẫu thuật nội soi khớp cổ chân	x	x		
1989	4155	Phẫu thuật nội soi khớp gối tạo dây chằng chéo trước endo-button	x	x		
1990	4156	Phẫu thuật nội soi cắt lọc khâu rách chóp xoay qua nội soi khớp vai	x	x		
		G. PHẪU THUẬT KHÁC				
1991	4163	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp do ung thư tuyến giáp	x	x		
		XXII. Y HỌC CỔ TRUYỀN				
1992	4178	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn đại tiện	x	x	x	
1993	4180	Điện nhĩ châm điều trị táo bón	x	x	x	
		XXIV. NỘI KHOA				
		I. TIM MẠCH - HÔ HẤP				
1994	4188	Theo dõi điện tim từ xa	x	x		
		XXIX. ĐIỆN QUANG				
1995	4247	Chụp động mạch vành qua da	x	x		
1996	4248	Siêu âm tim Doppler	x	x		
		V. DA LIỄU				
		B. NGOẠI KHOA				
		1. Thủ thuật				
1997	4	Điều trị sỏi mật bằng Laser CO ₂	x	x		
1998	5	Điều trị hạt cơm bằng Laser CO ₂	x	x		
1999	6	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng Laser CO ₂	x	x		
2000	7	Điều trị u mềm treo bằng Laser CO ₂	x	x		
2001	8	Điều trị dày sừng da đầu bằng Laser CO ₂	x	x		
2002	9	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng Laser CO ₂	x	x		
2003	10	Điều trị sần cục bằng Laser CO ₂	x	x		
2004	11	Điều trị bớt sùi bằng Laser CO ₂	x	x		
2005	12	Điều trị sỏi mật bằng Plasma	x	x		
2006	13	Điều trị hạt cơm bằng Plasma	x	x		
2007	14	Điều trị u mềm treo bằng Plasma	x	x		
2008	15	Điều trị dày sừng da đầu bằng Plasma	x	x		
2009	16	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng Plasma	x	x		
2010	19	Điều trị hạt cơm bằng Nitơ lỏng	x	x		
2011	20	Điều trị sần cục bằng Nitơ lỏng	x	x		
2012	21	Điều trị sẹo lồi bằng Nitơ lỏng	x	x		
2013	22	Điều trị bớt sùi bằng Nitơ lỏng	x	x		
2014	23	Điều trị rụng tóc bằng tiêm Triamcinolon dưới da	x	x		
2015	24	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong thương tổn	x	x		
2016	26	Điều trị bớt tăng sắc tố bằng YAG-KTP	x	x		
2017	27	Xoá xăm bằng YAG-KTP	x	x		
2018	29	Điều trị u mạch máu bằng Laser màu (Pulsed Dye Laser)	x	x		
2019	30	Điều trị giãn mạch máu bằng Laser màu	x	x		
2020	33	Điều trị giãn mạch máu bằng IPL	x	x		
2021	34	Điều chỉnh tăng sắc tố bằng IPL	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
2022	35	Điều trị chứng rậm lông bằng IPL	x	x		
2023	36	Điều trị sẹo lồi bằng IPL	x	x		
2024	37	Điều trị trứng cá bằng IPL	x	x		
2025	38	Xoá nếp nhăn bằng IPL	x	x		
2026	40	Điều trị các bệnh lý của da bằng PUVA tại chỗ	x	x		
2027	42	Điều trị các bệnh lý của da bằng UVB tại chỗ	x	x		
2028	43	Điều trị sẹo lồi bằng TCA (trichloacetic acid)	x	x	x	
2029	44	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện	x	x	x	
2030	45	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện	x	x	x	
2031	46	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện	x	x	x	
2032	47	Điều trị dày sừng da đầu bằng đốt điện	x	x	x	
2033	48	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện	x	x	x	
2034	50	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện	x	x	x	
2035	51	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn	x	x	x	x
		2. Phẫu thuật				
2036	64	Sinh thiết da	x	x		
2037	65	Sinh thiết niêm mạc	x	x		
2038	67	Sinh thiết hạch, cơ, thần kinh và các u dưới da	x	x		
2039	68	Phẫu thuật điều trị móng chóc thịt	x	x		
2040	69	Phẫu thuật điều trị móng cuộn, móng quặp	x	x		
2041	71	Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da	x	x	x	
		C. ỨNG DỤNG SẢN PHẨM TỪ CÔNG NGHỆ TẾ BÀO GỐC				
2042	76	Điều trị sẹo lồi bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc	x	x		
2043	79	Điều trị dẫn lỗ chân lông bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc	x	x		
2044	80	Điều trị lão hóa da bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc	x	x		
2045	89	Chụp và phân tích da bằng máy phân tích da	x	x		
		D. THỦ THUẬT				
2046	91	Chăm sóc người bệnh bị pemphieoid, hồng ban đa dạng, Durhing Brocq....	x	x	x	
2047	92	Xoá xăm bằng các kỹ thuật Laser Ruby	x	x		
2048	93	Điều trị sẹo lồi bằng Laser Fractional, Intracell	x	x		
2049	94	Xoá nếp nhăn bằng Laser Fractional, Intracell	x	x		
2050	95	Điều trị các bớt sắc tố bằng Laser Ruby	x	x		
2051	96	Trẻ hóa da bằng các kỹ thuật Laser Fractional	x	x		
2052	97	Điều trị râm má bằng laser Fractional	x	x		
2053	99	Điều trị sẹo lồi bằng kỹ thuật ly trích huyết tương giàu tiểu cầu (PRP)	x	x		
2054	100	Trẻ hoá da bằng kỹ thuật ly trích huyết tương giàu tiểu cầu (PRP)	x	x		
2055	101	Trẻ hoá da bằng máy Mesoderm	x	x		
2056	102	Điều trị râm má bằng máy Mesoderm	x	x		
2057	104	Điều trị rụng tóc bằng máy Mesoderm	x	x		
2058	105	Trẻ hoá da bằng chiếu đèn LED	x	x		
2059	106	Trẻ hoá da bằng tiêm Botulinum toxin	x	x		
2060	107	Điều trị mụn trứng cá bằng chiếu đèn LED	x	x		
2061	108	Trẻ hoá da bằng tiêm chất làm đầy (Filler)	x	x		
2062	109	Điều trị bệnh râm má bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
2063	110	Điều trị bệnh tàn nhang bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
2064	111	Điều trị sẹo lồi bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
2065	112	Điều trị bệnh rụng tóc bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
2066	113	Điều trị bệnh hói bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
2067	114	Điều trị dẫn lỗ chân lông bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
2068	115	Điều trị lão hóa da bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
2069	116	Điều trị rạn da bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
2070	117	Điều trị nếp nhăn da bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
		VI. TÂM THẦN				
		A. TRẮC NGHIỆM TÂM LÝ				
2071	1	Thang đánh giá trầm cảm Beck (BDI)	x	x		
2072	2	Thang đánh giá trầm cảm Hamilton	x	x		
2073	3	Thang đánh giá trầm cảm ở cộng đồng (PHQ - 9)	x	x		
2074	5	Thang đánh giá trầm cảm ở người già (GDS)	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
2075	6	Thang đánh giá trầm cảm sau sinh (EPDS)	x	x		
2076	8	Thang đánh giá hưng cảm Young	x	x		
2077	9	Thang đánh giá lo âu - zung	x	x		
2078	11	Thang đánh giá sự phát triển ở trẻ em (DENVER II)	x	x		
2079	12	Thang sàng lọc tự kỷ cho trẻ nhỏ 18 - 36 tháng (CHAT)	x	x		
2080	13	Thang đánh giá mức độ tự kỷ (CARS)	x	x		
2081	14	Thang đánh giá hành vi trẻ em (CBCL)	x	x		
2082	17	Thang đánh giá trạng thái tâm thần tối thiểu (MMSE)	x	x		
2083	18	Trắc nghiệm RAVEN	x	x		
2084	19	Trắc nghiệm WAIS	x	x		
2085	20	Trắc nghiệm WICS	x	x		
2086	21	Thang đánh giá trí nhớ Wechsler (WMS)	x	x		
2087	25	Thang đánh giá nhân cách Roschach	x	x		
2088	28	Thang đánh giá nhân cách (TAT)	x	x		
2089	35	Thang đánh giá mức độ sử dụng rượu (Audit)	x	x		
		B. THĂM DÒ CHỨC NĂNG VÀ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH				
2090	38	Đo điện não vi tính	x	x		
2091	40	Đo lưu huyết não	x	x		
		D. LIỆU PHÁP TÂM LÝ				
2092	44	Liệu pháp thư giãn luyện tập	x	x		
2093	45	Liệu pháp tâm lý nhóm	x	x	x	x
2094	46	Liệu pháp tâm lý gia đình	x	x	x	x
2095	47	Liệu pháp tâm kịch	x	x		
2096	48	Tư vấn tâm lý cho người bệnh và gia đình	x	x	x	x
2097	49	Liệu pháp giải thích hợp lý	x	x	x	
2098	50	Liệu pháp hành vi	x	x		
2099	51	Liệu pháp ám thị	x	x		
2100	52	Liệu pháp nhận thức hành vi	x	x		
2101	53	Liệu pháp nhận thức	x	x		
2102	54	Liệu pháp tâm lý động	x	x		
2103	55	Liệu pháp kích hoạt hành vi (BA)	x	x	x	x
		Đ. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRONG TÂM THẦN				
2104	56	Liệu pháp âm nhạc	x	x		
2105	57	Liệu pháp hội họa	x	x		
2106	59	Liệu pháp tái thích ứng xã hội	x	x	x	x
		G. CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TÚY				
2107	84	Thang PANSS	x	x		
2108	86	Thang VANDERBILT	x	x		
		VII. NỘI TIẾT				
		1. Kỹ thuật chung				
2109	3	Dẫn lưu áp xe tuyến giáp	x	x	x	
2110	33	Cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức	x	x		
2111	34	Cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên	x	x		
2112	36	Cắt u tuyến thượng thận 1 bên	x	x		
		2. Phẫu thuật mở các tuyến nội tiết bằng dao siêu âm				
2113	65	Cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên bằng dao siêu âm	x	x		
2114	67	Cắt u tuyến thượng thận 1 bên bằng dao siêu âm	x	x		
2115	132	PTNS cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm	x	x		
2116	133	PTNS cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm	x	x		
2117	134	PTNS cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm	x	x		
2118	135	PTNS cắt 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm	x	x		
2119	136	PTNS cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao siêu âm	x	x		
2120	138	PTNS cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc bằng dao siêu âm	x	x		
2121	155	PTNS cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên bằng dao siêu âm	x	x		
2122	156	PTNS cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên bằng dao siêu âm	x			
2123	157	PTNS cắt u tuyến thượng thận 1 bên bằng dao siêu âm	x	x		
2124	158	PTNS cắt u tuyến thượng thận 2 bên bằng dao siêu âm	x			

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
2125	159	PTNS đốt hạch giao cảm vùng ngực bằng dao siêu âm	x	x		
		6. Phẫu thuật nội soi các tuyến nội tiết bằng dao Ligasure				
2126	160	PTNS cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân bằng dao ligasure	x	x		
2127	161	PTNS cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure	x	x		
2128	162	PTNS cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure	x	x		
2129	163	PTNS cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure	x	x		
2130	164	PTNS cắt 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao ligasure	x	x		
2131	167	PTNS cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc bằng dao ligasure	x	x		
2132	172	PTNS cắt 1 thủy tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao ligasure	x	x		
2133	183	PTNS cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức bằng dao ligasure	x			
2134	184	PTNS cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên bằng dao ligasure	x	x		
2135	185	PTNS cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên bằng dao ligasure	x			
2136	186	PTNS cắt u tuyến thượng thận 1 bên bằng dao ligasure	x	x		
2137	187	PTNS cắt u tuyến thượng thận 2 bên bằng dao ligasure	x			
2138	188	PTNS đốt hạch giao cảm vùng ngực bằng dao ligasure	x	x		
		7. Phẫu thuật nội soi các tuyến nội tiết bằng dao lưỡng cực				
2139	192	PTNS cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao lưỡng cực	x	x		
2140	194	PTNS cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao lưỡng cực	x	x		
2141	195	PTNS cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao lưỡng cực	x	x		
2142	196	PTNS cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc bằng dao lưỡng cực	x	x		
2143	201	PTNS cắt 1 thủy tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao lưỡng cực	x	x		
2144	213	PTNS cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên bằng dao lưỡng cực	x	x		
2145	215	PTNS cắt u tuyến thượng thận 1 bên bằng dao lưỡng cực	x	x		
2146	217	PTNS đốt hạch giao cảm vùng ngực bằng dao lưỡng cực	x	x		
		8. Các kỹ thuật trên người bệnh đái tháo đường				
2147	223	Ghép da tự thân bằng mảnh da mắt lưới trên người bệnh đái tháo đường	x	x		
2148	224	Ghép da tự thân bằng các mảnh da lớn, dày toàn lớp da trên người bệnh đái tháo đường	x	x		
2149	225	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	x
2150	226	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét khu trú ở ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
2151	227	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ¼ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
2152	230	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng phần mềm trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
2153	231	Chích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
2154	232	Tháo móng quặp trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
2155	233	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
2156	234	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	x
2157	239	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin	x	x	x	x
2158	240	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân	x	x	x	x
2159	241	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện	x	x	x	x
		9. Các kỹ thuật khác				
2160	242	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp	x	x	x	
2161	243	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp có hướng dẫn của siêu âm	x	x		
2162	244	Chọc hút tế bào tuyến giáp	x	x	x	
2163	245	Chọc hút u giáp có hướng dẫn của siêu âm	x	x		
		VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN				
		A. KỸ THUẬT CHUNG				
2164	1	Mai hoa châm	x	x	x	x
2165	2	Hào châm	x	x	x	x
2166	3	Mãng châm	x	x	x	
2167	4	Nhĩ châm	x	x	x	x
2168	5	Điện châm	x	x	x	x

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
2169	6	Thủy châm	x	x	x	x
2170	7	Cây chỉ	x	x	x	
2171	8	Ôn châm	x	x	x	x
2172	9	Cứu	x	x	x	x
2173	10	Chích lê	x	x	x	x
2174	12	Từ châm	x	x	x	x
2175	13	Kéo nắn cột sống cổ	x	x	x	
2176	14	Kéo nắn cột sống thắt lưng	x	x	x	
2177	27	Chườm ngải	x	x	x	x
2178	28	Luyện tập dưỡng sinh	x	x	x	x
		C. ĐIỆN MĂNG CHÂM				
2179	114	Điện măng châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	
2180	116	Điện măng châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	
2181	130	Điện măng châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
2182	133	Điện măng châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	
2183	136	Điện măng châm điều trị thất vận ngôn	x	x	x	
2184	139	Điện măng châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	
2185	141	Điện măng châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	
2186	142	Điện măng châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
2187	155	Điện măng châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
2188	156	Điện măng châm điều trị giảm đau do thoái hóa khớp	x	x	x	
2189	157	Điện măng châm điều trị đau lưng	x	x	x	
2190	161	Điện măng châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	
		D. ĐIỆN NHỈ CHÂM				
2191	163	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
2192	164	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	x	x	x	
2193	166	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên	x	x	x	
2194	169	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
2195	170	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	x	x	x	
2196	171	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress	x	x	x	
2197	173	Điện nhĩ châm điều trị nấc	x	x	x	
2198	176	Điện nhĩ châm điều trị béo phì	x	x	x	
2199	177	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	
2200	178	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng dạ dày-tá tràng	x	x	x	
2201	192	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	
2202	194	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V	x	x	x	
2203	196	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	
2204	201	Điện nhĩ châm điều trị thống kinh	x	x	x	
2205	209	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	
2206	210	Điện nhĩ châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	
2207	211	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	x	x	x	
2208	212	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	
2209	223	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
2210	225	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do Zona	x	x	x	
2211	227	Điện nhĩ châm điều trị chứng tic cơ mặt	x	x	x	
		Đ. CÂY CHỈ				
2212	228	Cây chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	
2213	232	Cây chỉ châm điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	x	x	x	
2214	241	Cây chỉ điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	
2215	242	Cây chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
2216	243	Cây chỉ điều trị mất ngủ	x	x	x	
2217	245	Cây chỉ điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	
2218	246	Cây chỉ điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
2219	249	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	
2220	250	Cây chỉ điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	
2221	252	Cây chỉ điều trị thất vận ngôn	x	x	x	
2222	254	Cây chỉ điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	
2223	257	Cây chỉ điều trị liệt chi trên	x	x	x	
2224	258	Cây chỉ điều trị liệt chi dưới	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
2225	266	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
2226	267	Cây chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	
2227	268	Cây chỉ điều trị đau lưng	x	x	x	
		E. ĐIỆN CHÂM				
2228	278	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
2229	279	Điện châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
2230	280	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x
2231	281	Điện châm điều trị hội chứng stress	x	x	x	x
2232	282	Điện châm điều trị cảm mạo	x	x	x	x
2233	283	Điện châm điều trị viêm amidan	x	x	x	x
2234	284	Điện châm điều trị trĩ	x	x	x	x
2235	285	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	x	x	x	x
2236	287	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	x	x	x	x
2237	289	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	x
2238	292	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	x
2239	293	Điện châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	x
2240	294	Điện châm điều trị sa tử cung	x	x	x	x
2241	295	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	x
2242	296	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x
2243	297	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	x
2244	298	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
2245	299	Điện châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	x
2246	300	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
2247	301	Điện châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
2248	302	Điện châm điều trị chấp lẹo	x	x	x	x
2249	303	Điện châm điều trị đau hố mắt	x	x	x	x
2250	304	Điện châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	x
2251	305	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
2252	306	Điện châm điều trị lác cơ năng	x	x	x	x
2253	307	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	x
2254	308	Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	x
2255	310	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
2256	311	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	x
2257	312	Điện châm điều trị đau răng	x	x	x	x
2258	313	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	x
2259	314	Điện châm điều trị ù tai	x	x	x	x
2260	315	Điện châm điều trị giảm khứ giác	x	x	x	x
2261	316	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	x	x	x	x
2262	317	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
2263	319	Điện châm điều trị giảm đau do zona	x	x	x	x
2264	320	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	x	x	x	x
2265	321	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	x	x	x	x
		G. THUY CHÂM				
2266	322	Thủy châm điều trị hội chứng thất lưng- hông	x	x	x	x
2267	323	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
2268	324	Thủy châm điều trị mất ngủ	x	x	x	x
2269	325	Thủy châm điều trị hội chứng stress	x	x	x	
2270	326	Thủy châm điều trị nấc	x	x	x	x
2271	327	Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm	x	x	x	x
2272	329	Thủy châm điều trị béo phì	x	x	x	x
2273	330	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	x
2274	331	Thủy châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng	x	x	x	x
2275	335	Thủy châm điều trị mày đay	x	x	x	x
2276	336	Thủy châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng	x	x	x	x
2277	337	Thủy châm điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	
2278	338	Thủy châm điều trị bại liệt trẻ em	x	x	x	x
2279	339	Thủy châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	
2280	340	Thủy châm điều trị liệt trẻ em	x	x	x	x
2281	342	Thủy châm điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
2282	343	Thủy châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	
2283	344	Thủy châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	
2284	346	Thủy châm điều trị sa tử cung	x	x	x	
2285	347	Thủy châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	x
2286	348	Thủy châm điều trị thống kinh	x	x	x	x
2287	349	Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	x
2288	350	Thủy châm điều trị đái dầm	x	x	x	x
2289	351	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
2290	352	Thủy châm điều trị đau vai gáy	X	x	x	x
2291	353	Thủy châm điều trị hen phế quản	X	x	x	x
2292	354	Thủy châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
2293	355	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x
2294	356	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	x
2295	357	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x	x	x	x
2296	358	Thủy châm điều trị thất vận ngôn	x	x	x	
2297	359	Thủy châm điều trị đau dây V	x	x	x	
2298	360	Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	
2299	361	Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	
2300	362	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	
2301	363	Thủy châm điều trị khản tiếng	x	x	x	
2302	364	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	
2303	365	Thủy châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
2304	366	Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới	x	x	x	x
2305	367	Thủy châm điều trị sụp mí	x	x	x	x
2306	369	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	x
2307	371	Thủy châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
2308	372	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	x
2309	373	Thủy châm điều trị đau răng	x	x	x	x
2310	374	Thủy châm điều trị táo bón kéo dài	x	x	x	x
2311	375	Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
2312	376	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	x
2313	377	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
2314	378	Thủy châm điều trị đau lưng	x	x	x	x
2315	379	Thủy châm điều trị sụp mí	x	x	x	
2316	381	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	
2317	382	Thủy châm điều trị lác cơ năng	x	x	x	
2318	383	Thủy châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	
2319	385	Thủy châm điều trị di tinh	x	x	x	
2320	386	Thủy châm điều trị liệt dương	x	x	x	
2321	387	Thủy châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	
2322	388	Thủy châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	x
		H. XOA BÓP BẨM HUYẾT				
2323	389	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
2324	390	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x
2325	391	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	x
2326	392	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	x
2327	393	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do viêm não	x	x	x	x
2328	394	Xoa bóp bấm huyết điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	x
2329	395	Xoa bóp bấm huyết phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	x
2330	396	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi trên	x	x	x	x
2331	397	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi dưới	x	x	x	x
2332	398	Xoa bóp bấm huyết điều trị choáng, ngất	x	x	x	x
2333	400	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng ù tai	x	x	x	x
2334	401	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
2335	402	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x
2336	404	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	x
2337	406	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	x
2338	407	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
2339	408	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
2340	409	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	x	x	x	x
2341	410	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	x	x	x	x
2342	411	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x
2343	412	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x
2344	413	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x
2345	414	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	x
2346	415	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí	x	x	x	x
2347	416	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
2348	417	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	x	x	x	x
2349	418	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	x	x	x	x
2350	419	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
2351	420	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	x	x	x	x
2352	421	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
2353	422	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	x	x	x	x
2354	423	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x
2355	424	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
2356	425	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	x
2357	426	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	x	x	x	x
2358	427	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc	x	x	x	x
2359	429	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	x
2360	430	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	x	x	x	x
2361	431	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
2362	432	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x
2363	433	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt	x	x	x	x
2364	434	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
2365	435	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	x	x	x	x
2366	436	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	x
2367	437	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	x	x	x	x
2368	438	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	x
2369	439	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	x	x	x	x
2370	440	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x
2371	441	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	x
2372	442	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	x
2373	443	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
2374	444	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	x	x	x	x
2375	445	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	x	x	x	x
2376	446	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	X
2377	447	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	X
2378	449	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	x	x	x	X
		I. CỨU				
2379	451	Cứu điều trị hội chứng thất lưng- hông thể phong hàn	x	x	x	x
2380	452	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	x	x	x	x
2381	453	Cứu điều trị nấc thể hàn	x	x	x	x
2382	454	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	x	x	x	x
2383	455	Cứu điều trị khản tiếng thể hàn	x	x	x	x
2384	456	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	x	x	x	x
2385	457	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	x	x	x	x
2386	458	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	x	x	x	x
2387	459	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	x	x	x	x
2388	460	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	x	x	x	x
2389	461	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	x	x	x	x
2390	462	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	x	x	x	x
2391	464	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	x
2392	465	Cứu điều trị di tinh thể hàn	x	x	x	x
2393	466	Cứu điều trị liệt dương thể hàn	x	x	x	x
2394	467	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn	x	x	x	x
2395	468	Cứu điều trị bí đái thể hàn	x	x	x	x
2396	469	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn	x	x	x	x
2397	470	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	x	x	x	x

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
2398	471	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	x	x	x	x
2399	472	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	x	x	x	x
2400	473	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	x	x	x	x
2401	474	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	x	x	x	x
2402	475	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	x	x	x	x
2403	476	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	x	x	x	x
2404	477	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	x	x	x	x
		K. GIÁC HƠI				
2405	479	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	x	x	x	x
2406	480	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	x	x	x	x
2407	481	Giác hơi điều trị các chứng đau	x	x	x	x
2408	482	Giác hơi điều trị cảm cúm	x	x	x	x
		L. KỸ THUẬT CHUNG				
2409	483	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay	x	x	x	x
2410	485	Giác hơi	x	x	x	x
		IX. GÂY Mê HỒI SỨC				
		A. CÁC KỸ THUẬT				
2411	2	Kỹ thuật cách ly dự phòng	x	x	x	
2412	3	Kỹ thuật cách ly nhiễm trùng	x	x	x	
2413	4	Cai máy thở bằng chế độ thở thông thường	x	x	x	
2414	5	Cai máy thở bằng chế độ thông minh	x	x		
2415	6	Cấp cứu cao huyết áp	x	x	x	
2416	7	Cấp cứu ngừng thở	x	x	x	
2417	8	Cấp cứu ngừng tim	x	x	x	
2418	10	Cấp cứu tụt huyết áp	x	x	x	
2419	12	Chăm sóc catheter động mạch	x	x	x	
2420	13	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x	
2421	15	Chọc tĩnh mạch cánh ngoài	x	x	x	
2422	16	Chọc tĩnh mạch cánh trong	x	x	x	
2423	17	Chọc tĩnh mạch đùi	x	x	x	
2424	18	Chọc tĩnh mạch dưới đòn	x	x	x	
2425	19	Chọc tủy sống đường bên	x	x	x	
2426	20	Chọc tủy sống đường giữa	x	x	x	
2427	21	Chống hạ thân nhiệt trong hoặc sau phẫu thuật	x	x	x	
2428	22	Chụp X-quang cấp cứu tại giường	x	x	x	
2429	28	Đặt catheter tĩnh mạch cánh ngoài	x	x	x	
2430	29	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm luồn từ tĩnh mạch ngoại vi	x	x	x	
2431	33	Đặt mát thanh quản Fastract	x	x	x	
2432	34	Đặt mát thanh quản kính điện hoặc tương đương	x	x	x	
2433	35	Đặt mát thanh quản Proseal hoặc tương đương	x	x	x	
2434	36	Đặt nội khí quản 1 bên với nòng chặn phế quản (blocker)	x	x		
2435	37	Đặt nội khí quản khi dạ dày đầy	x	x	x	
2436	38	Đặt nội khí quản khó ngược dòng	x	x	x	
2437	39	Đặt nội khí quản khó trong phẫu thuật hàm mặt	x	x		
2438	40	Đặt nội khí quản khó với đèn McCoy (đèn có mũi điều khiển).	x	x	x	
2439	41	Đặt nội khí quản mò qua mũi	x	x	x	
2440	42	Đặt nội khí quản qua đèn Airtracq hoặc tương đương	x	x	x	
2441	43	Đặt nội khí quản qua đèn Glidescope hoặc tương đương	x	x	x	
2442	44	Đặt nội khí quản qua mũi	x	x	x	
2443	45	Đặt nội khí quản với ống nội khí quản có vòng xoắn kim loại	x	x	x	
2444	46	Đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp	x	x	x	
2445	47	Đặt ống thông khí phổi 2 nòng	x	x		
2446	48	Đặt ống thông khí phổi bằng nội soi phế quản	x	x		
2447	56	Đo và theo dõi ScvO ₂	x	x		
2448	58	Đo và theo dõi SvO ₂	x	x		
2449	59	Dự phòng rối loạn đông máu bằng tiêm truyền axit tranexamic	x	x	x	
2450	60	Dự phòng tắc tĩnh mạch sau phẫu thuật, sau chấn thương	x	x	x	
2451	61	Kỹ thuật gây mê có hạ huyết áp chỉ duy	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
2452	62	Kỹ thuật gây mê hô hấp qua mặt nạ	x	x	x	
2453	63	Kỹ thuật gây mê hô hấp với hệ thống Magill	x	x	x	
2454	64	Kỹ thuật gây mê lưu lượng thấp	x	x	x	
2455	65	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch trong chọc hút trứng	x	x		
2456	66	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch trong nạo hút thai	x	x		
2457	67	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch với etomidate, ketamine, propofol, thiopental	x	x	x	
2458	68	Kỹ thuật gây mê vòng kín có vòi soda	x	x	x	
2459	69	Kỹ thuật gây tê 3 trong 1	x	x	x	
2460	70	Kỹ thuật gây tê cạnh nhãn cầu	x	x	x	
2461	73	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng, đường bên	x	x	x	
2462	74	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường trên xương đòn	x	x	x	
2463	75	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường gian cơ bậc thang	x	x	x	
2464	76	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường nách	x	x	x	
2465	77	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ nông	x	x	x	
2466	78	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ sâu	x	x	x	
2467	79	Kỹ thuật gây tê đám rối thần kinh bằng máy dò xung điện	x	x	x	
2468	80	Kỹ thuật gây tê đám rối thần kinh bằng máy siêu âm	x	x	x	
2469	82	Kỹ thuật gây tê đặt kim kết hợp tùy sống - ngoài màng cứng	x	x	x	
2470	83	Kỹ thuật gây tê hoặc giảm đau cạnh đốt sống	x	x		
2471	84	Kỹ thuật gây tê khoang cùng	x	x	x	
2472	85	Kỹ thuật gây tê ngoài màng cứng phẫu thuật lấy thai	x	x		
2473	86	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay	x	x	x	
2474	87	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay	x	x	x	
2475	88	Kỹ thuật gây tê thần kinh hông to	x	x	x	
2476	89	Kỹ thuật gây tê thần kinh	x	x	x	
2477	90	Kỹ thuật gây tê thần kinh bằng máy dò thần kinh	x	x	x	
2478	92	Kỹ thuật gây tê thần kinh bằng máy siêu âm	x	x	x	
2479	93	Kỹ thuật gây tê tùy sống + ngoài màng cứng phối hợp phẫu thuật lấy thai	x	x		
2480	94	Kỹ thuật gây tê tùy sống phẫu thuật lấy thai	x	x	x	
2481	95	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân	x	x	x	
2482	96	Kỹ thuật gây tê vùng khớp gối	x	x	x	
2483	97	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
2484	98	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphin cách quãng dưới da	x	x	x	
2485	100	Kỹ thuật giảm đau bằng morphin tĩnh mạch theo kiểu PCA	x	x		
2486	102	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương	x	x	x	
2487	108	Kỹ thuật giảm đau qua các lớp cân bụng (TAP)	x	x		
2488	109	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng gây tê NMC	x	x		
2489	110	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng truyền ketamin liều thấp	x	x	x	
2490	112	Kỹ thuật giảm đau trong chuyển dạ bằng gây tê NMC	x	x		
2491	113	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ nắn xương	x	x	x	
2492	114	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ ngoài phòng phẫu thuật	x	x	x	
2493	117	Hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hay ambu trong và sau mê	x	x	x	
2494	118	Hút dẫn lưu ngực	x	x	x	
2495	119	Hút nội khí quản bằng hệ thống kín	x	x	x	
2496	120	Hút nội khí quản hoặc hút mở khí quản	x	x	x	
2497	121	Huy động phế nang ở bệnh nhân thở máy	x	x		
2498	123	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng	x	x	x	
2499	124	Xoay trở bệnh nhân thở máy	x	x	x	
2500	127	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật	x	x	x	
2501	133	Lưu kim luôn tĩnh mạch để tiêm thuốc	x	x	x	
2502	134	Lý liệu pháp ngực ở bệnh nhân nặng	x	x	x	
2503	135	Mê tĩnh mạch theo TCI	x	x	x	
2504	136	Mở khí quản	x	x	x	
2505	137	Mở khí quản bằng dụng cụ nong	x	x		
2506	141	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch	x	x	x	
2507	142	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày	x	x	x	
2508	143	Nuôi dưỡng qua ống thông hồng tràng	x	x	x	
2509	144	Oxy cao áp	x	x		
2510	145	Pha loãng máu trước hoặc trong hoặc sau khi phẫu thuật	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
2511	146	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu...)	x	x	x	
2512	147	Phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày	x	x	x	
2513	148	Rửa tay phẫu thuật	x	x	x	
2514	149	Rửa tay sát khuẩn	x	x	x	
2515	150	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu	x	x	x	
2516	152	Thăm phân phúc mạc	x	x	x	
2517	153	Theo dõi ACT tại chỗ	x	x		
2518	156	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
2519	158	Theo dõi dẫn cơ bằng máy	x	x	x	
2520	159	Theo dõi độ mê bằng BIS	x	x	x	
2521	161	Theo dõi độ mê bằng ENTROPY	x	x	x	
2522	163	Theo dõi đường giây tại chỗ	x	x	x	
2523	165	Theo dõi EtCO ₂	x	x	x	
2524	168	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy	x	x	x	
2525	169	Theo dõi huyết áp xâm lấn bằng máy	x	x	x	
2526	171	Theo dõi khí máu tại chỗ	x	x	x	
2527	173	Theo dõi SpO ₂	x	x	x	
2528	175	Theo dõi thân nhiệt bằng máy	x	x	x	
2529	176	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui	x	x	x	
2530	177	Thở CPAP không qua máy thở	x	x	x	
2531	181	Thở máy xâm nhập ở người bệnh ARDS	x	x		
2532	182	Thở máy xâm nhập với các phương thức khác nhau	x	x	x	
2533	183	Thở oxy gọng kính	x	x	x	
2534	184	Thở oxy qua mặt nạ	x	x	x	
2535	185	Thở oxy qua mũi kín	x	x	x	
2536	186	Thở oxy qua ống chữ T	x	x	x	
2537	187	Thông khí áp lực dương 2 mức qua hệ thống Boussignac	x	x	x	
2538	188	Thông khí không xâm nhập bằng máy thở	x	x	x	
2539	189	Thông khí một phổi	x	x		
2540	192	Thường qui đặt nội khí quản khó	x	x	x	
2541	194	Tiết trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS	x	x	x	
2542	195	Truyền dịch thường qui	x	x	x	
2543	196	Truyền dịch trong sốc	x	x	x	
2544	197	Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui	x	x	x	
2545	198	Truyền máu khối lượng lớn	x	x		
2546	199	Truyền máu trong sốc	x	x	x	
2547	200	Vận chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện	x	x	x	
2548	201	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện	x	x	x	
2549	202	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức	x	x	x	
2550	203	Vô cảm cho các phẫu thuật nhỏ ở tầng sinh môn trẻ em	x	x	x	
2551	204	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh	x	x	x	
2552	205	Xác định nhóm máu trước truyền máu tại giường	x	x	x	
		B. GÂY Mê				
2553	209	Gây mê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ	x	x	x	
2554	210	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Basedow	x	x		
2555	211	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh tim	x	x		
2556	212	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh về máu	x	x		
2557	213	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương	x	x		
2558	214	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đái tháo đường	x	x		
2559	215	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân động kinh + tiền sử động kinh	x	x		
2560	216	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân giảm tiểu cầu	x	x		
2561	217	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hen phế quản	x	x		
2562	218	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hội chứng HELP	x	x		
2563	219	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân lao + tiền sử lao phổi	x	x		
2564	220	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Lupus	x	x		
2565	221	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân OAP- dọa OAP	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
2566	222	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau bong non	x	x		
2567	223	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau cài răng lược	x	x		
2568	224	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau tiền đạo ra máu	x	x		
2569	225	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân thai chết lưu	x	x		
2570	226	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân tiền sản giật nặng	x	x		
2571	227	Gây mê nội soi buồng tử cung can thiệp	x	x		
2572	228	Gây mê nội soi buồng tử cung chẩn đoán	x	x		
2573	229	Gây mê nội soi buồng tử cung, nạo buồng tử cung	x	x		
2574	230	Gây mê nội soi buồng tử cung, sinh thiết buồng tử cung	x	x		
2575	231	Gây mê nội soi buồng tử cung, vòi trứng thông vòi trứng	x	x		
2576	232	Gây mê nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản	x	x		
2577	233	Gây mê nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản	x	x		
2578	234	Gây mê nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser	x	x		
2579	235	Gây mê nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser	x	x		
2580	236	Gây mê nội soi nối vòi tử cung	x	x		
2581	237	Gây mê nội soi nong hẹp thực quản	x	x		
2582	238	Gây mê nội soi nong niệu quản hẹp	x	x		
2583	239	Gây mê nội soi ổ bụng chẩn đoán	x	x		
2584	240	Gây mê nội soi ổ bụng hỗ trợ đốt u gan bằng sóng cao tần (RFA)	x	x		
2585	241	Gây mê nội soi phế quản sinh thiết chẩn đoán	x	x		
2586	242	Gây mê nội soi tán sỏi niệu quản	x	x		
2587	243	Gây mê nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng	x	x		
2588	244	Gây mê nội soi tạo hình niệu quản quặt sau tĩnh mạch chủ	x	x		
2589	245	Gây mê nội soi thận ống mềm gấp sỏi thận	x	x		
2590	246	Gây mê nội soi thận ống mềm tán sỏi thận	x	x		
2591	247	Gây mê nội soi xẻ hẹp bể thận - niệu quản, mở rộng niệu quản	x	x		
2592	248	Gây mê nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi	x	x		
2593	249	Gây mê phẫu thuật áp xe dưới màng túi	x	x		
2594	250	Gây mê phẫu thuật áp xe gan	x	x	x	
2595	261	Gây mê phẫu thuật bàn chân bẹt, bàn chân lõm	x	x		
2596	262	Gây mê phẫu thuật bàn chân gót và xoay ngoài	x	x		
2597	263	Gây mê phẫu thuật bàn chân khoèo bẩm sinh	x	x		
2598	264	Gây mê phẫu thuật bàn chân thưỡn	x	x		
2599	265	Gây mê phẫu thuật bằng quang lộ ngoài bằng nối bằng quang với trực tràng theo Duhamel	x	x		
2600	267	Gây mê phẫu thuật bất động ngoài xương chày, xương đùi	x	x	x	
2601	269	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân chữa ngoài dạ con vỡ	x	x	x	
2602	270	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân tắc mạch ối	x	x		
2603	271	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa	x	x	x	
2604	276	Gây mê phẫu thuật bóc kén màng phổi (nhu mô phổi)	x	x		
2605	277	Gây mê phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung	x	x		
2606	278	Gây mê phẫu thuật bóc nhân xơ vú	x	x		
2607	279	Gây mê phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến	x	x		
2608	280	Gây mê phẫu thuật bơm dầu Silicon, khí bổ sung sau phẫu thuật cắt dịch kính điều trị bong võng mạc	x	x		
2609	281	Gây mê phẫu thuật bong hay đứt dây chằng bên khớp gối	x	x		
2610	286	Gây mê phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x	x	
2611	287	Gây mê phẫu thuật bụng cấp do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x	x	
2612	288	Gây mê phẫu thuật bụng lớn ở trẻ em	x	x		
2613	289	Gây mê phẫu thuật bướu cổ	x	x	x	
2614	290	Gây mê phẫu thuật bướu tinh hoàn	x	x	x	
2615	291	Gây mê phẫu thuật các trường hợp chấn thương vùng đầu mặt cổ: chấn thương chính mũi, chấn thương các xoang hàm, sàng, chấn gãy xương hàm trên dưới	x	x		
2616	292	Gây mê phẫu thuật cầm máu lại tuyến giáp	x	x	x	
2617	293	Gây mê phẫu thuật cầm niệu quản vào bàng quang	x	x		
2618	294	Gây mê phẫu thuật cắt 1 phổi hoặc thùy phổi hoặc phân thùy phổi	x	x		
2619	295	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thùy tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
2620	296	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông trong bướu giáp thông	x	x		
2621	297	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ	x	x		
2622	298	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp thông	x	x		
2623	299	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ	x	x		
2624	300	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp không lồ	x	x		
2625	301	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	x	x		
2626	302	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x		
2627	303	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	x	x		
2628	304	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp và cắt bán phần thủy còn lại trong Basedow	x	x		
2629	305	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp không lồ	x	x		
2630	306	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân	x	x		
2631	307	Gây mê phẫu thuật cắt 2 tạng trong ổ bụng (tiểu khung) trở lên	x	x		
2632	308	Gây mê phẫu thuật cắt âm hộ + vết hạch trên bệnh nhân K âm hộ	x	x		
2633	309	Gây mê phẫu thuật cắt âm hộ đơn thuần	x	x	x	
2634	310	Gây mê phẫu thuật cắt âm hộ ung thư, vết hạch bên hai bên	x	x		
2635	311	Gây mê phẫu thuật cắt amidan ở người lớn	x	x	x	
2636	312	Gây mê phẫu thuật cắt amidan ở trẻ em	x	x	x	
2637	313	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x		
2638	314	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân	x	x		
2639	315	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
2640	316	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân	x	x		
2641	317	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần hay toàn phần do nang tuyến giáp, ung thư tuyến giáp có hoặc không kèm theo nạo vét hạch vùng đầu mặt cổ	x	x		
2642	318	Gây mê phẫu thuật cắt bàng quan toàn bộ, nạo vét hạch và chuyển lưu dòng nước tiểu bằng ruột	x	x		
2643	319	Gây mê phẫu thuật cắt bàng quang	x	x		
2644	320	Gây mê phẫu thuật cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	x	x		
2645	321	Gây mê phẫu thuật cắt bàng quang, tạo hình bàng quang	x	x		
2646	322	Gây mê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x	
2647	323	Gây mê phẫu thuật cắt bề cứng giác mạc (Trabeculectomy)	x	x		
2648	324	Gây mê phẫu thuật cắt bề sử dụng thuốc chống chuyển hóa hoặc chất anti VEGF	x	x		
2649	325	Gây mê phẫu thuật cắt bóng Vater và tạo hình ống mật chủ, ống Wirsung qua đường mở D2 tá tràng	x	x		
2650	326	Gây mê phẫu thuật cắt buồng trứng 2 bên	x	x		
2651	327	Gây mê phẫu thuật cắt bướu thông hỗ trợ qua nội soi	x	x		
2652	328	Gây mê phẫu thuật cắt các khối u ở phổi	x	x		
2653	329	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm	x	x		
2654	330	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
2655	331	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm	x	x		
2656	332	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm	x	x		
2657	333	Gây mê phẫu thuật cắt cháp có bọc	x	x	x	
2658	334	Gây mê phẫu thuật cắt chậu sản miệng, tạo hình	x	x		
2659	335	Gây mê phẫu thuật cắt chậu sản miệng, tạo hình, vét hạch cổ	x	x		
2660	336	Gây mê phẫu thuật cắt chi, vét hạch do ung thư	x	x	x	
2661	337	Gây mê phẫu thuật cắt chòm nang gan	x	x		
2662	338	Gây mê phẫu thuật cắt cổ bàng quang	x	x		
2663	339	Gây mê phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mi điều trị hở mi	x	x		
2664	340	Gây mê phẫu thuật cắt cơ Muller	x	x		
2665	341	Gây mê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường âm đạo	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
2666	342	Gây mê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng, đường âm đạo	x	x		
2667	343	Gây mê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng	x	x		
2668	344	Gây mê phẫu thuật cắt cột tủy sống điều trị chứng đau thần kinh	x	x		
2669	345	Gây mê phẫu thuật cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	x	x		
2670	346	Gây mê phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	x	x	x	
2671	347	Gây mê phẫu thuật cắt cụt chi	x	x	x	
2672	348	Gây mê phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x	x	
2673	349	Gây mê phẫu thuật cắt dây thần kinh giao cảm ngực	x	x		
2674	350	Gây mê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh dưới hàm	x	x		
2675	351	Gây mê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh ổ mắt	x	x		
2676	352	Gây mê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh thái dương	x	x		
2677	353	Gây mê phẫu thuật cắt dị tật hậu môn-trực tràng, làm lại niệu đạo	x	x		
2678	354	Gây mê phẫu thuật cắt đoạn chi	x	x	x	
2679	355	Gây mê phẫu thuật cắt đường dò dưới da-dưới màng tủy	x	x	x	
2680	356	Gây mê phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ	x	x		
2681	357	Gây mê phẫu thuật cắt đường rò môi dưới	x	x		
2682	358	Gây mê phẫu thuật cắt đường thông động – tĩnh mạch chạy thận nhân tạo do biến chứng hoặc sau ghép thận	x	x	x	
2683	359	Gây mê phẫu thuật cắt dương vật trong lưỡng giới giả nữ	x	x	x	
2684	360	Gây mê phẫu thuật cắt hạ họng thanh quản toàn phần	x			
2685	361	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
2686	362	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
2687	363	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
2688	364	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 5% 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
2689	365	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
2690	366	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
2691	367	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu từ 1% 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
2692	368	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
2693	369	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	x	x	x	
2694	370	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mí mắt	x	x	x	
2695	371	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x	x	
2696	372	Gây mê phẫu thuật cắt khối u khâu cái	x	x		
2697	373	Gây mê phẫu thuật cắt lách bán phần	x	x		
2698	374	Gây mê phẫu thuật cắt lách bệnh lý	x	x		
2699	375	Gây mê phẫu thuật cắt lách do chấn thương	x	x	x	
2700	376	Gây mê phẫu thuật cắt lách ung thư, apxe	x	x		
2701	377	Gây mê phẫu thuật cắt lại dạ dày	x	x		
2702	378	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể	x	x	x	
2703	379	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	x	x	x	
2704	380	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	x	x	x	
2705	381	Gây mê phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	x	x	x	
2706	382	Gây mê phẫu thuật cắt lọc nhu mô gan	x	x		
2707	383	Gây mê phẫu thuật cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắm chỉnh và cố định tạm thời	x	x	x	
2708	384	Gây mê phẫu thuật cắt lõi xương	x	x		
2709	385	Gây mê phẫu thuật cắt mạc nối lớn	x	x	x	
2710	386	Gây mê phẫu thuật cắt mạc nối lớn, phúc mạc	x	x	x	
2711	387	Gây mê phẫu thuật cắt màng ngăn tá tràng	x	x	x	
2712	389	Gây mê phẫu thuật cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
2713	390	Gây mê phẫu thuật cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng	x	x		
2714	391	Gây mê phẫu thuật cắt mào tinh	x	x		
2715	392	Gây mê phẫu thuật cắt môm thừa trực tràng	x	x		
2716	393	Gây mê phẫu thuật cắt móng mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp	x	x		
2717	394	Gây mê phẫu thuật cắt một bên phổi do ung thư	x	x		
2718	395	Gây mê phẫu thuật cắt một nửa bàng quang và túi thừa bàng quang	x	x		
2719	396	Gây mê phẫu thuật cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	x	x		
2720	397	Gây mê phẫu thuật cắt một phần bán sống trong hẹp ống sống cổ	x	x		
2721	398	Gây mê phẫu thuật cắt một phần tụy	x	x		
2722	399	Gây mê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới	x	x		
2723	400	Gây mê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên có can thiệp xoang	x	x		
2724	401	Gây mê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên	x	x		
2725	402	Gây mê phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới	x	x		
2726	403	Gây mê phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên	x	x		
2727	404	Gây mê phẫu thuật cắt nang ống mật chủ	x	x		
2728	405	Gây mê phẫu thuật cắt nang ống mật chủ, nối gan hồng tràng	X	x		
2729	406	Gây mê phẫu thuật cắt nang tụy	X	x		
2730	407	Gây mê phẫu thuật cắt ngã ba đường mật hoặc ống gan phải ống gan trái	X	x		
2731	408	Gây mê phẫu thuật cắt nhân cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài	X	x		
2732	409	Gây mê phẫu thuật cắt nhiều đoạn ruột non	X	x		
2733	410	Gây mê phẫu thuật cắt nhiều hạ phân thủy	X	x		
2734	411	Gây mê phẫu thuật cắt nối niệu đạo sau	X	x		
2735	412	Gây mê phẫu thuật cắt nối niệu đạo trước	X	x		
2736	413	Gây mê phẫu thuật cắt nối niệu quản	X	x		
2737	414	Gây mê phẫu thuật cắt nối thực quản	X	x		
2738	415	Gây mê phẫu thuật cắt novi sắc tổ vùng hàm mặt	X	x		
2739	416	Gây mê phẫu thuật cắt nửa bàng quang có tạo hình bằng đoạn ruột	X	x		
2740	417	Gây mê phẫu thuật cắt nửa đại tràng phải, (trái) do ung thư kèm vết hạch	X	x		
2741	418	Gây mê phẫu thuật cắt nửa xương hàm trên hoặc dưới	X	x		
2742	419	Gây mê phẫu thuật cắt ống động mạch	X	x		
2743	420	Gây mê phẫu thuật cắt phân thủy gan	X	x		
2744	421	Gây mê phẫu thuật cắt phân thủy gan, thủy gan	X	x		
2745	422	Gây mê phẫu thuật cắt phổi theo tổn thương	x	x		
2746	423	Gây mê phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung	x	x		
2747	424	Gây mê phẫu thuật cắt polyp kèm cắt toàn bộ đại tràng, để lại trực tràng chờ mổ hạ đại tràng thì sau	x	x		
2748	425	Gây mê phẫu thuật cắt polyp một đoạn đại tràng phải, cắt đoạn đại tràng phía trên làm hậu môn nhân tạo	x	x		
2749	426	Gây mê phẫu thuật cắt polyp mũi	x	x		
2750	427	Gây mê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú	x	x	x	
2751	428	Gây mê phẫu thuật cắt rộng u niệu đạo	x	x		
2752	429	Gây mê phẫu thuật cắt ruột non hình chêm	x	x	x	
2753	430	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần	x	x	x	
2754	431	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa viêm cấp ở trẻ dưới 6 tuổi	x	x		
2755	432	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe	x	x	x	
2756	433	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	x	x	x	
2757	434	Gây mê phẫu thuật cắt ruột trong lòng ruột có cắt đại tràng	x	x		
2758	435	Gây mê phẫu thuật cắt tá tràng bảo tồn đầu tụy	x	x	x	
2759	436	Gây mê phẫu thuật cắt thận	x	x		
2760	437	Gây mê phẫu thuật cắt thận bán phần	x	x		
2761	438	Gây mê phẫu thuật cắt thận đơn thuần	x	x		
2762	439	Gây mê phẫu thuật cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách	x	x		
2763	443	Gây mê phẫu thuật cắt thận phụ và xử lý phần cuối niệu quản trong niệu quản đôi	x	x		
2764	444	Gây mê phẫu thuật cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ	x	x		
2765	445	Gây mê phẫu thuật cắt thân và đuôi tụy	x	x		
2766	446	Gây mê phẫu thuật cắt thanh quản bán phần, toàn phần có hoặc không nạo vết hạch đầu mặt cổ	x	x		
2767	447	Gây mê phẫu thuật cắt thể Morgani xoắn	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
2768	448	Gây mê phẫu thuật cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL	x	x		
2769	449	Gây mê phẫu thuật cắt thị thần kinh	x	x		
2770	450	Gây mê phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần	x	x	x	
2771	451	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản có hay không kèm các tạng khác, tạo hình thực quản	x	x		
2772	452	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, cắt toàn bộ dạ dày, tạo hình thực quản bằng đoạn đại tràng hoặc ruột non	x	x		
2773	453	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, hạ họng, thanh quản	x	X		
2774	454	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực	x	X		
2775	455	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực, cổ	x	X		
2776	456	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày không mở ngực	x	X		
2777	457	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng đường bụng, ngực, cổ	x	X		
2778	458	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng đường bụng, ngực	x	X		
2779	459	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng không mở ngực	x	X		
2780	460	Gây mê phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng quai ruột (ruột non, đại tràng vi phẫu)	x	X		
2781	461	Gây mê phẫu thuật cắt thủy gan trái	x	X		
2782	462	Gây mê phẫu thuật cắt thủy gan trái, phải do ung thư	x	X		
2783	463	Gây mê phẫu thuật cắt thủy hoặc phần thủy phổi do ung thư	x	X		
2784	464	Gây mê phẫu thuật cắt thủy phổi, phần phổi còn lại	x	X		
2785	465	Gây mê phẫu thuật cắt thủy tuyến giáp	x	X		
2786	466	Gây mê phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	x	X	x	
2787	467	Gây mê phẫu thuật cắt tinh hoàn	x	x	x	
2788	468	Gây mê phẫu thuật cắt tinh mạc	x	x		
2789	469	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder, Camey	x	x		
2790	470	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang và tạo hình.	x	x		
2791	471	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang, cấy niệu quản vào ruột	x	x		
2792	472	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ dạ dày	x	x		
2793	473	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non – trực tràng	x	x		
2794	474	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, trực tràng	x	x		
2795	475	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo	x	x		
2796	476	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, nối ngay ruột non - ống hậu môn	x	x		
2797	477	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ hạ họng - tạo hình thực quản	x	x		
2798	478	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ mạc treo trực tràng	x	x	x	
2799	479	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ ruột non	X	x	x	
2800	480	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ thận và niệu quản	X	x		
2801	481	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tụy	X	x		
2802	482	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	X	x		
2803	483	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp	X	x		
2804	484	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow	X	x		
2805	485	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	X	x		
2806	486	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	X	x		
2807	487	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ	X	x		
2808	488	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ	X	X		
2809	489	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thông	X	X		
2810	490	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	X	X		
2811	491	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	X	X		
2812	492	Gây mê phẫu thuật cắt từ 3 tạng trở lên trong điều trị ung thư	X	X		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
2813	493	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + 2 phần phụ + vét hạch chậu 2 bên	X	X		
2814	494	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + phần phụ + mạc nối lớn	X	X	x	
2815	495	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng kèm tạo hình niệu quản	X	X		
2816	496	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ	X	X	x	
2817	497	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + buồng trứng trên bệnh nhân ung thư buồng trứng	X	X		
2818	498	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + vét hạch trên bệnh nhân ung thư tử cung	X	X		
2819	499	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì Chorio + chứa trứng	X	X		
2820	500	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì K cổ tử cung	X	X		
2821	501	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung	X	X	x	
2822	502	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung toàn bộ, vét hạch tiểu khung	x	X		
2823	503	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung	x	X	x	
2824	504	Gây mê phẫu thuật cắt túi lệ	x	X		
2825	505	Gây mê phẫu thuật cắt túi mật	x	X	x	
2826	506	Gây mê phẫu thuật cắt túi sa niệu quản	x	X		
2827	507	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa đại tràng	x	X	x	
2828	508	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa Meckel	x	X	x	
2829	509	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa niệu đạo	x	X		
2830	510	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa tá tràng	x	X	x	
2831	511	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa thực quản cổ	x	X		
2832	512	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa thực quản ngực	x	X		
2833	513	Gây mê phẫu thuật cắt tụy trung tâm	x	X		
2834	514	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp	x			
2835	515	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính	x	X		
2836	516	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến nước bọt mang tai bảo tồn thần kinh VII	x	X		
2837	517	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến thượng thận 1 bên	x	X		
2838	518	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến thượng thận 2 bên	x	x		
2839	519	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến thượng thận	x	x		
2840	520	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức	x			
2841	521	Gây mê phẫu thuật cắt u bán phần sau	x			
2842	522	Gây mê phẫu thuật cắt u bàng quang đường trên	x	x		
2843	523	Gây mê phẫu thuật cắt u biểu bì	x	x		
2844	524	Gây mê phẫu thuật cắt u buồng trứng hoặc bóc u buồng trứng	x	x		
2845	525	Gây mê phẫu thuật cắt u buồng trứng, gỡ dính	x	x		
2846	526	Gây mê phẫu thuật cắt u da đầu	x	x	x	
2847	527	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vành tai	x	x		
2848	528	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x	
2849	529	Gây mê phẫu thuật cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da	x	x		
2850	530	Gây mê phẫu thuật cắt u da mi không ghép	x	x		
2851	531	Gây mê phẫu thuật cắt u đáy lưỡi và mở khí quản	x	x		
2852	532	Gây mê phẫu thuật cắt u đáy lưỡi	x	x		
2853	545	Gây mê phẫu thuật cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)	x	x		
2854	546	Gây mê phẫu thuật cắt u lành tính vùng mũi dưới 2cm	x	x		
2855	547	Gây mê phẫu thuật cắt u lợi hàm	x	x		
2856	548	Gây mê phẫu thuật cắt u lưỡi	x	x		
2857	549	Gây mê phẫu thuật cắt u mạc nối lớn	x	x		
2858	550	Gây mê phẫu thuật cắt u mạc treo ruột	x	x	x	
2859	555	Gây mê phẫu thuật cắt u men xương hàm dưới giữ lại bờ nền	x	x		
2860	559	Gây mê phẫu thuật cắt u mi ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da	x	x		
2861	560	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	x	x	x	
2862	561	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	x	x	x	
2863	562	Gây mê phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch	x	x	x	
2864	563	Gây mê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x	
2865	564	Gây mê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng	x	x	x	
2866	565	Gây mê phẫu thuật cắt u nang giáp lưỡi	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
2867	566	Gây mê phẫu thuật cắt u nang giáp trạng	x	x		
2868	567	Gây mê phẫu thuật cắt u nang phổi hoặc nang phế quản	x	x		
2869	568	Gây mê phẫu thuật cắt u nang tụy không cắt tụy có dẫn lưu	x	x		
2870	569	Gây mê phẫu thuật cắt u nhú thanh quản bằng laser	x	x		
2871	570	Gây mê phẫu thuật cắt u niêm mạc má	x	x		
2872	571	Gây mê phẫu thuật cắt u ống mật chủ có đặt xen 1 quai hồng tràng	x	x		
2873	572	Gây mê phẫu thuật cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang	x	x		
2874	573	Gây mê phẫu thuật cắt u phổi, u màng phổi	x	x		
2875	574	Gây mê phẫu thuật cắt u sắc tố vùng hàm mặt	x	x		
2876	575	Gây mê phẫu thuật cắt u sàn miệng, vết hạch	x	x		
2877	576	Gây mê phẫu thuật cắt u sau phúc mạc	x	x		
2878	577	Gây mê phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo	x	x	x	
2879	578	Gây mê phẫu thuật cắt u tá tràng	x	x		
2880	579	Gây mê phẫu thuật cắt u tế bào không lồ có hoặc không ghép xương	x	x		
2881	580	Gây mê phẫu thuật cắt u thần kinh vùng hàm mặt	x	x		
2882	581	Gây mê phẫu thuật cắt u thần kinh	x	x		
2883	582	Gây mê phẫu thuật cắt u thành âm đạo	x	x		
2884	583	Gây mê phẫu thuật cắt u thành ngực	x	x		
2885	584	Gây mê phẫu thuật cắt u thực quản	x	x		
2886	585	Gây mê phẫu thuật cắt u tiền phòng	x	x		
2887	586	Gây mê phẫu thuật cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	x	x		
2888	587	Gây mê phẫu thuật cắt u trực tràng làm hậu môn nhân tạo	x	x		
2889	588	Gây mê phẫu thuật cắt u trực tràng ống hậu môn	x	x		
2890	589	Gây mê phẫu thuật cắt u trung thất to xâm lấn mạch máu	x	x		
2891	590	Gây mê phẫu thuật cắt u trung thất vừa và nhỏ lệch bên lồng ngực	x	x		
2892	591	Gây mê phẫu thuật cắt u tụy tiết Insulin	x	x		
2893	592	Gây mê phẫu thuật cắt u tụy	x	x		
2894	593	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt dưới hàm	x	x		
2895	594	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt mang tai	x	x		
2896	595	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận	x	x		
2897	596	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận 1 bên	x	x		
2898	597	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận 2 bên	x	x		
2899	598	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến ức / nhược cơ	x	x		
2900	599	Gây mê phẫu thuật cắt u vú lành tính	x	x		
2901	600	Gây mê phẫu thuật cắt u vú, vú to nam giới	x	x		
2902	601	Gây mê phẫu thuật cắt u vùng họng miệng	x	x		
2903	602	Gây mê phẫu thuật cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	x	x		
2904	603	Gây mê phẫu thuật cắt u xương lành	x	x	x	
2905	604	Gây mê phẫu thuật cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn	x	x	x	
2906	605	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư âm hộ + vết hạch bẹn 2 bên	x	x		
2907	606	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư âm hộ tái phát	x	x		
2908	607	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư amidan/thanh quản.	x	x		
2909	608	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư bàng quang có hay không tạo hình bàng quang	x	x		
2910	609	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung toàn bộ và mạc nối lớn.	x	x		
2911	610	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư da đầu, mặt có tạo hình	x	x		
2912	611	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư da vùng mí mắt dưới và tạo hình	x	x		
2913	612	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư da vùng mí mắt trên và tạo hình	x	x		
2914	613	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư hốc mắt đã xâm lấn các xoang xoang hàm, xoang sàng ...	x	x		
2915	614	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư lưỡi có tái tạo vạt cơ da	x	x		
2916	615	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư lưỡi sàn miệng, nạo vết hạch và tạo hình bằng vạt từ xa	x	x		
2917	616	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư lưỡi và vết hạch cổ	x	x		
2918	617	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5 cm	x	x		
2919	618	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm	x	x	x	
2920	619	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư phần mềm	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
2921	620	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư thận	x	x		
2922	621	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư tiền liệt tuyến.	x	x		
2923	622	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư tinh hoàn lạc chỗ	x	x		
2924	623	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư tử cung chảy máu	x	x		
2925	624	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư túi mật	x	x		
2926	625	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư vòm khẩu cái	x	x		
2927	626	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư vú tiết kiệm da tạo hình ngay	x	x		
2928	627	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm và hạch cổ	x	x		
2929	628	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vật tại chỗ	x	x		
2930	629	Gây mê phẫu thuật cắt và thắt đường rò khí quản - thực quản	x	x		
2931	630	Gây mê phẫu thuật cắt vú trên bệnh nhân K vú	X	x		
2932	631	Gây mê phẫu thuật cắt xương hàm tạo hình	x	x		
2933	632	Gây mê phẫu thuật cắt, nạo vét hạch cổ tiết căn	x	x		
2934	633	Gây mê phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ	x	x	x	
2935	638	Gây mê phẫu thuật chích áp xe gan	x	x	x	
2936	639	Gây mê phẫu thuật chỉnh , xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK	x	x		
2937	641	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình cong dương vật	x	x	x	
2938	642	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình vùi dương vật	x	x	x	
2939	643	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình vùng đầu mặt cổ	x	x		
2940	644	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình xương 2 hàm	x	x		
2941	645	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới hai bên	x	x		
2942	646	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới một bên	x	x		
2943	647	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên hai bên	x	x		
2944	648	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên một bên	x	x		
2945	649	Gây mê phẫu thuật chỉnh sửa sẹo xấu dương vật	x	x		
2946	651	Gây mê phẫu thuật chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	x	x		
2947	653	Gây mê phẫu thuật chữa ngoài dạ con vỡ	x	x	x	
2948	654	Gây mê phẫu thuật chữa túi thừa bàng quang	x	x		
2949	655	Gây mê phẫu thuật chuyển gân điều trị mất hờ mi (2 mắt)	x	x		
2950	656	Gây mê phẫu thuật chuyển vật da cân có cuống mạch nuôi	x	x		
2951	657	Gây mê phẫu thuật cố định bao Tenon tạo cùng đồ dưới	x	x		
2952	658	Gây mê phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng các nút Ivy	x	x		
2953	659	Gây mê phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn	x	x		
2954	660	Gây mê phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính	x	x		
2955	661	Gây mê phẫu thuật cố định kết hợp xương nẹp vít gãy thân xương cánh tay	x	x	x	
2956	663	Gây mê phẫu thuật cố định màng xương tạo cùng đồ	x	x		
2957	664	Gây mê phẫu thuật cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x	
2958	665	Gây mê phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường bụng	x	x		
2959	667	Gây mê phẫu thuật có sốc	x	x		
2960	668	Gây mê phẫu thuật cứng khớp vai do xơ hóa cơ Delta	x	x		
2961	669	Gây mê phẫu thuật đa chấn thương	x	x		
2962	671	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu 2 niệu quản ra thành bụng	x	x		
2963	672	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu 2 thận	x	x		
2964	673	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đáy chậu	x	x	x	
2965	674	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	x	x	x	
2966	675	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x		
2967	676	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên	x	x		
2968	677	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu thận	x	x		
2969	678	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu túi mật	x	x	x	
2970	679	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu viêm mũ khớp, không sai khớp	x	x	x	
2971	680	Gây mê phẫu thuật đặt bản silicon điều trị lõm mắt	x	x		
2972	681	Gây mê phẫu thuật đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)	x	x		
2973	682	Gây mê phẫu thuật đặt khung định vị u não	x	x		
2974	683	Gây mê phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản – ống lệ mũi	x	x		
2975	684	Gây mê phẫu thuật đặt ống silicon tiền phòng điều trị glôcôm	x	x		
2976	685	Gây mê phẫu thuật đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (đặt shunt mini express)	x	x		
2977	686	Gây mê phẫu thuật đặt stent các động mạch ngoại vi	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
2978	687	Gây mê phẫu thuật đặt stent động mạch chủ bụng	x	x		
2979	688	Gây mê phẫu thuật đặt stent động mạch chủ ngực	x	x		
2980	689	Gây mê phẫu thuật đặt stent động mạch đùi	x	x	x	
2981	690	Gây mê phẫu thuật đặt stent quai động mạch chủ	x			
2982	691	Gây mê phẫu thuật đặt sụn sườn vào dưới màng xương điều trị lõm mắt	x	x		
2983	692	Gây mê phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thị 2 (không cắt dịch kính)	x	x		
2984	693	Gây mê phẫu thuật đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm	x	x		
2985	694	Gây mê phẫu thuật dị dạng đường sinh dục	x	x		
2986	705	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh suy – giãn tĩnh mạch chi dưới	x	x		
2987	706	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh Verneuil	x	x		
2988	707	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh xuất tinh sớm	x	x		
2989	708	Gây mê phẫu thuật điều trị bong hắc mạc: chọc hút dịch bong dưới hắc mạc, bơm hơi tiền phòng	x	x		
2990	709	Gây mê phẫu thuật điều trị can sai xương gò má	x	x		
2991	710	Gây mê phẫu thuật điều trị can sai xương hàm dưới	x	x		
2992	711	Gây mê phẫu thuật điều trị can sai xương hàm trên	x	x		
2993	712	Gây mê phẫu thuật điều trị chảy máu do tăng áp tĩnh mạch cửa có chẹn và nối mạch máu	x			
2994	713	Gây mê phẫu thuật điều trị chảy máu do tăng áp tĩnh mạch cửa không có nối mạch máu	x	x		
2995	714	Gây mê phẫu thuật điều trị chảy máu đường mật, cắt gan	x	x		
2996	715	Gây mê phẫu thuật điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox, dysport...), laser	x	x		
2997	716	Gây mê phẫu thuật điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên	x			
2998	717	Gây mê phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép sụn xương tự thân	x			
2999	718	Gây mê phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép vật liệu thay thế	x			
3000	719	Gây mê phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	x			
3001	720	Gây mê phẫu thuật điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)	x	x		
3002	721	Gây mê phẫu thuật điều trị hẹp khít động mạch cánh do xơ vữa	x	x		
3003	722	Gây mê phẫu thuật điều trị hẹp môn vị phì đại	x	x		
3004	723	Gây mê phẫu thuật điều trị hở mi	x	x	x	
3005	724	Gây mê phẫu thuật điều trị hoại tử xương hàm do tia xạ	x	x		
3006	725	Gây mê phẫu thuật điều trị hoại tử xương và phần mềm vùng hàm mặt do tia xạ	x	x		
3007	726	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	x	x	x	
3008	727	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	x	x	x	
3009	728	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	x	x	x	
3010	729	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở chéo mặt hai bên	x	x		
3011	730	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở chéo mặt một bên	x	x		
3012	731	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở môi hai bên	x	x		
3013	732	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở môi một bên	x	x		
3014	734	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng không toàn bộ	x	x		
3015	735	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng toàn bộ	x	x		
3016	736	Gây mê phẫu thuật điều trị khuyết hồng phần mềm vùng hàm mặt bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
3017	737	Gây mê phẫu thuật điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)	x	x		
3018	738	Gây mê phẫu thuật điều trị laser hồng ngoại	x	x		
3019	757	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	x	x	x	
3020	758	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	x	x	x	
3021	759	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	x	x	x	
3022	760	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	x	x	x	
3023	761	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	x	x	x	
3024	762	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	x	x	x	
3025	769	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng	x	x	x	
3026	773	Gây mê phẫu thuật điều trị thủng đường tiêu hóa có làm hậu môn nhân tạo	x	x		
3027	776	Gây mê phẫu thuật điều trị tổn thương đám rối thần kinh cánh tay	x	x		
3028	778	Gây mê phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
3029	779	Gây mê phẫu thuật điều trị u lợi bằng laser	x	x		
3030	780	Gây mê phẫu thuật điều trị u máu bằng hóa chất	x	x		
3031	781	Gây mê phẫu thuật điều trị vẹo cổ	x	x		
3032	782	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân	x	x	x	
3033	783	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng vật có sử dụng vi phẫu thuật	x	x		
3034	784	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương mạch đốt sống	x	x		
3035	785	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da lân cận	x	x	x	
3036	786	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da tại chỗ	x	x	x	
3037	790	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức	x	x		
3038	791	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	x	x	x	
3039	794	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	x	x	x	
3040	797	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát	x	x	x	
3041	798	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến	x	x	x	
3042	799	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng	x	x		
3043	803	Gây mê phẫu thuật dính khớp quay trụ bẩm sinh	x	x		
3044	804	Gây mê phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo bẩm sinh	x	x		
3045	805	Gây mê phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo-trực tràng bẩm sinh	x	x		
3046	806	Gây mê phẫu thuật dò niệu đạo - trực tràng bẩm sinh	x	x		
3047	808	Gây mê phẫu thuật độn cùng mạc bằng collagen điều trị cận thị	x	x		
3048	809	Gây mê phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng sụn tự thân	x	x		
3049	810	Gây mê phẫu thuật động / tĩnh mạch ngoại biên các loại : tắc mạch , phình mạch, dẫn tĩnh mạch chân	x	x		
3050	811	Gây mê phẫu thuật đóng các lỗ rò niệu đạo	x	x		
3051	816	Gây mê phẫu thuật đóng đỉnh nội tủy kín có chốt xương chày dưới màng hình tăng sang	x	x		
3052	817	Gây mê phẫu thuật đóng dò bàng quang - âm đạo	x	x		
3053	819	Gây mê phẫu thuật đóng dò trực tràng âm đạo	x	x		
3054	828	Gây mê phẫu thuật đóng hậu môn nhân tạo	x	x		
3055	829	Gây mê phẫu thuật đóng lỗ dò đường lệ	x	x		
3056	830	Gây mê phẫu thuật đóng lỗ mở bàng quang ra da	x	x		
3057	835	Gây mê phẫu thuật đục chồi xương	x	x		
3058	836	Gây mê phẫu thuật đục xương sửa trục	x	x		
3059	837	Gây mê phẫu thuật duỗi cứng khớp gối, hoặc có gối uốn, hoặc có sai khớp xương bánh chè	x	x		
3060	838	Gây mê phẫu thuật duỗi khớp gối đơn thuần	x	x		
3061	839	Gây mê phẫu thuật duỗi khớp gối quá mức bẩm sinh, sai khớp hoặc bán sai khớp	x	x		
3062	840	Gây mê phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu	x	x		
3063	842	Gây mê phẫu thuật Frey – Beger điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn	x	x		
3064	843	Gây mê phẫu thuật Frey điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn	x	x		
3065	844	Gây mê phẫu thuật gan- mật	x	x		
3066	845	Gây mê phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x		
3067	847	Gây mê phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x	x	
3068	848	Gây mê phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert	x	x	x	
3069	849	Gây mê phẫu thuật ghép cùng mạc	x	x		
3070	850	Gây mê phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause $\geq 3\%$ diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu	x	x		
3071	851	Gây mê phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu	x	x	x	
3072	852	Gây mê phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rấn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích $> 10\%$	x	x		
3073	853	Gây mê phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rấn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích $< 5\%$	x	x		
3074	854	Gây mê phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rấn cắn, vết thương có diện tích 5-10%	x	x		
3075	855	Gây mê phẫu thuật ghép da hay vật da điều trị hở mi do sẹo	x	x		
3076	856	Gây mê phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
3077	857	Gây mê phẫu thuật ghép da tự thân trên 10% diện tích bỏng cơ thể	x	x		
3078	858	Gây mê phẫu thuật ghép da tự thân từ 5 - 10% diện tích bỏng cơ thể	x	x		
3079	859	Gây mê phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật	x	x	x	
3080	860	Gây mê phẫu thuật ghép giác mạc có vành củng mạc	x	x		
3081	861	Gây mê phẫu thuật ghép giác mạc lần hai trở lên	x	x		
3082	862	Gây mê phẫu thuật ghép giác mạc lớp	x	x		
3083	863	Gây mê phẫu thuật ghép giác mạc nhân tạo	x	x		
3084	864	Gây mê phẫu thuật ghép giác mạc tự thân	x	x		
3085	865	Gây mê phẫu thuật ghép giác mạc xuyên	x	x		
3086	866	Gây mê phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời không bằng vi phẫu	x	x	x	
3087	867	Gây mê phẫu thuật ghép màng ôi, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc	x	x		
3088	868	Gây mê phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu	x	x		
3089	869	Gây mê phẫu thuật ghép mỡ điều trị lồi mắt	x	x		
3090	870	Gây mê phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman điều trị lồi mắt	x	x		
3091	871	Gây mê phẫu thuật ghép nội mô giác mạc	x	x		
3092	872	Gây mê phẫu thuật ghép toàn bộ mũi và bộ phận xung quanh đứt rời có sử dụng vi phẫu	x	x		
3093	878	Gây mê phẫu thuật ghép xương tự thân (chưa bao gồm các phương tiện cố định)	x	x	x	
3094	885	Gây mê phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên	x	x		
3095	886	Gây mê phẫu thuật gọt giác mạc đơn thuần	x	x		
3096	887	Gây mê phẫu thuật hạ nội nhãn	x	x		
3097	888	Gây mê phẫu thuật hạ mi trên (chính chỉ, lùi cơ nâng mi ...)	x	x		
3098	889	Gây mê phẫu thuật hạ nội nhãn 1 bên	x	x	x	
3099	890	Gây mê phẫu thuật hạ nội nhãn 2 bên	x	x	x	
3100	891	Gây mê phẫu thuật hạ nội nhãn lạc chỗ 1 bên	x	x	x	
3101	892	Gây mê phẫu thuật hạch ngoại biên	x	x	x	
3102	894	Gây mê phẫu thuật hẹp khe mí	x	x		
3103	895	Gây mê phẫu thuật hội chứng ống cổ tay	x	x	x	
3104	896	Gây mê phẫu thuật hội chứng volkmann cơ cơ áp có kết hợp xương	x	x		
3105	897	Gây mê phẫu thuật hội chứng volkmann cơ cơ gấp không kết hợp xương	x	x	x	
3106	898	Gây mê phẫu thuật kéo dài cân cơ nâng mí	x	x		
3107	899	Gây mê phẫu thuật khâu da thì II	x	x	x	
3108	900	Gây mê phẫu thuật khâu phục hồi cơ hoành	x	x		
3109	901	Gây mê phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi	x	x		
3110	902	Gây mê phẫu thuật khe thoát vị rốn, hở thành bụng	x	x		
3111	903	Gây mê phẫu thuật khoan sọ dẫn lưu ổ tụ mũ dưới màng cứng	x	x	x	
3112	904	Gây mê phẫu thuật khớp giả xương chày bẩm sinh có ghép xương	x	x		
3113	905	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương (KHX) chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa	x	x	x	
3114	906	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng ghép xương, sụn tự thân	x	x		
3115	907	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
3116	908	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
3117	909	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu thay thế	x	x		
3118	910	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng các vật liệu thay thế	x	x		
3119	911	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng chỉ thép	x	x		
3120	912	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
3121	913	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
3122	914	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép	x	x		
3123	915	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
3124	916	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
3125	917	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép	x	x		
3126	918	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
3127	919	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
3128	920	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng chì thép	x	x		
3129	921	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
3130	922	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
3131	923	Gây mê phẫu thuật KHX gãy 2 xương cẳng tay	x	x	x	
3132	924	Gây mê phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay	x	x	x	
3133	925	Gây mê phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	x	x	x	
3134	926	Gây mê phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối	x	x	x	
3135	927	Gây mê phẫu thuật KHX gãy bong sụn vùng cổ xương đùi	x	x	x	
3136	928	Gây mê phẫu thuật KHX gãy chòm đốt bàn và ngón tay	x	x	x	
3137	929	Gây mê phẫu thuật KHX gãy cổ chân	x			
3138	930	Gây mê phẫu thuật KHX gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay	x	x	x	
3139	931	Gây mê phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai	x	x		
3140	932	Gây mê phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi	x	x	x	
3141	933	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)	x	x	x	
3142	934	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đài quay phức tạp	x	x	x	
3143	935	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đài quay	x	x	x	
3144	936	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	x	x	x	
3145	937	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay	x	x	x	
3146	938	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở độ II thân xương cánh tay	x	x	x	
3147	939	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x	x	
3148	940	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở độ III hai xương cẳng chân	x	x	x	
3149	941	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở độ III thân xương cánh tay	x	x	x	
3150	942	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x	x	
3151	943	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay	x	x	x	
3152	944	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay	x	x	x	
3153	945	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở III thân hai xương cẳng tay	x	x	x	
3154	946	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x	
3155	947	Gây mê phẫu thuật KHX gãy Hoffa đầu dưới xương đùi	x	x	x	
3156	948	Gây mê phẫu thuật KHX gãy khung chậu – trật khớp mu	x	x		
3157	949	Gây mê phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x	
3158	950	Gây mê phẫu thuật KHX gãy liên mấu chuyển xương đùi	x	x		
3159	951	Gây mê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x	x	
3160	952	Gây mê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương đùi	x	x	x	
3161	953	Gây mê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu trong xương đùi	x	x	x	
3162	954	Gây mê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay	x	x	x	
3163	955	Gây mê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương khớp ngón tay	x	x	x	
3164	956	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày	x	x	x	
3165	957	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài	x	x	x	
3166	958	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong	x	x	x	
3167	959	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	x	x	x	
3168	960	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài	x	x	x	
3169	961	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong	x	x	x	
3170	962	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu phức tạp	x	x	x	
3171	963	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu	x	x	x	
3172	964	Gây mê phẫu thuật KHX gãy Monteggia	x	x	x	
3173	965	Gây mê phẫu thuật KHX gãy nèn đốt bàn ngón 5 (bàn chân)	x	x	x	
3174	966	Gây mê phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay	x	x	x	
3175	967	Gây mê phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay	x	x	x	
3176	968	Gây mê phẫu thuật KHX gãy ổ cối đơn thuần	x	x	x	
3177	969	Gây mê phẫu thuật KHX gãy ổ cối phức tạp	x	x		
3178	970	Gây mê phẫu thuật KHX gãy phức tạp chòm xương đùi – trật hang	x	x		
3179	971	Gây mê phẫu thuật KHX gãy phức tạp vùng khuỷu	x	x	x	
3180	972	Gây mê phẫu thuật KHX gãy Pilon	x	x	x	
3181	973	Gây mê phẫu thuật KHX gãy rỗng rọc xương cánh tay	x	x	x	
3182	974	Gây mê phẫu thuật KHX gãy sụn tăng trưởng ở đầu xương	x	x	x	
3183	975	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân	x	x	x	
3184	976	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay	x	x	x	
3185	977	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay	x	x	x	
3186	978	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân xương cẳng chân	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
3187	979	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay	x	x	x	
3188	980	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay	x	x	x	
3189	981	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay phức tạp	x	x	x	
3190	982	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương chày	x	x	x	
3191	983	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương đùi phức tạp	x	x		
3192	984	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương đùi	x	x	x	
3193	985	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật cổ xương cánh tay	x	x	x	
3194	986	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật cổ xương đùi	x	x	x	
3195	987	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật đốt bàn ngón chân	x	x	x	
3196	988	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật khớp cổ chân ở trẻ em	x	x	x	
3197	989	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật khớp cổ tay	x	x	x	
3198	990	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật xương gót	x	x	x	
3199	991	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật xương sên	x	x	x	
3200	992	Gây mê phẫu thuật KHX gây trên lồi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh	x	x	x	
3201	993	Gây mê phẫu thuật KHX gây trên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x	
3202	994	Gây mê phẫu thuật KHX gây trên lồi cầu xương đùi	x	x	x	
3203	995	Gây mê phẫu thuật KHX gây trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x	x	
3204	996	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương bả vai	x	x		
3205	997	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương bánh chè phức tạp	x	x	x	X
3206	998	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương bệnh lý	x	x	x	
3207	999	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương đòn	x	x	x	
3208	1000	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương đốt bàn ngón tay	x	x	x	
3209	1001	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương đốt bàn và đốt ngón chân	x	x	x	
3210	1002	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương gót	x	x	x	
3211	1003	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương mác đơn thuần	x	x	x	
3212	1004	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới	x	x	x	
3213	1005	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương sên và trật khớp	x	x	x	
3214	1006	Gây mê phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay	x	x	x	
3215	1007	Gây mê phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn	x	x	x	
3216	1008	Gây mê phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương	x	x		
3217	1009	Gây mê phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương	x	x		
3218	1010	Gây mê phẫu thuật KHX toác khớp mu (trật khớp)	x	x		
3219	1011	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp cổ chân	x	x	x	
3220	1012	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp cùng chậu	x	x	x	
3221	1013	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn	x	x	x	
3222	1014	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp dưới sên	x	x	x	
3223	1015	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp Lisfranc	x	x	x	
3224	1016	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn	x	x	x	
3225	1017	Gây mê phẫu thuật KHX trên màn hình tăng sáng (chưa bao gồm đỉnh xương, nếp vít, ốc, khóa)	x	x		
3226	1018	Gây mê phẫu thuật lác có chỉnh chỉ	x	x		
3227	1019	Gây mê phẫu thuật lác người lớn	x	x		
3228	1020	Gây mê phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, faden...)	x	x		
3229	1021	Gây mê phẫu thuật lác thông thường	x	x		
3230	1022	Gây mê phẫu thuật lách hoặc tụy	x	x	x	
3231	1023	Gây mê phẫu thuật lại các dị tật hậu môn trực tràng đơn thuần, không làm lại niệu đạo	x	x		
3232	1024	Gây mê phẫu thuật lại phình đại tràng bẩm sinh	x	x		
3233	1025	Gây mê phẫu thuật lại tắc ruột sau phẫu thuật	x	x	x	
3234	1026	Gây mê phẫu thuật lại ung thư, gỡ dính.	x	x	x	
3235	1027	Gây mê phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo cấp cứu ở trẻ em	x	x		
3236	1028	Gây mê phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo	x	x	x	
3237	1029	Gây mê phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII	x	x		
3238	1030	Gây mê phẫu thuật làm sâu ngách tiền đình	x	x		
3239	1031	Gây mê phẫu thuật làm thẳng dương vật	x	x		
3240	1032	Gây mê phẫu thuật lạnh đông điều trị K vồng mạc	x	x		
3241	1033	Gây mê phẫu thuật lạnh đông đơn thuần phòng bong vồng mạc	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
3242	1035	Gây mê phẫu thuật laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt	x	x		
3243	1036	Gây mê phẫu thuật laser điều trị u nguyên bào võng mạc	x	x		
3244	1037	Gây mê phẫu thuật laser excimer điều trị tật khúc xạ	x	x		
3245	1038	Gây mê phẫu thuật laser femtosecond điều trị lão thị (PT: INTRACOR)	x	x		
3246	1041	Gây mê phẫu thuật lấy bỏ chòm quay	x	x	x	
3247	1043	Gây mê phẫu thuật lấy bỏ lõi cầu xương hàm dưới gãy	x	x		
3248	1044	Gây mê phẫu thuật lấy bỏ thân đốt sống ngực và đặt lồng titanium	x	x		
3249	1045	Gây mê phẫu thuật lấy bỏ thân đốt sống ngực và ghép xương	x	x		
3250	1046	Gây mê phẫu thuật lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi	x	x		
3251	1048	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật giác mạc sâu	x	x		
3252	1049	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật hốc mắt	x	x		
3253	1050	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm	x	x		
3254	1051	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật phổi – màng phổi	x	x		
3255	1055	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật tiền phòng	x	x		
3256	1056	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật trong củng mạc	x	x		
3257	1057	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật trực tràng	x	x		
3258	1058	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mắt	x	x		
3259	1061	Gây mê phẫu thuật lấy giun, dị vật ở ruột non	x	x	x	
3260	1062	Gây mê phẫu thuật lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vét hạch cổ bảo tồn 1 bên	x	x		
3261	1063	Gây mê phẫu thuật lấy hạch cuống gan	x	x		
3262	1064	Gây mê phẫu thuật lấy huyết khối tĩnh mạch cửa	x	x		
3263	1065	Gây mê phẫu thuật lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ	x	x	x	
3264	1066	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ bao gan	x	x		
3265	1067	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính	x	x		
3266	1068	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên	x	x	x	
3267	1069	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não	x	x		
3268	1070	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ quanh ổ mắt sau CTSN	x	x		
3269	1071	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất	x	x		
3270	1072	Gây mê phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi	x	x		
3271	1073	Gây mê phẫu thuật lấy nhân ở tụy (di căn tụy, u tụy)	x	x		
3272	1074	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	x	x		
3273	1075	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang	x	x	x	
3274	1076	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi bể thận ngoài xoang	x	x		
3275	1077	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi mật, giun trong đường mật qua nội soi tá tràng	x	x		
3276	1078	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận trong xoang	x	x		
3277	1079	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	x	x		
3278	1080	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi nhu mô thận	x	x		
3279	1081	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo	x	x	x	
3280	1082	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	x	x	x	
3281	1083	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần	x	x	x	
3282	1084	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	x	x		
3283	1085	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ	x	x	x	
3284	1086	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ, cắt túi mật	x	x	x	
3285	1087	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng	x	x		
3286	1088	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống wharton tuyến dưới hàm	x	x		
3287	1090	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi san hô thận	x	x		
3288	1091	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang	x	x		
3289	1092	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi thận	x	x		
3290	1093	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi túi mật, nối túi mật tá tràng	x	x		
3291	1094	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi, nối tụy hồng tràng	x	x		
3292	1095	Gây mê phẫu thuật lấy thai bình thường ở sản phụ không có các bệnh kèm theo	x	x	x	
3293	1101	Gây mê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng đa tầng	x	x		
3294	1102	Gây mê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng sử dụng nẹp cố định liên gai sau (DIAM, Silicon, Coflex, Gelfix ...)	x	x		
3295	1103	Gây mê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu	x	x		
3296	1104	Gây mê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng	x	x		
3297	1105	Gây mê phẫu thuật lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
3298	1106	Gây mê phẫu thuật lấy tổ chức ung thư tái phát khu trú tại tụy	x	x		
3299	1107	Gây mê phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	x	x		
3300	1108	Gây mê phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè	x	x	x	
3301	1109	Gây mê phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	x	x	x	
3302	1112	Gây mê phẫu thuật lấy u xương (ghép xi măng)	x	x		
3303	1113	Gây mê phẫu thuật lấy xương chết, nạo rò điều trị viêm xương hàm	x	x	x	
3304	1114	Gây mê phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	x	x	x	
3305	1115	Gây mê phẫu thuật lỗ tiểu đóng cao	x	x		
3306	1116	Gây mê phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, kỹ thuật Mathgieu, Magpi	x	x		
3307	1117	Gây mê phẫu thuật loại 3	x	x	x	
3308	1119	Gây mê phẫu thuật lớn trên dạ dày hoặc ruột	x	x	x	
3309	1120	Gây mê phẫu thuật lùi cơ nâng mi	x	x		
3310	1121	Gây mê phẫu thuật màng da cổ (Pterygium Coilli)	x	x		
3311	1122	Gây mê phẫu thuật mắt ở trẻ em	x	x		
3312	1124	Gây mê phẫu thuật mở bao sau	x	x		
3313	1125	Gây mê phẫu thuật mở bao sau đục bằng laser	x	x		
3314	1126	Gây mê phẫu thuật mở bẹn có hoặc không cắt bẹn	x	x		
3315	1127	Gây mê phẫu thuật mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung	x	x		
3316	1128	Gây mê phẫu thuật mở bụng thăm dò	x	x	x	
3317	1129	Gây mê phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	x	x	x	
3318	1130	Gây mê phẫu thuật mở bụng thăm dò, sinh thiết	x	x		
3319	1131	Gây mê phẫu thuật mở cơ môn vị	x	x		
3320	1132	Gây mê phẫu thuật mở cơ trực tràng hoặc cắt cơ trực tràng và cơ tròn trong để điều trị co thắt cơ tròn trong	x	x		
3321	1133	Gây mê phẫu thuật mở cung sau và cắt bỏ mỏm khớp dưới	x	x		
3322	1134	Gây mê phẫu thuật mở dạ dày xử lý tổn thương	x	x	x	
3323	1135	Gây mê phẫu thuật mở đường mật ngoài gan lấy sỏi trừ mở ống mật chủ	x	x	x	
3324	1136	Gây mê phẫu thuật mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	x	x	x	
3325	1137	Gây mê phẫu thuật mở góc tiền phòng	x	x		
3326	1138	Gây mê phẫu thuật mở hồng tràng ra da nuôi ăn / mở nội soi mở bụng thăm sát chẩn đoán	x	x	x	
3327	1139	Gây mê phẫu thuật mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết	x	x		
3328	1140	Gây mê phẫu thuật mở màng phổi tối đa	x	x	x	
3329	1141	Gây mê phẫu thuật mở miệng nối mật ruột lấy sỏi dẫn lưu Kehr hoặc làm lại miệng nối mật ruột	x	x	x	
3330	1142	Gây mê phẫu thuật mở ngực giám sát tổn thương	x	x		
3331	1143	Gây mê phẫu thuật mở ngực thăm dò	x	x		
3332	1144	Gây mê phẫu thuật mở nhu mô gan lấy sỏi	x	x		
3333	1145	Gây mê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi có can thiệp đường mật	x	x		
3334	1146	Gây mê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật	x	x	x	
3335	1147	Gây mê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật	x	x	x	
3336	1148	Gây mê phẫu thuật mở rộng diềm lệ	x	x		
3337	1149	Gây mê phẫu thuật mở rộng khe mi	x	x		
3338	1150	Gây mê phẫu thuật mở rộng lỗ liên hợp để giải phóng chèn ép rễ	x	x		
3339	1151	Gây mê phẫu thuật mở rộng lỗ sáo	x	x	x	
3340	1152	Gây mê phẫu thuật mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại...)	x	x	x	
3341	1153	Gây mê phẫu thuật mở thông dạ dày	x	x	x	
3342	1154	Gây mê phẫu thuật mở thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần	x	x		
3343	1155	Gây mê phẫu thuật mở thông hồng tràng hoặc Gây mê phẫu thuật mở thông hồi tràng	x	x	x	
3344	1156	Gây mê phẫu thuật mở thông túi mật	x	x	x	
3345	1157	Gây mê phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm	x	x		
3346	1158	Gây mê phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	x	x		
3347	1159	Gây mê phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học	x	x		
3348	1160	Gây mê phẫu thuật mộng đơn thuần	x	x		
3349	1161	Gây mê phẫu thuật mức nội nhãn	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
3350	1162	Gây mê phẫu thuật nâng sàn hốc mắt	x	x		
3351	1163	Gây mê phẫu thuật nạo vét hạch cổ	x	x		
3352	1164	Gây mê phẫu thuật nạo vét hạch D1	x	x		
3353	1165	Gây mê phẫu thuật nạo vét hạch D2	x	x		
3354	1166	Gây mê phẫu thuật nạo vét hạch D3	x	x		
3355	1167	Gây mê phẫu thuật nạo vét hạch D4	x	x		
3356	1168	Gây mê phẫu thuật nạo vét hạch trung thất	x	x		
3357	1169	Gây mê phẫu thuật nạo vét tổ chức hốc mắt	x	x		
3358	1170	Gây mê phẫu thuật nhuộm giác mạc thẩm mỹ	x	x		
3359	1171	Gây mê phẫu thuật nối diện cắt đầu tụy và thân tụy với ruột non trên quai Y	x	x		
3360	1172	Gây mê phẫu thuật nối diện cắt thân tụy với dạ dày	x	x		
3361	1174	Gây mê phẫu thuật nối mật ruột bên - bên	x	x		
3362	1175	Gây mê phẫu thuật nối nang tụy với dạ dày	x	x		
3363	1176	Gây mê phẫu thuật nối nang tụy với hồng tràng	x	x		
3364	1177	Gây mê phẫu thuật nối nang tụy với tá tràng	x	x		
3365	1178	Gây mê phẫu thuật nối ngã ba đường mật hoặc ống gan phải hoặc ống gan trái với hồng tràng	x	x		
3366	1179	Gây mê phẫu thuật nối niệu quản - đại thận	x	x		
3367	1180	Gây mê phẫu thuật nối ống dẫn tinh sau phẫu thuật đình sản	x	x		
3368	1183	Gây mê phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	x	x		
3369	1185	Gây mê phẫu thuật nội soi buồng tử cung + mở thông 2 vòi tử cung	x	x		
3370	1186	Gây mê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung	x	x		
3371	1187	Gây mê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polype	x	x		
3372	1188	Gây mê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn	x	x		
3373	1189	Gây mê phẫu thuật nội soi cầm lại niệu quản	x	x		
3374	1190	Gây mê phẫu thuật nội soi cầm lại niệu quản vào bàng quang	x	x		
3375	1191	Gây mê phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật	x	x		
3376	1192	Gây mê phẫu thuật nội soi căng da trán, căng da mặt, căng da cổ	x	x		
3377	1193	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 phần thủy phổi	x	x		
3378	1194	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy phổi	x	x		
3379	1195	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp + eo giáp	x	x		
3380	1196	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x		
3381	1197	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	x	x		
3382	1198	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp	x	x		
3383	1199	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày	x	x		
3384	1200	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày	x	x		
3385	1201	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bạch mạch thận	x	x		
3386	1202	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp	x	x		
3387	1203	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
3388	1204	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x		
3389	1205	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp	x	x		
3390	1206	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1	x	x		
3391	1207	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1 α	x	x		
3392	1208	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1 β	x	x		
3393	1209	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D2	x	x		
3394	1210	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D3	x	x		
3395	1211	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần lách trong chấn thương	x	x		
3396	1212	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán sống giải ép trong hẹp ống sống lưng	x	x		
3397	1213	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên	x	x		
3398	1214	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên	x	x		
3399	1215	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bỏ u mạch máu vùng đầu cổ	x	x		
3400	1216	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bóng khí phổi	x	x		
3401	1217	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang gan	x	x		
3402	1218	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau phúc mạc	x	x		
3403	1225	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt dạ dày không điển hình	x	x		
3404	1226	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt dạ dày kiểu tay áo	x			
3405	1227	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
3406	1228	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang	x	x		
3407	1229	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở rộng	x	x		
3408	1230	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải	x	x		
3409	1231	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái	x	x		
3410	1232	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đầu dài gân nhị đầu	x	x		
3411	1233	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng	x	x		
3412	1234	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng nối tay	x			
3413	1235	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng	x	x		
3414	1236	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng	x	x		
3415	1237	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn ruột non	x	x		
3416	1238	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn tá tràng	x	x		
3417	1240	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm ngực (điều trị viêm tắc động mạch chi trên)	x	x		
3418	1241	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm thắt lưng (điều trị viêm tắc động mạch chi dưới)	x	x		
3419	1242	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt eo thận móng ngựa	x	x		
3420	1243	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy I	x	x		
3421	1244	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy II	x	x		
3422	1245	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy III	x	x		
3423	1246	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IV	x	x		
3424	1247	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IVA	x	x		
3425	1248	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IVB	x	x		
3426	1249	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IV-V	x	x		
3427	1250	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V	x	x		
3428	1251	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI	x	x		
3429	1252	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VII	x	x		
3430	1253	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VIII	x	x		
3431	1254	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VII-VIII	x	x		
3432	1255	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI-VII-VIII	x	x		
3433	1256	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V-VI	x	x		
3434	1257	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan không điển hình	x	x		
3435	1258	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan phải	x	x		
3436	1259	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy sau	x	x		
3437	1260	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy trước	x	x		
3438	1261	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan thùy phải	x	x		
3439	1262	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan thùy trái	x	x		
3440	1263	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow.	x	x		
3441	1264	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan trái	x	x		
3442	1265	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan trung tâm	x	x		
3443	1266	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt gan và đường mật	x	x		
3444	1267	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở bệnh nhân GEU	x	x		
3445	1268	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt hạch giao cảm	x	x		
3446	1269	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp gối (Arthroscopic Synovectomy of the knee)	x	x		
3447	1270	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp háng (Arthroscopic Synovectomy of the hip)	x	x		
3448	1271	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp khuỷu (Arthroscopic Synovectomy of the Elbow)	x	x		
3449	1272	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt kén, nang phổi	x	x		
3450	1273	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt khối tá tụy	x	x		
3451	1274	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lách bán phần	x	x		
3452	1275	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lách một lỗ	x	x		
3453	1276	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lách	x	x		
3454	1279	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lọc tụy hoại tử	x	x		
3455	1281	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt manh tràng	x	x		
3456	1282	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt máu răng C2 (mòm nha) qua miệng	x	x		
3457	1283	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt mòm ruột thừa	x	x		
3458	1284	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang đường mật	x	x		
3459	1285	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang lách	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
3460	1286	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang mạc treo ruột	x	x		
3461	1287	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang ống mật chủ, nối ống gan chung-hồng tràng	x	x		
3462	1288	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang thận x x	x	x	x	
3463	1290	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang tụy	x	x		
3464	1291	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang tuyến thượng thận	x	x		
3465	1292	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp	x	x		
3466	1293	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp	x	x		
3467	1296	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt polyp cổ họng	x	x		
3468	1297	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt polyp đại tràng	x	x		
3469	1298	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	x	x	x	
3470	1299	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	x	x	x	
3471	1300	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt sụn chêm (Arthroscopic Meniscectomy)	x	x		
3472	1301	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thận bán phần	x	x		
3473	1302	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thận đơn giản	x	x		
3474	1316	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tiền liệt tuyến	x	x	x	
3475	1317	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn	x	x		
3476	1318	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày	x	x		
3477	1319	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách + nạo hạch D2	x	x		
3478	1320	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách	x	x		
3479	1321	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + nạo hạch D2	x	x		
3480	1322	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ đại tràng	x	x		
3481	1323	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tử cung	X	x		
3482	1324	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tử cung + cắt lách	x	x		
3483	1325	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tử cung	x			
3484	1326	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp + nạo hạch cổ 2 bên	x	x		
3485	1327	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
3486	1328	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x		
3487	1329	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp.	x	x		
3488	1330	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp	x	x		
3489	1331	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp	x	x		
3490	1332	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng móm cột trực tràng, mở hậu môn nhân tạo	x	x		
3491	1333	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, nối đại tràng-ống hậu môn	x	x		
3492	1334	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngã bụng và tăng sinh môn	x	x		
3493	1335	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tử cung vét hạch tiểu khung	x	x		
3494	1336	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi mật	x	x	x	
3495	1337	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kerh	x	x		
3496	1338	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang	x	x		
3497	1339	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng	x	x		
3498	1340	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	x	x		
3499	1341	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng	x	x		
3500	1342	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa thực quản	x	x		
3501	1343	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tuyến cận giáp	x	x		
3502	1344	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tuyến thượng thận	x	x		
3503	1345	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tuyến ức	x	x		
3504	1346	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng	x	x		
3505	1347	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng, tử cung, thông vòi trứng	x	x		
3506	1348	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng+ tử cung	x	x		
3507	1349	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u đường mật ngoài gan thay thế OMC bằng quai ruột rời	x	x		
3508	1350	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u hoạt dịch cổ tay (arthroscopic ganglion resection)	x	x		
3509	1352	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non	x	x		
3510	1353	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột, không cắt ruột	x	x		
3511	1357	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u OMC	x	x		
3512	1358	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc	x	x		
3513	1359	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u thận ác tính	x	x		
3514	1360	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u thận lành tính	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
3515	1361	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u thực quản	x	x		
3516	1362	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u trung thất	x	x		
3517	1363	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u tụy tiết insulin	x	x		
3518	1364	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u tụy	x	x		
3519	1365	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 1 bên	x	x		
3520	1366	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 2 bên	x	x		
3521	1367	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u tuyến ức	x			
3522	1368	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi	x	x		
3523	1369	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt van niệu đạo sau của trẻ em	x	x		
3524	1372	Gây mê phẫu thuật nội soi chữa ngoài tử cung	x	x		
3525	1375	Gây mê phẫu thuật nội soi cổ định dạ dày	x			
3526	1376	Gây mê phẫu thuật nội soi cổ định trực tràng + cắt đoạn đại tràng	x	x		
3527	1377	Gây mê phẫu thuật nội soi cổ định trực tràng	x	x		
3528	1378	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe gan	x	x		
3529	1379	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tồn lưu	x	x		
3530	1380	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tụy	x	x		
3531	1381	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu đường mật qua da dưới siêu âm	x	x		
3532	1383	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu nang tụy	x	x		
3533	1388	Gây mê phẫu thuật nội soi đặt vòng thắt dạ dày	x	x		
3534	1390	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị áp-xe ruột thừa	x	x		
3535	1392	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp cổ chân	x	x		
3536	1394	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị đám quánh ruột thừa	x	x		
3537	1396	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị hẹp môn vị phì đại	x	x		
3538	1397	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị hoại tử chỏm xương đùi bằng ghép sụn xương	x	x		
3539	1398	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị hội chứng chèn ép trước cổ chân	x	x		
3540	1399	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị mất vững bánh	x	x		
3541	1400	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai theo phương pháp Latarjet	x	x		
3542	1401	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai	x	x		
3543	1406	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viên ô cối	x	x		
3544	1407	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viên trên từ trước ra sau	x	x		
3545	1411	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị sa sinh dục	x	x		
3546	1412	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị thoái khớp cùng đòn x	x			
3547	1414	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương dây chằng tròn	x	x		
3548	1416	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị trào ngược thực quản	x	x		
3549	1417	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị viêm co rút khớp vai	x	x		
3550	1418	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị viêm khớp vai	x	x		
3551	1419	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị viêm môm trên lõi cầu ngoài	x	x		
3552	1420	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh	x	x		
3553	1421	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị xoắn dạ dày có kèm cắt dạ dày	x	x		
3554	1422	Gây mê phẫu thuật nội soi đính lại nơi bám gân nhị đầu	x	x		
3555	1423	Gây mê phẫu thuật nội soi đóng hậu môn nhân tạo	x	x		
3556	1425	Gây mê phẫu thuật nội soi đốt hạch giao cảm lồng ngực bằng dụng cụ siêu nhỏ.	x	x		
3557	1426	Gây mê phẫu thuật nội soi Frey điều trị viêm tụy mạn	x	x		
3558	1427	Gây mê phẫu thuật nội soi gây dính màng phổi	x	x		
3559	1428	Gây mê phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang	x	x		
3560	1429	Gây mê phẫu thuật nội soi ghép sụn chêm	x	x		
3561	1430	Gây mê phẫu thuật nội soi ghép sụn xương tự thân	x	x		
3562	1431	Gây mê phẫu thuật nội soi ghép thần kinh điều trị liệt mặt	x	x		
3563	1433	Gây mê phẫu thuật nội soi giải phóng ống cổ tay	x	x		
3564	1436	Gây mê phẫu thuật nội soi gỡ dính màng phổi	x	x		
3565	1437	Gây mê phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột	x	x		
3566	1438	Gây mê phẫu thuật nội soi gỡ dính, hút rửa trong bệnh lý mù màng phổi	x	x		
3567	1439	Gây mê phẫu thuật nội soi hạ bóng trực tràng + tạo hình hậu môn một thì	x	x		
3568	1440	Gây mê phẫu thuật nội soi hàn khớp cổ chân	x	x		
3569	1441	Gây mê phẫu thuật nội soi hàn khớp dưới sên (Arthroscopic Subtalar Arthrodesis)	x	x		
3570	1442	Gây mê phẫu thuật nội soi hẹp bể thận, niệu quản	x	x		
3571	1445	Gây mê phẫu thuật nội soi hỗ trợ cắt polyp to đại tràng	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
3572	1446	Gây mê phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị gãy xương phạm khớp vùng gối x	x			
3573	1447	Gây mê phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị hoại tử chỏm xương đùi bằng khoan giải áp	x	x		
3574	1453	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu cầm máu lách	x	x		
3575	1454	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu cầm máu vỡ gan	x	x		
3576	1455	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu chớp xoay	x	x		
3577	1463	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu mạc treo	x	x		
3578	1464	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu miệng nối đại-trực tràng, rửa bụng, dẫn lưu (xì miệng nối đại-trực tràng)	x	x		
3579	1466	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu sụn chêm (Arthroscopic Meniscus Repair)	x	x		
3580	1468	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng	x	x		
3581	1469	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	x	x		
3582	1470	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng	x	x		
3583	1471	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng	x	x		
3584	1472	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng	x	x		
3585	1473	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non	x	x		
3586	1474	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng	x	x		
3587	1475	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng	x	x		
3588	1476	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng	x	x		
3589	1477	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng	x	x		
3590	1478	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng	x	x		
3591	1479	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày	x	x		
3592	1480	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng	x	x		
3593	1481	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng	x	x		
3594	1482	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non	x	x		
3595	1483	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng	x	x		
3596	1484	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng	x	x		
3597	1485	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng	x	x		
3598	1499	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy sỏi đường mật trong và ngoài gan có dẫn lưu Kehr	x	x		
3599	1500	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	x	x		
3600	1501	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr	x	x		
3601	1515	Gây mê phẫu thuật nội soi mở hồi tràng/hỗng tràng ra da	x	x		
3602	1516	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt gan thùy trái	x	x		
3603	1517	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật	x	x		
3604	1518	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + nối ống mật chủ-hỗng tràng	x	x		
3605	1519	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi	x	x		
3606	1520	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật	x	x		
3607	1521	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ruột non ra da	x	x		
3608	1522	Gây mê phẫu thuật nội soi mở sàng hàm	x	x		
3609	1523	Gây mê phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da	x	x	x	
3610	1524	Gây mê phẫu thuật nội soi mũi xoang điều trị gãy xương hàm mặt	x	x		
3611	1525	Gây mê phẫu thuật nội soi nang thận qua phúc mạc	x	x		
3612	1526	Gây mê phẫu thuật nội soi nang thận sau phúc mạc	x	x		
3613	1527	Gây mê phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng	x	x		
3614	1528	Gây mê phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng, nối túi mật-hỗng tràng	x	x		
3615	1529	Gây mê phẫu thuật nội soi nối nang tụy- dạ dày điều trị nang giả tụy	x	x		
3616	1530	Gây mê phẫu thuật nội soi nối nang tụy-hỗng tràng	x	x		
3617	1531	Gây mê phẫu thuật nội soi nối OMC-tá tràng	x	x		
3618	1532	Gây mê phẫu thuật nội soi nối ống gan chung-hỗng tràng	x	x		
3619	1533	Gây mê phẫu thuật nội soi nối ống mật chủ-hỗng tràng	x	x		
3620	1534	Gây mê phẫu thuật nội soi nối tắt đại tràng-đại tràng	x	x		
3621	1535	Gây mê phẫu thuật nội soi nối tắt hồi tràng-đại tràng ngang	x	x		
3622	1536	Gây mê phẫu thuật nội soi nối tắt ruột non-ruột non	x	x		
3623	1537	Gây mê phẫu thuật nội soi nối tắt thực quản-dạ dày bằng đại tràng	x	x		
3624	1538	Gây mê phẫu thuật nội soi nối thông lệ mũi	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
3625	1539	Gây mê phẫu thuật nội soi nối túi mật-hồng tràng	x	x		
3626	1540	Gây mê phẫu thuật nội soi nối vòi tử cung	x	x		
3627	1541	Gây mê phẫu thuật nội soi ổ bụng chuẩn đoán	x	x		
3628	1542	Gây mê phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai	x	x		
3629	1543	Gây mê phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận	x	x		
3630	1549	Gây mê phẫu thuật nội soi phục hồi thành bụng	x	x		
3631	1550	Gây mê phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày	x	x		
3632	1552	Gây mê phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu	x	x		
3633	1553	Gây mê phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận	x	x		
3634	1554	Gây mê phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	x	x		
3635	1555	Gây mê phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng	x	x		
3636	1558	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau	x	x		
3637	1559	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân)	x	x		
3638	1560	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng	x	x		
3639	1561	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu	x	x		
3640	1562	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó)	x	x		
3641	1564	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo sau	x	x		
3642	1565	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước	x	x		
3643	1566	Gây mê phẫu thuật nội soi tán sỏi trong phẫu thuật nội soi đường mật và tán sỏi qua đường hầm Kehr	x	x		
3644	1567	Gây mê phẫu thuật nội soi tán sỏi, dẫn lưu đường mật qua da dưới ECHO	x	x		
3645	1569	Gây mê phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận	x	x		
3646	1571	Gây mê phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản	x	x		
3647	1585	Gây mê phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai	x	x		
3648	1586	Gây mê phẫu thuật nội soi u mạc treo	x	x		
3649	1587	Gây mê phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	x	x		
3650	1588	Gây mê phẫu thuật nội soi vết hạch tiểu khung	x	x		
3651	1589	Gây mê phẫu thuật nội soi viêm phần phụ	x	x		
3652	1590	Gây mê phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	x	x		
3653	1591	Gây mê phẫu thuật nội soi vỡ đại tràng	x	x		
3654	1593	Gây mê phẫu thuật nội soi xẻ sa lồi lỗ niệu quản	x	x		
3655	1595	Gây mê phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung	x	x		
3656	1596	Gây mê phẫu thuật nối tắt ruột non – đại tràng hoặc trực tràng	x	x		
3657	1597	Gây mê phẫu thuật nối tắt ruột non – ruột non	x	x	x	
3658	1598	Gây mê phẫu thuật nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống Silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	x	x		
3659	1599	Gây mê phẫu thuật nối tụy ruột	x	x		
3660	1600	Gây mê phẫu thuật nối vị tràng	x	x	x	
3661	1601	Gây mê phẫu thuật nối vòi tử cung	x	x		
3662	1603	Gây mê phẫu thuật nong niệu đạo	x	x		
3663	1607	Gây mê phẫu thuật sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)	x	x		
3664	1608	Gây mê phẫu thuật sa sinh dục	x	x		
3665	1609	Gây mê phẫu thuật tạo hình âm đạo + tầng sinh môn	x	x		
3666	1610	Gây mê phẫu thuật tháo lồng ruột	x	x		
3667	1611	Gây mê phẫu thuật ứ máu kinh	x	x		
3668	1612	Gây mê phẫu thuật vá da tạo hình mí	x	x		
3669	1615	Gây mê phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa ở trẻ dưới 6 tuổi	x	x		
3670	1616	Gây mê phẫu thuật viêm sụn vành tai, dị tật vành tai	x	x		
3671	1617	Gây mê rút sonde JJ do nơi khác đặt hoặc thay sonde JJ tại khoa	x	x	x	
3672	1618	Gây mê tán sỏi qua da bằng laser	x	x		
3673	1619	Gây mê tán sỏi qua da bằng siêu âm	x	x		
3674	1620	Gây mê tán sỏi qua da bằng xung hơi	x	x		
3675	1621	Gây mê tán sỏi thận qua da	x	x		
		C. HỒI SỨC				
3676	1627	Hồi sức các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ	x	x	x	
3677	1628	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Basedow	x	x		
3678	1629	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh tim	x	x		
3679	1630	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh về máu	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
3680	1631	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương	x	x		
3681	1632	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đái tháo đường	x	x		
3682	1633	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân động kinh + tiền sử động kinh	x	x		
3683	1634	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân giảm tiểu cầu	x	x		
3684	1635	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hen phế quản	x	x		
3685	1636	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hội chứng HELLP	x	x		
3686	1637	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân lao + tiền sử lao phổi	x	x		
3687	1638	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Lupus	x	x		
3688	1641	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau cải răng lược	x	x		
3689	1642	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau tiền đạo ra máu	x	x		
3690	1643	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân thai chết lưu	x	x		
3691	1644	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân tiền sản giật nặng	x	x		
3692	1645	Hồi sức nội soi buồng tử cung can thiệp	x	x		
3693	1646	Hồi sức nội soi buồng tử cung chẩn đoán	x	x		
3694	1647	Hồi sức nội soi buồng tử cung, nạo buồng tử cung	x	x		
3695	1648	Hồi sức nội soi buồng tử cung, sinh thiết buồng tử cung	x	x		
3696	1649	Hồi sức nội soi buồng tử cung, vòi trứng thông vòi trứng	x	x		
3697	1650	Hồi sức nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản	x	x		
3698	1651	Hồi sức nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản	x	x		
3699	1652	Hồi sức nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser	x	x		
3700	1653	Hồi sức nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser	x	x		
3701	1654	Hồi sức nội soi nối vòi tử cung	x	x		
3702	1655	Hồi sức nội soi nong hẹp thực quản	x	x		
3703	1656	Hồi sức nội soi nong niệu quản hẹp	x	x		
3704	1657	Hồi sức nội soi ổ bụng chẩn đoán	x	x		
3705	1658	Hồi sức nội soi ổ bụng hỗ trợ đốt u gan bằng sóng cao tần (RFA)	x	x		
3706	1659	Hồi sức nội soi phế quản sinh thiết chẩn đoán	x	x		
3707	1660	Hồi sức nội soi tán sỏi niệu quản	x	x		
3708	1661	Hồi sức nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng	x	x		
3709	1662	Hồi sức nội soi tạo hình niệu quản quặt sau tĩnh mạch chủ	x	x		
3710	1663	Hồi sức nội soi thận ống mềm gấp sỏi thận	x	x		
3711	1664	Hồi sức nội soi thận ống mềm tán sỏi thận	x	x		
3712	1665	Hồi sức nội soi xẻ hẹp bể thận - niệu quản, mở rộng niệu quản	x	x		
3713	1666	Hồi sức nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi	x	x		
3714	1667	Hồi sức phẫu thuật áp xe dưới màng túi	x	x		
3715	1668	Hồi sức phẫu thuật áp xe gan	x	x	x	
3716	1669	Hồi sức phẫu thuật áp xe não bằng đường qua mê nhĩ	x	x		
3717	1670	Hồi sức phẫu thuật áp xe não	x	x		
3718	1671	Hồi sức phẫu thuật áp xe tồn dư ổ bụng	x	x		
3719	1679	Hồi sức phẫu thuật bàn chân bẹt, bàn chân lồi	x	x		
3720	1680	Hồi sức phẫu thuật bàn chân gót và xoay ngoài	x	x		
3721	1681	Hồi sức phẫu thuật bàn chân khoèo bẩm sinh	x	x		
3722	1682	Hồi sức phẫu thuật bàn chân thuồng	x	x		
3723	1683	Hồi sức phẫu thuật bàng quang lộ ngoài bằng nối bàng quang với trực tràng theo Duhamel	x	x		
3724	1684	Hồi sức phẫu thuật bảo tồn	x	x	x	
3725	1685	Hồi sức phẫu thuật bất động ngoài xương chày, xương đùi	x	x	x	
3726	1687	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân chữa ngoài dạ con vỡ	x	x	x	
3727	1688	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân tắc mạch ối	x	x		
3728	1689	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa	x	x	x	
3729	1695	Hồi sức phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung	x	x		
3730	1696	Hồi sức phẫu thuật bóc nhân xơ vú	x	x		
3731	1697	Hồi sức phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến	x	x		
3732	1699	Hồi sức phẫu thuật bong hay đứt dây chằng bên khớp gối	x	x		
3733	1707	Hồi sức phẫu thuật bướu cổ	x	x	x	
3734	1708	Hồi sức phẫu thuật bướu tinh hoàn	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
3735	1709	Hồi sức phẫu thuật các trường hợp chấn thương vùng đầu mặt cổ: chấn thương chính mũi, chấn thương các xoang hàm, sàng, chấn gãy xương hàm trên dưới	x	x		
3736	1710	Hồi sức phẫu thuật cầm máu lại tuyến giáp	x	x	x	
3737	1711	Hồi sức phẫu thuật cầm niệu quản vào bàng quang	x	x		
3738	1712	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 phổi hoặc thủy phổi hoặc phân thủy phổi	x	x		
3739	1713	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	x	x		
3740	1714	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông trong bướu giáp thông	x	x		
3741	1715	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ	x	x		
3742	1716	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp thông	x	x		
3743	1717	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ	x	x		
3744	1718	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp không lồ	x	x		
3745	1719	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	x	x		
3746	1720	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x		
3747	1721	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	x	x		
3748	1722	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp và cắt bán phần thủy còn lại trong Basedow	x	x		
3749	1723	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp không lồ	x	x		
3750	1724	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân	x	x		
3751	1725	Hồi sức phẫu thuật cắt 2 tạng trong ổ bụng (tiểu khung) trở lên	x	x		
3752	1726	Hồi sức phẫu thuật cắt âm hộ + vét hạch trên bệnh nhân K âm hộ	x	x		
3753	1727	Hồi sức phẫu thuật cắt âm hộ đơn thuần	x	x	x	
3754	1728	Hồi sức phẫu thuật cắt âm hộ ung thư, vét hạch bên hai bên	x	x		
3755	1729	Hồi sức phẫu thuật cắt amidan ở người lớn	x	x	x	
3756	1730	Hồi sức phẫu thuật cắt amidan ở trẻ em	x	x	x	
3757	1731	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x		
3758	1732	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân	x	x		
3759	1733	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
3760	1734	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân	x	x		
3761	1735	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần hay toàn phần do nang tuyến giáp, ung thư tuyến giáp có hoặc không kèm theo nạo vét hạch vùng đầu mặt cổ	x	x		
3762	1736	Hồi sức phẫu thuật cắt bàng quan toàn bộ, nạo vét hạch và chuyển lưu dòng nước tiểu bằng ruột	x	x		
3763	1737	Hồi sức phẫu thuật cắt bàng quang	x	x		
3764	1738	Hồi sức phẫu thuật cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	x	x		
3765	1739	Hồi sức phẫu thuật cắt bàng quang, tạo hình bàng quang	x	x		
3766	1740	Hồi sức phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x	
3767	1744	Hồi sức phẫu thuật cắt buồng trứng 2 bên	x	x		
3768	1745	Hồi sức phẫu thuật cắt bướu thông hỗ trợ qua nội soi	x	x		
3769	1746	Hồi sức phẫu thuật cắt các khối u ở phổi	x	x		
3770	1747	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm	x	x		
3771	1748	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
3772	1749	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm	x	x		
3773	1750	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm	x	x		
3774	1751	Hồi sức phẫu thuật cắt chắp có bọc	x	x	x	
3775	1752	Hồi sức phẫu thuật cắt chậu sàn miệng, tạo hình	x	x		
3776	1753	Hồi sức phẫu thuật cắt chậu sàn miệng, tạo hình, vét hạch cổ	x	x		
3777	1754	Hồi sức phẫu thuật cắt chi, vét hạch do ung thư	x	x	x	
3778	1755	Hồi sức phẫu thuật cắt chỏm nang gan	x	x		
3779	1756	Hồi sức phẫu thuật cắt cổ bàng quang	x	x		
3780	1759	Hồi sức phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường âm đạo	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
3781	1760	Hồi sức phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng, đường âm đạo	x	x		
3782	1761	Hồi sức phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng	x	x		
3783	1764	Hồi sức phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	x	x	x	
3784	1765	Hồi sức phẫu thuật cắt cụt chi	x	x	x	
3785	1766	Hồi sức phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x	x	
3786	1767	Hồi sức phẫu thuật cắt dây thần kinh giao cảm ngực	x	x		
3787	1771	Hồi sức phẫu thuật cắt dị tật hậu môn-trực tràng, làm lại niệu đạo	x	x		
3788	1772	Hồi sức phẫu thuật cắt đoạn chi	x	x	x	
3789	1774	Hồi sức phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ	x	x		
3790	1775	Hồi sức phẫu thuật cắt đường rò môi dưới	x	x		
3791	1777	Hồi sức phẫu thuật cắt dương vật trong lưỡng giới giả nữ	x	x	x	
3792	1778	Hồi sức phẫu thuật cắt hạ họng thanh quản toàn phần	x			
3793	1779	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
3794	1780	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
3795	1781	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
3796	1782	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 5% 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
3797	1783	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
3798	1784	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
3799	1785	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu từ 1% 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
3800	1786	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
3801	1787	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	x	x	x	
3802	1788	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt	x	x	x	
3803	1789	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x	x	
3804	1790	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u khẩu cái	x	x		
3805	1791	Hồi sức phẫu thuật cắt lách bán phần	x	x		
3806	1792	Hồi sức phẫu thuật cắt lách bệnh lý	x	x		
3807	1793	Hồi sức phẫu thuật cắt lách do chấn thương	x	x	x	
3808	1794	Hồi sức phẫu thuật cắt lách ung thư, apxe	x	x		
3809	1795	Hồi sức phẫu thuật cắt lại dạ dày	x	x		
3810	1796	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể	x	x	x	
3811	1797	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	x	x	x	
3812	1798	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	x	x	x	
3813	1799	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	x	x	x	
3814	1800	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc nhu mô gan	x	x		
3815	1801	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắm chỉnh và cố định tạm thời	x	x	x	
3816	1802	Hồi sức phẫu thuật cắt lõi xương	x	x		
3817	1803	Hồi sức phẫu thuật cắt mạc nối lớn	x	x	x	
3818	1804	Hồi sức phẫu thuật cắt mạc nối lớn, phúc mạc	x	x	x	
3819	1805	Hồi sức phẫu thuật cắt màng ngăn tá tràng	x	x	x	
3820	1807	Hồi sức phẫu thuật cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử	x	x		
3821	1808	Hồi sức phẫu thuật cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng	x	x		
3822	1809	Hồi sức phẫu thuật cắt mào tinh	x	x		
3823	1810	Hồi sức phẫu thuật cắt mòm thừa trực tràng	x	x		
3824	1811	Hồi sức phẫu thuật cắt mộng mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp	x	x		
3825	1812	Hồi sức phẫu thuật cắt một bên phổi do ung thư	x	x		
3826	1813	Hồi sức phẫu thuật cắt một nửa bàng quang và túi thừa bàng quang	x	x		
3827	1814	Hồi sức phẫu thuật cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	x	x		
3828	1815	Hồi sức phẫu thuật cắt một phần bản sống trong hẹp ống sống cổ	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
3829	1816	Hồi sức phẫu thuật cắt một phần tụy	x	x		
3830	1817	Hồi sức phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới	x	x		
3831	1818	Hồi sức phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên có can thiệp xoang	x	x		
3832	1819	Hồi sức phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên	x	x		
3833	1820	Hồi sức phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới	x	x		
3834	1821	Hồi sức phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên	x	x		
3835	1822	Hồi sức phẫu thuật cắt nang ống mật chủ	x	x		
3836	1823	Hồi sức phẫu thuật cắt nang ống mật chủ, nối gan hồng tràng	x	x		
3837	1824	Hồi sức phẫu thuật cắt nang tụy	x	x		
3838	1825	Hồi sức phẫu thuật cắt ngã ba đường mật hoặc ống gan phải ống gan trái	x	x		
3839	1826	Hồi sức phẫu thuật cắt nhân cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài	x	x		
3840	1827	Hồi sức phẫu thuật cắt nhiều đoạn ruột non	x	x		
3841	1828	Hồi sức phẫu thuật cắt nhiều hạ phân thủy	x	x		
3842	1829	Hồi sức phẫu thuật cắt nối niệu đạo sau	x	x		
3843	1830	Hồi sức phẫu thuật cắt nối niệu đạo trước	x	x		
3844	1831	Hồi sức phẫu thuật cắt nối niệu quản	x	x		
3845	1834	Hồi sức phẫu thuật cắt nửa bàng quang có tạo hình bàng quang ruột	x	x		
3846	1835	Hồi sức phẫu thuật cắt nửa đại tràng phải, (trái) do ung thư kèm vết hạch	x	x		
3847	1836	Hồi sức phẫu thuật cắt nửa xương hàm trên hoặc dưới	x	x		
3848	1837	Hồi sức phẫu thuật cắt ống động mạch	x	x		
3849	1838	Hồi sức phẫu thuật cắt phân thủy gan	x	x		
3850	1839	Hồi sức phẫu thuật cắt phân thủy gan, thủy gan	x	x		
3851	1840	Hồi sức phẫu thuật cắt phổi theo tổn thương	x	x		
3852	1841	Hồi sức phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung	x	x		
3853	1842	Hồi sức phẫu thuật cắt polyp kèm cắt toàn bộ đại tràng, để lại trực tràng chờ mổ hạ đại tràng thì sau	x	x		
3854	1843	Hồi sức phẫu thuật cắt polyp một đoạn đại tràng phải, cắt đoạn đại tràng phía trên làm hậu môn nhân tạo	x	x		
3855	1844	Hồi sức phẫu thuật cắt polyp mũi	x	x		
3856	1845	Hồi sức phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú	x	x	x	
3857	1846	Hồi sức phẫu thuật cắt rộng u niệu đạo	x	x		
3858	1847	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột non hình chêm	x	x	x	
3859	1848	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần	x	x	x	
3860	1849	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa viêm cấp ở trẻ dưới 6 tuổi	x	x		
3861	1850	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe	x	x	x	
3862	1851	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	x	x	x	
3863	1852	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột trong lòng ruột có cắt đại tràng	x	x		
3864	1853	Hồi sức phẫu thuật cắt tá tràng bảo tồn đầu tụy	x	x	x	
3865	1854	Hồi sức phẫu thuật cắt thận	x	x		
3866	1855	Hồi sức phẫu thuật cắt thận bán phần	x	x		
3867	1856	Hồi sức phẫu thuật cắt thận đơn thuần	x	x		
3868	1857	Hồi sức phẫu thuật cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách	x	x		
3869	1861	Hồi sức phẫu thuật cắt thận phụ và xử lý phần cuối niệu quản trong niệu quản đôi	x	x		
3870	1862	Hồi sức phẫu thuật cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ	x	x		
3871	1863	Hồi sức phẫu thuật cắt thân và đuôi tụy	x	x		
3872	1864	Hồi sức phẫu thuật cắt thanh quản bán phần, toàn phần có hoặc không nạo vết hạch đầu mặt cổ	x	x		
3873	1879	Hồi sức phẫu thuật cắt thủy gan trái	x	x		
3874	1880	Hồi sức phẫu thuật cắt thủy gan trái, phải do ung thư	x	x		
3875	1881	Hồi sức phẫu thuật cắt thủy hoặc phần thủy phổi do ung thư	x	x		
3876	1882	Hồi sức phẫu thuật cắt thủy phổi, phần phổi còn lại	x	x		
3877	1883	Hồi sức phẫu thuật cắt thủy tuyến giáp	x	x		
3878	1884	Hồi sức phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	x	x	x	
3879	1885	Hồi sức phẫu thuật cắt tinh hoàn	x	x	x	
3880	1887	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder, Camey	x	x		
3881	1888	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang và tạo hình.	x	x		
3882	1889	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang, cấy niệu quản vào ruột	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
3883	1890	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ dạ dày	x	x		
3884	1891	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non – trực tràng	x	x		
3885	1892	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, trực tràng	x	x		
3886	1893	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo	x	x		
3887	1894	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, nối ngay ruột non - ống hậu môn	x	x		
3888	1896	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ mạc treo trực tràng	x	x	x	
3889	1897	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ ruột non	x	x	x	
3890	1898	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ thận và niệu quản	x	x		
3891	1899	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tụy	x	x		
3892	1900	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	x	x		
3893	1901	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp	x	x		
3894	1902	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow	x	x		
3895	1903	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
3896	1904	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x		
3897	1905	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ	x	x		
3898	1906	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ	x	x		
3899	1907	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thông	x	x		
3900	1908	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	x	x		
3901	1909	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	x	x		
3902	1910	Hồi sức phẫu thuật cắt từ 3 tạng trở lên trong điều trị ung thư	x	x		
3903	1911	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + 2 phần phụ + vét hạch chậu 2 bên	x	x		
3904	1912	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + phần phụ + mạc nối lớn	x	x	x	
3905	1913	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng kèm tạo hình niệu quản	x	x		
3906	1914	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ	x	x	x	
3907	1915	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + buồng trứng trên bệnh nhân ung thư buồng trứng	x	x		
3908	1916	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + vét hạch trên bệnh nhân ung thư tử cung	x	x		
3909	1917	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì Chorio + chứa trứng	x	x		
3910	1918	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì K cổ tử cung	x	x		
3911	1919	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung	x	x	x	
3912	1920	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung toàn bộ, vét hạch tiểu khung	x	x		
3913	1921	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung	x	x	x	
3914	1922	Hồi sức phẫu thuật cắt tử lệ	x	x		
3915	1923	Hồi sức phẫu thuật cắt tử mật	x	x	x	
3916	1924	Hồi sức phẫu thuật cắt tử sa niệu quản	x	x		
3917	1925	Hồi sức phẫu thuật cắt tử thừa đại tràng	x	x	x	
3918	1926	Hồi sức phẫu thuật cắt tử thừa Meckel	x	x	x	
3919	1927	Hồi sức phẫu thuật cắt tử thừa niệu đạo	x	x		
3920	1928	Hồi sức phẫu thuật cắt tử thừa tá tràng	x	x	x	
3921	1929	Hồi sức phẫu thuật cắt tử thừa thực quản cổ	x	x		
3922	1930	Hồi sức phẫu thuật cắt tử thừa thực quản ngực	x	x		
3923	1931	Hồi sức phẫu thuật cắt tụy trung tâm	x	x		
3924	1932	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp	x	x		
3925	1933	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính	x	x		
3926	1934	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến nước bọt mang tai bảo tồn thần kinh VII	x	x		
3927	1935	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến thượng thận 1 bên	x	x		
3928	1936	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến thượng thận 2 bên	x	x		
3929	1937	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến thượng thận	x	x		
3930	1938	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức	x			
3931	1939	Hồi sức phẫu thuật cắt u bán phần sau	x			
3932	1940	Hồi sức phẫu thuật cắt u bàng quang đường trên	x	x		
3933	1941	Hồi sức phẫu thuật cắt u biểu bì	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
3934	1942	Hồi sức phẫu thuật cắt u buồng trứng hoặc bóc u buồng trứng	x	x		
3935	1943	Hồi sức phẫu thuật cắt u buồng trứng, gỡ dính	x	x		
3936	1944	Hồi sức phẫu thuật cắt u da đầu	x	x	x	
3937	1945	Hồi sức phẫu thuật cắt u da lành tính vành tai	x	x		
3938	1946	Hồi sức phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x	
3939	1947	Hồi sức phẫu thuật cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da	x	x		
3940	1948	Hồi sức phẫu thuật cắt u da mi không ghép	x	x		
3941	1949	Hồi sức phẫu thuật cắt u đáy lưỡi và mỡ khí quản	x	x		
3942	1950	Hồi sức phẫu thuật cắt u đáy lưỡi	x	x		
3943	1951	Hồi sức phẫu thuật cắt u dây thần kinh số VIII	x			
3944	1952	Hồi sức phẫu thuật cắt u dây V / u dây VIII	x			
3945	1953	Hồi sức phẫu thuật cắt u hố sau u góc cầu tiểu não	x			
3946	1954	Hồi sức phẫu thuật cắt u hố sau u tiểu não	x			
3947	1955	Hồi sức phẫu thuật cắt u hốc mắt bằng đường xuyên sọ	x			
3948	1956	Hồi sức phẫu thuật cắt u hốc mắt có hoặc không mở xương hốc mắt	x			
3949	1957	Hồi sức phẫu thuật cắt u hốc mũi	x			
3950	1958	Hồi sức phẫu thuật cắt u họng thanh quản bằng laser	x			
3951	1959	Hồi sức phẫu thuật cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép	x	x		
3952	1960	Hồi sức phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc	x			
3953	1961	Hồi sức phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc không vò	x	x		
3954	1962	Hồi sức phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	x	x	x	
3955	1963	Hồi sức phẫu thuật cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)	x	x		
3956	1964	Hồi sức phẫu thuật cắt u lành tính vùng mũi dưới 2cm	x	x		
3957	1965	Hồi sức phẫu thuật cắt u lợi hàm	x	x		
3958	1966	Hồi sức phẫu thuật cắt u lưỡi	x	x		
3959	1967	Hồi sức phẫu thuật cắt u mạc nối lớn	x	x		
3960	1968	Hồi sức phẫu thuật cắt u mạc treo ruột	x	x	x	
3961	1973	Hồi sức phẫu thuật cắt u men xương hàm dưới giữ lại bờ nền	x	x		
3962	1974	Hồi sức phẫu thuật cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da	x	x		
3963	1975	Hồi sức phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không ghép	x	x		
3964	1976	Hồi sức phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không vá	x	x		
3965	1977	Hồi sức phẫu thuật cắt u mi ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da	x	x		
3966	1978	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	x	x	x	
3967	1979	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	x	x	x	
3968	1980	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch	x	x	x	
3969	1981	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x	
3970	1982	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang buồng trứng	x	x	x	
3971	1983	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang giáp lưỡi	x	x		
3972	1984	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang giáp trạng	x	x		
3973	1985	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang phổi hoặc nang phế quản	x	x		
3974	1986	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang tụy không cắt tụy có dẫn lưu	x	x		
3975	1987	Hồi sức phẫu thuật cắt u nhú thanh quản bằng laser	x	x		
3976	1988	Hồi sức phẫu thuật cắt u niêm mạc má	x	x		
3977	1989	Hồi sức phẫu thuật cắt u ống mật chủ có đặt xen 1 quai hồng tràng	x	x		
3978	1990	Hồi sức phẫu thuật cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang	x	x		
3979	1991	Hồi sức phẫu thuật cắt u phổi, u màng phổi	x	x		
3980	1992	Hồi sức phẫu thuật cắt u sắc tố vùng hàm mặt	x	x		
3981	1993	Hồi sức phẫu thuật cắt u sàn miệng, vết hạch	x	x		
3982	1994	Hồi sức phẫu thuật cắt u sau phúc mạc	x	x		
3983	1995	Hồi sức phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo	x	x	x	
3984	1996	Hồi sức phẫu thuật cắt u tá tràng	x	x		
3985	1997	Hồi sức phẫu thuật cắt u tế bào khổng lồ có hoặc không ghép xương	x	x		
3986	1998	Hồi sức phẫu thuật cắt u thần kinh vùng hàm mặt	x	x		
3987	1999	Hồi sức phẫu thuật cắt u thần kinh	x	x		
3988	2000	Hồi sức phẫu thuật cắt u thành âm đạo	x	x		
3989	2001	Hồi sức phẫu thuật cắt u thành ngực	x	x		
3990	2002	Hồi sức phẫu thuật cắt u thực quản	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
3991	2003	Hồi sức phẫu thuật cắt u tiền phòng	x	x		
3992	2004	Hồi sức phẫu thuật cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	x	x		
3993	2005	Hồi sức phẫu thuật cắt u trực tràng làm hậu môn nhân tạo	x	x		
3994	2006	Hồi sức phẫu thuật cắt u trực tràng ống hậu môn	x	x		
3995	2007	Hồi sức phẫu thuật cắt u trung thất to xâm lấn mạch máu	x	x		
3996	2008	Hồi sức phẫu thuật cắt u trung thất vừa và nhỏ lệch bên lồng ngực	x	x		
3997	2009	Hồi sức phẫu thuật cắt u tụy tiết Insulin	x	x		
3998	2010	Hồi sức phẫu thuật cắt u tụy	x	x		
3999	2011	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt dưới hàm	x	x		
4000	2012	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt mang tai	x	x		
4001	2013	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận	x	x		
4002	2014	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận 1 bên	x	x		
4003	2015	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận 2 bên	x	x		
4004	2016	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến ức / nhược cơ	x	x		
4005	2017	Hồi sức phẫu thuật cắt u vú lành tính	x	x		
4006	2018	Hồi sức phẫu thuật cắt u vú, vú to nam giới	x	x		
4007	2019	Hồi sức phẫu thuật cắt u vùng họng miệng	x	x		
4008	2020	Hồi sức phẫu thuật cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	x	x		
4009	2021	Hồi sức phẫu thuật cắt u xương lành	x	x	x	
4010	2022	Hồi sức phẫu thuật cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn	x	x	x	
4011	2023	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư âm hộ + vét hạch bẹn 2 bên	x	x		
4012	2024	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư âm hộ tái phát	x	x		
4013	2025	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư amidan/thanh quản.	x	x		
4014	2026	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư bàng quang có hay không tạo hình bàng quang	x	x		
4015	2027	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung toàn bộ và mạc nối lớn.	x	x		
4016	2028	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư da đầu, mặt có tạo hình	x	x		
4017	2029	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư da vùng mí mắt dưới và tạo hình	x	x		
4018	2030	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư da vùng mí mắt trên và tạo hình	x	x		
4019	2031	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư hốc mắt đã xâm lấn các xoang xoang hàm, xoang sàng ...	x	x		
4020	2032	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư lưỡi có tái tạo vật cơ da	x	x		
4021	2033	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư lưỡi sàn miệng, nạo vét hạch và tạo hình bằng vật từ xa	x	x		
4022	2034	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư lưỡi và vét hạch cổ	x	x		
4023	2035	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5 cm	x	x		
4024	2036	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm	x	x	x	
4025	2037	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư phần mềm	x	x		
4026	2038	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư thận	x	x		
4027	2039	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư tiền liệt tuyến.	x	x		
4028	2040	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư tinh hoàn lạc chỗ	x	x		
4029	2041	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư tử cung chảy máu	x	x		
4030	2042	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư túi mật	x	x		
4031	2043	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư vòm khẩu cái	x	x		
4032	2049	Hồi sức phẫu thuật cắt xương hàm tạo hình	x	x		
4033	2050	Hồi sức phẫu thuật cắt, nạo vét hạch cổ tiết căn	x	x		
4034	2051	Hồi sức phẫu thuật chấn thương không sóc hoặc sóc nhẹ	x	x	x	
4035	2053	Hồi sức phẫu thuật chấn thương sọ não	x	x	x	
4036	2054	Hồi sức phẫu thuật chấn thương/lao cột sống cổ	x	x		
4037	2055	Hồi sức phẫu thuật chấn thương/lao cột sống ngực, thắt lưng	x	x		
4038	2056	Hồi sức phẫu thuật chích áp xe gan	x	x	x	
4039	2057	Hồi sức phẫu thuật chỉnh , xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK	x	x		
4040	2058	Hồi sức phẫu thuật chỉnh gù vẹo cột sống	x	x		
4041	2059	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình cong dương vật	x	x	x	
4042	2060	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình vùi dương vật	x	x	x	
4043	2061	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình vùng đầu mặt cổ	x	x		
4044	2062	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình xương 2 hàm	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
4045	2063	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới hai bên	x	x		
4046	2064	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới một bên	x	x		
4047	2065	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên hai bên	x	x		
4048	2066	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên một bên	x	x		
4049	2067	Hồi sức phẫu thuật chỉnh sửa sẹo xấu dương vật	x	x		
4050	2069	Hồi sức phẫu thuật chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	x	x		
4051	2070	Hồi sức phẫu thuật chỉnh khớp sọ, hẹp hộp sọ	x	x		
4052	2071	Hồi sức phẫu thuật chữa ngoài dạ con vỡ	x	x	x	
4053	2072	Hồi sức phẫu thuật chữa túi thừa bàng quang	x	x		
4054	2073	Hồi sức phẫu thuật chuyển gân điều trị mắt hờ mi (2 mắt)	x	x		
4055	2074	Hồi sức phẫu thuật chuyển vật da cần có cuống mạch nuôi	x	x		
4056	2075	Hồi sức phẫu thuật cố định bao Tenon tạo cùng đồ dưới	x	x		
4057	2076	Hồi sức phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng các nút Ivy	x	x		
4058	2077	Hồi sức phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn	x	x		
4059	2078	Hồi sức phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính	x	x		
4060	2079	Hồi sức phẫu thuật cố định kết hợp xương nếp vít gãy thân xương cánh tay	x	x	x	
4061	2080	Hồi sức phẫu thuật cố định màng sườn di động	x	x		
4062	2081	Hồi sức phẫu thuật cố định màng xương tạo cùng đồ	x	x		
4063	2082	Hồi sức phẫu thuật cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x	
4064	2083	Hồi sức phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường bụng	x	x		
4065	2084	Hồi sức phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường ngực	x	x		
4066	2085	Hồi sức phẫu thuật có sọc	x	x		
4067	2086	Hồi sức phẫu thuật cứng khớp vai do xơ hóa cơ Delta	x	x		
4068	2087	Hồi sức phẫu thuật đa chấn thương	x	x		
4069	2088	Hồi sức phẫu thuật đại phẫu ngực ở trẻ em (các khối u trong lồng ngực, các bệnh lí bẩm sinh tim phổi...)	x			
4070	2089	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu 2 niệu quản ra thành bụng	x	x		
4071	2090	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu 2 thận	x	x		
4072	2091	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đáy chậu	x	x	x	
4073	2092	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	x	x	x	
4074	2093	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x		
4075	2094	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên	x	x		
4076	2095	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu thận	x	x		
4077	2096	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu túi mật	x	x	x	
4078	2097	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu viêm mù khớp, không sai khớp	x	x	x	
4079	2098	Hồi sức phẫu thuật đặt bản silicon điều trị lõm mắt	x	x		
4080	2099	Hồi sức phẫu thuật đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)	x	x		
4081	2100	Hồi sức phẫu thuật đặt khung định vị u não	x	x		
4082	2101	Hồi sức phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản – ống lệ mũi	x	x		
4083	2102	Hồi sức phẫu thuật đặt ống silicon tiền phòng điều trị glôcôm	x	x		
4084	2103	Hồi sức phẫu thuật đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (đặt shunt mini express)	x	x		
4085	2110	Hồi sức phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)	x	x		
4086	2111	Hồi sức phẫu thuật đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm	x	x		
4087	2112	Hồi sức phẫu thuật dị dạng đường sinh dục	x	x		
4088	2113	Hồi sức phẫu thuật dị dạng tử cung	x	x		
4089	2114	Hồi sức phẫu thuật di thực hàng lông mi	x	x		
4090	2116	Hồi sức phẫu thuật điều trị bảo tồn gãy lồi cầu xương hàm dưới	x	x		
4091	2120	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh lý mù màng phổi	x	x		
4092	2123	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh suy – giãn tĩnh mạch chi dưới	x	x		
4093	2124	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh Verneuil	x	x		
4094	2125	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh xuất tinh sớm	x	x		
4095	2126	Hồi sức phẫu thuật điều trị bong hắc mạc: chọc hút dịch bong dưới hắc mạc, bơm hơi tiền phòng	x	x		
4096	2127	Hồi sức phẫu thuật điều trị can sai xương gò má	x	x		
4097	2128	Hồi sức phẫu thuật điều trị can sai xương hàm dưới	x	x		
4098	2129	Hồi sức phẫu thuật điều trị can sai xương hàm trên	x	x		
4099	2130	Hồi sức phẫu thuật điều trị chảy máu do tăng áp tĩnh mạch cửa có chẹn và nối mạch máu	x			
4100	2140	Hồi sức phẫu thuật điều trị hẹp môn vị phì đại	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
4101	2141	Hồi sức phẫu thuật điều trị hờ mi	x	x	x	
4102	2142	Hồi sức phẫu thuật điều trị hoại tử xương hàm do tia xạ	x	x		
4103	2143	Hồi sức phẫu thuật điều trị hoại tử xương và phần mềm vùng hàm mặt do tia xạ	x	x		
4104	2144	Hồi sức phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	x	x	x	
4105	2145	Hồi sức phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	x	x	x	
4106	2146	Hồi sức phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	x	x	x	
4107	2149	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở môi hai bên	x	x		
4108	2152	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng không toàn bộ	x	x		
4109	2153	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng toàn bộ	x	x		
4110	2154	Hồi sức phẫu thuật điều trị khuyết hồng phần mềm vùng hàm mặt bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
4111	2155	Hồi sức phẫu thuật điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)	x	x		
4112	2156	Hồi sức phẫu thuật điều trị laser hồng ngoại	x	x		
4113	2157	Hồi sức phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép	x	x		
4114	2158	Hồi sức phẫu thuật điều trị một số bệnh vồng mạc bằng laser (bệnh vồng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non...)	x	x		
4115	2159	Hồi sức phẫu thuật điều trị phòng động mạch cảnh	x	x		
4116	2160	Hồi sức phẫu thuật điều trị phòng và giả phòng động mạch tạng	x	x		
4117	2161	Hồi sức phẫu thuật điều trị phòng, giả phòng động mạch chi	x	x	x	
4118	2162	Hồi sức phẫu thuật điều trị sa trực tràng đường bụng	x	x		
4119	2163	Hồi sức phẫu thuật điều trị sa trực tràng qua đường hậu môn	x	x	x	
4120	2164	Hồi sức phẫu thuật điều trị sẹo giác mạc bằng laser	x			
4121	2165	Hồi sức phẫu thuật điều trị sẹo hẹp khí quản cổ - ngực cao	x			
4122	2166	Hồi sức phẫu thuật điều trị són tiểu	x	x		
4123	2167	Hồi sức phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi bán cấp tính	x	x		
4124	2168	Hồi sức phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sùi, dị vật	x	x		
4125	2169	Hồi sức phẫu thuật điều trị tắc tá tràng các loại	x	x		
4126	2170	Hồi sức phẫu thuật điều trị táo bón do rối loạn cơ thắt cơ mu – trực tràng (Anismus)	x	x		
4127	2171	Hồi sức phẫu thuật điều trị tật thiếu xương quay bẩm sinh	x	x		
4128	2172	Hồi sức phẫu thuật điều trị teo đường mật bẩm sinh	x	x		
4129	2175	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	x	x	x	
4130	2176	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	x	x	x	
4131	2177	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	x	x	x	
4132	2178	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	x	x	x	
4133	2179	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	x	x	x	
4134	2180	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	x	x	x	
4135	2191	Hồi sức phẫu thuật điều trị thủng đường tiêu hóa có làm hậu môn nhân tạo	x	x		
4136	2192	Hồi sức phẫu thuật điều trị tồn tại ống rốn bằng quang	x	x		
4137	2193	Hồi sức phẫu thuật điều trị tồn tại ống rốn ruột	x	x		
4138	2194	Hồi sức phẫu thuật điều trị tổn thương đám rối thần kinh cánh tay	x	x		
4139	2195	Hồi sức phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay	x	x		
4140	2196	Hồi sức phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	x	x	x	
4141	2197	Hồi sức phẫu thuật điều trị u lợi bằng laser	x	x		
4142	2198	Hồi sức phẫu thuật điều trị u máu bằng hóa chất	x	x		
4143	2199	Hồi sức phẫu thuật điều trị vẹo cổ	x	x		
4144	2200	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân	x	x	x	
4145	2201	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng vật có sử dụng vi phẫu thuật	x	x		
4146	2212	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	x	x	x	
4147	2215	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát	x	x	x	
4148	2216	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến	x	x	x	
4149	2217	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng	x	x		
4150	2218	Hồi sức phẫu thuật điều trị vỡ phế quản do chấn thương ngực	x	x		
4151	2219	Hồi sức phẫu thuật điều trị vỡ tim do chấn thương	x	x		
4152	2220	Hồi sức phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt	x	x		
4153	2221	Hồi sức phẫu thuật đính khớp quay trụ bẩm sinh	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
4154	2222	Hồi sức phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo bẩm sinh	x	x		
4155	2223	Hồi sức phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo-trực tràng bẩm sinh	x	x		
4156	2224	Hồi sức phẫu thuật dò niệu đạo - trực tràng bẩm sinh	x	x		
4157	2226	Hồi sức phẫu thuật độn củng mạc bằng collagen điều trị cận thị	x	x		
4158	2227	Hồi sức phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng sụn tự thân	x	x		
4159	2228	Hồi sức phẫu thuật động / tĩnh mạch ngoại biên các loại : tắc mạch , phình mạch, dẫn tĩnh mạch chân	x	x		
4160	2229	Hồi sức phẫu thuật đóng các lỗ rò niệu đạo	x	x		
4161	2230	Hồi sức phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân (chưa bao gồm phương tiện cố định)	x	x	x	
4162	2231	Hồi sức phẫu thuật đóng cứng khớp khác	x	x	x	
4163	2232	Hồi sức phẫu thuật đóng dẫn lưu niệu quản 2 bên	x	x		
4164	2233	Hồi sức phẫu thuật đóng dị tật nứt đốt sống (spina bifida) kèm theo thoát vị màng tuỷ, băng đường vào phía sau	x	x		
4165	2234	Hồi sức phẫu thuật đóng đỉnh nội tủy kín có chốt xương chày dưới màng hình tăng sang	x	x		
4166	2235	Hồi sức phẫu thuật đóng dò bàng quang - âm đạo	x	x		
4167	2236	Hồi sức phẫu thuật đóng dò động mạch vành vào các buồng tim	x			
4168	2237	Hồi sức phẫu thuật đóng dò trực tràng âm đạo	x	x		
4169	2238	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc một thoát vị màng tủy sau phẫu thuật tủy sống	x	x		
4170	2239	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não tầng trước nền sọ bằng đường qua xoang bướm	x	x		
4171	2240	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não ở tầng trước nền sọ qua đường mở nắp sọ	x	x		
4172	2241	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não tầng trước nền sọ bằng đường qua xoang sàng	x	x		
4173	2242	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy qua xoang trán	x	x		
4174	2243	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy sau phẫu thuật các thương tổn nền sọ	x	x		
4175	2244	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy tầng giữa nền sọ bằng đường vào trên xương đá	x	x		
4176	2245	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy tầng giữa nền sọ qua mở nắp sọ	x	x		
4177	2246	Hồi sức phẫu thuật đóng hậu môn nhân tạo	x	x		
4178	2247	Hồi sức phẫu thuật đóng lỗ dò đường lệ	x	x		
4179	2248	Hồi sức phẫu thuật đóng lỗ mở bàng quang ra da	x	x		
4180	2249	Hồi sức phẫu thuật động mạch chủ bụng	x	x		
4181	2250	Hồi sức phẫu thuật động mạch chủ ngực đoạn lên có thay van động mạch chủ (PT Bental)	x			
4182	2251	Hồi sức phẫu thuật động mạch chủ ngực đoạn lên	x	x		
4183	2252	Hồi sức phẫu thuật đóng thông liên nhĩ	x	x		
4184	2253	Hồi sức phẫu thuật đục chồi xương	x	x		
4185	2254	Hồi sức phẫu thuật đục xương sửa trục	x	x		
4186	2255	Hồi sức phẫu thuật duỗi cứng khớp gối, hoặc có gối ưỡn, hoặc có sai khớp xương bánh chè	x	x		
4187	2256	Hồi sức phẫu thuật duỗi khớp gối đơn thuần	x	x		
4188	2257	Hồi sức phẫu thuật duỗi khớp gối quá mức bẩm sinh, sai khớp hoặc bán sai khớp	x	x		
4189	2258	Hồi sức phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu	x	x		
4190	2259	Hồi sức phẫu thuật Epicanthus	x	x		
4191	2260	Hồi sức phẫu thuật Frey – Beger điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn	x	x		
4192	2261	Hồi sức phẫu thuật Frey điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn	x	x		
4193	2262	Hồi sức phẫu thuật gan- mật	x	x		
4194	2263	Hồi sức phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x		
4195	2264	Hồi sức phẫu thuật gấp và khếp khớp háng do bại não	x	x		
4196	2265	Hồi sức phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x	x	
4197	2266	Hồi sức phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert	x	x	x	
4198	2267	Hồi sức phẫu thuật ghép củng mạc	x	x		
4199	2268	Hồi sức phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause $\geq 3\%$ diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
4200	2269	Hồi sức phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu	x	x	x	
4201	2270	Hồi sức phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rấn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích > 10%	x	x		
4202	2271	Hồi sức phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rấn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích < 5%	x	x		
4203	2272	Hồi sức phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rấn cắn, vết thương có diện tích 5-10%	x	x		
4204	2273	Hồi sức phẫu thuật ghép da hay vật da điều trị hở mí do sẹo	x	x		
4205	2274	Hồi sức phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay	x	x	x	
4206	2275	Hồi sức phẫu thuật ghép da tự thân trên 10% diện tích bỏng cơ thể	x	x		
4207	2276	Hồi sức phẫu thuật ghép da tự thân từ 5 - 10% diện tích bỏng cơ thể	x	x		
4208	2277	Hồi sức phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật	x	x	x	
4209	2278	Hồi sức phẫu thuật ghép giác mạc có vành củng mạc	x	x		
4210	2279	Hồi sức phẫu thuật ghép giác mạc lần hai trở lên	x	x		
4211	2280	Hồi sức phẫu thuật ghép giác mạc lớp	x	x		
4212	2281	Hồi sức phẫu thuật ghép giác mạc nhân tạo	x	x		
4213	2282	Hồi sức phẫu thuật ghép giác mạc tự thân	x	x		
4214	2283	Hồi sức phẫu thuật ghép giác mạc xuyên	x	x		
4215	2284	Hồi sức phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời không bằng vi phẫu	x	x	x	
4216	2285	Hồi sức phẫu thuật ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc	x	x		
4217	2286	Hồi sức phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu	x	x		
4218	2287	Hồi sức phẫu thuật ghép mỡ điều trị lõm mắt	x	x		
4219	2288	Hồi sức phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman điều trị lõm mắt	x	x		
4220	2289	Hồi sức phẫu thuật ghép nội mô giác mạc	x	x		
4221	2290	Hồi sức phẫu thuật ghép toàn bộ mũi và bộ phận xung quanh đứt rời có sử dụng vi phẫu	x	x		
4222	2291	Hồi sức phẫu thuật ghép van tim đồng loài	x	x		
4223	2292	Hồi sức phẫu thuật ghép vòng căng / hoặc thấu kính trong nhu mô giác mạc	x	x		
4224	2293	Hồi sức phẫu thuật ghép xương bằng vật liệu thay thế tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên	x	x		
4225	2294	Hồi sức phẫu thuật ghép xương nhân tạo (chưa bao gồm xương nhân tạo và phương tiện kết hợp)	x	x	x	
4226	2295	Hồi sức phẫu thuật ghép xương trong chấn thương cột sống cổ	x	x		
4227	2296	Hồi sức phẫu thuật ghép xương tự thân (chưa bao gồm các phương tiện cố định)	x	x	x	
4228	2297	Hồi sức phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên	x	x		
4229	2298	Hồi sức phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới	x	x		
4230	2299	Hồi sức phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
4231	2300	Hồi sức phẫu thuật giải ép vi mạch cho dây thần kinh số V	x	x		
4232	2301	Hồi sức phẫu thuật giảm áp hốc mắt (phá thành hốc mắt, mở rộng lỗ thị giác...)	x	x		
4233	2302	Hồi sức phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độc nhất, gần mù	x	x		
4234	2303	Hồi sức phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên	x	x		
4235	2304	Hồi sức phẫu thuật gọt giác mạc đơn thuần	x	x		
4236	2305	Hồi sức phẫu thuật hạ lại tinh hoàn	x	x		
4237	2306	Hồi sức phẫu thuật hạ mí trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mí ...)	x	x		
4238	2307	Hồi sức phẫu thuật hạ tinh hoàn 1 bên	x	x	x	
4239	2308	Hồi sức phẫu thuật hạ tinh hoàn 2 bên	x	x	x	
4240	2309	Hồi sức phẫu thuật hạ tinh hoàn lạc chỗ 1 bên	x	x	x	
4241	2310	Hồi sức phẫu thuật hạch ngoại biên	x	x	x	
4242	2311	Hồi sức phẫu thuật hẹp eo động mạch chủ	x	x		
4243	2312	Hồi sức phẫu thuật hẹp khe mí	x	x		
4244	2313	Hồi sức phẫu thuật hội chứng ống cổ tay	x	x	x	
4245	2314	Hồi sức phẫu thuật hội chứng volkmann cơ cơ áp có kết hợp xương	x	x		
4246	2315	Hồi sức phẫu thuật hội chứng volkmann cơ cơ gấp không kết hợp xương	x	x	x	
4247	2316	Hồi sức phẫu thuật kéo dài cân cơ nâng mí	x	x		
4248	2317	Hồi sức phẫu thuật khâu da thì II	x	x	x	
4249	2318	Hồi sức phẫu thuật khâu phục hồi cơ hoành	x	x		
4250	2319	Hồi sức phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
4251	2320	Hồi sức phẫu thuật khe thoát vị rốn, hở thành bụng	x	x		
4252	2321	Hồi sức phẫu thuật khoan sọ dẫn lưu ổ tụ mũ dưới màng cứng	x	x	x	
4253	2322	Hồi sức phẫu thuật khớp giả xương chày bẩm sinh có ghép xương	x	x		
4254	2323	Hồi sức phẫu thuật KHX chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa	x	x	x	
4255	2324	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng ghép xương, sụn tự thân	x	x		
4256	2325	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
4257	2326	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
4258	2327	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu thay thế	x	x		
4259	2328	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng các vật liệu thay thế	x	x		
4260	2329	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng chì thép	x	x		
4261	2330	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
4262	2331	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
4263	2332	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chì thép	x	x		
4264	2333	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
4265	2334	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
4266	2335	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng chì thép	x	x		
4267	2336	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
4268	2337	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
4269	2338	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng chì thép	x	x		
4270	2339	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
4271	2340	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
4272	2341	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy 2 xương cẳng tay	x	x	x	
4273	2342	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay	x	x	x	
4274	2343	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	x	x	x	
4275	2344	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối	x	x	x	
4276	2345	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy bong sụn vùng cổ xương đùi	x	x	x	
4277	2346	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy chòm đốt bàn và ngón tay	x	x	x	
4278	2347	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy cổ chân	x			
4279	2348	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay	x	x	x	
4280	2349	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai	x	x		
4281	2350	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi	x	x	x	
4282	2351	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)	x	x	x	
4283	2352	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đài quay phức tạp	x	x	x	
4284	2353	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đài quay	x	x	x	
4285	2354	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	x	x	x	
4286	2355	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay	x	x	x	
4287	2356	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở độ II thân xương cánh tay	x	x	x	
4288	2357	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x	x	
4289	2358	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở độ III hai xương cẳng chân	x	x	x	
4290	2359	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở độ III thân xương cánh tay	x	x	x	
4291	2360	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x	x	
4292	2361	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay	x	x	x	
4293	2362	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay	x	x	x	
4294	2363	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở III thân hai xương cẳng tay	x	x	x	
4295	2364	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x	
4296	2365	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy Hoffa đầu dưới xương đùi	x	x	x	
4297	2366	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy khung chậu – trật khớp mu	x	x		
4298	2367	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x	
4299	2368	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy liên mấu chuyển xương đùi	x	x		
4300	2369	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x	x	
4301	2370	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương đùi	x	x	x	
4302	2371	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy lồi cầu trong xương đùi	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
4303	2372	Hội sức phẫu thuật KHX gây lồi cầu xương bàn và ngón tay	x	x	x	
4304	2373	Hội sức phẫu thuật KHX gây lồi cầu xương khớp ngón tay	x	x	x	
4305	2374	Hội sức phẫu thuật KHX gây mâm chày + thân xương chày	x	x	x	
4306	2375	Hội sức phẫu thuật KHX gây mâm chày ngoài	x	x	x	
4307	2376	Hội sức phẫu thuật KHX gây mâm chày trong	x	x	x	
4308	2377	Hội sức phẫu thuật KHX gây mất cá kèm trật khớp cổ chân	x	x	x	
4309	2378	Hội sức phẫu thuật KHX gây mất cá ngoài	x	x	x	
4310	2379	Hội sức phẫu thuật KHX gây mất cá trong	x	x	x	
4311	2380	Hội sức phẫu thuật KHX gây móm khuỷu phức tạp	x	x	x	
4312	2381	Hội sức phẫu thuật KHX gây móm khuỷu	x	x	x	
4313	2382	Hội sức phẫu thuật KHX gây Monteggia	x	x	x	
4314	2383	Hội sức phẫu thuật KHX gây nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)	x	x	x	
4315	2384	Hội sức phẫu thuật KHX gây nội khớp đầu dưới xương quay	x	x	x	
4316	2385	Hội sức phẫu thuật KHX gây nội khớp xương khớp ngón tay	x	x	x	
4317	2386	Hội sức phẫu thuật KHX gây ổ cối đơn thuần	x	x	x	
4318	2387	Hội sức phẫu thuật KHX gây ổ cối phức tạp	x	x		
4319	2388	Hội sức phẫu thuật KHX gây phức tạp chỏm xương đùi – trật hang	x	x		
4320	2389	Hội sức phẫu thuật KHX gây phức tạp vùng khuỷu	x	x	x	
4321	2390	Hội sức phẫu thuật KHX gây Pilon	x	x	x	
4322	2391	Hội sức phẫu thuật KHX gây rỗng rọc xương cánh tay	x	x	x	
4323	2392	Hội sức phẫu thuật KHX gây sụn tăng trưởng ở đầu xương	x	x	x	
4324	2393	Hội sức phẫu thuật KHX gây thân 2 xương cẳng chân	x	x	x	
4325	2394	Hội sức phẫu thuật KHX gây thân 2 xương cẳng tay	x	x	x	
4326	2395	Hội sức phẫu thuật KHX gây thân đốt bàn và ngón tay	x	x	x	
4327	2396	Hội sức phẫu thuật KHX gây thân xương cẳng chân	x	x	x	
4328	2397	Hội sức phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay	x	x	x	
4329	2398	Hội sức phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay	x	x	x	
4330	2399	Hội sức phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay phức tạp	x	x	x	
4331	2400	Hội sức phẫu thuật KHX gây thân xương chày	x	x	x	
4332	2401	Hội sức phẫu thuật KHX gây thân xương đùi phức tạp	x	x		
4333	2402	Hội sức phẫu thuật KHX gây thân xương đùi	x	x	x	
4334	2403	Hội sức phẫu thuật KHX gây trật cổ xương cánh tay	x	x	x	
4335	2404	Hội sức phẫu thuật KHX gây trật cổ xương đùi	x	x	x	
4336	2405	Hội sức phẫu thuật KHX gây trật đốt bàn ngón chân	x	x	x	
4337	2406	Hội sức phẫu thuật KHX gây trật khớp cổ chân ở trẻ em	x	x	x	
4338	2407	Hội sức phẫu thuật KHX gây trật khớp cổ tay	x	x	x	
4339	2408	Hội sức phẫu thuật KHX gây trật xương gót	x	x	x	
4340	2409	Hội sức phẫu thuật KHX gây trật xương sên	x	x	x	
4341	2410	Hội sức phẫu thuật KHX gây trên lồi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh	x	x	x	
4342	2411	Hội sức phẫu thuật KHX gây trên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x	
4343	2412	Hội sức phẫu thuật KHX gây trên lồi cầu xương đùi	x	x	x	
4344	2413	Hội sức phẫu thuật KHX gây trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x	x	
4345	2414	Hội sức phẫu thuật KHX gây xương bả vai	x	x		
4346	2415	Hội sức phẫu thuật KHX gây xương bánh chè phức tạp	x	x	x	x
4347	2416	Hội sức phẫu thuật KHX gây xương bệnh lý	x	x	x	
4348	2417	Hội sức phẫu thuật KHX gây xương đòn	x	x	x	
4349	2418	Hội sức phẫu thuật KHX gây xương đốt bàn ngón tay	x	x	x	
4350	2419	Hội sức phẫu thuật KHX gây xương đốt bàn và đốt ngón chân	x	x	x	
4351	2420	Hội sức phẫu thuật KHX gây xương gót	x	x	x	
4352	2421	Hội sức phẫu thuật KHX gây xương mác đơn thuần	x	x	x	
4353	2422	Hội sức phẫu thuật KHX gây xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới	x	x	x	
4354	2423	Hội sức phẫu thuật KHX gây xương sên và trật khớp	x	x	x	
4355	2424	Hội sức phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay	x	x	x	
4356	2425	Hội sức phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn	x	x	x	
4357	2426	Hội sức phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương	x	x		
4358	2427	Hội sức phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương	x	x		
4359	2428	Hội sức phẫu thuật KHX toác khớp mu (trật khớp)	x	x		
4360	2429	Hội sức phẫu thuật KHX trật khớp cổ chân	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
4361	2430	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp cùng chậu	x	x	x	
4362	2431	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn	x	x	x	
4363	2432	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp dưới sên	x	x	x	
4364	2433	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp Lisfranc	x	x	x	
4365	2434	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn	x	x	x	
4366	2435	Hồi sức phẫu thuật KHX trên màn hình tăng sáng (chưa bao gồm đỉnh xương, nếp vít, ốc, khóa)	x	x		
4367	2436	Hồi sức phẫu thuật lác có chỉnh chỉ	x	x		
4368	2437	Hồi sức phẫu thuật lác người lớn	x	x		
4369	2438	Hồi sức phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, faden...)	x	x		
4370	2439	Hồi sức phẫu thuật lác thông thường	x	x		
4371	2440	Hồi sức phẫu thuật lách hoặc tụy	x	x	x	
4372	2441	Hồi sức phẫu thuật lại các dị tật hậu môn trực tràng đơn thuần, không làm lại niệu đạo	x	x		
4373	2442	Hồi sức phẫu thuật lại phình đại tràng bẩm sinh	x	x		
4374	2443	Hồi sức phẫu thuật lại tắc ruột sau phẫu thuật	x	x	x	
4375	2444	Hồi sức phẫu thuật lại ung thư, gỡ dính.	x	x	x	
4376	2445	Hồi sức phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo cấp cứu ở trẻ em	x	x		
4377	2446	Hồi sức phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo	x	x	x	
4378	2447	Hồi sức phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hờ mi do liệt dây VII	x	x		
4379	2448	Hồi sức phẫu thuật làm sâu ngách tiền đình	x	x		
4380	2449	Hồi sức phẫu thuật làm thẳng dương vật	x	x		
4381	2450	Hồi sức phẫu thuật lạnh đông điều trị K vồng mạc	x	x		
4382	2451	Hồi sức phẫu thuật lạnh đông đơn thuần phòng bong vồng mạc	x	x		
4383	2452	Hồi sức phẫu thuật lao cột sống (cổ hoặc ngực hoặc thắt lưng)	x	x		
4384	2453	Hồi sức phẫu thuật laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt	x	x		
4385	2454	Hồi sức phẫu thuật laser điều trị u nguyên bào vồng mạc	x	x		
4386	2455	Hồi sức phẫu thuật laser excimer điều trị tật khúc xạ	x	x		
4387	2456	Hồi sức phẫu thuật laser femtosecond điều trị lão thị (PT: INTRACOR)	x	x		
4388	2457	Hồi sức phẫu thuật laser femtosecond điều trị tật khúc xạ	x	x		
4389	2458	Hồi sức phẫu thuật laser mở bao sau đục	x	x		
4390	2459	Hồi sức phẫu thuật lấy bỏ chỏm quay	x	x	x	
4391	2460	Hồi sức phẫu thuật lấy bỏ điện cực trong não bằng đường qua da	x	x		
4392	2461	Hồi sức phẫu thuật lấy bỏ lõi cầu xương hàm dưới gãy	x	x		
4393	2462	Hồi sức phẫu thuật lấy bỏ thân đốt sống ngực và đặt lồng titanium	x	x		
4394	2463	Hồi sức phẫu thuật lấy bỏ thân đốt sống ngực và ghép xương	x	x		
4395	2464	Hồi sức phẫu thuật lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi	x	x		
4396	2465	Hồi sức phẫu thuật lấy đa tạng từ người chết não	x	x		
4397	2466	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật giác mạc sâu	x	x		
4398	2467	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật hốc mắt	x	x		
4399	2468	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm	x	x		
4400	2469	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật phổi – màng phổi	x	x		
4401	2470	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường bụng	x	x		
4402	2471	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường cổ	x	x		
4403	2472	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường ngực	x	x		
4404	2473	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật tiền phòng	x	x		
4405	2474	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật trong cùng mạc	x	x		
4406	2475	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật trực tràng	x	x		
4407	2476	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mắt	x	x		
4408	2477	Hồi sức phẫu thuật lấy đĩa đệm đốt sống, cố định CS và ghép xương liên thân đốt đường trước (xương tự thân có hoặc không có lồng titanium) (ALIF)	x	x		
4409	2478	Hồi sức phẫu thuật lấy đĩa đệm đường sau qua đường cắt xương sườn	x	x		
4410	2479	Hồi sức phẫu thuật lấy giun, dị vật ở ruột non	x	x	x	
4411	2480	Hồi sức phẫu thuật lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vét hạch cổ bảo tồn 1 bên	x	x		
4412	2481	Hồi sức phẫu thuật lấy hạch cuống gan	x	x		
4413	2482	Hồi sức phẫu thuật lấy huyết khối tĩnh mạch cửa	x	x		
4414	2483	Hồi sức phẫu thuật lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
4415	2484	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ bao gan	x	x		
4416	2485	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính	x	x		
4417	2486	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên	x	x	x	
4418	2487	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não	x	x		
4419	2488	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ quanh ổ mắt sau CTSN	x	x		
4420	2489	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất	x	x		
4421	2490	Hồi sức phẫu thuật lấy mỡ mí mắt trên, dưới và tạo hình 2 mí	x	x		
4422	2491	Hồi sức phẫu thuật lấy nhân ở tụy (đi căn tụy, u tụy)	x	x		
4423	2492	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	x	x		
4424	2493	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi bàng quang	x	x	x	
4425	2494	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi bể thận ngoài xoang	x	x		
4426	2495	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi mật, giun trong đường mật qua nội soi tá tràng	x	x		
4427	2496	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận trong xoang	x	x		
4428	2497	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	x	x		
4429	2498	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi nhu mô thận	x	x		
4430	2499	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo	x	x	x	
4431	2500	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	x	x	x	
4432	2501	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần	x	x	x	
4433	2502	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	x	x		
4434	2503	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ	x	x	x	
4435	2504	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ, cắt túi mật	x	x	x	
4436	2505	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng	x	x		
4437	2506	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi ống wharton tuyến dưới hàm	x	x		
4438	2507	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt	x	x		
4439	2508	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi san hô thận	x	x		
4440	2509	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang	x	x		
4441	2510	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi thận	x	x		
4442	2511	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi túi mật, nối túi mật tá tràng	x	x		
4443	2512	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi, nối tụy hồng tràng	x	x		
4444	2513	Hồi sức phẫu thuật lấy thai ở sản phụ không có các bệnh kèm theo	x	x	x	
4445	2514	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất	x	x		
4446	2515	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL	x	x		
4447	2516	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL	x	x		
4448	2517	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất	x	x		
4449	2518	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt thể thủy tinh nhân tạo trên mắt độc nhất	x	x		
4450	2519	Hồi sức phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng đa tầng	x	x		
4451	2520	Hồi sức phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng sử dụng nẹp cố định liên gai sau (DIAM, Silicon, Coflex, Gelfix ...)	x	x		
4452	2521	Hồi sức phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu	x	x		
4453	2522	Hồi sức phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng	x	x		
4454	2523	Hồi sức phẫu thuật lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu	x	x		
4455	2524	Hồi sức phẫu thuật lấy tổ chức ung thư tái phát khu trú tại tụy	x	x		
4456	2525	Hồi sức phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	x	x		
4457	2526	Hồi sức phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè	x	x	x	
4458	2527	Hồi sức phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	x	x	x	
4459	2528	Hồi sức phẫu thuật lấy u cơ, xơ...thực quản đường cổ hoặc đường bụng	x	x		
4460	2529	Hồi sức phẫu thuật lấy u cơ, xơ...thực quản đường ngực	x	x		
4461	2530	Hồi sức phẫu thuật lấy u xương (ghép xi măng)	x	x		
4462	2531	Hồi sức phẫu thuật lấy xương chết, nạo rửa điều trị viêm xương hàm	x	x	x	
4463	2532	Hồi sức phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	x	x	x	
4464	2533	Hồi sức phẫu thuật lỗ tiểu đóng cao	x	x		
4465	2534	Hồi sức phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, kỹ thuật Mathgieu, Magpi	x	x		
4466	2535	Hồi sức phẫu thuật loại 3	x	x	x	
4467	2536	Hồi sức phẫu thuật loạn sản tổ chức tiền thiên không lồ (u quái không lồ)	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
4468	2537	Hồi sức phẫu thuật lớn trên dạ dày hoặc ruột	x	x	x	
4469	2538	Hồi sức phẫu thuật lùi cơ nâng mí	x	x		
4470	2539	Hồi sức phẫu thuật màng da cổ (Pterygium Coilli)	x	x		
4471	2540	Hồi sức phẫu thuật mắt ở trẻ em	x	x		
4472	2541	Hồi sức phẫu thuật miless	x	x		
4473	2542	Hồi sức phẫu thuật mở bao sau	x	x		
4474	2543	Hồi sức phẫu thuật mở bao sau đục bằng laser	x	x		
4475	2544	Hồi sức phẫu thuật mở bề có hoặc không cắt bề	x	x		
4476	2545	Hồi sức phẫu thuật mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung	x	x		
4477	2546	Hồi sức phẫu thuật mở bụng thăm dò	x	x	x	
4478	2547	Hồi sức phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	x	x	x	
4479	2548	Hồi sức phẫu thuật mở bụng thăm dò, sinh thiết	x	x		
4480	2549	Hồi sức phẫu thuật mở cơ môn vị	x	x		
4481	2550	Hồi sức phẫu thuật mở cơ trực tràng hoặc cắt cơ trực tràng và cơ tròn trong để điều trị co thắt cơ tròn trong	x	x		
4482	2551	Hồi sức phẫu thuật mở cung sau và cắt bỏ mô mỡ khớp dưới	x	x		
4483	2552	Hồi sức phẫu thuật mở dạ dày xử lý tổn thương	x	x	x	
4484	2553	Hồi sức phẫu thuật mở đường mật ngoài gan lấy sỏi trừ mở ống mật chủ	x	x	x	
4485	2554	Hồi sức phẫu thuật mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	x	x	x	
4486	2555	Hồi sức phẫu thuật mở góc tiền phòng	x	x		
4487	2556	Hồi sức phẫu thuật mở hồng tràng ra da nuôi ăn / mổ nội soi mở bụng thám sát chẩn đoán	x	x	x	
4488	2557	Hồi sức phẫu thuật mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết	x	x		
4489	2558	Hồi sức phẫu thuật mở màng phổi tối đa	x	x	x	
4490	2559	Hồi sức phẫu thuật mở miệng nối mật ruột lấy sỏi dẫn lưu Kehr hoặc làm lại miệng nối mật ruột	x	x	x	
4491	2560	Hồi sức phẫu thuật mở ngực giám sát tổn thương	x	x		
4492	2561	Hồi sức phẫu thuật mở ngực thăm dò	x	x		
4493	2562	Hồi sức phẫu thuật mở nhu mô gan lấy sỏi	x	x		
4494	2563	Hồi sức phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi có can thiệp đường mật	x	x		
4495	2564	Hồi sức phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật	x	x	x	
4496	2565	Hồi sức phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật	x	x	x	
4497	2566	Hồi sức phẫu thuật mở rộng điểm lệ	x	x		
4498	2567	Hồi sức phẫu thuật mở rộng khe mí	x	x		
4499	2568	Hồi sức phẫu thuật mở rộng lỗ liên hợp để giải phóng chèn ép rễ	x	x		
4500	2569	Hồi sức phẫu thuật mở rộng lỗ sáo	x	x	x	
4501	2570	Hồi sức phẫu thuật mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại...)	x	x	x	
4502	2571	Hồi sức phẫu thuật mở thông dạ dày	x	x	x	
4503	2572	Hồi sức phẫu thuật mở thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần	x	x		
4504	2573	Hồi sức phẫu thuật mở thông hồng tràng hoặc Hồi sức phẫu thuật mở thông hồi tràng	x	x	x	
4505	2574	Hồi sức phẫu thuật mở thông túi mật	x	x	x	
4506	2575	Hồi sức phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm	x	x		
4507	2576	Hồi sức phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	x	x		
4508	2577	Hồi sức phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học	x	x		
4509	2578	Hồi sức phẫu thuật mộng đơn thuần	x	x		
4510	2579	Hồi sức phẫu thuật mức nội nhãn	x	x		
4511	2580	Hồi sức phẫu thuật nâng sản hốc mắt	x	x		
4512	2581	Hồi sức phẫu thuật nạo vét hạch cổ	x	x		
4513	2582	Hồi sức phẫu thuật nạo vét hạch D1	x	x		
4514	2583	Hồi sức phẫu thuật nạo vét hạch D2	x	x		
4515	2584	Hồi sức phẫu thuật nạo vét hạch D3	x	x		
4516	2585	Hồi sức phẫu thuật nạo vét hạch D4	x	x		
4517	2586	Hồi sức phẫu thuật nạo vét hạch trung thất	x	x		
4518	2587	Hồi sức phẫu thuật nạo vét tổ chức hốc mắt	x	x		
4519	2588	Hồi sức phẫu thuật nhuộm giác mạc thẩm mỹ	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
4520	2589	Hồi sức phẫu thuật nối diện cắt đầu tụy và thân tụy với ruột non trên quai Y	x	x		
4521	2590	Hồi sức phẫu thuật nối diện cắt thân tụy với dạ dày	x	x		
4522	2592	Hồi sức phẫu thuật nối mật ruột bên - bên	x	x		
4523	2593	Hồi sức phẫu thuật nối nang tụy với dạ dày	x	x		
4524	2594	Hồi sức phẫu thuật nối nang tụy với hồng tràng	x	x		
4525	2595	Hồi sức phẫu thuật nối nang tụy với tá tràng	x	x		
4526	2596	Hồi sức phẫu thuật nối ngă ba đường mật hoặc ống gan phải hoặc ống gan trái với hồng tràng	x	x		
4527	2597	Hồi sức phẫu thuật nối niệu quản - đài thận	x	x		
4528	2598	Hồi sức phẫu thuật nối ống dẫn tinh sau phẫu thuật đình sản	x	x		
4529	2599	Hồi sức phẫu thuật nội soi bắc cầu nối động mạch chủ xuống-động mạch đùi	x	x		
4530	2600	Hồi sức phẫu thuật nội soi bịt lỗ dò dịch não tủy	x	x		
4531	2601	Hồi sức phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	x	x		
4532	2602	Hồi sức phẫu thuật nội soi bóc vỏ màng phổi	x	x		
4533	2603	Hồi sức phẫu thuật nội soi buồng tử cung + mở thông 2 vòi tử cung	x	x		
4534	2604	Hồi sức phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung	x	x		
4535	2605	Hồi sức phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polype	x	x		
4536	2606	Hồi sức phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn	x	x		
4537	2607	Hồi sức phẫu thuật nội soi cầm lại niệu quản	x	x		
4538	2608	Hồi sức phẫu thuật nội soi cầm lại niệu quản vào bàng quang	x	x		
4539	2609	Hồi sức phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật	x	x		
4540	2610	Hồi sức phẫu thuật nội soi căng da trán, căng da mặt, căng da cổ	x	x		
4541	2611	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 phần thủy phổi	x	x		
4542	2612	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy phổi	x	x		
4543	2613	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp + eo giáp	x	x		
4544	2614	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x		
4545	2615	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	x	x		
4546	2616	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp	x	x		
4547	2617	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày	x	x		
4548	2618	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày	x	x		
4549	2619	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bạch mạch thận	x	x		
4550	2620	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp	x	x		
4551	2621	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
4552	2622	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x		
4553	2623	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp	x	x		
4554	2624	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1	x	x		
4555	2625	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1 α	x	x		
4556	2626	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1 β	x	x		
4557	2627	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D2	x	x		
4558	2628	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D3	x	x		
4559	2629	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần lách trong chấn thương	x	x		
4560	2630	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bản sống giải ép trong hẹp ống sống lưng	x	x		
4561	2631	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên	x	x		
4562	2632	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên	x	x		
4563	2633	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bỏ u mạch máu vùng đầu cổ	x	x		
4564	2634	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bóng khí phổi	x	x		
4565	2635	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt chòm nang gan	x	x		
4566	2636	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt chòm nang thận sau phúc mạc	x	x		
4567	2637	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob	x	x		
4568	2638	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Dor	x	x		
4569	2639	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Toupet	x	x		
4570	2640	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Nissen	x	x		
4571	2641	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị	x	x		
4572	2642	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản	x	x		
4573	2643	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt dạ dày không điển hình	x	x		
4574	2644	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt dạ dày kiểu tay áo	x			
4575	2645	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
4576	2646	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang	x	x		
4577	2647	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở rộng	x	x		
4578	2648	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải	x	x		
4579	2649	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái	x	x		
4580	2650	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đầu dài gân nhị đầu	x	x		
4581	2651	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng	x	x		
4582	2652	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng nối tay	x			
4583	2653	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng	x	x		
4584	2654	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng	x	x		
4585	2655	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đoạn ruột non	x	x		
4586	2656	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đoạn tá tràng	x	x		
4587	2657	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm cổ (điều trị viêm tắc động mạch chi trên)	x	x		
4588	2658	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm ngực (điều trị viêm tắc động mạch chi trên)	x	x		
4589	2659	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm thất lưng (điều trị viêm tắc động mạch chi dưới)	x	x		
4590	2660	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt eo thận móng ngựa	x	x		
4591	2661	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy I	x	x		
4592	2662	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy II	x	x		
4593	2663	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy III	x	x		
4594	2664	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IV	x	x		
4595	2665	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IVA	x	x		
4596	2666	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IVB	x	x		
4597	2667	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IV-V	x	x		
4598	2668	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V	x	x		
4599	2669	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI	x	x		
4600	2670	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VII	x	x		
4601	2671	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VIII	x	x		
4602	2672	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VII-VIII	x	x		
4603	2673	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI-VII-VIII	x	x		
4604	2674	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V-VI	x	x		
4605	2675	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan không điển hình	x	x		
4606	2676	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan phải	x	x		
4607	2677	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy sau	x	x		
4608	2678	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy trước	x	x		
4609	2679	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan thùy phải	x	x		
4610	2680	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan thùy trái	x	x		
4611	2681	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gân toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow.	x	x		
4612	2682	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan trái	x	x		
4613	2683	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan trung tâm	x	x		
4614	2684	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan và đường mật	x	x		
4615	2685	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở bệnh nhân GEU	x	x		
4616	2686	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt hạch giao cảm	x	x		
4617	2687	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp gối (Arthroscopic Synovectomy of the knee)	x	x		
4618	2688	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp háng (Arthroscopic Synovectomy of the hip)	x	x		
4619	2689	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp khuỷu (Arthroscopic Synovectomy of the Elbow)	x	x		
4620	2690	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt kén, nang phổi	x	x		
4621	2691	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt khối tá tụy	x	x		
4622	2692	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt lách bán phần	x	x		
4623	2693	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt lách một lỗ	x	x		
4624	2694	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt lách	x	x		
4625	2695	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt lọc khớp bàn ngón chân cái (Arthroscopy of the First Metatarsophalangeal Joint)	x	x		
4626	2696	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt lọc sụn khớp gối (Debridement of Articular Cartilage in the Knee)	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
4627	2697	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt lọc tụy hoại tử	x	x		
4628	2698	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt màng ngoài tim (điều trị tràn dịch màng ngoài tim)	x	x		
4629	2699	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt manh tràng	x	x		
4630	2700	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt máu răng C2 (mòm nha) qua miệng	x	x		
4631	2701	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt mòm ruột thừa	x	x		
4632	2702	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang đường mật	x	x		
4633	2703	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang lách	x	x		
4634	2704	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang mạc treo ruột	x	x		
4635	2705	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang ống mật chủ, nối ống gan chung-hỗng tràng	x	x		
4636	2706	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang thận x x	x	x	x	
4637	2707	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang trung thất	x	x		
4638	2708	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang tụy	x	x		
4639	2709	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang tuyến thượng thận	x	x		
4640	2710	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp	x	x		
4641	2711	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp	x	x		
4642	2712	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nối phình động mạch chủ bụng	x	x		
4643	2713	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt phổi không điển hình (cắt kiểu hình chêm)	x	x		
4644	2714	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt polyp cổ bóng đài	x	x		
4645	2715	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt polyp đại tràng	x	x		
4646	2716	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	x	x	x	
4647	2717	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	x	x	x	
4648	2718	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt sụn chêm (Arthroscopic Meniscectomy)	x	x		
4649	2719	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận bán phần	x	x		
4650	2720	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận đơn giản	x	x		
4651	2721	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận dư số	x			
4652	2722	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X chọn lọc	x	x		
4653	2723	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X	x	x		
4654	2724	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận tận gốc	x	x		
4655	2725	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận và đuôi tụy + cắt lách	x	x		
4656	2726	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận và đuôi tụy	x	x		
4657	2727	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận và niệu quản	x	x		
4658	2728	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thực quản đôi dạng nang ngực phải	x	x		
4659	2729	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thực quản đôi dạng nang ngực trái	x	x		
4660	2730	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thực quản ngực phải	x	x		
4661	2731	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thực quản qua ngã ngực-bụng, tạo hình bằng dạ dày	x			
4662	2732	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thực quản qua ngã ngực-bụng, tạo hình bằng đại tràng	x			
4663	2733	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thực quản và toàn bộ dạ dày qua ngã ngực-bụng, tạo hình bằng đại tràng	x			
4664	2734	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tiền liệt tuyến	x	x	x	
4665	2735	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn	x	x		
4666	2736	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày	x	x		
4667	2737	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách + nạo hạch D2	x	x		
4668	2738	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách	x	x		
4669	2739	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + nạo hạch D2	x	x		
4670	2740	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ đại tràng	x	x		
4671	2741	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tử cung	X	x		
4672	2742	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tụy + cắt lách	x	x		
4673	2743	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tụy	x			
4674	2744	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp + nạo hạch cổ 2 bên	x	x		
4675	2745	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
4676	2746	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x		
4677	2747	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp.	x	x		
4678	2748	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp	x	x		
4679	2749	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp	x	x		
4680	2750	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng mòm cột trực tràng, mở hậu môn nhân tạo	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
4681	2751	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, nối đại tràng-ống hậu môn	x	x		
4682	2752	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngã bụng và tăng sinh môn	x	x		
4683	2753	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tử cung vét hạch tiểu khung	x	x		
4684	2754	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi mật	x	x	x	
4685	2755	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kerh	x	x		
4686	2756	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang	x	x		
4687	2757	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng	x	x		
4688	2758	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	x	x		
4689	2759	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng	x	x		
4690	2760	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi thừa thực quản	x	x		
4691	2761	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tuyến cận giáp	x	x		
4692	2762	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tuyến thượng thận	x	x		
4693	2763	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tuyến ức	x	x		
4694	2764	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng	x	x		
4695	2765	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng, tử cung, thông vòi trứng	x	x		
4696	2766	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng+ tử cung	x	x		
4697	2767	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u đường mật ngoài gan thay thế OMC bằng quai ruột rời	x	x		
4698	2768	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u hoạt dịch cổ tay (arthroscopic ganglion resection)	x	x		
4699	2769	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u lành thực quản ngực phải	x	x		
4700	2770	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non	x	x		
4701	2771	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột, không cắt ruột	x	x		
4702	2773	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u nang màng ngoài tim	x	x		
4703	2774	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai mũi họng	x	x		
4704	2775	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u OMC	x	x		
4705	2776	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc	x	x		
4706	2777	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u thận ác tính	x	x		
4707	2778	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u thận lành tính	x	x		
4708	2779	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u thực quản	x	x		
4709	2780	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u trung thất	x	x		
4710	2781	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u tụy tiết insulin	x	x		
4711	2782	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u tụy	x	x		
4712	2783	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 1 bên	x	x		
4713	2784	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 2 bên	x	x		
4714	2785	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u tuyến ức	x			
4715	2786	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi	x	x		
4716	2787	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt van niệu đạo sau của trẻ em	x	x		
4717	2788	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt xương sườn số 1 (điều trị hội chứng đường thoát lồng ngực)	x	x		
4718	2789	Hồi sức phẫu thuật nội soi chỉnh vẹo cột sống ngực	x	x		
4719	2790	Hồi sức phẫu thuật nội soi chữa ngoài tử cung	x	x		
4720	2791	Hồi sức phẫu thuật nội soi chuyển vị trí tĩnh mạch để tạo dò động mạch-tĩnh mạch cho chạy thận nhân tạo	x	x		
4721	2792	Hồi sức phẫu thuật nội soi cố định các tạng (lồng, sa, thoát vị ...)	x	x		
4722	2793	Hồi sức phẫu thuật nội soi cố định dạ dày	x			
4723	2794	Hồi sức phẫu thuật nội soi cố định trực tràng + cắt đoạn đại tràng	x	x		
4724	2795	Hồi sức phẫu thuật nội soi cố định trực tràng	x	x		
4725	2796	Hồi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe gan	x	x		
4726	2797	Hồi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tồn lưu	x	x		
4727	2798	Hồi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tụy	x	x		
4728	2799	Hồi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu đường mật qua da dưới siêu âm	x	x		
4729	2800	Hồi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu màng ngoài tim	x	x		
4730	2801	Hồi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu nang tụy	x	x		
4731	2802	Hồi sức phẫu thuật nội soi đặt điện cực tạo nhịp thượng tâm mạc	x	x		
4732	2803	Hồi sức phẫu thuật nội soi đặt lưới ngã tiền phúc mạc (TEP)	x	x		
4733	2804	Hồi sức phẫu thuật nội soi đặt lưới tiền phúc mạc qua ổ bụng (TAPP)	x	x		
4734	2805	Hồi sức phẫu thuật nội soi đặt lưới trong phúc mạc	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
4735	2806	Hồi sức phẫu thuật nội soi đặt vòng thắt dạ dày	x	x		
4736	2807	Hồi sức phẫu thuật nội soi dị dạng mạch máu thần kinh số V	x	x		
4737	2808	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị áp-xe ruột thừa	x	x		
4738	2809	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị chảy máu đường mật, cắt gan	x	x		
4739	2810	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp cổ chân	x	x		
4740	2811	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp khuỷu (Arthroscopic Management of Elbow Stiffness)	x	x		
4741	2812	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị đám quánh ruột thừa	x	x		
4742	2813	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị gãy xương vùng khuỷu (Arthroscopic Fracture Management in the Elbow)	x	x		
4743	2814	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị hẹp môn vị phì đại	x	x		
4744	2815	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị hoại tử chỏm xương đùi bằng ghép sụn xương	x	x		
4745	2816	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị hội chứng chèn ép trước cổ chân	x	x		
4746	2817	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị mất vững bánh	x	x		
4747	2818	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai theo phương pháp Latarjet	x	x		
4748	2819	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai	x	x		
4749	2820	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị máu đông màng phổi	x	x		
4750	2821	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị Megacolon (phẫu thuật Soave đường hậu môn một thì)	x	x		
4751	2822	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị ổ cận màng phổi	x	x		
4752	2823	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị phồng, hẹp, tắc động mạch chủ bụng dưới thận	x	x		
4753	2824	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền ổ cối	x	x		
4754	2825	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền trên từ trước ra sau	x	x		
4755	2826	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị rò dịch não tủy nền sọ	x	x		
4756	2827	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị rò hậu môn	x	x		
4757	2828	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị rung nhĩ	x	x		
4758	2829	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị sa sinh dục	x	x		
4759	2830	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị thoái khớp cùng đòn x	x	x		
4760	2831	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị nền sọ	x	x		
4761	2832	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương dây chằng tròn	x	x		
4762	2833	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương phức hợp sụn sợi tam giác	x	x		
4763	2834	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị trào ngược thực quản	x	x		
4764	2835	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị viêm co rút khớp vai	x	x		
4765	2836	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị viêm khớp vai	x	x		
4766	2837	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị viêm môm trên lõi cầu ngoài	x	x		
4767	2838	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh	x	x		
4768	2839	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị xoắn dạ dày có kèm cắt dạ dày	x	x		
4769	2840	Hồi sức phẫu thuật nội soi đính lại nơi bám gân nhị đầu	x	x		
4770	2841	Hồi sức phẫu thuật nội soi đóng hậu môn nhân tạo	x	x		
4771	2842	Hồi sức phẫu thuật nội soi đóng lỗ thông liên nhĩ	x	x		
4772	2843	Hồi sức phẫu thuật nội soi đốt hạch giao cảm lồng ngực bằng dụng cụ siêu nhỏ.	x	x		
4773	2844	Hồi sức phẫu thuật nội soi Frey điều trị viêm tụy mạn	x	x		
4774	2845	Hồi sức phẫu thuật nội soi gây dính màng phổi	x	x		
4775	2846	Hồi sức phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang	x	x		
4776	2847	Hồi sức phẫu thuật nội soi ghép sụn chêm	x	x		
4777	2848	Hồi sức phẫu thuật nội soi ghép sụn xương tự thân	x	x		
4778	2849	Hồi sức phẫu thuật nội soi ghép thần kinh điều trị liệt mặt	x	x		
4779	2850	Hồi sức phẫu thuật nội soi giải phóng lỗ liên hợp cột sống cổ	x	x		
4780	2851	Hồi sức phẫu thuật nội soi giải phóng ống cổ tay	x	x		
4781	2852	Hồi sức phẫu thuật nội soi giảm áp dây thần kinh II	x	x		
4782	2853	Hồi sức phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt	x	x		
4783	2854	Hồi sức phẫu thuật nội soi gỡ dính màng phổi	x	x		
4784	2855	Hồi sức phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột	x	x		
4785	2856	Hồi sức phẫu thuật nội soi gỡ dính, hút rửa trong bệnh lý mù màng phổi	x	x		
4786	2857	Hồi sức phẫu thuật nội soi hạ bóng trực tràng + tạo hình hậu môn một thì	x	x		
4787	2858	Hồi sức phẫu thuật nội soi hàn khớp cổ chân	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
4788	2859	Hồi sức phẫu thuật nội soi hàn khớp dưới sên (Arthroscopic Subtalar Arthrodesis)	x	x		
4789	2860	Hồi sức phẫu thuật nội soi hẹp bể thận, niệu quản	x	x		
4790	2863	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ cắt polyp to đại tràng	x	x		
4791	2864	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị gãy xương phạm khớp vùng gối x	x			
4792	2865	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị hoại tử chỏm xương đùi bằng khoan giải áp	x	x		
4793	2866	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ giải áp vi mạch	x	x		
4794	2867	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ kẹp túi phình	x	x		
4795	2868	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ làm cứng cột sống lưng	x	x		
4796	2869	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ lấy u não	x	x		
4797	2870	Hồi sức phẫu thuật nội soi kẹp ống động mạch	x	x		
4798	2871	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu cầm máu lách	x	x		
4799	2872	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu cầm máu vỡ gan	x	x		
4800	2873	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu chớp xoay	x	x		
4801	2881	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu mạc treo	x	x		
4802	2882	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu miệng nối đại-trực tràng, rửa bụng, dẫn lưu (xì miệng nối đại-trực tràng)	x	x		
4803	2887	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	x	x		
4804	2888	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng	x	x		
4805	2889	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng	x	x		
4806	2890	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng	x	x		
4807	2891	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non	x	x		
4808	2892	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng	x	x		
4809	2893	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng	x	x		
4810	2894	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng	x	x		
4811	2895	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng	x	x		
4812	2896	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng	x	x		
4813	2897	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày	x	x		
4814	2898	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng	x	x		
4815	2899	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng	x	x		
4816	2900	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non	x	x		
4817	2901	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng	x	x		
4818	2902	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng	x	x		
4819	2903	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng	x	x		
4820	2904	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng	x	x		
4821	2908	Hồi sức phẫu thuật nội soi làm hậu môn nhân tạo	x	x		
4822	2909	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy dị vật phổi – màng phổi	x	x		
4823	2910	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy dị vật trong đường mật	x	x		
4824	2911	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy đĩa đệm cột sống ngực đường trụ-óc trong vẹo cột sống	x	x		
4825	2914	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy máu tụ	x	x		
4826	2917	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy sỏi đường mật trong và ngoài gan có dẫn lưu Kehr	x	x		
4827	2918	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	x	x		
4828	2919	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr	x	x		
4829	2928	Hồi sức phẫu thuật nội soi lồng ngực cắt 1 phổi	x	x		
4830	2929	Hồi sức phẫu thuật nội soi lồng ngực lấy máu tụ, cầm máu	x	x		
4831	2930	Hồi sức phẫu thuật nội soi lồng ngực sinh thiết chẩn đoán	x	x		
4832	2931	Hồi sức phẫu thuật nội soi lồng ngực xử trí tràn máu, tràn khí màng phổi	x	x	x	
4833	2933	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở hồi tràng/hỗng tràng ra da	x	x		
4834	2936	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + nối ống mật chủ-hỗng tràng	x	x		
4835	2937	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi	x	x		
4836	2938	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật	x	x		
4837	2939	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở ruột non ra da	x	x		
4838	2941	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
4839	2942	Hội sức phẫu thuật nội soi mũi xoang điều trị gãy xương hàm mặt	x	x		
4840	2943	Hội sức phẫu thuật nội soi nang thận qua phúc mạc	x	x		
4841	2944	Hội sức phẫu thuật nội soi nang thận sau phúc mạc	x	x		
4842	2945	Hội sức phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng	x	x		
4843	2946	Hội sức phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng, nối túi mật-hỗng tràng	x	x		
4844	2947	Hội sức phẫu thuật nội soi nối nang tụy- dạ dày điều trị nang giả tụy	x	x		
4845	2948	Hội sức phẫu thuật nội soi nối nang tụy-hỗng tràng	x	x		
4846	2949	Hội sức phẫu thuật nội soi nối OMC-tá tràng	x	x		
4847	2950	Hội sức phẫu thuật nội soi nối ống gan chung-hỗng tràng	x	x		
4848	2951	Hội sức phẫu thuật nội soi nối ống mật chủ-hỗng tràng	x	x		
4849	2952	Hội sức phẫu thuật nội soi nối tắt đại tràng-đại tràng	x	x		
4850	2953	Hội sức phẫu thuật nội soi nối tắt hồi tràng-đại tràng ngang	x	x		
4851	2954	Hội sức phẫu thuật nội soi nối tắt ruột non-ruột non	x	x		
4852	2955	Hội sức phẫu thuật nội soi nối tắt thực quản-dạ dày bằng đại tràng	x	x		
4853	2956	Hội sức phẫu thuật nội soi nối thông lệ mũi	x	x		
4854	2957	Hội sức phẫu thuật nội soi nối túi mật-hỗng tràng	x	x		
4855	2958	Hội sức phẫu thuật nội soi nối vòi tử cung	x	x		
4856	2959	Hội sức phẫu thuật nội soi ổ bụng chuẩn đoán	x	x		
4857	2960	Hội sức phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai	x	x		
4858	2961	Hội sức phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận	x	x		
4859	2967	Hội sức phẫu thuật nội soi phục hồi thành bụng	x	x		
4860	2968	Hội sức phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày	x	x		
4861	2970	Hội sức phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu	x	x		
4862	2971	Hội sức phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận	x	x		
4863	2972	Hội sức phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	x	x		
4864	2973	Hội sức phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng	x	x		
4865	2976	Hội sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau	x	x		
4866	2977	Hội sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân)	x	x		
4867	2978	Hội sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng	x	x		
4868	2979	Hội sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu	x	x		
4869	2980	Hội sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó)	x	x		
4870	2981	Hội sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng quạ đòn	x	x		
4871	2982	Hội sức phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo sau	x	x		
4872	2983	Hội sức phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước	x	x		
4873	2984	Hội sức phẫu thuật nội soi tán sỏi trong phẫu thuật nội soi đường mật và tán sỏi qua đường hầm Kehr	x	x		
4874	2985	Hội sức phẫu thuật nội soi tán sỏi, dẫn lưu đường mật qua da dưới ECHO	x	x		
4875	2987	Hội sức phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận	x	x		
4876	2989	Hội sức phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản	x	x		
4877	3003	Hội sức phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai	x	x		
4878	3004	Hội sức phẫu thuật nội soi u mạc treo	x	x		
4879	3005	Hội sức phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	x	x		
4880	3006	Hội sức phẫu thuật nội soi vét hạch tiểu khung	x	x		
4881	3007	Hội sức phẫu thuật nội soi viêm phần phụ	x	x		
4882	3008	Hội sức phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	x	x		
4883	3009	Hội sức phẫu thuật nội soi vỡ đại tràng	x	x		
4884	3011	Hội sức phẫu thuật nội soi xé sa lồi lõ niệu quản	x	x		
4885	3013	Hội sức phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung	x	x		
4886	3014	Hội sức phẫu thuật nối tắt ruột non – đại tràng hoặc trực tràng	x	x		
4887	3015	Hội sức phẫu thuật nối tắt ruột non – ruột non	x	x	x	
4888	3017	Hội sức phẫu thuật nối tụy ruột	x	x		
4889	3018	Hội sức phẫu thuật nối vị tràng	x	x	x	
4890	3019	Hội sức phẫu thuật nối vòi tử cung	x	x		
4891	3020	Hội sức phẫu thuật nối Wirsung ruột non + nối ống mật chủ - ruột non + nối dạ dày – ruột non trên ba quai ruột biệt lập	x	x		
4892	3023	Hội sức phẫu thuật ổ bụng trung phẫu ở trẻ em	x	x	x	
4893	3024	Hội sức phẫu thuật quặm bẩm sinh	x	x		
4894	3025	Hội sức phẫu thuật sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
4895	3026	Hồi sức phẫu thuật sa sinh dục	x	x		
4896	3027	Hồi sức phẫu thuật tạo hình âm đạo + tăng sinh môn	x	x		
4897	3028	Hồi sức phẫu thuật tháo lồng ruột	x	x		
4898	3033	Hồi sức phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa ở trẻ dưới 6 tuổi	x	x		
4899	3034	Hồi sức phẫu thuật viêm sụn vành tai, dị tật vành tai	x	x		
4900	3036	Hồi sức tán sỏi qua da bằng laser	x	x		
4901	3037	Hồi sức tán sỏi qua da bằng siêu âm	x	x		
4902	3039	Hồi sức tán sỏi thận qua da	x	x		
		D. GÂY TÊ				
4903	3047	Gây tê nội soi buồng tử cung can thiệp	x	x		
4904	3048	Gây tê nội soi buồng tử cung chẩn đoán	x	x		
4905	3049	Gây tê nội soi buồng tử cung, nạo buồng tử cung	x	x		
4906	3050	Gây tê nội soi buồng tử cung, sinh thiết buồng tử cung	x	x		
4907	3051	Gây tê nội soi buồng tử cung, vòi trứng thông vòi trứng	x	x		
4908	3052	Gây tê nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản	x	x		
4909	3053	Gây tê nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản	x	x		
4910	3054	Gây tê nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser	x	x		
4911	3055	Gây tê nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser	x	x		
4912	3056	Gây tê nội soi nối vòi tử cung	x	x		
4913	3058	Gây tê nội soi nong niệu quản hẹp	x	x		
4914	3059	Gây tê nội soi ổ bụng chẩn đoán	x	x		
4915	3060	Gây tê nội soi ổ bụng hỗ trợ đốt u gan bằng sóng cao tần (RFA)	x	x		
4916	3062	Gây tê nội soi tán sỏi niệu quản	x	x		
4917	3063	Gây tê nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng	x	x		
4918	3064	Gây tê nội soi tạo hình niệu quản quặt sau tĩnh mạch chủ	x	x		
4919	3065	Gây tê nội soi thận ống mềm gấp sỏi thận	x	x		
4920	3066	Gây tê nội soi thận ống mềm tán sỏi thận	x	x		
4921	3068	Gây tê nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi	x	x		
4922	3081	Gây tê phẫu thuật bàn chân bẹt, bàn chân lõ	x	x		
4923	3082	Gây tê phẫu thuật bàn chân gót và xoay ngoài	x	x		
4924	3083	Gây tê phẫu thuật bàn chân khoèo bẩm sinh	x	x		
4925	3084	Gây tê phẫu thuật bàn chân thường	x	x		
4926	3087	Gây tê phẫu thuật bất động ngoài xương chày, xương đùi	x	x	x	
4927	3091	Gây tê phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa	x	x	x	
4928	3097	Gây tê phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung	x	x		
4929	3099	Gây tê phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến	x	x		
4930	3101	Gây tê phẫu thuật bong hay đứt dây chằng bên khớp gối	x	x		
4931	3110	Gây tê phẫu thuật bướu tinh hoàn	x	x	x	
4932	3124	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp và cắt bán phần thủy còn lại trong Basedow	x	x		
4933	3125	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp không lỏ	x	x		
4934	3126	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân	x	x		
4935	3127	Gây tê phẫu thuật cắt 2 tạng trong ổ bụng (tiểu khung) trở lên	x	x		
4936	3128	Gây tê phẫu thuật cắt âm hộ + vét hạch trên bệnh nhân K âm hộ	x	x		
4937	3129	Gây tê phẫu thuật cắt âm hộ đơn thuần	x	x	x	
4938	3139	Gây tê phẫu thuật cắt bàng quang	x	x		
4939	3140	Gây tê phẫu thuật cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	x	x		
4940	3141	Gây tê phẫu thuật cắt bàng quang, tạo hình bàng quang	x	x		
4941	3142	Gây tê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x	
4942	3158	Gây tê phẫu thuật cắt cổ bàng quang	x	x		
4943	3161	Gây tê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường âm đạo	x	x		
4944	3162	Gây tê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng, đường âm đạo	x	x		
4945	3163	Gây tê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng	x	x		
4946	3168	Gây tê phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
4947	3173	Gây tê phẫu thuật cắt dị tật hậu môn-trực tràng, làm lại niệu đạo	x	x		
4948	3174	Gây tê phẫu thuật cắt đoạn chi	x	x	x	
4949	3204	Gây tê phẫu thuật cắt lõi xương	x	x		
4950	3211	Gây tê phẫu thuật cắt mào tinh	x	x		
4951	3231	Gây tê phẫu thuật cắt nối niệu đạo sau	X	x		
4952	3233	Gây tê phẫu thuật cắt nối niệu quản	X	x		
4953	3243	Gây tê phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung	x	x		
4954	3256	Gây tê phẫu thuật cắt thận	x	x		
4955	3257	Gây tê phẫu thuật cắt thận bán phần	x	x		
4956	3258	Gây tê phẫu thuật cắt thận đơn thuần	x	x		
4957	3286	Gây tê phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	x	X	x	
4958	3287	Gây tê phẫu thuật cắt tinh hoàn	x	x	x	
4959	3288	Gây tê phẫu thuật cắt tinh mạc	x	x		
4960	3290	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang và tạo hình.	x	x		
4961	3313	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + 2 phần phụ + vết hạch chậu 2 bên	x	x		
4962	3315	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng kèm tạo hình niệu quản	x	x		
4963	3316	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ	x	x	x	
4964	3319	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì Chorio + chửa trứng	x	x		
4965	3320	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì K cổ tử cung	x	x		
4966	3321	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung	x	x	x	
4967	3323	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung	x	x	x	
4968	3383	Gây tê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x	
4969	3384	Gây tê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng	x	x	x	
4970	3397	Gây tê phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo	x	x	x	
4971	3424	Gây tê phẫu thuật cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn	x	x	x	
4972	3438	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm	x	x	x	
4973	3439	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư phần mềm	x	x		
4974	3440	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư thận	x	x		
4975	3441	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư tiền liệt tuyến.	x	x		
4976	3442	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư tinh hoàn lạc chỗ	x	x		
4977	3461	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình cong dương vật	x	x	x	
4978	3462	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình vùi dương vật	x	x	x	
4979	3469	Gây tê phẫu thuật chỉnh sửa sẹo xấu dương vật	x	x		
4980	3481	Gây tê phẫu thuật cố định kết hợp xương nếp vit gãy thân xương cánh tay	x	x	x	
4981	3493	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đáy chậu	x	x	x	
4982	3499	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu viêm mũ khớp, không sai khớp	x	x	x	
4983	3565	Gây tê phẫu thuật điều trị sa trực tràng qua đường hậu môn	x	x	x	
4984	3568	Gây tê phẫu thuật điều trị són tiểu	x	x		
4985	3577	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	x	x	x	
4986	3578	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	x	x	x	
4987	3579	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	x	x	x	
4988	3580	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	x	x	x	
4989	3582	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	x	x	x	
4990	3588	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	x	x	x	
4991	3589	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng	x	x	x	
4992	3598	Gây tê phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	x	x	x	
4993	3631	Gây tê phẫu thuật đóng các lỗ rò niệu đạo	x	x		
4994	3632	Gây tê phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân (chưa bao gồm phương tiện cố định)	x	x	x	
4995	3633	Gây tê phẫu thuật đóng cứng khớp khác	x	x	x	
4996	3667	Gây tê phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x	x	
4997	3668	Gây tê phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert	x	x	x	
4998	3704	Gây tê phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độc nhất, gần mù	x	x		
4999	3705	Gây tê phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên	x	x		
5000	3706	Gây tê phẫu thuật gọt giác mạc đơn thuần	x	x		
5001	3707	Gây tê phẫu thuật hạ lồi tinh hoàn	x	x		
5002	3708	Gây tê phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi ...)	x	x		
5003	3709	Gây tê phẫu thuật hạ tinh hoàn 1 bên	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
5004	3710	Gây tê phẫu thuật hạ tinh hoàn 2 bên	x	x	x	
5005	3711	Gây tê phẫu thuật hạ tinh hoàn lạc chỗ 1 bên	x	x	x	
5006	3712	Gây tê phẫu thuật hạch ngoại biên	x	x	x	
5007	3714	Gây tê phẫu thuật hẹp khe mi	x	x		
5008	3715	Gây tê phẫu thuật hội chứng ống cổ tay	x	x	x	
5009	3716	Gây tê phẫu thuật hội chứng volkmann cơ cơ áp có kết hợp xương	x	x		
5010	3717	Gây tê phẫu thuật hội chứng volkmann cơ cơ gấp không kết hợp xương	x	x	x	
5011	3718	Gây tê phẫu thuật kéo dài cân cơ nâng mi	x	x		
5012	3719	Gây tê phẫu thuật khâu da thì II	x	x	x	
5013	3722	Gây tê phẫu thuật khe thoát vị rốn, hở thành bụng	x	x		
5014	3724	Gây tê phẫu thuật khớp giả xương chày bẩm sinh có ghép xương	x	x		
5015	3743	Gây tê phẫu thuật KHX gây 2 xương cẳng tay	x	x	x	
5016	3744	Gây tê phẫu thuật KHX gây bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay	x	x	x	
5017	3746	Gây tê phẫu thuật KHX gây bong sụn tiếp vùng khớp gối	x	x	x	
5018	3747	Gây tê phẫu thuật KHX gây bong sụn vùng cổ xương đùi	x	x	x	
5019	3748	Gây tê phẫu thuật KHX gây chỏm đốt bàn và ngón tay	x	x	x	
5020	3749	Gây tê phẫu thuật KHX gây cổ chân	x			
5021	3750	Gây tê phẫu thuật KHX gây cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay	x	x	x	
5022	3751	Gây tê phẫu thuật KHX gây cổ xương bả vai	x	x		
5023	3752	Gây tê phẫu thuật KHX gây cổ xương đùi	x	x	x	
5024	3753	Gây tê phẫu thuật KHX gây đài quay (Gây cổ xương quay)	x	x	x	
5025	3754	Gây tê phẫu thuật KHX gây đài quay phức tạp	x	x	x	
5026	3755	Gây tê phẫu thuật KHX gây đài quay	x	x	x	
5027	3756	Gây tê phẫu thuật KHX gây đầu dưới xương chày (Pilon)	x	x	x	
5028	3757	Gây tê phẫu thuật KHX gây đầu dưới xương quay	x	x	x	
5029	3758	Gây tê phẫu thuật KHX gây hở độ II thân xương cánh tay	x	x	x	
5030	3759	Gây tê phẫu thuật KHX gây hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x	x	
5031	3760	Gây tê phẫu thuật KHX gây hở độ III hai xương cẳng chân	x	x	x	
5032	3761	Gây tê phẫu thuật KHX gây hở độ III thân xương cánh tay	x	x	x	
5033	3762	Gây tê phẫu thuật KHX gây hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x	x	
5034	3763	Gây tê phẫu thuật KHX gây hở I thân hai xương cẳng tay	x	x	x	
5035	3764	Gây tê phẫu thuật KHX gây hở II thân hai xương cẳng tay	x	x	x	
5036	3766	Gây tê phẫu thuật KHX gây hở liên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x	
5037	3767	Gây tê phẫu thuật KHX gây Hoffa đầu dưới xương đùi	x	x	x	
5038	3769	Gây tê phẫu thuật KHX gây liên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x	
5039	3770	Gây tê phẫu thuật KHX gây liên mấu chuyển xương đùi	x	x		
5040	3771	Gây tê phẫu thuật KHX gây lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x	x	
5041	3772	Gây tê phẫu thuật KHX gây lồi cầu ngoài xương đùi	x	x	x	
5042	3773	Gây tê phẫu thuật KHX gây lồi cầu trong xương đùi	x	x	x	
5043	3774	Gây tê phẫu thuật KHX gây lồi cầu xương bàn và ngón tay	x	x	x	
5044	3775	Gây tê phẫu thuật KHX gây lồi cầu xương khớp ngón tay	x	x	x	
5045	3776	Gây tê phẫu thuật KHX gây mâm chày + thân xương chày	x	x	x	
5046	3777	Gây tê phẫu thuật KHX gây mâm chày ngoài	x	x	x	
5047	3778	Gây tê phẫu thuật KHX gây mâm chày trong	x	x	x	
5048	3779	Gây tê phẫu thuật KHX gây mắt cá kèm trật khớp cổ chân	x	x	x	
5049	3780	Gây tê phẫu thuật KHX gây mắt cá ngoài	x	x	x	
5050	3781	Gây tê phẫu thuật KHX gây mắt cá trong	x	x	x	
5051	3782	Gây tê phẫu thuật KHX gây móm khuỷu phức tạp	x	x	x	
5052	3783	Gây tê phẫu thuật KHX gây móm khuỷu	x	x	x	
5053	3784	Gây tê phẫu thuật KHX gây Monteggia	x	x	x	
5054	3785	Gây tê phẫu thuật KHX gây nèn đốt bàn ngón 5 (bàn chân)	x	x	x	
5055	3786	Gây tê phẫu thuật KHX gây nội khớp đầu dưới xương quay	x	x	x	
5056	3787	Gây tê phẫu thuật KHX gây nội khớp xương khớp ngón tay	x	x	x	
5057	3790	Gây tê phẫu thuật KHX gây phức tạp chỏm xương đùi – trật hang	x	x		
5058	3791	Gây tê phẫu thuật KHX gây phức tạp vùng khuỷu	x	x	x	
5059	3793	Gây tê phẫu thuật KHX gây rỗng rọc xương cánh tay	x	x	x	
5060	3794	Gây tê phẫu thuật KHX gây sụn tăng trưởng ở đầu xương	x	x	x	
5061	3795	Gây tê phẫu thuật KHX gây thân 2 xương cẳng chân	x	x	x	
5062	3796	Gây tê phẫu thuật KHX gây thân 2 xương cẳng tay	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
5063	3797	Gây tê phẫu thuật KHX gây thân đốt bàn và ngón tay	x	x	x	
5064	3798	Gây tê phẫu thuật KHX gây thân xương cẳng chân	x	x	x	
5065	3799	Gây tê phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay	x	x	x	
5066	3800	Gây tê phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay	x	x	x	
5067	3801	Gây tê phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay phức tạp	x	x	x	
5068	3802	Gây tê phẫu thuật KHX gây thân xương chày	x	x	x	
5069	3803	Gây tê phẫu thuật KHX gây thân xương đùi phức tạp	x	x		
5070	3804	Gây tê phẫu thuật KHX gây thân xương đùi	x	x	x	
5071	3806	Gây tê phẫu thuật KHX gây trật cổ xương đùi	x	x	x	
5072	3807	Gây tê phẫu thuật KHX gây trật đốt bàn ngón chân	x	x	x	
5073	3808	Gây tê phẫu thuật KHX gây trật khớp cổ chân ở trẻ em	x	x	x	
5074	3809	Gây tê phẫu thuật KHX gây trật khớp cổ tay	x	x	x	
5075	3810	Gây tê phẫu thuật KHX gây trật xương gót	x	x	x	
5076	3811	Gây tê phẫu thuật KHX gây trật xương sên	x	x	x	
5077	3812	Gây tê phẫu thuật KHX gây trên lõi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh	x	x	x	
5078	3813	Gây tê phẫu thuật KHX gây trên lõi cầu xương cánh tay	x	x	x	
5079	3814	Gây tê phẫu thuật KHX gây trên lõi cầu xương đùi	x	x	x	
5080	3815	Gây tê phẫu thuật KHX gây trên và liên lõi cầu xương đùi	x	x	x	
5081	3817	Gây tê phẫu thuật KHX gây xương bánh chè phức tạp	x	x	x	x
5082	3818	Gây tê phẫu thuật KHX gây xương bệnh lý	x	x	x	
5083	3819	Gây tê phẫu thuật KHX gây xương đòn	x	x	x	
5084	3820	Gây tê phẫu thuật KHX gây xương đốt bàn ngón tay	x	x	x	
5085	3821	Gây tê phẫu thuật KHX gây xương đốt bàn và đốt ngón chân	x	x	x	
5086	3822	Gây tê phẫu thuật KHX gây xương gót	x	x	x	
5087	3823	Gây tê phẫu thuật KHX gây xương mác đơn thuần	x	x	x	
5088	3824	Gây tê phẫu thuật KHX gây xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới	x	x	x	
5089	3825	Gây tê phẫu thuật KHX gây xương sên và trật khớp	x	x	x	
5090	3827	Gây tê phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn	x	x	x	
5091	3830	Gây tê phẫu thuật KHX toác khớp mu (trật khớp)	x	x		
5092	3831	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp cổ chân	x	x	x	
5093	3832	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp cùng chậu	x	x	x	
5094	3833	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn	x	x	x	
5095	3834	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp dưới sên	x	x	x	
5096	3835	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp Lisfranc	x	x	x	
5097	3870	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hen phế quản	x	x		
5098	3872	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân lao + tiền sử lao phổi	x	x		
5099	3876	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân thai chết lưu	x	x		
5100	3877	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh về máu	X	x		
5101	3882	Gây tê phẫu thuật lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi	x	x		
5102	3883	Gây tê phẫu thuật lấy thai bình thường ở sản phụ không có các bệnh kèm theo	x	x	x	
5103	3892	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật tiền phòng	x	x		
5104	3893	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật trong cùng mạc	x	x		
5105	3911	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	x	x		
5106	3912	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang	x	x	x	
5107	3914	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi mật, giun trong đường mật qua nội soi tá tràng	x	x		
5108	3916	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	x	x		
5109	3918	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo	x	x	x	
5110	3919	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	x	x	x	
5111	3920	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần	x	x	x	
5112	3921	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	x	x		
5113	3929	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi thận	x	x		
5114	3943	Gây tê phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	x	x		
5115	3945	Gây tê phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	x	x	x	
5116	3950	Gây tê phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	x	x	x	
5117	3987	Gây tê phẫu thuật mở rộng lỗ sáo	x	x	x	
5118	3989	Gây tê phẫu thuật mở thông dạ dày	x	x	x	
5119	3996	Gây tê phẫu thuật mổ đơn thuần	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
5120	4019	Gây tê phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	x	x		
5121	4021	Gây tê phẫu thuật nội soi buồng tử cung + mở thông 2 vòi tử cung	x	x		
5122	4023	Gây tê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polype	x	x		
5123	4024	Gây tê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn	x	x		
5124	4245	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị rò hậu môn	x	x		
5125	4247	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị sa sinh dục	x	x		
5126	4269	Gây tê phẫu thuật nội soi giải phóng ống cổ tay	x	x		
5127	4283	Gây tê phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị hoại tử chòm xương đùi bằng khoan giải áp	x	x		
5128	4336	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	x	x		
5129	4385	Gây tê phẫu thuật nội soi phục hồi thành bụng	x	x		
5130	4386	Gây tê phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày	x	x		
5131	4394	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau	x	x		
5132	4395	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân)	x	x		
5133	4396	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng	x	x		
5134	4397	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu	x	x		
5135	4398	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó)	x	x		
5136	4399	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng qua đòn	x	x		
5137	4400	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo sau	x	x		
5138	4401	Gây tê phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước	x	x		
5139	4425	Gây tê phẫu thuật nội soi viêm phần phụ	x	x		
5140	4439	Gây tê phẫu thuật nội soi nang buồng trứng	x	x		
5141	4444	Gây tê phẫu thuật sa sinh dục	x	x		
5142	4445	Gây tê phẫu thuật tạo hình âm đạo + tăng sinh môn	x	x		
5143	4454	Gây tê tán sỏi qua da bằng laser	x	x		
5144	4455	Gây tê tán sỏi qua da bằng siêu âm	x	x		
		D. AN THẦN				
5145	4460	An thần bệnh nhân khi chụp hình ở khoa chẩn đoán hình ảnh	x	x	x	
5146	4461	An thần bệnh nhân nhổ răng	x	x		
5147	4462	An thần bệnh nhân nội soi đường mật	x	x		
5148	4463	An thần bệnh nhân nội soi đường tiêu hóa	x	x		
5149	4464	An thần bệnh nhân nội soi khí phế quản	x	x	x	
5150	4465	An thần bệnh nhân phải nắn xương	x	x	x	
5151	4466	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi sức	x	x	x	
5152	4467	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi tỉnh	x	x	x	
5153	4468	An thần nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân giảm tiểu cầu	x	x		
5154	4469	An thần nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hen phế quản	x	x		
5155	4470	An thần nội soi buồng tử cung can thiệp	x	x		
5156	4471	An thần nội soi buồng tử cung chẩn đoán	x	x		
5157	4472	An thần nội soi buồng tử cung nạo buồng tử cung	x	x		
5158	4473	An thần nội soi buồng tử cung sinh thiết buồng tử cung	x	x		
5159	4474	An thần nội soi buồng tử cung, vòi trứng thông vòi trứng	x	x		
5160	4475	An thần nội soi gấp dị vật đường thở	x	x		
5161	4476	An thần nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản	X	x		
5162	4477	An thần nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu quản	X	x		
5163	4478	An thần nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser	X	x		
5164	4479	An thần nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser	X	x		
5165	4480	An thần nội soi nội tạng thực quản	x	x		
5166	4481	An thần nội soi nội tạng thực quản hẹp	X	x		
5167	4482	An thần nội soi ổ bụng chẩn đoán	X	x		
5168	4483	An thần nội soi phế quản sinh thiết chẩn đoán	x	x		
		X. NGOẠI KHOA				
		A. THẦN KINH - SỢ NÃO				
		1. Sợ não				
5169	1	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	x	x		
5170	2	Phẫu thuật vỡ lún xương sọ hở	x	x		
5171	3	Phẫu thuật vết thương sọ não (có rách màng não)	x	x		
5172	4	Phẫu thuật xử lý lún sọ không có vết thương	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
5173	9	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính một bên	x	x		
5174	13	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang hơi trán	x	x		
5175	15	Phẫu thuật mở nắp sọ giải ép trong tăng áp lực nội sọ (do máu tụ, thiếu máu não, phù não)	x	x		
5176	16	Phẫu thuật dẫn lưu não thất ra ngoài trong chấn thương sọ não (CTSN)	x	x		
5177	17	Phẫu thuật vá khuyết sọ sau chấn thương sọ não	x	x		
		2. Phẫu thuật nhiễm trùng				
5178	29	Phẫu thuật viêm xương sọ	x	x		
5179	32	Phẫu thuật nhiễm khuẩn vết mổ	x	x		
5180	34	Phẫu thuật tụ mủ ngoài màng cứng	x	x		
5181	35	Phẫu thuật áp xe ngoài màng tủy	x	x		
5182	38	Phẫu thuật xử lý nhiễm khuẩn vết mổ	x	x		
		4. Dịch não tủy				
5183	57	Chọc dịch não tủy thất lưng (thủ thuật)	x	x		
5184	64	Phẫu thuật lấy bỏ dẫn lưu não thất (ổ bụng, tâm nhĩ) hoặc dẫn lưu nang dịch não tủy (ổ bụng, não thất)	x	x		
		B. TIM MẠCH - LÒNG NGỰC				
		1. Cấp cứu chấn thương- vết thương ngực				
5185	152	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi	x	x	x	
		5. Bệnh tim mạch máu				
5186	265	Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính < 10 cm)	x	x		
		6. Lòng ngực				
5187	278	Phẫu thuật cắt u thành ngực	x	x	x	
		C. TIẾT NIỆU-SINH DỤC				
		1. Thận				
5188	299	Lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang	x	x		
5189	300	Bóc bạch mạch quanh thận, điều trị bệnh đái dư-ơng chấp	x	x		
5190	302	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	x	x		
5191	304	Cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	x	x		
5192	305	Phẫu thuật treo thận	x	x		
5193	307	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	x	x		
5194	308	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	x	x		
5195	309	Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt	x	x		
5196	310	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	x	x		
5197	311	Tán sỏi ngoài cơ thể	x	x		
5198	312	Chọc hút và bơm thuốc vào nang thận	x	x		
5199	313	Dẫn lưu đài bể thận qua da	x	x		
5200	314	Cắt eo thận móng ngựa	x	x		
5201	315	Phẫu thuật khâu bảo tồn hoặc cắt thận bán phần trong chấn thương thận	x	x		
5202	317	Dẫn lưu bể thận tối thiểu	x	x		
5203	320	Tạo hình khúc nối bể thận – niệu quản (Phương pháp Foley, Anderson – Hynes)	x	x		
		2. Niệu quản				
5204	325	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần	x	x		
5205	329	Nong niệu quản	x	x		
5206	331	Tạo hình niệu quản do phình to niệu quản	x	x		
5207	333	Cầm lại niệu quản – bàng quang	x	x		
5208	334	Đưa niệu quản ra da đơn thuần ± thất ĐM chậu trong	x	x		
		3. Bàng quang				
5209	341	Mổ sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)	x			
5210	342	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	x	x		
5211	348	Cầm niệu quản bàng quang	x	x		
5212	350	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	x	x		
5213	351	Phẫu thuật đặt vòng nâng cổ bàng quang (Sling) trong tiểu không kiểm soát khi gắng sức	x	x		
5214	352	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	x	x		
5215	354	Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang	x	x	x	
5216	355	Lấy sỏi bàng quang	x	x	x	
5217	356	Dẫn lưu n-ước tiểu bàng quang	x	x	x	
5218	357	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
5219	359	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	x	x	x	
		4. Niệu đạo				
5220	367	Cắt nối niệu đạo trư-ớc	x	x		
5221	372	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt	x	x	x	
5222	378	Dẫn lưu bàng quang, đặt Tuteur niệu đạo	x	x		
		5. Sinh dục				
5223	386	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	x	x		
5224	393	Điều trị đái rĩ ở nữ bằng đặt miếng nâng niệu đạo TOT	x	x		
5225	394	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ	x	x		
5226	395	Cắt tinh mạc	x	x		
5227	396	Cắt mào tinh	x	x		
5228	397	Cắt thê Morgani xoắn	x	x		
5229	398	Phẫu thuật tái tạo miệng sáo do hẹp miệng sáo	x	x		
5230	400	Thắt tĩnh mạch tinh trên bụng	x	x		
5231	401	Cắt dương vật không vết hạch, cắt một nửa dương vật	x	x		
5232	402	Phẫu thuật vỡ vật hang do gãy dương vật	x	x		
5233	405	Nong niệu đạo	x	x	x	
5234	407	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	x	x	x	
5235	408	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	x	x	x	
5236	410	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x	
5237	411	Cắt hẹp bao quy đầu	x	x	x	x
5238	412	Mở rộng lỗ sáo	x	x	x	x
5239	413	Đặt tinh hoàn nhân tạo	x	x		
		D. TIÊU HÓA				
		1. Thực quản				
5240	416	Mở thông dạ dày	x	x	x	
		2. Dạ dày				
5241	451	Mở bụng thăm dò	x	x	x	
5242	452	Mở bụng thăm dò, sinh thiết	x	x	x	
5243	453	Nội vị tràng	x	x	x	
5244	454	Cắt dạ dày hình chêm	x	x	x	
5245	455	Cắt đoạn dạ dày	x	x		
5246	456	Cắt đoạn dạ dày và mạc nối lớn	x	x		
5247	457	Cắt toàn bộ dạ dày	x	x		
5248	459	Nao vết hạch D1	x	x		
5249	463	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng	x	x	x	
5250	464	Phẫu thuật Newmann	x	x	x	
5251	465	Khâu cầm máu ổ loét dạ dày	x	x		
5252	470	Tạo hình môn vị	x	x		
5253	471	Mở dạ dày xử lý tổn thương	x	x		
5254	472	Các phẫu thuật dạ dày khác	x	x		
		3. Tá tràng				
5255	475	Khâu vùi túi thừa tá tràng	x	x		
5256	476	Cắt túi thừa tá tràng	x	x		
		4. Ruột non- Mạc treo				
5257	479	Mở thông hồng tràng hoặc mở thông hồi tràng	x	x	x	
5258	480	Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non	x	x	x	
5259	481	Cắt dây chằng, gỡ dính ruột	x	x	x	
5260	483	Tháo lồng ruột non	x	x	x	
5261	484	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng	x	x	x	
5262	486	Cắt ruột non hình chêm	x	x	x	
5263	491	Gỡ dính sau mổ lại	x	x	x	
5264	493	Đóng mở thông ruột non	x	x	x	
5265	494	Nội tắt ruột non - đại tràng hoặc trực tràng	x	x	x	
5266	495	Nội tắt ruột non - ruột non	x	x	x	
5267	496	Cắt mạc nối lớn	x	x	x	
		5. Ruột thừa- Đại tràng				
5268	506	Cắt ruột thừa đơn thuần	x	x	x	x
5269	507	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
5270	508	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x	
5271	509	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	x	x	x	
5272	510	Các phẫu thuật ruột thừa khác	x	x		
5273	511	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng	x	x	x	
5274	513	Cắt túi thừa đại tràng	x	x		
5275	524	Làm hậu môn nhân tạo	x	x	x	
		6. Trực tràng				
5276	525	Làm hậu môn nhân tạo	x	x	x	
5277	526	Lấy dị vật trực tràng	x	x	x	
5278	527	Cắt đoạn trực tràng nối ngay	x	x		
5279	533	Cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn	x			
5280	534	Khâu lỗ thủng, vết thương trực tràng	x	x		
5281	537	Cắt toàn bộ mạc treo trực tràng	x	x		
5282	546	Các phẫu thuật trực tràng khác	x			
		7. Tăng sinh môn				
5283	547	Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ	x			
5284	548	Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	x			
5285	549	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan – Morgan hoặc Ferguson)	x	x	x	
5286	550	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ	x	x	x	
5287	551	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	x	x		
5288	552	Phẫu thuật Longo	x	x		
5289	553	Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ	x	x		
5290	554	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)	x	x		
5291	555	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	x	x	x	
5292	557	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản	x			
5293	560	Phẫu thuật điều trị bệnh Verneuil	x	x		
5294	561	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3 giờ và 9 giờ)	x	x	x	
5295	562	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong vị trí 6 giờ, tạo hình hậu môn	x			
5296	565	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x	x	
5297	566	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)	x	x	x	
5298	567	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)	x	x	x	
5299	570	Phẫu thuật điều trị đại tiện mất tự chủ	x	x		
5300	571	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản	x	x		
5301	572	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn phức tạp	x	x		
		Đ. GAN - MẬT - TUY				
		1. Gan				
5302	574	Thăm dò, sinh thiết gan	x	x	x	
5303	597	Cắt gan có sử dụng kỹ thuật cao (CUSA, dao siêu âm, sóng cao tần...)	x			
5304	598	Các phẫu thuật cắt gan khác	x	x		
5305	611	Cắt chỏm nang gan	x	x	x	
5306	617	Dẫn lưu áp xe tồn dư sau mổ gan	x	x		
		2. Mật				
5307	622	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật	x	x		
5308	625	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, nội soi tán sỏi đường mật	x	x		
		3. Tụy				
5309	663	Các phẫu thuật nối tụy ruột khác	x	x		
5310	676	Khâu vết thương lách	x	x	x	
5311	677	Bảo tồn lách vỡ bằng lưới sinh học	x	x		
5312	678	Các phẫu thuật lách khác	x	x		
		E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHÚC MẠC				
		1. Thành bụng - cơ hoành				
5313	682	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	x	x	x	
5314	688	Phẫu thuật rò, nang ống rốn tràng, niệu rốn	x	x	x	
5315	689	Phẫu thuật khâu lỗ thủng cơ hoành do vết thương	x	x	x	
5316	690	Phẫu thuật khâu vỡ cơ hoành	x	x	x	
5317	692	Phẫu thuật điều trị thoát vị khe hoành	x	x		
5318	694	Phẫu thuật điều trị nhào cơ hoành	x	x		
5319	698	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ	x	x	x	
5320	699	Khâu vết thương thành bụng	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
		2. Phức mạc				
5321	701	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	x	x		
5322	703	Lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ	x	x		
5323	713	Lấy u sau phúc mạc	x	x		
		G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
		1. Vùng vai-xương đòn				
5324	714	Phẫu thuật thay khớp vai nhân tạo	x	x		
5325	716	Phẫu thuật tháo khớp vai	x	x		
5326	717	Phẫu thuật kết hợp xương (KHX) gãy xương bả vai	x	x		
5327	718	Phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai	x	x		
5328	719	Phẫu thuật KHX gãy xương đòn	x	x	x	
5329	720	Phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn	x	x		
5330	721	Phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn	x	x		
5331	722	Phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn	x	x		
		2. Vùng cánh tay				
5332	725	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay	x	x		
5333	727	Phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay	x	x		
5334	729	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay phức tạp	x	x		
5335	730	Phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay	x	x		
5336	731	Phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay	x	x		
5337	732	Phẫu thuật KHX gãy rỗng rọc xương cánh tay	x	x		
5338	733	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x		
		3. Vùng cẳng tay				
5339	734	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu	x	x	x	
5340	735	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu phức tạp	x	x		
5341	736	Phẫu thuật KHX gãy Monteggia	x	x		
5342	737	Phẫu thuật KHX gãy đài quay	x	x		
5343	738	Phẫu thuật KHX gãy đài quay phức tạp	x	x		
5344	739	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay	x	x		
5345	740	Phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới	x	x		
5346	741	Phẫu thuật KHX gãy phức tạp khớp khuỷu	x	x		
5347	742	Phẫu thuật tạo hình cứng khớp cổ tay sau chấn thương	x	x		
5348	743	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới quơng quay	x	x		
		4. Vùng bàn tay				
5349	749	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay	x	x		
5350	750	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay	x	x		
5351	751	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn – cổ tay	x	x		
		5. Vùng chậu				
5352	753	Phẫu thuật KHX gãy cánh chậu	x	x		
5353	755	Phẫu thuật KHX toác khớp mu (trật khớp)	x	x		
5354	756	Phẫu thuật KHX gãy khung chậu – trật khớp mu	x	x		
5355	757	Phẫu thuật KHX gãy ổ cối đơn thuần	x	x		
		6. Vùng đùi				
5356	759	Phẫu thuật KHX gãy bán phần chỏm xương đùi	x	x		
5357	760	Phẫu thuật KHX gãy phức tạp chỏm xương đùi – trật háng	x			
5358	761	Phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi	x	x		
5359	762	Phẫu thuật KHX gãy cổ mấu chuyển xương đùi	x	x		
5360	763	Phẫu thuật KHX gãy liên mấu chuyển xương đùi	x	x		
5361	764	Phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương đùi	x	x		
5362	765	Phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi	x	x		
5363	766	Phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương đùi	x	x		
5364	767	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương đùi	x	x		
5365	768	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu trong xương đùi	x	x		
5366	769	Phẫu thuật KHX gãy trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x		
5367	770	Phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi phức tạp	x	x		
		7. Khớp gối				
5368	772	Phẫu thuật KHX gãy bánh chè	x	x		
5369	773	Phẫu thuật KHX gãy xương bánh chè phức tạp	x	x		
		8. Vùng cẳng chân				

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
5370	775	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong	x	x		
5371	776	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài	x	x		
5372	779	Phẫu thuật KHX gãy thân xương chày	x	x		
5373	780	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân	x	x		
5374	781	Phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần	x	x		
5375	784	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong	x	x		
5376	785	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài	x	x		
5377	786	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	x	x		
		10. Gãy xương hở				
5378	793	Phẫu thuật KHX gãy hở độ I hai xương cẳng chân	x	x		
5379	794	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II hai xương cẳng chân	x	x		
5380	795	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III hai xương cẳng chân	x	x		
5381	798	Phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay	x	x		
5382	799	Phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay	x	x		
5383	800	Phẫu thuật KHX gãy hở III thân hai xương cẳng tay	x	x		
5384	801	Phẫu thuật KHX gãy hở độ I thân xương cánh tay	x	x		
5385	802	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II thân xương cánh tay	x	x		
5386	803	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III thân xương cánh tay	x	x		
5387	805	Cổ đỉnh ngoại vi trong điều trị gãy hở chi trên	x	x		
5388	806	Cổ đỉnh ngoại vi trong điều trị gãy hở chi dưới	x	x		
		11. Tổn thương phần mềm				
5389	807	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	x	x	x	
5390	808	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động	x	x		
5391	809	Phẫu thuật vết thương bàn tay	x	x		
5392	810	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	x	x		
5393	811	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp	x	x		
		12. Vùng cổ tay-bàn tay				
5394	815	Phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x		
5395	816	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay	x	x		
5396	817	Phẫu thuật KHX gãy lõi cầu xương khớp ngón tay	x	x		
5397	819	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x		
5398	820	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay	x	x		
5399	821	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay	x	x		
5400	823	Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới	x	x		
5401	827	KHX qua da bằng K.Wire gãy đầu dưới xương quay	x	x		
5402	828	Phẫu thuật chỉnh trục Cal lệch đầu dưới xương quay	x	x		
5403	832	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	x	x		
5404	833	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	x	x		
5405	834	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	x	x		
5406	839	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V	x	x		
5407	840	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II	x	x		
5408	842	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi	x	x		
5409	843	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng	x	x		
5410	847	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	x	x		
5411	850	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay	x	x		
5412	851	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	x	x		
5413	857	Chỉnh hình bệnh co rút nhị đầu và cơ cánh tay trước	x			
5414	860	Thương tích bàn tay giản đơn	x	x	x	
5415	861	Thương tích bàn tay phức tạp	x	x		
5416	862	Phẫu thuật làm mồm cụt ngón và đốt bàn ngón	x	x	x	
5417	864	Phẫu thuật tháo khớp cổ tay	x	x		
		13. Vùng cổ chân-bàn chân				
5418	866	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Pilon	x	x		
5419	874	Cụt chân thương cổ và bàn chân	x	x		
5420	875	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước	x	x		
5421	876	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I	x	x		
5422	877	Phẫu thuật tổn thương gân Achilles	x	x		
5423	878	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên	x	x		
5424	879	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
5425	880	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau	x	x		
		14. Chấn thương thể thao và chỉnh hình				
5426	881	Phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay	x	x		
5427	882	Phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu	x	x		
5428	883	Phẫu thuật điều trị gân bánh chè	x			
5429	885	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achilles	x	x		
5430	895	Chuyển vạt cân cơ cánh tay trước	x			
5431	896	Chỉnh sửa lệch trục chi (chân chữ X, O)	x	x		
5432	897	Trật khớp háng bẩm sinh	x	x		
5433	899	Phẫu thuật trật bánh chè mắc phải	x	x		
5434	900	Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tứ đầu đùi	x	x		
5435	901	Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tam đầu cánh tay	x			
5436	902	Phẫu thuật xơ cứng cơ ức đòn chũm	x	x		
		15. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình ở trẻ em				
5437	905	Gãy thân xương cánh tay phẫu thuật phương pháp METAIZEUM	x	x		
5438	906	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lõi cầu xương cánh tay	x	x		
5439	907	Phẫu thuật cứng gối theo phương pháp JUDET	x			
5440	909	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lõi cầu ngoài xương cánh tay	x	x		
5441	910	Phẫu thuật kết hợp xương gãy rỗng rọc xương cánh tay	x	x		
5442	911	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	x	x		
5443	912	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp vùng khuỷu	x	x		
5444	913	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	x	x		
5445	914	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)	x	x		
5446	915	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay	x	x		
5447	916	Phẫu thuật trật khớp háng sau chấn thương	x	x		
5448	917	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	x	x		
5449	918	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương đùi	x	x		
5450	919	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối	x	x		
5451	920	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cẳng chân	x	x		
5452	921	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	x	x		
		16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác				
5453	934	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương	x	x	x	
5454	938	Phẫu thuật làm vận động khớp gối	x			
5455	942	Phẫu thuật cắt cụt chi	x	x		
5456	943	Phẫu thuật tháo khớp chi	x	x		
5457	947	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	x	x		
5458	949	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc vòng chi thép)	x	x		
5459	952	Phẫu thuật sửa móm cụt chi	x	x		
5460	953	Phẫu thuật sửa móm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)	x	x		
5461	954	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	x	x	x	
5462	955	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	x	x		
5463	956	Phẫu thuật làm sạch ổ khớp	x	x		
5464	957	Phẫu thuật điều trị gãy xương/ đặt lại xương trên một vùng chi thể (không sử dụng các phương tiện kết hợp xương)	x	x		
5465	959	Phẫu thuật chuyển da, cơ che phủ	x	x		
5466	960	Phẫu thuật vá da diện tích <5cm ²	x	x		
5467	961	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10cm ²	x	x		
5468	965	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khuỷu...)	x	x		
5469	966	Phẫu thuật nối thần kinh (1 dây)	x			
5470	967	Phẫu thuật lấy bỏ u xương	x			
5471	969	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo	x			
5472	970	Phẫu thuật lấy bỏ u phần mềm	x	x		
5473	971	Lấy u xương (ghép xi măng)	x	x		
5474	976	Phẫu thuật chuyển giường thần kinh trụ	x	x		
5475	977	Phẫu thuật vá da dày > 1 cm ²	x	x		
5476	978	Phẫu thuật vá da mỏng	x	x		
5477	979	Phẫu thuật viêm xương	x	x		
5478	980	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết	x	x		
5479	983	Phẫu thuật vết thương khớp	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
5480	984	Phẫu thuật rút nếp, dụng cụ kết hợp xương	x	x	x	
		17. Nắn- Bó bột				
5481	985	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann	x	x		
5482	986	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	x	x		
5483	987	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ 0	x	x		
5484	988	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	x	x		
5485	989	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	x	x		
5486	990	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	x	x		
5487	991	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	x	x		
5488	992	Bột Corset Minerve,Cravate	x	x		
5489	994	Nắn, bó bột cột sống	x	x		
5490	995	Nắn, bó bột trật khớp vai	x	x		
5491	996	Nắn, bó bột gãy xương đòn	x	x		
5492	997	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	x	x		
5493	998	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	x	x		
5494	999	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	x	x		
5495	1000	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	x	x		
5496	1001	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	x	x		
5497	1002	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	x	x		
5498	1003	Nắn, bó bột gãy trên lõi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV	x	x		
5499	1005	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cánh tay	x	x		
5500	1006	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cánh tay	x	x		
5501	1007	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	x	x		
5502	1008	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles	x	x		
5503	1009	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	x	x		
5504	1011	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	x	x		
5505	1012	Nắn, bó bột gãy mâm chày	x	x		
5506	1014	Nắn, bó bột gãy Cổ xương đùi	x	x		
5507	1015	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định phẫu thuật	x	x		
5508	1016	Nắn, bó bột gãy lõi cầu xương đùi	x	x		
5509	1017	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	x	x		
5510	1018	Nắn, bó bột trật khớp gối	x	x		
5511	1019	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	x	x		
5512	1020	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	x	x		
5513	1021	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	x	x		
5514	1022	Nắn, bó bột gãy xương chày	x	x		
5515	1023	Nắn, bó bột gãy xương gót	x	x		
5516	1024	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	x	x		
5517	1026	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	x	x		
5518	1027	Nắn, bó bột gãy Monteggia	x	x		
5519	1028	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	x	x		
5520	1030	Nắn, cố định trật khớp hàm	x	x		
5521	1031	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	x	x		
5522	1032	Nếp bột các loại, không nắn	x	x		
		H. CỘT SỐNG				
		4. Các phẫu thuật ít xâm lấn				
5523	1086	Bơm ciment qua đường ngoài cuống vào thân đốt sống	x	x		
		K. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)				
5524	1118	Phẫu thuật thay toàn bộ khớp gối	x	x		
		XII. UNG BƯỚU				
		A. ĐẦU-CỔ				
5525	2	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
5526	12	Cắt các u nang giáp móng	x	x	x	
		B. THẦN KINH SỌ NÃO, CỘT SỐNG				
5527	33	Cắt u bán cầu đại não	x	x		
5528	34	Cắt u tủy cổ cao	x	x		
5529	35	Cắt u tủy	x	x		
5530	39	Cắt u vùng đuôi ngựa	x	x		
5531	40	Cắt u dây thần kinh trong và ngoài tủy	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
5532	41	Cắt u đốt sống ngoài màng cứng	x	x		
5533	44	Cắt u dây thần kinh ngoại biên	x	x		
		Đ. TAI - MŨI - HỌNG				
5534	113	Cắt u xơ vòm mũi họng	x	x		
5535	120	Cắt u thành bên họng	x	x		
5536	121	Cắt u thành sau họng	x	x		
5537	124	Cắt khối u vùng họng miệng bằng laser	x	x		
5538	125	Cắt u lành tính dây thanh	x	x		
5539	126	Cắt u lành tính thanh quản	x	x		
5540	127	Cắt u nhú thanh quản bằng laser	x	x		
5541	147	Cắt u amidan	x	x		
5542	161	Cắt polyp ống tai	x	x	x	
5543	162	Cắt polyp mũi	x	x	x	
5544	163	Cắt u xương ống tai ngoài	x	x		
5545	164	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư vòm	x	x		
		G. TIÊU HÓA - BỤNG				
5546	199	Cắt dạ dày do ung thư	x	x		
5547	200	Cắt bán phần hoặc gần toàn bộ dạ dày cực dưới do ung thư kèm vét hạch hệ thống D1 hoặc D2	x	x		
5548	201	Cắt toàn bộ dạ dày do ung thư và vét hạch hệ thống	x	x		
5549	202	Cắt toàn bộ dạ dày do ung thư tạo hình bằng đoạn ruột non	x	x		
5550	203	Mở thông dạ dày ra da do ung thư	x	x	x	
5551	204	Các phẫu thuật điều trị ung thư tá tràng	x	x		
5552	205	Cắt toàn bộ đại tràng do ung thư và vét hạch hệ thống	x	x		
5553	206	Cắt lại đại tràng do ung thư	x	x		
5554	207	Cắt đoạn đại tràng, làm hậu môn nhân tạo có hoặc không vét hạch hệ thống	x	x		
5555	208	Cắt đoạn đại tràng ngang, đại tràng sigma do ung thư có hoặc không vét hạch hệ thống nối ngay	x	x		
5556	209	Cắt một nửa đại tràng phải, trái do ung thư kèm vét hạch hệ thống	x	x		
5557	210	Cắt u trực tràng ống hậu môn đường dưới	x	x		
5558	211	Cắt đoạn trực tràng do ung thư, cắt toàn bộ mạc treo trực tràng (TME).	x	x		
5559	212	Cắt cắt trực tràng đường bụng, đường tầng sinh môn	x	x		
5560	213	Cắt trực tràng giữ lại cơ tròn	x	x		
5561	215	Làm hậu môn nhân tạo	x	x	x	
5562	216	Cắt u sau phúc mạc	x	x		
5563	217	Cắt u mạc treo có cắt ruột	x	x		
5564	218	Cắt u mạc treo không cắt ruột	x	x	x	
5565	219	Phẫu thuật lấy bỏ mạc nối lớn, phúc mạc	x	x		
		H. GAN - MẬT - TỤY				
5566	220	Cắt gan phải do ung thư	x			
5567	221	Cắt gan trái do ung thư	x	x		
5568	223	Cắt gan phải mở rộng do ung thư	x			
5569	224	Cắt gan trái mở rộng do ung thư	x			
5570	227	Cắt chỏm nang gan bằng nội soi hay mở bụng	x	x		
5571	233	Thắt động mạch gan ung thư hoặc chảy máu đường mật	x	x		
		I. TIẾT NIỆU-SINH DỤC				
5572	244	Cắt một nửa bàng quang và cắt túi thừa bàng quang	x	x		
5573	245	Cắt toàn bộ bàng quang, kèm tạo hình ruột - bàng quang	x	x		
5574	246	Cắt toàn bộ bàng quang và tạo hình bàng quang bằng ruột trong điều trị ung thư bàng quang	x	x		
5575	248	Cắt túi thừa niệu đạo	x	x		
5576	250	Cắt bỏ tuyến tiền liệt kèm túi tinh và bàng quang	x			
5577	252	Cắt cắt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư-	x	x		
5578	259	Cắt ung thư thận có hoặc không vét hạch hệ thống	x	x		
5579	260	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	x	x		
5580	261	Cắt u sùi đầu miệng sáo	x	x	x	
5581	262	Cắt u nang thừng tinh	x	x	x	
5582	263	Cắt nang thừng tinh một bên	x	x	x	
5583	264	Cắt nang thừng tinh hai bên	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
5584	265	Cắt u lành dương vật	x	x	x	
5585	266	Cắt bỏ dương vật ung thư có vết hạch	x	x		
		K. VÚ - PHỤ KHOA				
5586	267	Cắt u vú lành tính	x	x	x	
5587	268	Mổ bóc nhân xơ vú	x	x	x	
5588	269	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	x	x		
5589	270	Phẫu thuật cắt khối u vú ác tính + vết hạch nách	x	x		
5590	271	Cắt vú theo phương pháp Patey + Cắt buồng trứng hai bên	x	x		
5591	272	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú cải biên (Patey) do ung thư vú	x	x		
5592	273	Phẫu thuật bảo tồn, vét hạch nách trong ung thư- tuyến vú	x	x		
5593	274	Cắt ung thư vú tiết kiệm da - tạo hình ngay	x	x		
5594	275	Tái tạo tuyến vú sau cắt ung thư vú	x	x		
5595	276	Cắt buồng trứng, hai bên phần phụ trong điều trị ung thư vú	x	x		
5596	277	Sinh thiết hạch gác cửa trong ung thư vú	x	x		
5597	278	Cắt polyp cổ tử cung	x	x	x	
5598	280	Cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x	
5599	281	Cắt u nang buồng trứng	x	x	x	
5600	282	Cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản	x	x	x	
5601	283	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	x	x	x	
5602	284	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	x	x	x	
5603	287	Cắt u xơ cổ tử cung	x	x		
5604	288	Nạo buồng tử cung chẩn đoán	x	x		
5605	289	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung	x	x		
5606	290	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần (đường bụng, đường âm đạo)	x	x		
5607	293	Phẫu thuật Wertheim- Meig điều trị ung thư- cổ tử cung	x	x		
5608	294	Phẫu thuật soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc, polip buồng tử cung	x	x		
5609	302	Bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi di căn âm đạo	x	x		
5610	304	Cắt âm hộ ung thư, vét hạch bẹn hai bên	x	x		
5611	305	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	x	x	x	
5612	306	Cắt u thành âm đạo	x	x	x	
5613	307	Phẫu thuật tái tạo vú bằng các vật tự thân	x	x		
5614	308	Phẫu thuật tái tạo vú bằng các chất liệu độn	x	x		
5615	309	Bóc nang tuyến Bartholin	x	x	x	
		L. PHẦN MỀM-XƯƠNG-KHỚP				
5616	324	Cắt u xương sụn lành tính	x	x	x	
5617	325	Cắt u xương, sụn	x	x		
		M. XẠ TRỊ-HÓA TRỊ LIỆU				
5618	364	Hóa trị liều cao	x	x	x	
5619	367	Truyền hóa chất động mạch	x	x		
5620	368	Truyền hóa chất tĩnh mạch	x	x		
5621	372	Gây dính màng phổi bằng bơm hóa chất màng phổi	x	x		
5622	377	Điều trị đích trong ung thư	x	x		
		O. KỸ THUẬT KHÁC				
5623	448	Đặt buồng tiêm truyền dưới da	x	x		
		XIII. PHỤ SẢN				
		A. SẢN KHOA				
5624	2	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	x	x		
5625	3	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp	x	x		
5626	5	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)	x	x		
5627	7	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	x	x	x	
5628	8	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch...)	x	x	x	
5629	10	Phẫu thuật cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị do chảy máu thứ phát sau phẫu thuật sản khoa	x	x		
5630	12	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa	x	x	x	
5631	13	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
5632	15	Phẫu thuật tổn thương đường tiết niệu do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa	x	x		
5633	17	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai	x	x		
5634	18	Khâu tử cung do nạo thủng	x	x	x	
5635	19	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng	x	x		
5636	20	Gây chuyển dạ bằng thuốc	x	x		
5637	21	Nghiệm pháp lọt ngôi chòm	x	x	x	
5638	22	Đề chỉ huy bằng truyền oxytocin tĩnh mạch	x	x	x	
5639	23	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa	x	x	x	
5640	24	Đỡ đẻ ngôi ngược (*)	x	x	x	
5641	26	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên	x	x	x	
5642	27	Forceps	x	x	x	
5643	29	Soi ối	x	x	x	
5644	30	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	x	x	x	
5645	31	Thủ thuật cắt, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)	x	x	x	
5646	32	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	x	x	x	
5647	33	Đỡ đẻ thường ngôi chòm	x	x	x	x
5648	34	Cắt và khâu tầng sinh môn	x	x	x	x
5649	35	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ	x	x	x	x
5650	36	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau	x	x	x	x
5651	37	Kiểm soát tử cung	x	x	x	x
5652	38	Bóc rau nhân tạo	x	x	x	x
5653	39	Kỹ thuật bấm ối	x	x	x	x
5654	40	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	x	x	x	x
5655	41	Khám thai	x	x	x	x
5656	48	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	x	x	x	
5657	49	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	x	x	x	
5658	50	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút	x	x	x	
5659	51	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại	x	x	x	
5660	52	Khâu vòng cổ tử cung	x	x	x	
5661	53	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	x	x	x	
5662	54	Chích áp xe tầng sinh môn	x	x	x	
		B. PHỤ KHOA				
5663	63	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	x	x		
5664	64	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	x	x		
5665	65	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	x	x		
5666	66	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo có sự hỗ trợ của nội soi	x	x		
5667	68	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	x	x		
5668	69	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối	x	x		
5669	70	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	x	x	x	
5670	71	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	x	x	x	
5671	72	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	x	x	x	
5672	73	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	x	x		
5673	74	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	x	x		
5674	75	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung	x	x		
5675	76	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	x	x		
5676	77	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung	x	x		
5677	79	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai	x	x		
5678	80	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x	
5679	81	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung	x	x	x	
5680	82	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản	x	x	x	
5681	83	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	x	x	x	
5682	84	Chọc nang buồng trứng đường âm đạo dưới siêu âm	x	x		
5683	85	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung	x	x		
5684	86	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung	x	x	x	
5685	87	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	x	x		
5686	88	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ	x	x		
5687	90	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
5688	91	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ có choáng	x	x	x	
5689	92	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng	x	x	x	
5690	97	Phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh (soi buồng tử cung + nội soi ổ bụng)	x	x		
5691	99	Phẫu thuật nội soi sa sinh dục nữ	x	x		
5692	101	Phẫu thuật Crossen	x	x		
5693	103	Phẫu thuật Lefort	x	x		
5694	109	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo	x	x		
5695	110	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại	x	x		
5696	112	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp	x	x		
5697	114	Bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi di căn âm đạo	x	x		
5698	115	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	x	x		
5699	116	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	x	x		
5700	122	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt Polip buồng tử cung	x	x		
5701	124	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung	x	x		
5702	125	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn tử cung	x	x		
5703	127	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	x	x		
5704	128	Nội soi buồng tử cung can thiệp	x	x		
5705	129	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung	x	x		
5706	130	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung	x	x		
5707	131	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa	x	x		
5708	132	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	x	x		
5709	133	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung	x	x		
5710	136	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa	x	x	x	
5711	140	Khoét chóp cổ tử cung	x	x		
5712	141	Cắt cắt cổ tử cung	x	x		
5713	142	Thủ thuật LEEP (cắt cổ tử cung bằng vòng nhiệt điện)	x	x		
5714	143	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung	x	x	x	
5715	144	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	x	x	x	
5716	145	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...	x	x	x	
5717	147	Cắt u thành âm đạo	x	x	x	
5718	148	Lấy dị vật âm đạo	x	x	x	
5719	149	Khâu rách cùng đồ âm đạo	x	x	x	
5720	150	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	x	x	x	
5721	151	Chích áp xe tuyến Bartholin	x	x	x	
5722	152	Bóc nang tuyến Bartholin	x	x	x	
5723	153	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	x	x	x	
5724	154	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo	x	x	x	
5725	155	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn	x	x	x	
5726	156	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính	x	x	x	
5727	157	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	x	x	x	
5728	158	Nạo hút thai trứng	x	x	x	
5729	160	Chọc dò túi cùng Douglas	x	x	x	
5730	161	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ	x	x	x	
5731	163	Chích áp xe vú	x	x	x	
5732	164	Khám nam khoa	x	x	x	
5733	165	Khám phụ khoa	x	x	x	x
5734	166	Soi cổ tử cung	x	x	x	x
5735	167	Làm thuốc âm đạo	x	x	x	x
5736	174	Cắt u vú lành tính	x	x	x	
5737	175	Bóc nhân xơ vú	x	x	x	
5738	177	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	x	x	x	
		C. SƠ SINH				
5739	181	Nuôi dưỡng sơ sinh qua đường tĩnh mạch	x	x		
5740	184	Chọc dò màng bụng sơ sinh	x	x		
5741	185	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh	x	x	x	
5742	186	Đặt nội khí quản cấp cứu sơ sinh + thở máy	x	x	x	
5743	187	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi)	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
5744	189	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn	x	x	x	
5745	190	Truyền máu sơ sinh	x	x	x	
5746	192	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh	x	x	x	
5747	194	Ép tim ngoài lồng ngực	x	x	x	
5748	196	Khám sơ sinh	x	x	x	x
5749	197	Chăm sóc rốn sơ sinh	x	x	x	x
5750	198	Tắm sơ sinh	x	x	x	x
5751	199	Đặt sonde hậu môn sơ sinh	x	x	x	x
5752	200	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh	x	x	x	x
5753	201	Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh	x	x	x	x
		D. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH				
5754	221	Phẫu thuật nội soi lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng	x	x		
5755	222	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ	x	x	x	
5756	223	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ	x	x	x	
5757	224	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	x	x	x	
5758	225	Cây - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang)	x	x	x	
5759	226	Cây - tháo thuốc tránh thai (loại một nang)	x	x	x	
5760	228	Đặt và tháo dụng cụ tử cung	x	x	x	x
		E. PHÁ THAI				
5761	229	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9 tuần	x			
5762	231	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần	x	x		
5763	238	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	x	x	x	
5764	239	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	x	x	x	
5765	240	Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ	x	x	x	
5766	241	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	x	x	x	x
		XIV. MẮT				
5767	12	Tháo dầu Silicon nội nhãn	x	x		
5768	24	Tháo đai độn củng mạc	x	x		
5769	26	Điều trị glôcôm bằng tạo hình móng mắt (Iridoplasty)	x	x		
5770	27	Điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)	x	x		
5771	64	Phẫu thuật đặt ống Silicon lệ quản - ống lệ mũi	x	x		
5772	66	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học	x	x		
5773	68	Gọt giác mạc đơn thuần	x	x		
5774	69	Ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thùng giác mạc	x	x		
5775	84	Cắt u mi cả bề dày không ghép	x	x		
5776	88	Cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép	x	x		
5777	98	Chích mù hốc mắt	x	x		
5778	106	Đóng lỗ dò đường lệ	x	x	x	
5779	109	Phẫu thuật lác thông thường	x	x		
5780	110	Phẫu thuật lác có chỉnh chỉ	x	x		
5781	111	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác	x	x		
5782	112	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi	x	x	x	
5783	113	Chỉnh chỉ sau mổ lác	x	x		
5784	114	Phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt	x	x		
5785	115	Sửa sẹo sau mổ lác	x	x		
5786	138	Lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi	x	x		
5787	145	Phẫu thuật cắt móng mắt chu biên	x	x		
5788	162	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mù, hóa chất...)	x	x		
5789	163	Rửa chất nhân tiền phòng	x	x		
5790	165	Phẫu thuật mộng đơn thuần	x	x	x	
5791	166	Lấy dị vật giác mạc sâu	x	x	x	
5792	169	Chích dẫn lưu túi lệ	x	x	x	
5793	170	Phẫu thuật lác người lớn	x	x	x	
5794	171	Khâu da mi đơn giản	x	x	x	
5795	172	Khâu phục hồi bờ mi	x	x	x	
5796	174	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	x	x	x	
5797	180	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)	x	x	x	
5798	183	Bơm hơi / khí tiền phòng	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
5799	184	Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài	x	x	x	
5800	185	Mức nội nhãn	x	x	x	
5801	187	Phẫu thuật quặm	x	x	x	
5802	188	Phẫu thuật quặm tái phát	x	x		
5803	191	Mổ quặm bẩm sinh	x	x	x	
5804	193	Tiêm dưới kết mạc	x	x	x	
5805	194	Tiêm cạnh nhãn cầu	x	x	x	
5806	195	Tiêm hậu nhãn cầu	x	x	x	
5807	197	Bơm thông lệ đạo	x	x	x	
5808	200	Lấy dị vật kết mạc	x	x	x	x
5809	201	Khâu kết mạc	x	x	x	x
5810	202	Lấy calci kết mạc	x	x	x	x
5811	203	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	x	x	x	x
5812	204	Cắt chỉ khâu kết mạc	x	x	x	x
5813	205	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu	x	x	x	x
5814	206	Bơm rửa lệ đạo	x	x	x	x
5815	207	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc	x	x	x	x
5816	208	Thay băng vô khuẩn	x	x	x	x
5817	209	Tra thuốc nhỏ mắt	x	x	x	x
5818	210	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	x	x	x	x
5819	211	Rửa cùng đồ	x	x	x	x
5820	212	Cấp cứu bong mắt ban đầu	x	x	x	x
5821	213	Bóc sợi giác mạc (Viêm giác mạc sợi)	x	x	x	
5822	214	Bóc giả mạc	x	x	x	
5823	215	Rạch áp xe mi	x	x	x	
5824	217	Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, giác mạc hình chóp, bệnh lý bề mặt giác mạc	x	x	x	
5825	219	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	x	x	x	
5826	222	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	x	x	x	x
5827	223	Khám lâm sàng mắt	x	x	x	x
		Chẩn đoán hình ảnh				
5828	240	Siêu âm mắt (siêu âm thường qui)	x	x	x	
5829	244	Chụp đáy mắt không huỳnh quang	x	x		
		Thăm dò chức năng và xét nghiệm				
5830	250	Test thử cảm giác giác mạc	x	x	x	
5831	251	Test phát hiện khô mắt	x	x	x	
5832	252	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm	x	x	x	
5833	255	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...)	x	x	x	
5834	256	Đo sắc giác	x	x	x	
5835	257	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	x	x	x	
5836	258	Đo khúc xạ máy	x	x	x	
5837	259	Đo khúc xạ giác mạc Javal	x	x	x	
5838	260	Đo thị lực	x	x	x	x
5839	261	Thử kính	x	x	x	
5840	267	Đo đường kính giác mạc	x	x	x	
5841	268	Đo độ dày giác mạc	x	x		
5842	269	Đếm tế bào nội mô giác mạc	x	x		
5843	270	Chụp bản đồ giác mạc	x	x		
5844	275	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo bằng siêu âm	x	x	x	
		XV. TAI MŨI HỌNG				
		A. TAI - TAI THẦN KINH				
5845	1	Cây điện cực ốc tai (Cây ốc tai điện tử)	x	x		
5846	2	Phẫu thuật cấy máy trợ thính đường xương (BAHA)	x	x		
5847	3	Phẫu thuật đặt điện cực tai giữa	x	x		
5848	16	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm màng não	x	x		
5849	17	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm tắc tĩnh mạch bên	x	x		
5850	18	Phẫu thuật xương chũm trong áp xe não do tai	x	x		
5851	19	Phẫu thuật thay thể xương bàn đạp	x	x		
5852	20	Phẫu thuật xương chũm đơn thuần	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
5853	21	Phẫu thuật tiết căn xương chũm	x	x		
5854	22	Phẫu thuật nội soi tiết căn xương chũm	x	x		
5855	23	Phẫu thuật tiết căn xư-ong chũm cải biên	x	x		
5856	24	Phẫu thuật nội soi tiết căn xư-ong chũm cải biên	x	x		
5857	25	Phẫu thuật tiết căn xương chũm cải biên - chỉnh hình tai giữa	x	x		
5858	26	Phẫu thuật chỉnh hình hốc mỏ tiết căn xương chũm	x	x		
5859	27	Mở sào bào	x	x		
5860	28	Mở sào bào - thượng nhĩ	x	x		
5861	29	Mở sào bào thượng nhĩ - vá nhĩ	x	x		
5862	30	Phẫu thuật tạo hình tai giữa	x	x		
5863	31	Chỉnh hình tai giữa có tái tạo chuỗi xương con	x	x		
5864	32	Chỉnh hình tai giữa không tái tạo chuỗi xương con	x	x		
5865	33	Phẫu thuật mở hòm nhĩ kiểm tra/ lấy dị vật	x	x	x	
5866	34	Vá nhĩ đơn thuần	x	x	x	
5867	35	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi	x	x	x	
5868	36	Phẫu thuật tạo hình màng nhĩ	x	x		
5869	37	Phẫu thuật chỉnh hình tai giữa type I, II, III, IV	x	x		
5870	38	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình tai giữa type I, II, III, IV	x	x		
5871	41	Phẫu thuật tạo hình ống tai ngoài thiếu sản	x	x		
5872	42	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp ống tai ngoài	x	x		
5873	43	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài	x	x		
5874	45	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bã đậu dái tai	x	x	x	
5875	46	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	x	x	x	
5876	48	Đặt ống thông khí màng nhĩ	x	x	x	
5877	49	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	x	x	x	
5878	50	Chích rạch màng nhĩ	x	x	x	
5879	51	Khâu vết rách vành tai	x	x	x	
5880	52	Bơm hơi vôi nhĩ	x	x	x	
5881	53	Phẫu thuật nạo vết sụn vành tai	x	x	x	
5882	54	Lấy dị vật tai (gây mê/ gây tê)	x	x	x	
5883	55	Nội soi lấy dị vật tai gây mê	x	x	x	
5884	56	Chọc hút dịch vành tai	x	x	x	x
5885	58	Làm thuốc tai	x	x	x	x
5886	59	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	x	x	x	x
		B. MŨI-XOANG				
5887	74	Phẫu thuật xoang trán đường ngoài (phẫu thuật Jacques)	x	x		
5888	75	Phẫu thuật nội soi mở xoang trán	x	x		
5889	76	Phẫu thuật nạo sàng hàm	x	x	x	
5890	77	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng	x	x	x	
5891	78	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm	x	x	x	
5892	79	Phẫu thuật nội soi mở xoang bướm	x	x	x	
5893	80	Cắt Polyp mũi	x	x	x	
5894	81	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi	x	x	x	
5895	82	Phẫu thuật cắt polyp mũi bằng Laser	x	x		
5896	83	Phẫu thuật nội soi mở khe giữa	x	x	x	
5897	84	Phẫu thuật nội soi mở các xoang sàng, hàm, trán, bướm	x	x		
5898	85	Phẫu thuật nội soi mở dẫn lưu/cắt bỏ u nhày xoang	x	x	x	
5899	86	Phẫu thuật cắt u nang răng sinh/u nang sản mũi	x	x	x	
5900	90	Phẫu thuật mở cạnh mũi	x	x		
5901	91	Phẫu thuật nội soi cắt u mũi xoang	x	x		
5902	92	Phẫu thuật cắt u xơ mạch vòm họng theo đường ngoài	x	x		
5903	93	Phẫu thuật nội soi cắt u xơ mạch vòm mũi họng	x	x		
5904	94	Phẫu thuật nội soi cắt u vùng vòm mũi họng	x	x		
5905	95	Phẫu thuật nội soi cắt u tuyến yên qua đường mũi	x	x		
5906	97	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi	x	x		
5907	98	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật nội soi mũi xoang	x	x	x	
5908	99	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi	x	x	x	
5909	100	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi bằng Laser	x	x		
5910	101	Phẫu thuật tịt lỗ mũi sau bẩm sinh	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
5911	103	Phẫu thuật cắt Concha Bullosa cuốn mũi	x	x		
5912	104	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa	x	x	x	
5913	105	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới	x	x	x	
5914	106	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới	x	x	x	
5915	107	Phẫu thuật cuốn mũi dưới bằng sóng cao tần (Coblator)	x	x	x	
5916	108	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới bằng Laser	x	x	x	
5917	109	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn dưới	x	x	x	
5918	110	Phẫu thuật thủng vách ngăn mũi	x	x	x	
5919	111	Phẫu thuật nội soi bịt lỗ thủng vách ngăn mũi	x	x	x	
5920	112	Phẫu thuật chỉnh hình vách ngăn	x	x	x	
5921	113	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	x	x		
5922	114	Phẫu thuật chấn thương xoang trán	x	x		
5923	115	Khoan xoang trán	x	x		
5924	116	Phẫu thuật vỡ xoang hàm	x	x		
5925	117	Phẫu thuật mở xoang hàm	x	x		
5926	118	Phẫu thuật chấn thương xoang sàng- hàm	x	x		
5927	120	Phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên	x	x		
5928	121	Phẫu thuật chấn thương xương gò má	x	x		
5929	122	Phẫu thuật chấn thương khối mũi sàng	x	x		
5930	123	Phẫu thuật chỉnh hình sống mũi sau chấn thương	x	x		
5931	125	Phẫu thuật xoang hàm Caldwell-Luc	x	x	x	
5932	127	Phẫu thuật mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	x	x	x	
5933	128	Phẫu thuật nội soi mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	x	x	x	
5934	130	Đốt điện cuốn mũi dưới	x	x	x	
5935	131	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới	x	x	x	
5936	132	Bẻ cuốn mũi	x	x	x	
5937	133	Nội soi bẻ cuốn mũi dưới	x	x	x	
5938	134	Nâng xương chỉnh mũi sau chấn thương	x	x	x	
5939	135	Sinh thiết hốc mũi	x	x	x	
5940	136	Nội soi sinh thiết u hốc mũi	x	x	x	
5941	137	Nội soi sinh thiết u vòm	x	x	x	
5942	138	Chọc rửa xoang hàm	x	x	x	
5943	139	Phương pháp Proetz	x	x	x	
5944	140	Nhét bấc mũi sau	x	x	x	
5945	141	Nhét bấc mũi trước	x	x	x	
5946	142	Cầm máu mũi bằng Merocel	x	x	x	
5947	143	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	x	x	x	
5948	144	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	x	x	x	
5949	145	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)	x	x	x	x
5950	146	Rút meche, rút merocel hốc mũi	x	x	x	x
5951	147	Hút rửa mũi, xoang sau mổ	x	x	x	x
		C. HỌNG-THANH QUẢN				
5952	148	Phẫu thuật chỉnh hình họng màn hầu lưỡi gà (UPPP)	x	x		
5953	149	Phẫu thuật cắt Amidan gây mê	x	x	x	
5954	150	Phẫu thuật cắt amidan bằng Coblator	x	x	x	
5955	151	Phẫu thuật cắt u Amydal	x	x		
5956	152	Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amygdale (gây mê)	x	x	x	
5957	153	Nạo VA	x	x	x	
5958	154	Phẫu thuật nạo VA gây mê nội khí quản	x	x	x	
5959	155	Phẫu thuật nạo V.A nội soi	x	x		
5960	156	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Coblator (gây mê)	x	x	x	
5961	157	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Microdebrider (Hummer) (gây mê)	x	x	x	
5962	158	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau nạo VA (gây mê)	x	x		
5963	159	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng/ hố lưỡi thanh thiệt	x	x		
5964	160	Phẫu thuật dính mép trước dây thanh	x	x		
5965	161	Phẫu thuật nội soi tách dính dây thanh	x	x		
5966	163	Phẫu thuật chỉnh hình thanh quản điều trị liệt dây thanh	x	x		
5967	164	Phẫu thuật điều trị liệt cơ mở thanh quản hai bên	x	x		
5968	165	Phẫu thuật treo sụn phễu	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
5969	166	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xo/u hạt dây thanh (gây tê/gây mê)	x	x	x	
5970	167	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xo/u hạt dây thanh bằng ống soi mềm gây tê	x	x		
5971	168	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản (papiloma, kén hơi thanh quản,...) (gây tê/gây mê)	x	x		
5972	169	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản bằng Microdebrider (Hummer)	x	x	x	
5973	170	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản bằng Laser	x	x	x	
5974	172	Phẫu thuật nội soi cắt dây thanh	x	x		
5975	173	Phẫu thuật nội soi cắt dây thanh bằng laser	x	x		
5976	174	Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/ gây mê)	x	x	x	
5977	175	Phẫu thuật mở khí quản thể khó (trẻ sơ sinh, sau xạ trị, u vùng cổ, K tuyến giáp,...)	x	x		
5978	194	Phẫu thuật cắt u sàn miệng	x	x	x	
5979	196	Phẫu thuật cắt u lưỡi (phần lưỡi di động)	x	x		
5980	197	Phẫu thuật cắt một phần đáy lưỡi	x	x		
5981	203	Nội soi cầm máu sau phẫu thuật vùng hạ họng, thanh quản	x	x		
5982	206	Chích áp xe sàn miệng	x	x	x	
5983	207	Chích áp xe quanh Amidan	x	x	x	
5984	208	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amygdale, Nạo VA	x	x	x	
5985	209	Cắt phanh l-uưỡi	x	x	x	
5986	210	Sinh thiết u hạ họng	x	x	x	
5987	211	Sinh thiết u họng miệng	x	x	x	
5988	212	Lấy dị vật họng miệng	x	x	x	x
5989	213	Lấy dị vật hạ họng	x	x	x	
5990	215	Đốt họng hạt bằng nhiệt	x	x	x	x
5991	218	Bơm thuốc thanh quản	x	x	x	
5992	219	Đặt nội khí quản	x	x	x	
5993	220	Thay canuyn	x	x	x	
5994	221	Sơ cứu bông đ-ường hô hấp	x	x	x	x
5995	222	Khí dung mũi họng	x	x	x	x
5996	225	Nội soi hoạt nghiệm thanh quản	x	x	x	
		D. ĐẦU CỔ				
5997	284	Phẫu thuật cắt tuyến dưới hàm	x	x		
5998	285	Phẫu thuật cắt tuyến giáp toàn phần	x	x		
5999	286	Phẫu thuật cắt tuyến giáp gần toàn phần	x	x		
6000	287	Phẫu thuật cắt thy giáp	x	x		
6001	288	Phẫu thuật cắt móm trâm theo đường miệng	x	x		
6002	290	Phẫu thuật mở cạnh cổ dẫn lưu áp xe	x	x		
6003	291	Phẫu thuật rò sống mũi	x	x		
6004	292	Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi	x	x		
6005	293	Phẫu thuật rò khe mang I	x	x		
6006	294	Phẫu thuật rò khe mang I có bọc lộ dây VII	x	x		
6007	295	Phẫu thuật lấy nang rò khe mang II	x	x		
6008	296	Phẫu thuật rò xoang lê	x	x		
6009	297	Phẫu thuật túi thừa Zenker	x	x		
6010	299	Phẫu thuật mở lại hốc mỡ cầm máu sau phẫu thuật vùng đầu cổ	x	x	x	
6011	300	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	x	x	x	
6012	301	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	x	x	x	x
6013	304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	x	x	x	x
		Đ. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ				
6014	309	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng sống mũi lõm bằng vật liệu ghép tổng hợp	x	x		
6015	318	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng vật da	x	x		
6016	319	Phẫu thuật tạo hình chóp mũi bằng vật da	x	x		
6017	321	Nắn chỉnh hình tháp mũi sau chấn thương	x	x	x	
6018	322	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp cửa mũi trước	x	x		
6019	323	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp/tịt cửa mũi sau	x	x		
6020	325	Phẫu thuật cắt bỏ các túi mỡ mí mắt	x	x		
6021	326	Phẫu thuật cắt bỏ đa thừa mí mắt	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
6022	331	Phẫu thuật cắt u da vùng mặt	x	x		
6023	332	Phẫu thuật sửa sẹo xấu vùng cổ, mặt bằng vật da	x	x		
6024	333	Phẫu thuật thẩm mỹ hút mỡ cổ	x	x		
6025	334	Phẫu thuật căng da cổ	x	x		
6026	335	Phẫu thuật tạo hình vá khe hở vòm miệng bằng vật tại chỗ	x	x		
6027	336	Phẫu thuật tạo hình khe hở vòm miệng bằng vật thành sau họng	x	x		
6028	337	Phẫu thuật tạo hình khe hở môi	x	x		
6029	338	Phẫu thuật tái tạo hình môi	x	x		
6030	339	Phẫu thuật thẩm mỹ làm dày môi	x	x		
6031	340	Phẫu thuật thẩm mỹ làm mỏng môi	x	x		
6032	341	Phẫu thuật thẩm mỹ làm to cằm nhỏ, lẹm	x	x		
6033	342	Phẫu thuật thẩm mỹ thu nhỏ cằm to	x	x		
6034	343	Phẫu thuật thẩm mỹ hút mỡ cằm	x	x		
6035	345	Phẫu thuật lấy sụn vành tai làm vật liệu ghép tự thân	x	x		
6036	346	Phẫu thuật lấy sụn vách ngăn mũi làm vật liệu ghép tự thân	x	x		
6037	347	Phẫu thuật lấy sụn sườn làm vật liệu ghép tự thân	x	x		
6038	348	Phẫu thuật mở lại hốc mổ cầm máu sau phẫu thuật thẩm mỹ vùng mặt cổ	x	x		
6039	349	Phẫu thuật mở lại hốc mổ điều trị tụ dịch sau phẫu thuật thẩm mỹ vùng mặt cổ	x	x		
6040	350	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vật da	x	x		
6041	351	Phẫu thuật tạo hình toàn bộ vành tai bằng vật liệu ghép tự thân	x	x		
6042	352	Phẫu thuật tạo hình vành tai bằng sụn sườn	x	x		
6043	353	Phẫu thuật tạo hình toàn bộ vành tai bằng vật liệu ghép tổng hợp	x	x		
6044	354	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vật liệu ghép tự thân/ vật liệu ghép tổng hợp	x	x		
6045	355	Phẫu thuật chỉnh hình thu nhỏ vành tai	x	x		
6046	356	Phẫu thuật chỉnh hình vành tai cụp	x	x		
6047	357	Phẫu thuật chỉnh hình vành tai vùi	x	x		
6048	359	Phẫu thuật cắt Amidan bằng Plasma	x	x	x	
6049	360	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Plasma (gây mê)	x	x	x	
6050	363	Cắt phanh lưỡi (gây mê)	x	x	x	x
6051	368	Trích áp xe vùng đầu cổ	x	x	x	x
		E. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)				
6052	395	Cắt u cuộn cảnh	x	x		
6053	396	Đo ABR (1 lần)	x	x		
6054	397	Đo AOE (1 lần)	x	x		
		XVI. RĂNG HÀM MẶT				
		A. RĂNG				
6055	3	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo để cấy ghép Implant	x	x		
6056	5	Phẫu thuật đặt xương nhân tạo và màng sinh học quanh Implant	x	x		
6057	6	Phẫu thuật cấy ghép Implant	x	x		
6058	11	Cây ghép Implant tức thì sau nhổ răng	x	x		
6059	12	Phẫu thuật tăng lợi sừng hóa quanh Implant	x	x		
6060	13	Phẫu thuật đặt lưới Titanium tái tạo xương có hướng dẫn	x	x		
6061	17	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng màng sinh học	x	x		
6062	18	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương đông khô	x	x		
6063	19	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép vật liệu thay thế xương	x	x		
6064	22	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương đông khô và đặt màng sinh học	x	x		
6065	23	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học	x	x		
6066	24	Phẫu thuật điều trị khuyết hồng chề chân răng bằng đặt màng sinh học	x	x		
6067	26	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vật trượt đẩy sang bên có ghép niêm mạc	x	x		
6068	27	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng ghép vật niêm mạc toàn phần	x	x		
6069	28	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng ghép mô liên kết dưới biểu mô	x	x		
6070	29	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vật trượt đẩy sang bên	x	x		
6071	30	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng đặt màng sinh học	x	x		
6072	31	Phẫu thuật vật niêm mạc làm tăng chiều cao lợi dính	x	x		
6073	32	Phẫu thuật ghép biểu mô và mô liên kết làm tăng chiều cao lợi dính	x	x		
6074	33	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
6075	34	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng	x	x		
6076	35	Phẫu thuật nạo túi lợi	x	x		
6077	36	Phẫu thuật tạo hình nhú lợi	x	x		
6078	37	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại	x	x		
6079	38	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite	x	x		
6080	39	Điều trị áp xe quanh răng cấp	x	x		
6081	40	Điều trị áp xe quanh răng mạn	x	x		
6082	41	Điều trị viêm quanh răng	x	x	x	
6083	42	Chích áp xe lợi	x	x	x	x
6084	43	Lấy cao răng	x	x	x	x
6085	44	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội.	x	x		
6086	45	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	x	x		
6087	50	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x		
6088	51	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	x	x		
6089	52	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay	x	x		
6090	53	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay cầm tay	x	x		
6091	54	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy	x	x		
6092	55	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy	x	x		
6093	56	Chụp tủy bằng MTA	x	x		
6094	57	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi	x	x	x	
6095	58	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn	x	x		
6096	59	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA	x	x		
6097	60	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)	x	x		
6098	61	Điều trị tủy lại	x	x		
6099	62	Phẫu thuật nội nha có cắt bỏ chân răng và một phần thân răng	x			
6100	63	Phẫu thuật nội nha - hàn ngược ống tủy	x	x		
6101	67	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement (GIC) kết hợp Composite	x	x		
6102	68	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	x	x	x	
6103	69	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x
6104	70	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	x
6105	71	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	
6106	72	Phục hồi cổ răng bằng Composite	x	x	x	
6107	73	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà	x	x	x	
6108	76	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay	x	x		
6109	77	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau	x	x		
6110	78	Veneer Composite trực tiếp	x	x		
6111	79	Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn Plasma	x	x		
6112	80	Tẩy trắng răng tủy sống bằng Laser	x	x		
6113	81	Tẩy trắng răng nội tủy	x	x		
6114	82	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc	x	x	x	
6115	83	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt	x	x	x	
6116	84	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	x	x	x	x
6117	104	Chụp nhựa	x	x	x	
6118	105	Chụp kim loại	x	x	x	
6119	106	Chụp hợp kim thường cần nhựa	x	x	x	
6120	107	Chụp hợp kim thường cần sứ	x	x	x	
6121	108	Chụp hợp kim Titanium cần sứ	x	x	x	
6122	109	Chụp sứ toàn phần	x	x	x	
6123	110	Chụp kim loại quý cần sứ	x	x	x	
6124	111	Chụp sứ Cercon	x	x		
6125	112	Cầu nhựa	x	x	x	
6126	113	Cầu hợp kim thường	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
6127	114	Cầu kim loại cần nhựa	x	x	x	
6128	115	Cầu kim loại cần sứ	x	x	x	
6129	116	Cầu hợp kim Titanium cần sứ	x	x	x	
6130	117	Cầu kim loại quý cần sứ	x	x	x	
6131	118	Cầu sứ toàn phần	x	x	x	
6132	119	Cầu sứ Cercon	x	x		
6133	120	Chốt cùi đúc kim loại	x	x		
6134	121	Cùi đúc Titanium	x	x		
6135	122	Cùi đúc kim loại quý	x	x		
6136	123	Inlay/Onlay kim loại	x	x		
6137	124	Inlay/Onlay hợp kim Titanium	x	x		
6138	125	Inlay/Onlay kim loại quý	x	x		
6139	126	Inlay/Onlay sứ toàn phần	x	x		
6140	127	Veneer Composite gián tiếp	x	x	x	
6141	128	Veneer sứ toàn phần	x	x	x	
6142	129	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường	x	x	x	x
6143	130	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường	x	x	x	x
6144	131	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo	x	x	x	
6145	132	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo	x	x	x	
6146	133	Hàm khung kim loại	x	x	x	
6147	134	Hàm khung Titanium	x	x		
6148	135	Máng hờ mặt nhai	x	x		
6149	136	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng	x	x	x	x
6150	137	Tháo cầu răng giả	x	x	x	
6151	138	Tháo chụp răng giả	x	x	x	
6152	139	Sửa hàm giả gãy	x	x	x	x
6153	140	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x
6154	141	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x
6155	142	Đệm hàm nhựa thường	x	x	x	x
6156	143	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút môi	x	x		
6157	144	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi	x	x		
6158	145	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút ngón tay	x	x		
6159	146	Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định	x	x		
6160	147	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định nong nhanh	x	x		
6161	148	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định Quad-Helix	x	x		
6162	154	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định	x			
6163	159	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định	x	x		
6164	160	Nắn chỉnh răng ngàm	x	x		
6165	161	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định	x	x		
6166	162	Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khẩu cái (TPA)	x	x		
6167	163	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định Nance	x	x		
6168	166	Nắn chỉnh cung hàm trước phẫu thuật điều trị khe hở môi - vòm miệng giai đoạn sớm	x			
6169	167	Nắn chỉnh mũi trước phẫu thuật điều trị khe hở môi - vòm miệng giai đoạn sớm	x			
6170	168	Làm dài thân răng lâm sàng sử dụng khí cụ cố định	x	x		
6171	169	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn hóa trùng hợp	x	x		
6172	170	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn quang trùng hợp	x	x		
6173	171	Gắn mắc cài mặt lưỡi bằng kỹ thuật gián tiếp	x	x		
6174	172	Gắn mắc cài mặt ngoài bằng kỹ thuật gián tiếp	x	x		
6175	173	Sử dụng mắc cài tự buộc trong nắn chỉnh răng	x	x		
6176	174	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung bẻ Loop L hoặc dây cung đảo ngược	x	x		
6177	175	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung tiện ích (Utility Archwire) và cung phụ làm lún răng cửa	x	x		
6178	176	Làm trôi các răng hàm nhỏ hàm dưới sử dụng khí cụ gắn chặt	x	x		
6179	177	Đóng khoảng răng sử dụng khí cụ cố định	x	x		
6180	178	Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định	x	x		
6181	180	Đóng khoảng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
6182	181	Nong rộng hàm bằng khí cụ tháo lắp	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
6183	182	Nắn chỉnh mắt cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
6184	183	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
6185	184	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp	x	x		
6186	185	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
6187	186	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp	x	x		
6188	187	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng khí cụ tháo lắp tấm cắn (Bite plate) hoặc mặt phẳng cắn phía trước (Anterior plane)	x	x		
6189	188	Đóng khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
6190	189	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút môi	x	x		
6191	190	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi	x	x		
6192	191	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút ngón tay	x	x		
6193	192	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu thở đường miệng	x	x		
6194	193	Gắn band	x	x		
6195	194	Máng điều trị đau khớp thái dương hàm	x	x		
6196	195	Máng nâng khớp cắn	x	x		
6197	197	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	x	x		
6198	198	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	x	x		
6199	199	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	x	x		
6200	200	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	x	x		
6201	201	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	x	x		
6202	202	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng	x	x		
6203	203	Nhổ răng vĩnh viễn	x	x	x	
6204	204	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x	
6205	205	Nhổ chân răng vĩnh viễn	x	x	x	
6206	206	Nhổ răng thừa	x	x	x	
6207	207	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng	x	x		
6208	208	Phẫu thuật tạo hình xương ổ răng	x	x		
6209	209	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc	x	x		
6210	210	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng	x	x		
6211	211	Phẫu thuật cắt cuống răng	x	x		
6212	212	Phẫu thuật cắt, nạo xương ổ răng	x	x		
6213	213	Cắt lợi xơ cho răng mọc	x	x	x	
6214	214	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	x	x	x	
6215	215	Cắt lợi di động để làm hàm giả	x	x		
6216	216	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	x	x		
6217	217	Phẫu thuật cắt phanh môi	x	x		
6218	218	Phẫu thuật cắt phanh má	x	x		
6219	219	Cấy chuyển răng	x	x		
6220	220	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	x	x		
6221	221	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	x	x	x	
6222	222	Trám bít hố rãnh với Glasslonomer Cement quang trùng hợp	x	x	x	
6223	223	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	x	x	x	
6224	224	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	x	x	x	
6225	225	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	x	x	x	
6226	226	Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	x
6227	227	Hàn răng không sang chân với Glasslonomer Cement	x	x	x	x
6228	228	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	x	x	x	
6229	229	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor	x	x	x	
6230	230	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	x	x	x	
6231	231	Lấy tủy buồng răng sữa	x	x	x	
6232	232	Điều trị tủy răng sữa	x	x	x	
6233	233	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit	x	x	x	
6234	234	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	x	x	x	
6235	235	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x
6236	236	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	x
6237	237	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn	x	x	x	
6238	238	Nhổ răng sữa	x	x	x	x
6239	239	Nhổ chân răng sữa	x	x	x	x
6240	240	Chích Apxe lợi trẻ em	x	x	x	x

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
6241	241	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)	x	x	x	x
		B. HÀM MẶT				
6242	299	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x	x	
6243	300	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	x	x	x	
6244	301	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	x	x	x	x
6245	315	Gây tê vùng điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên	x	x	x	
6246	323	Phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm	x	x		
6247	324	Phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng	x	x		
6248	328	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên	x	x		
6249	329	Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên	x	x		
6250	331	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới	x	x		
6251	332	Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới	x	x		
6252	333	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan tỏa vùng hàm mặt	x	x		
6253	334	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	x	x	x	
6254	335	Nắn sai khớp thái dương hàm	x	x	x	
6255	336	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	x	x		
6256	337	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	x	x	x	
6257	339	Điều trị u lợi bằng Laser	x	x		
6258	340	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	x	x	x	
6259	341	Phẫu thuật điều trị khe hở môi một bên	x	x		
6260	342	Phẫu thuật điều trị khe hở môi hai bên	x	x		
6261	343	Phẫu thuật điều trị khe hở chéو mặt một bên	x	x		
6262	344	Phẫu thuật điều trị khe hở chéو mặt hai bên	x	x		
6263	345	Phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng không toàn bộ	x	x		
6264	346	Phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng toàn bộ	x	x		
6265	347	Phẫu thuật điều trị khe hở ngang mặt	x	x		
		XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU				
		(nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)				
6266	1	Điều trị bằng sóng ngắn	x	x	x	
6267	3	Điều trị bằng vi sóng	x	x		
6268	4	Điều trị bằng từ trường	x	x		
6269	5	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	x	x	x	
6270	6	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	x	x	x	
6271	7	Điều trị bằng các dòng điện xung	x	x	x	
6272	8	Điều trị bằng siêu âm	x	x	x	
6273	9	Điều trị bằng sóng xung kích	x	x	x	
6274	10	Điều trị bằng dòng giao thoa	x	x	x	
6275	11	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x	x
6276	12	Điều trị bằng Laser công suất thấp	x	x		
6277	13	Đo liều sinh học trong điều trị tia tử ngoại	x	x	x	x
6278	14	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ	x	x	x	x
6279	15	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân	x	x	x	x
6280	16	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)	x	x	x	x
6281	17	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)	x	x	x	x
6282	18	Điều trị bằng Parafin	x	x	x	x
6283	19	Điều trị bằng bồn xoáy hoặc bể sục	x	x		
6284	22	Thủy trị liệu toàn thân (bể bơi, bồn ngâm)	x	x	x	
6285	26	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	x	x	x	
6286	30	Điều trị bằng tĩnh điện trường	x	x		
		B. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU				
		(nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
6287	31	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
6288	32	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tứ	x	x	x	x
6289	33	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
6290	34	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
6291	35	Tập lăn trở khi nằm	x	x	x	x
6292	36	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi	x	x	x	x
6293	37	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động	x	x	x	x

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
6294	38	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng	x	x	x	x
6295	39	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động	x	x	x	x
6296	40	Tập dáng đi	x	x	x	x
6297	41	Tập đi với thanh song song	x	x	x	x
6298	42	Tập đi với khung tập đi	x	x	x	x
6299	43	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	x	x	x	x
6300	44	Tập đi với gậy	x	x	x	x
6301	46	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)	x	x	x	x
6302	47	Tập lên, xuống cầu thang	x	x	x	x
6303	48	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)	x	x	x	x
6304	49	Tập đi với chân giả trên gối	x	x	x	x
6305	50	Tập đi với chân giả dưới gối	x	x	x	x
6306	51	Tập đi với khung treo	x	x	x	x
6307	52	Tập vận động thụ động	x	x	x	x
6308	53	Tập vận động có trợ giúp	x	x	x	x
6309	54	Tập vận động chủ động	x	x	x	x
6310	55	Tập vận động tự do tứ chi	x	x	x	x
6311	56	Tập vận động có kháng trở	x	x	x	x
6312	57	Tập kéo dãn	x	x	x	x
6313	58	Tập vận động trên bóng	x	x	x	
6314	60	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi trên	x	x	x	
6315	61	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi dưới	x	x	x	
6316	62	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng	x	x	x	
6317	63	Tập với thang tường	x	x	x	x
6318	64	Tập với giàn treo các chi	x	x	x	
6319	65	Tập với ròng rọc	x	x	x	x
6320	66	Tập với dụng cụ quay khớp vai	x	x	x	x
6321	67	Tập với dụng cụ chèo thuyền	x	x	x	x
6322	68	Tập thẳng bằng với bàn bập bênh	x	x	x	x
6323	69	Tập với máy tập thẳng bằng	x	x	x	x
6324	70	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi	x	x	x	x
6325	71	Tập với xe đạp tập	x	x	x	x
6326	72	Tập với bàn nghiêng	x	x	x	x
6327	73	Tập các kiểu thở	x	x	x	x
6328	74	Tập thở bằng dụng cụ (bóng, spirometer...)	x	x	x	x
6329	75	Tập ho có trợ giúp	x	x	x	x
6330	76	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực	x	x	x	x
6331	77	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế	x	x	x	x
6332	78	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu	x	x		
6333	79	Kỹ thuật di động khớp	x	x		
6334	80	Kỹ thuật di động mô mềm	x	x		
6335	81	Kỹ thuật tập chuỗi đóng và chuỗi mở	x	x		
6336	82	Kỹ thuật ức chế co cứng tay	x	x	x	x
6337	83	Kỹ thuật ức chế co cứng chân	x	x	x	x
6338	84	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình	x	x	x	x
6339	85	Kỹ thuật xoa bóp vùng	x	x	x	x
6340	86	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	x	x	x	
6341	87	Kỹ thuật Frenkel	x	x	x	x
6342	88	Kỹ thuật ức chế và phá vỡ các phản xạ bệnh lý	x	x	x	x
6343	89	Kỹ thuật kiểm soát đầu, cổ và thân mình	x	x	x	x
6344	90	Tập điều hợp vận động	x	x	x	x
6345	91	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)	x	x	x	x
		C. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU				
		(nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
6346	92	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	x	x	x	x
6347	93	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn	x	x	x	x
6348	94	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn	x	x	x	x
6349	95	Tập các vận động thô của bàn tay	x	x	x	x
6350	96	Tập các vận động khéo léo của bàn tay	x	x	x	x

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
6351	97	Tập phối hợp hai tay	x	x	x	x
6352	98	Tập phối hợp tay mắt	x	x	x	x
6353	99	Tập phối hợp tay miệng	x	x	x	x
6354	100	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)	x	x	x	x
6355	101	Tập điều hòa cảm giác	x	x	x	x
6356	102	Tập tri giác và nhận thức	x	x	x	x
6357	103	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày ADL với các dụng cụ trợ giúp thích nghi	x	x	x	x
		D. NGÔN NGỮ TRI LIỆU				
		(nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh tập)				
6358	104	Tập nuốt	x	x	x	x
6359	105	Tập nói	x	x	x	x
6360	106	Tập nhai	x	x	x	x
6361	107	Tập phát âm	x	x	x	x
6362	108	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)	x	x	x	x
6363	109	Tập cho người thất ngôn	x	x	x	x
6364	110	Tập luyện giọng	x	x	x	x
6365	111	Tập sửa lỗi phát âm	x	x	x	x
		Đ. KỸ THUẬT THẨM ĐO, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG (nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)				
6366	112	Lượng giá chức năng người khuyết tật	x	x	x	x
6367	113	Lượng giá chức năng tim mạch	x	x	x	x
6368	114	Lượng giá chức năng hô hấp	x	x	x	x
6369	115	Lượng giá chức năng tâm lý	x	x	x	x
6370	116	Lượng giá chức năng tri giác và nhận thức	x	x	x	x
6371	117	Lượng giá chức năng ngôn ngữ	x	x	x	x
6372	118	Lượng giá chức năng dáng đi	x	x	x	x
6373	119	Lượng giá chức năng thăng bằng	x	x	x	x
6374	120	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày	x	x	x	x
6375	121	Lượng giá lao động hướng nghiệp	x	x	x	
6376	122	Thử cơ bắp tay	x	x	x	
6377	123	Đo tầm vận động khớp	x	x	x	x
6378	127	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi	x	x	x	x
6379	128	Lượng giá sự phát triển của trẻ bằng Test Denver	x	x		
6380	131	Tiêm Botulinum toxine vào điểm vận động để điều trị co cứng cơ	x	x		
6381	133	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tùy sống	x	x	x	x
6382	134	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tùy sống	x	x	x	x
6383	135	Kỹ thuật can thiệp rối loạn đại tiện bằng phản hồi sinh học (Biofeedback)	x	x		
6384	137	Kỹ thuật băng nẹp bảo vệ bàn tay chức năng (trong liệt tứ chi)	x	x	x	x
6385	139	Kỹ thuật băng chun mồm cụt chi trên	x	x	x	x
6386	140	Kỹ thuật băng chun mồm cụt chi dưới	x	x	x	x
		E. DỤNG CỤ CHỈNH HÌNH VÀ TRỢ GIÚP (Nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh sử dụng và bảo quản)				
6387	141	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu	x	x	x	x
6388	142	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu	x	x	x	x
6389	143	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)	x	x	x	x
6390	144	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng	x	x	x	x
6391	145	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối	x	x	x	x
6392	146	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối	x	x	x	x
6393	147	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực- thắt lưng TLSO (điều trị cong vẹo cột sống)	x	x	x	x
6394	148	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO (điều trị cong vẹo cột sống)	x	x	x	x
6395	149	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO	x	x	x	x
6396	150	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO	x	x	x	x
6397	151	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO	x	x	x	x
6398	152	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO	x	x	x	x
6399	153	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO	x	x	x	x
6400	154	Kỹ thuật sử dụng giày dép cho người bệnh phong	x	x	x	x

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
6401	155	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng cứng	x	x	x	x
6402	156	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng mềm	x	x	x	x
		G. VẬT LÝ TRỊ LIỆU				
		(nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)				
6403	157	Điều trị bằng từ trường xuyên sọ	x	x		
6404	159	Điều trị bằng Laser công suất thấp vào điểm vận động và huyết đạo	x	x	x	
6405	165	Điều trị bằng bồn tắm điện một chiều	x	x		
		H. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU				
		(nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
6406	167	Tập vận động cột sống	x	x	x	
6407	168	Kỹ thuật xoa bóp bằng máy	x	x	x	x
6408	170	Kỹ thuật kiểm soát tư thế (ngồi, bò, đứng, đi)	x	x	x	x
6409	171	Kỹ thuật tạo thuận vận động cho trẻ (lấy, ngồi, bò, đứng, đi)	x	x	x	x
6410	172	Tập dưỡng sinh	x	x	x	x
6411	174	Kỹ thuật lập vận động trên máy chức năng	x	x		
6412	175	Kỹ thuật kéo dẫn cho trẻ em bị vẹo cổ bẩm sinh	x	x		
6413	176	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ xơ hóa cơ	x	x	x	
6414	177	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ bị biến dạng cột sống (cong vẹo, gù, ưỡn)	x	x	x	x
6415	178	Kỹ thuật hỗ trợ tăng tốc thì thở ra ở trẻ nhỏ	x	x	x	x
6416	179	Kỹ thuật kiểm soát tư thế và vận động cho bệnh nhân Parkinson	x	x		
6417	180	Kỹ thuật kiểm soát tư thế hội chứng sợ sau ngã	x	x	x	
6418	181	Kỹ thuật ngồi, đứng dậy từ sàn nhà	x	x	x	
6419	184	Kỹ thuật thư giãn	x	x	x	x
6420	185	Kỹ thuật tập sức mạnh cơ bằng phản hồi sinh học (Biofeedback)	x	x	x	x
6421	186	Kỹ thuật tập sức mạnh cơ với máy Isokinetic	x	x	x	
		I. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU				
		(nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
6422	188	Kỹ thuật tập bắt buộc bên liệt (CIMT)	x	x	x	
6423	189	Kỹ thuật gương trị liệu (Mirror therapy)	x	x	x	
		K. NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU				
		(nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh tập)				
6424	190	Kỹ thuật áp dụng phân tích hành vi (ABA)	x	x	x	
6425	191	Kỹ thuật kích thích giao tiếp sớm cho trẻ nhỏ	x	x	x	x
6426	192	Kỹ thuật dạy trẻ hiểu và diễn tả bằng ngôn ngữ	x	x	x	x
6427	193	Kỹ thuật vận động môi miệng chuẩn bị cho trẻ tập nói	x	x	x	x
6428	194	Kỹ thuật kiểm soát cơ hàm mặt và hoạt động nhai, nuốt	x	x	x	x
		L. KỸ THUẬT THẨM DÒ, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
		(nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)				
6429	196	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi bằng kỹ thuật ASQ	x	x	x	
6430	197	Lượng giá kỹ năng ngôn ngữ-giao tiếp ở trẻ em	x	x	x	x
6431	198	Lượng giá kỹ năng vận động tinh và kỹ năng sinh hoạt hàng ngày ở trẻ em	x	x	x	x
6432	199	Lượng giá trẻ tự kỷ theo tiêu chuẩn DSM-IV	x	x	x	x
6433	200	Lượng giá trẻ tự kỷ bằng thang điểm CARS	x	x	x	
6434	201	Kỹ thuật sàng lọc trẻ tự kỷ bằng bảng kiểm M-CHAT	x	x	x	
6435	202	Lượng giá kỹ năng vận động thô theo thang điểm GMFM	x	x	x	
6436	203	Lượng giá kỹ năng vận động trẻ bại não theo thang điểm GMFCS	x	x	x	
6437	204	Lượng giá mức độ co cứng bằng thang điểm Ashworth (MAS)	x	x	x	x
6438	205	Lượng giá tâm trí tối thiểu MMSE cho người cao tuổi	x	x	x	
6439	208	Nghiệm pháp đi 6 phút	x	x	x	x
6440	209	Nghiệm pháp vận động toàn bộ Rickili	x	x	x	x
6441	210	Nghiệm pháp Tinetti	x	x	x	x
6442	211	Nghiệm pháp đo thời gian đứng dậy và đi	x	x	x	x
6443	212	Nghiệm pháp dừng bước khi vừa đi vừa nói	x	x	x	x
6444	214	Kỹ thuật tư vấn tâm lý cho người bệnh hoặc người nhà	x	x		
6445	215	Tiêm Botulinum toxine vào điểm vận động để điều trị loạn trương lực cơ cổ	x	x		
6446	216	Tiêm Botulinum toxine vào điểm vận động để điều trị loạn trương lực cơ khu trú (tay, chân hoặc thân mình)	x	x		
6447	217	Kỹ thuật can thiệp rối loạn tiểu tiện bằng phản hồi sinh học (Biofeedback)	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
6448	218	Kỹ thuật thông mũi họng ngược dòng ở trẻ em	x	x		
6449	219	Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ I, độ II	x	x	x	x
6450	220	Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ III	x	x	x	
6451	221	Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ IV	x	x		
		M. DỤNG CỤ CHÍNH HÌNH VÀ TRỢ GIÚP				
		(Nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh sử dụng và bảo quản)				
6452	230	Kỹ thuật sử dụng giày, nẹp chỉnh hình điều trị các dị tật bàn chân (bàn chân bẹt, bàn chân lõm, bàn chân vẹo trong, bàn chân vẹo ngoài...)	x	x	x	
6453	231	Kỹ thuật sử dụng giày, nẹp chỉnh hình điều trị bệnh lý bàn chân của người bệnh đái tháo đường (tiểu đường)	x	x	x	x
6454	232	Kỹ thuật sử dụng nẹp chỉnh hình tư thế cổ cho bệnh nhân sau bỏng	x	x	x	x
6455	233	Kỹ thuật sử dụng nẹp chỉnh hình tư thế chân, tay cho bệnh nhân sau bỏng	x	x	x	
		N. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)				
6456	249	Kéo nắn, kéo dẫn cột ống, các khớp	x	x	x	
6457	250	Tập do cứng khớp	x	x	x	x
6458	251	Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp	x	x	x	x
6459	252	Xoa bóp áp lực hơi	x	x	x	x
		XVIII. ĐIỆN QUANG				
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
		1. Siêu âm đầu, cổ				
6460	1	Siêu âm tuyến giáp	x	x	x	
6461	2	Siêu âm các tuyến nước bọt	x	x	x	
6462	3	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	x	x		
6463	4	Siêu âm hạch vùng cổ	x	x		
6464	5	Siêu âm đàn hồi nhu mô tuyến giáp	x			
6465	6	Siêu âm hốc mắt	x	x		
6466	7	Siêu âm qua thóp	x	x		
6467	8	Siêu âm nhân cầu	x	x		
6468	9	Siêu âm Doppler hốc mắt	x	x		
6469	10	Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ	x	x		
		2. Siêu âm vùng ngực				
6470	11	Siêu âm màng phổi	x	x		
6471	12	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	x	x		
6472	13	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi	x	x		
		3. Siêu âm ổ bụng				
6473	15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	x	x	x	
6474	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	x	x	x	
6475	17	Siêu âm tiền liệt tuyến qua trực tràng	x	x		
6476	18	Siêu âm tử cung phần phụ	x	x	x	
6477	20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	x	x	x	
6478	21	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng	x	x		
6479	22	Siêu âm Doppler gan lách	x	x		
6480	23	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	x	x		
6481	24	Siêu âm Doppler động mạch thận	x	x		
6482	25	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ	x	x		
6483	26	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	x	x		
6484	28	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	x		
6485	29	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới	x	x		
		4. Siêu âm sản phụ khoa				
6486	30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	x	x	x	
6487	31	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	x	x	x	
6488	32	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	x	x		
6489	33	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo	x	x		
6490	34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	x	x	x	
6491	35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	x	x	x	
6492	36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	x	x	x	
6493	37	Siêu âm Doppler động mạch tử cung	x	x		
6494	38	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng đầu	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
6495	39	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng giữa	x	x		
6496	40	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng cuối	x	x		
6497	41	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	x		
6498	42	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi	x	x		
		5. Siêu âm cơ xương khớp				
6499	43	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	x	x		
6500	44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	x	x		
		6. Siêu âm tim, mạch máu				
6501	45	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	x	x		
6502	46	Siêu âm cầu nối động mạch tĩnh mạch	x			
6503	48	Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ	x	x		
6504	49	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	x	x		
6505	52	Siêu âm Doppler tim, van tim	x	x		
		7. Siêu âm vú				
6506	54	Siêu âm tuyến vú hai bên	x	x		
6507	55	Siêu âm Doppler tuyến vú	x	x		
6508	56	Siêu âm đàn hồi mô vú	x			
		8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam				
6509	57	Siêu tinh hoàn hai bên	x	x		
6510	58	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	x	x		
6511	59	Siêu âm dương vật	x	x		
6512	60	Siêu âm Doppler dương vật	x			
		9. Siêu âm với kỹ thuật đặc biệt				
6513	61	Siêu âm trong mổ	x	x		
6514	65	Siêu âm đàn hồi mô (gan, tuyến vú...)	x			
		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)				
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy				
6515	67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	x	x	x	x
6516	68	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	x	x	x	x
6517	69	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao	x	x	x	x
6518	70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	x	x	x	x
6519	71	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	x	x	x	
6520	72	Chụp Xquang Blondeau	x	x	x	x
6521	73	Chụp Xquang Hirtz	x	x	x	x
6522	74	Chụp Xquang hàm chéch một bên	x	x	x	
6523	75	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	x	x	x	
6524	76	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x
6525	77	Chụp Xquang Chausse III	x	x	x	
6526	78	Chụp Xquang Schuller	x	x	x	
6527	79	Chụp Xquang Stenvers	x	x	x	
6528	80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	x	x	x	
6529	83	Chụp Xquang răng toàn cảnh	x	x		
6530	84	Chụp Xquang phim cắn (Occlusal)	x	x	x	
6531	85	Chụp Xquang mỏm trâm	x	x	x	
6532	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	x	x	x	x
6533	87	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên	x	x	x	
6534	88	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	x	x	x	
6535	89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	x	x	x	
6536	90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch	x	x	x	x
6537	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	x	x	x	x
6538	92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéch hai bên	x	x	x	x
6539	93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	x	x	x	x
6540	94	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập uốn	x	x	x	
6541	95	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	x	x	x	
6542	96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	x	x	x	
6543	97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên	x	x	x	
6544	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng	x	x	x	x
6545	99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéch	x	x	x	x

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
6546	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng	x	x	x	x
6547	101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch	x	x	x	
6548	102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	x	x	x	x
6549	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
6550	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
6551	105	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)	x	x	x	x
6552	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
6553	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
6554	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
6555	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	x	x	x	x
6556	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	x	x	x	
6557	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	x	x	x	x
6558	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
6559	113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	x	x	x	
6560	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	x	x	x	x
6561	115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
6562	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
6563	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	x	x	x	x
6564	119	Chụp Xquang ngực thẳng	x	x	x	x
6565	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	x	x	x	x
6566	121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	x	x	x	
6567	123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	x	x	x	x
6568	124	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	x	x	x	x
6569	125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x
6570	126	Chụp Xquang tuyến vú	x	x		
6571	127	Chụp Xquang tại giường	x	x	x	
6572	128	Chụp Xquang tại phòng mổ	x	x	x	
		2. Chụp Xquang chẩn đoán có chuẩn bị				
6573	130	Chụp Xquang thực quản dạ dày	x	x		
6574	131	Chụp Xquang ruột non	x	x		
6575	132	Chụp Xquang đại tràng	x	x		
6576	133	Chụp Xquang đường mật qua Kehr	x	x	x	
6577	135	Chụp Xquang đường dò	x	x		
6578	136	Chụp Xquang tuyến nước bọt	x	x		
6579	138	Chụp Xquang tử cung vòi trứng	x	x		
6580	140	Chụp Xquang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)	x	x		
6581	141	Chụp Xquang bể thận-niệu quản xuôi dòng	x	x		
6582	142	Chụp Xquang niệu quản-bể thận ngược dòng	x	x		
6583	143	Chụp Xquang niệu đạo bằng quang ngược dòng	x	x		
6584	144	Chụp Xquang bàng quang trên xương mu	x	x		
		C. CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH CHẨN ĐOÁN (CT)				
		1. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 1-32 dãy				
6585	149	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
6586	150	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
6587	151	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang	x	x		
6588	152	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion)	x	x		
6589	153	Chụp CLVT mạch máu não	x	x		
6590	154	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D	x	x		
6591	155	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
6592	156	Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
6593	157	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa	x	x		
6594	158	Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc	x	x		
6595	159	Chụp CLVT tai-xương đá có tiêm thuốc cản quang	x	x		
6596	160	Chụp CLVT hốc mắt	x	x	x	
6597	161	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D	x	x		
		2. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 64-128 dãy				
6598	165	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang	x	x		
6599	166	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	x	x		
6600	167	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
6601	168	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion)	x	x		
6602	169	Chụp CLVT mạch máu não	x	x		
6603	170	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D	x	x		
6604	171	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang	x	x		
6605	172	Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang	x	x		
6606	174	Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc	x	x		
6607	175	Chụp CLVT tai-xương đá có tiêm thuốc cản quang	x	x		
6608	176	Chụp CLVT hốc mắt	x	x		
6609	177	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D	x	x		
		4. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 1- 32 dãy				
6610	191	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
6611	192	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
6612	193	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao	x	x	x	
6613	194	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	x	x	x	
6614	196	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi	x	x		
6615	197	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực	x	x		
		5. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 64-128 dãy				
6616	200	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x		
6617	201	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x		
6618	202	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao	x	x		
6619	203	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	x	x		
6620	204	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản	x	x		
6621	205	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi	x	x		
6622	206	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực	x	x		
6623	207	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim	x	x		
6624	208	Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành	x	x		
		7. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 1-32 dãy				
6625	219	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.)	x	x	x	
6626	220	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy	x	x	x	
6627	221	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)	x	x	x	
6628	222	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy	x	x	x	
6629	224	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất	x	x		
6630	225	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật	x	x		
6631	227	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde	x	x		
6632	228	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde	x	x		
6633	229	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo	x	x		
6634	230	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ-chậu	x	x		
		8. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 64-128 dãy				
6635	231	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.)	x	x		
6636	232	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy	x	x		
6637	233	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)	x	x		
6638	234	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy	x	x		
6639	235	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	x	x		
6640	236	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất	x	x		
6641	237	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật	x	x		
6642	238	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion)	x	x		
6643	239	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde	x	x		
6644	241	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo	x	x		
6645	242	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ-chậu	x	x		
		10. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 1-32 dãy				
6646	255	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
6647	256	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
6648	257	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
6649	258	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
6650	259	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
6651	260	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
6652	261	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang	x	x		
6653	262	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang	x	x		
6654	263	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp	x			
6655	264	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang	x	x		
6656	265	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang	x	x		
6657	266	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên	x	x		
6658	267	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới	x	x		
		11. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 64-128 dãy				
6659	268	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang	x	x		
6660	269	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang	x	x		
6661	270	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x		
6662	271	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x		
6663	272	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang	x	x		
6664	273	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang	x	x		
6665	274	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang	x	x		
6666	275	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang	x	x		
6667	276	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp	x			
6668	277	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang	x	x		
6669	278	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang	x	x		
6670	279	Chụp cắt lớp vi tính tầm soát toàn thân	x	x		
6671	280	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên	x	x		
6672	281	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới	x	x		
		D. CHỤP CỘNG HƯỞNG TỪ (Cộng hưởng từ)				
		1. Chụp cộng hưởng từ vùng đầu - mặt - cổ máy từ lực 0.2-1.5T				
6673	296	Chụp cộng hưởng từ sọ não	x	x		
6674	297	Chụp cộng hưởng từ sọ não có tiêm chất tương phản	x	x		
6675	298	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não không tiêm chất tương phản	x	x		
6676	299	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não có tiêm chất tương phản	x	x		
6677	300	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ không tiêm chất tương phản	x	x		
6678	301	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ có tiêm chất tương phản	x	x		
6679	302	Chụp cộng hưởng từ tuyến yên có tiêm chất tương phản (khảo sát động học)	x	x		
6680	303	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác	x	x		
6681	304	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác có tiêm chất tương phản	x	x		
6682	305	Chụp cộng hưởng từ tưới máu não (perfusion)	x	x		
6683	306	Chụp cộng hưởng từ phổ não (spect tính rography)	x	x		
6684	307	Chụp cộng hưởng từ các bó sợi thần kinh (tractography) hay Chụp Cộng hưởng từ khuếch tán sức căng (DTI - Diffusion Tensor Imaging)	x	x		
6685	308	Chụp cộng hưởng từ khuếch tán (DWI - Diffusion-weighted Imaging)	x	x		
6686	309	Chụp cộng hưởng từ đáy sọ và xương đá	x	x		
6687	310	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt – cổ	x	x		
6688	311	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt – cổ có tiêm tương phản	x	x		
		2. Chụp cộng hưởng từ vùng ngực máy từ lực 0.2-1.5T				
6689	313	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực	x	x		
6690	314	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x		
6691	316	Chụp cộng hưởng từ tuyến vú	x	x		
6692	317	Chụp cộng hưởng từ tuyến vú động học có tiêm tương phản	x	x		
6693	318	Chụp cộng hưởng từ phổ tuyến vú	x	x		
		3. Chụp cộng hưởng từ vùng bụng, chậu máy từ lực 0.2-1.5T				
6694	319	Chụp cộng hưởng từ tạng bụng không tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan-mật, tụy, lách, thận, dạ dày-tá tràng...)	x	x		
6695	320	Chụp cộng hưởng từ tạng bụng có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan-mật, tụy, lách, thận, dạ dày-tá tràng...)	x	x		
6696	321	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...)	x	x		
6697	322	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu dò hậu môn	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
6698	323	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...)	x	x		
6699	324	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật	x	x		
6700	325	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật có tiêm chất tương phản	x	x		
6701	326	Chụp cộng hưởng từ động học sản chậu, tổng phân (defecography-MR)	x	x		
6702	327	Chụp cộng hưởng từ ruột non (enteroclysis)	x	x		
6703	329	Chụp cộng hưởng từ tuyến tiền liệt có tiêm tương phản	x	x		
6704	330	Chụp cộng hưởng từ phổ tuyến tiền liệt	x	x		
6705	331	Chụp cộng hưởng từ đánh giá bánh nhau (rau)	x	x		
6706	332	Chụp cộng hưởng từ thai nhi	x	x		
6707	333	Chụp cộng hưởng từ gan với chất tương phản đặc hiệu mô	x	x		
		4. Chụp Cộng hưởng từ cột sống - ống sống và xương khớp máy từ lực 0.2-1.5T				
6708	334	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ	x	x		
6709	335	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ có tiêm tương phản	x	x		
6710	336	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực	x	x		
6711	337	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực có tiêm tương phản	x	x		
6712	338	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng	x	x		
6713	339	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng có tiêm tương phản	x	x		
6714	340	Chụp cộng hưởng từ khớp	x	x		
6715	341	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản tĩnh mạch	x	x		
6716	342	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản nội khớp	x	x		
6717	343	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương	x	x		
6718	344	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương có tiêm tương phản	x	x		
6719	345	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi	x	x		
6720	346	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi có tiêm tương phản	x	x		
		5. Chụp cộng hưởng từ tim mạch máy từ lực 1.5T				
6721	347	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ-chậu	x	x		
6722	348	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ-ngực	x	x		
6723	352	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên	x	x		
6724	353	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên có tiêm tương phản	x	x		
6725	354	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới	x	x		
6726	355	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới có tiêm tương phản	x	x		
6727	356	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi toàn thân	x	x		
6728	357	Chụp cộng hưởng từ động mạch toàn thân có tiêm tương phản	x	x		
6729	358	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch	x	x		
6730	359	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch có tiêm tương phản	x	x		
6731	360	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản không đặc hiệu	x	x		
6732	361	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản đặc hiệu	x	x		
		6. Chụp cộng hưởng từ toàn thân và kỹ thuật đặc biệt khác máy 1.5T				
6733	362	Chụp cộng hưởng từ toàn thân tầm soát và đánh giá giai đoạn TNM	x	x		
6734	363	Chụp cộng hưởng từ toàn thân tầm soát và đánh giá giai đoạn có tiêm tương phản	x	x		
6735	364	Chụp cộng hưởng từ dây thần kinh ngoại biên (neurography MR)	x	x		
6736	365	Chụp cộng hưởng từ tưới máu các tạng	x	x		
		Đ. KỸ THUẬT ĐIỆN QUANG MẠCH MÁU VÀ CAN THIỆP				
		5. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn siêu âm				
6737	603	Sinh thiết gan dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
6738	605	Sinh thiết vú dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
6739	606	Sinh thiết lách dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
6740	607	Sinh thiết thận dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
6741	609	Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
6742	610	Sinh thiết tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
6743	611	Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
6744	612	Sinh thiết các tạng dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
6745	613	Sinh thiết tiền liệt tuyến qua trực tràng dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
6746	617	Tiêm xơ khối u dưới hướng dẫn của siêu âm	x			
6747	618	Sinh thiết phổi/màng phổi dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
6748	619	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
6749	620	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
6750	621	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
6751	622	Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
6752	623	Chọc hút nang vú dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
6753	625	Chọc hút dịch ổ khớp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
6754	628	Chọc hút dịch màng tin dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
6755	629	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
6756	630	Chọc hút tế bào dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
6757	632	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
6758	633	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
		6. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính				
6759	636	Sinh thiết phổi/màng phổi dưới cắt lớp vi tính	x	x		
6760	637	Sinh thiết trung thất dưới cắt lớp vi tính	x	x		
6761	638	Sinh thiết gan dưới cắt lớp vi tính	x	x		
6762	639	Sinh thiết thận dưới cắt lớp vi tính	x	x		
6763	640	Sinh thiết lách dưới cắt lớp vi tính	x	x		
6764	641	Sinh thiết tụy dưới cắt lớp vi tính	x	x		
6765	644	Sinh thiết xương dưới cắt lớp vi tính	x	x		
6766	647	Sinh thiết phần mềm dưới cắt lớp vi tính	x	x		
6767	648	Sinh thiết tạng hay khối ổ bụng dưới cắt lớp vi tính	x	x		
6768	650	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	x	x		
6769	651	Chọc hút hạch hoặc u dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	x	x		
6770	653	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn cắt lớp bi tính	x	x		
		8. Điện quang tim mạch				
6771	703.	Siêu âm tại giường	x	x	x	x
		XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP				
		B. TAI - MŨI - HỌNG				
6772	7	Nội soi cầm máu mũi	x	x	x	
6773	8	Nội soi mũi hoặc vòm hoặc họng có sinh thiết	x	x	x	
6774	10	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán	x	x	x	
6775	11	Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết	x	x	x	
6776	13	Nội soi tai mũi họng	x	x	x	
6777	15	Nội soi thanh quản lấy dị vật	x	x		
		C. KHÍ- PHẾ QUẢN				
6778	22	Nội soi khí - phế quản ống mềm sinh thiết	x			
6779	25	Nội soi khí - phế quản ống mềm chẩn đoán	x	x		
6780	27	Nội soi siêu âm khí - phế quản ống mềm, sinh thiết xuyên thành phế quản	x	x		
6781	28	Nội soi khí - phế quản ống mềm chài phế quản chẩn đoán	x	x		
6782	29	Nội soi khí - phế quản ống mềm rửa phế quản phế nang chọn lọc	x	x		
6783	31	Nội soi khí - phế quản ống mềm lấy dị vật	x	x		
6784	32	Nội soi khí - phế quản ống cứng lấy dị vật	x	x	x	
6785	33	Nội soi khí - phế quản ống mềm qua ống nội khí quản	x	x		
6786	36	Nội soi khí - phế quản ống mềm hút đờm qua ống nội khí quản	x	x		
		D. TIÊU HOÁ- Ổ BỤNG				
6787	44	Nong đường mật, Oddi qua nội soi	x			
6788	45	Nội soi đường mật tán sỏi qua da	x			
6789	46	Nong bằng bóng qua nội soi điều trị hẹp chỗ nối đại trực tràng sau mổ	x			
6790	48	Mở thông dạ dày qua nội soi	x			
6791	49	Nội soi ruột non bóng kép (Double Baloon Endoscopy)	x			
6792	50	Nội soi ruột non bóng đơn (Single Baloon Endoscopy)	x			
6793	51	Nội soi tiêu hóa bằng viên đạn (Capsule Endoscopy).	x			
6794	52	Nội soi siêu âm đường tiêu hóa trên kết hợp với chọc hút tế bào.	x			
6795	53	Nội soi đặt bộ Stent thực quản, dạ dày, tá tràng, đại tràng, trực tràng	x	x		
6796	54	Nội soi mật tụy ngược dòng để chẩn đoán bệnh lý đường mật tụy.	x	x		
6797	55	Nội soi mật tụy ngược dòng để cắt cơ vòng Oddi dẫn lưu mật hoặc lấy sỏi đường mật tụy	x	x		
6798	56	Nội soi mật tụy ngược dòng để đặt Stent đường mật tụy	x	x		
6799	57	Nong hẹp thực quản, tâm vị qua nội soi	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
6800	58	Nội soi tiêu hóa với gây mê (dạ dày - đại tràng)	x	x		
6801	59	Nội soi cầm máu bằng clip trong chảy máu đường tiêu hóa	x	x		
6802	67	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hóa cao để chẩn đoán và điều trị	x	x		
6803	68	Nội soi thực quản-dạ dày, lấy dị vật	x	x		
6804	69	Siêu âm nội soi dạ dày, thực quản	x	x		
6805	70	Nội soi đại tràng-lấy dị vật	x	x		
6806	71	Nội soi đại tràng tiêm cầm máu	x	x		
6807	72	Nội soi trực tràng-hậu môn thất trĩ	x	x		
6808	73	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	x	x		
6809	74	Nội soi cắt polip ống tiêu hóa (thực quản, dạ dày, tá tràng, đại trực tràng)	x	x		
6810	75	Nội soi hậu môn có sinh thiết, tiêm xơ	x	x		
6811	76	Nội soi chích (tiêm) keo điều trị giãn tĩnh mạch phình vị	x	x		
6812	77	Nội soi bằng tần hẹp (NBI)	x	x		
6813	78	Nội soi siêu âm trực tràng	x	x		
6814	79	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng kết hợp sinh thiết	x	x		
6815	80	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng	x	x	x	
6816	81	Nội soi đại tràng sigma	x	x	x	
6817	82	Soi trực tràng	x	x	x	
		E. TIẾT NIỆU				
6818	85	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi	x	x		
6819	86	Soi bàng quang	x	x		
6820	92	Nội soi bàng quang đặt UPR, đặt Catheter niệu quản	x	x		
		G. KHỚP				
6821	97	Nội soi khớp chẩn đoán	x	x		
		H. PHỤ SÁN				
6822	98	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	x	x		
6823	100	Nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung	x	x		
6824	102	Nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung	x	x		
6825	103	Nội soi buồng tử cung can thiệp	x	x		
6826	104	Nội soi chẩn đoán + tiêm MTX tại chỗ GEU	x	x		
6827	105	Nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa	x	x		
6828	106	Soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung	x	x		
		XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG				
		A. TIM, MẠCH				
6829	1	Thăm dò điện sinh lý tim	x	x		
6830	4	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)	x	x	x	x
6831	6	Đo áp lực thẩm thấu máu	x	x		
6832	7	Holter huyết áp	x	x		
6833	8	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ	x	x		
6834	9	Đo lưu huyết não	x	x		
6835	10	Nghiệm pháp Von-Kaulla (thời gian tiêu thụ euglobulin)	x	x		
6836	11	Nghiệm pháp rượu (Nghiệm pháp Ethanol)	x	x		
6837	12	Holter điện tâm đồ	x	x		
6838	13	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x
6839	14	Điện tim thường	x	x	x	x
		B. HÔ HẤP				
6840	18	Test giãn phế quản (broncho modilator test)	x	x		
6841	19	Đo hô hấp ký	x	x		
6842	22	Test dung tích sống gắng sức (FVC)	x	x	x	
6843	23	Test dung tích sống thở chậm (SVC)	x	x	x	
6844	24	Thông khí tự ý tối đa (MVV)	x	x	x	
		C. THẦN KINH, TÂM THẦN				
6845	29	Ghi điện cơ	x	x		
6846	32	Đo tốc độ dẫn truyền thần kinh cảm giác	x	x		
6847	33	Đo tốc độ dẫn truyền thần kinh vận động	x	x		
6848	35	Đo điện thế kích thích giác quan	x	x		
6849	37	Ghi điện não đồ vi tính	x	x		
6850	40	Ghi điện não đồ thông thường	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
6851	42	Test thần kinh tự chủ	x			
		D. TIÊU HÓA, TIẾT NIỆU				
6852	45	Đo áp lực bàng quang bằng cột thước nước	x	x	x	
6853	51	Test hơi thở tìm vi khuẩn HP bằng C13, C14	x	x		
		D. TAI MŨI HỌNG				
6854	60	Đo thính lực đơn âm	x	x		
6855	61	Đo thính lực lời	x	x		
6856	62	Đo thính lực trên ngưỡng	x	x		
6857	63	Đo thính lực ở trường tự do	x	x		
6858	64	Đo nhĩ lượng	x	x		
6859	65	Đo phản xạ cơ bàn đạp	x	x		
6860	66	Đo âm ốc tai (OAE) chẩn đoán	x	x		
6861	67	Ghi đáp ứng thính giác thân não (ABR)	x	x		
6862	69	Đo âm ốc tai (OAE) sàng lọc	x	x	x	
		E. MẮT				
6863	71	Đo độ dày giác mạc	x	x		
6864	72	Đếm tế bào nội mô giác mạc	x	x		
6865	74	Siêu âm A/B	x	x		
6866	77	Test thử cảm giác giác mạc	x	x	x	
6867	78	Test phát hiện khô mắt	x	x	x	
6868	79	Nghiệm pháp phát hiện glacom	x	x	x	
6869	81	Đo thị trường chu biên	x	x	x	
6870	82	Đo sắc giác	x	x	x	
6871	83	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	x	x	x	
6872	84	Đo khúc xạ máy	x	x	x	
6873	86	Thử kính	x	x	x	
6874	90	Đo đường kính giác mạc	x	x	x	
6875	91	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo tự động bằng siêu âm	x	x	x	
6876	92	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...)	x	x	x	x
6877	93	Đo thị lực	x	x	x	x
		G. CƠ XƯƠNG KHỚP				
6878	101	Đo mật độ xương bằng máy siêu âm	x	x	x	
6879	102	Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA	x	x	x	
		H. NỘI TIẾT				
6880	106	Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống 2 mẫu có định lượng Insulin kèm theo	x	x		
6881	120	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (75g Glucose) 3 mẫu cho người bệnh thai nghén	x	x		
6882	122	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin	x	x	x	
6883	122	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin	x	x	x	
		XXII. HUYẾT HỌC-TRUYỀN MÁU				
		A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU				
6884	1	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	x	x	x	
6885	5	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động	x	x	x	
6886	11	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động	x	x	x	
6887	19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	x	x	x	x
6888	21	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)	x	x	x	x
6889	22	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x
6890	23	Định lượng D-Dimer	x	x		
6891	29	Định lượng yếu tố đông máu nội sinh VIIIc, IX, XI	x	x		
6892	30	Định lượng yếu tố đông máu ngoại sinh II, V, VII, X	x	x		
6893	49	Phát hiện kháng đông lupus (LAC/ LA screen: Lupus Anticoagulant screen)	x	x		
6894	50	Khẳng định kháng đông lupus (LAC/ LA confirm: Lupus Anticoagulant confirm)	x	x		
6895	68	Định lượng antiCardiolipin IgG bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang/ điện hóa phát quang	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
6896	69	Định lượng antiCardiolipin IgM bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang điện hóa phát quang	x	x		
6897	70	Định lượng anti b2GPI IgG bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang/điện hóa phát quang	x	x		
6898	71	Định lượng anti b2GPI IgM bằng phương pháp ELISA/ miễn dịch hóa phát quang/điện hóa phát quang	x	x		
		B. SINH HÓA HUYẾT HỌC				
6899	79	Định lượng Acid Folic	x	x		
6900	80	Định lượng Beta 2 Microglobulin	x	x		
6901	82	Định lượng khả năng gắn sắt toàn thể (TIBC)	x	x		
6902	84	Định lượng sắt chưa bão hòa huyết thanh (UIBC)	x	x		
6903	87	Độ bão hòa Transferin	x	x		
6904	88	Định lượng vitamin B12	x	x		
6905	89	Định lượng Transferin	x	x		
6906	91	Định lượng EPO (Erythropoietin)	x	x		
6907	94	Định lượng Peptid - C	x	x		
6908	102	Sức bền thẩm thấu hồng cầu	x	x	x	
6909	103	Định lượng G6PD	x			
6910	112	Định lượng IgG	x	x		
6911	113	Định lượng IgA	x	x		
6912	114	Định lượng IgM	x	x		
6913	115	Định lượng IgE	x	x		
6914	116	Định lượng Ferritin	x	x		
6915	117	Định lượng sắt huyết thanh	x	x	x	
		C. TẾ BÀO HỌC				
6916	118	Dẫn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)	x	x	x	x
6917	119	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
6918	121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	x	x	x	
6919	122	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng hệ thống tự động hoàn toàn (có nhuộm tiêu b	x			
6920	123	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
6921	125	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)	x	x	x	
6922	126	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (chưa bao gồm kim chọc tủy một lần)	x	x		
6923	127	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (bao gồm kim chọc tủy nhiều lần)	x	x		
6924	128	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (sử dụng máy khoan cầm tay)	x	x		
6925	129	Xét nghiệm tế bào học tủy xương (không bao gồm thủ thuật chọc hút tủy)	x	x		
6926	134	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
6927	135	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng máy đếm laser)	x	x		
6928	136	Tìm mảnh vỡ hồng cầu	x	x	x	
6929	138	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
6930	140	Tìm giun chỉ trong máu	x	x	x	x
6931	143	Máu lắng (bằng máy tự động)	x	x	x	
6932	144	Tìm tế bào Hargraves	x	x	x	
6933	149	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
6934	151	Cặn Addis	x	x	x	
6935	152	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng ph	x	x	x	
6936	153	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng ph	x	x	x	
6937	154	Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học	x	x	x	
6938	163	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
6939	164	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm laser)	x	x	x	
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU				
6940	259	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
6941	268	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
6942	269	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
6943	270	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
6944	272	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37°C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
6945	273	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37°C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
6946	276	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
6947	277	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
6948	278	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
6949	279	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
6950	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)	x	x	x	
6951	285	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	x	x	x	
6952	286	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	x	x	x	
6953	287	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	x	x	x	
6954	288	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	x	x	x	
6955	289	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
6956	291	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
6957	292	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)	x	x	x	
6958	295	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
6959	296	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)	x	x		
6960	302	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
6961	303	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
6962	304	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
6963	306	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
6964	307	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
6965	308	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
		D. MIỄN DỊCH HUYẾT HỌC				
6966	320	Kháng thể kháng Sm (anti Sm) bằng kỹ thuật ELISA	x	x		
6967	325	Kháng thể kháng dsDNA (anti-dsDNA) bằng kỹ thuật ELISA	x	x		
6968	326	Kháng thể kháng nhân (anti-ANA) bằng kỹ thuật ELISA	x	x		
6969	352	Điện di huyết sắc tố	x	x	x	
6970	375	Anti phospholipid IgG và IgM (sàng lọc các kháng thể kháng phospholipid lớp IgG và IgM bằng kỹ thuật ELISA)	x	x		
		H. HUYẾT HỌC LÂM SÀNG				
6971	499	Rút máu để điều trị	x	x	x	
6972	501	Truyền máu tại giường bệnh (bệnh nhân điều trị nội - ngoại trú)	x	x	x	
6973	502	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	x	x	x	
		L. TẾ BÀO HỌC				
6974	607	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm hồng cầu sắt (Nhuộm Perls)	x	x		
6975	608	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Peroxydase (MPO: Myeloperoxydase)	x	x		
6976	609	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Sudan đen	x	x		
6977	610	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Periodic Acide Schiff (PAS)	x	x		
6978	611	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Esterase không đặc hiệu	x	x		
6979	612	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Esterase đặc hiệu	x	x		
		XXIII. HÓA SINH				
		A. MÁU				
6980	2	Định lượng ACTH (Adrenocorticotrophic hormone)	x			
6981	3	Định lượng Acid Uric	x	x	x	
6982	4	Định lượng ADH (Anti Diuretic Hormone)	x			
6983	6	Định lượng Aldosteron	x			
6984	7	Định lượng Albumin	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
6985	9	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)	x	x	x	
6986	10	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x	
6987	12	Định lượng AMH (Anti- Mullerian Hormone)	x			
6988	13	Định lượng Anti CCP	x			
6989	14	Định lượng Anti-Tg (Antibody- Thyroglobulin)	x	x		
6990	15	Định lượng Anti - TPO (Anti- thyroid Peroxidase antibodies)	x	x		
6991	18	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	x	x		
6992	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)	x	x	x	
6993	20	Đo hoạt độ AST (GOT)	x	x	x	
6994	22	Định lượng β 2 microglobulin	x			
6995	24	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)	x	x		
6996	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp	x	x	x	
6997	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp	x	x	x	
6998	27	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x	
6999	28	Định lượng BNP (B- Type Natriuretic Peptide)	x	x		
7000	29	Định lượng Calci toàn phần	x	x	x	
7001	30	Định lượng Calci ion hóa	x	x	x	
7002	32	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)	x	x		
7003	33	Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9)	x	x		
7004	34	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3)	x	x		
7005	35	Định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72- 4)	x	x		
7006	36	Định lượng Calcitonin	x	x		
7007	38	Định lượng Ceruloplasmin	x	x		
7008	39	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)	x	x		
7009	41	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x	
7010	42	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)	x	x		
7011	43	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)	x	x		
7012	45	Định lượng C-Peptid	x	x	x	
7013	46	Định lượng Cortisol	x	x		
7014	47	Định lượng Cystatine C	x	x		
7015	48	Định lượng bổ thể C3	x	x		
7016	49	Định lượng bổ thể C4	x	x		
7017	50	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity)	x	x	x	
7018	51	Định lượng Creatinin	x	x	x	
7019	52	Định lượng Cyfra 21- 1	x	x		
7020	54	Định lượng D-Dimer	x			
7021	55	Định lượng 25OH Vitamin D (D3)	x			
7022	58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	x	x	x	
7023	60	Định lượng Ethanol (cồn)	x	x		
7024	61	Định lượng Estradiol	x	x		
7025	62	Định lượng E3 không liên hợp (Unconjugated Estriol)	x			
7026	63	Định lượng Ferritin	x	x		
7027	64	Định lượng Fructosamin	x			
7028	65	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone)	x	x		
7029	66	Định lượng free bHCG (Free Beta Human Chorionic Gonadotropin)	x	x		
7030	67	Định lượng Folate	x	x		
7031	68	Định lượng FT ₃ (Free Triiodothyronine)	x	x		
7032	69	Định lượng FT ₄ (Free Thyroxine)	x	x		
7033	70	Định lượng Galectin 3	x			
7034	72	Đo hoạt độ G6PD (Glucose -6 phosphat dehydrogenase)	x	x		
7035	73	Định lượng GH (Growth Hormone)	x			
7036	75	Định lượng Glucose	x	x	x	
7037	76	Định lượng Globulin	x	x	x	
7038	77	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase)	x	x	x	
7039	79	Định lượng Gentamicin	x			
7040	81	Định lượng HBsAg (HBsAg Quantitative) (CMIA / ECLIA)	x			
7041	83	Định lượng HbA1c	x	x	x	
7042	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
7043	85	Định lượng HE4	x			
7044	89	Định lượng IL-6 (Interleukin 6)	x			
7045	93	Định lượng IgE (Immunoglobuline E)	x	x		
7046	94	Định lượng IgA (Immunoglobuline A)	x	x		
7047	95	Định lượng IgG (Immunoglobuline G)	x	x		
7048	96	Định lượng IgM (Immunoglobuline M)	x	x		
7049	98	Định lượng Insulin	x	x		
7050	103	Xét nghiệm Khí máu	x	x		
7051	104	Định lượng Lactat (Acid Lactic)	x	x		
7052	109	Đo hoạt độ Lipase	x	x		
7053	110	Định lượng LH (Luteinizing Hormone)	x	x		
7054	111	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase)	x	x		
7055	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
7056	118	Định lượng Mg	x	x		
7057	120	Định lượng NSE (Neuron Specific Enolase)	x	x		
7058	121	Định lượng proBNP (NT-proBNP)	x	x		
7059	123	Định lượng PAPP-A	x			
7060	124	Định lượng Pepsinogen I	x			
7061	125	Định lượng Pepsinogen II	x			
7062	128	Định lượng Phospho	x	x	x	
7063	129	Định lượng Pre-albumin	x	x		
7064	130	Định lượng Pro-calcitonin	x	x		
7065	131	Định lượng Prolactin	x	x		
7066	133	Định lượng Protein toàn phần	x	x	x	
7067	134	Định lượng Progesteron	x	x		
7068	137	Định lượng Pro-GRP (Pro- Gastrin-Releasing Peptide)	x			
7069	138	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen)	x	x		
7070	139	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	x	x		
7071	140	Định lượng PTH (Parathyroid Hormon)	x	x		
7072	141	Định lượng Renin activity	x			
7073	142	Định lượng RF (Reumatoid Factor)	x	x		
7074	143	Định lượng Sắt	x	x	x	
7075	144	Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen)	x			
7076	147	Định lượng T ₃ (Tri iodothyronine)	x	x		
7077	148	Định lượng T ₄ (Thyroxine)	x	x		
7078	151	Định lượng Testosterol	x	x		
7079	154	Định lượng Tg (Thyroglobulin)	x	x		
7080	156	Định lượng TRAb (TSH Receptor Antibodies)	x	x		
7081	157	Định lượng Transferin	x	x		
7082	158	Định lượng Triglycerid	x	x	x	
7083	160	Định lượng Troponin T	x	x		
7084	161	Định lượng Troponin I	x	x		
7085	162	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	x	x		
7086	163	Định lượng Tobramycin	x			
7087	166	Định lượng Urê	x	x	x	
7088	168	Định lượng Vancomycin	x			
7089	169	Định lượng Vitamin B12	x	x		
7090	170	Định lượng yếu tố tân tạo mạch máu (PLGF – Placental Growth Factor)	x			
7091	171	Định lượng yếu tố kháng tân tạo mạch máu (sFlt-1-soluble FMS like tyrosinkinase-1)	x			
		B. NƯỚC TIỂU				
7092	172	Điện giải niệu (Na, K, Cl)	x	x	x	
7093	173	Định tính Amphetamin (test nhanh)	x	x	x	x
7094	175	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x	
7095	176	Định lượng Axit Uric	x	x	x	
7096	179	Định tính beta hCG (test nhanh)	x	x	x	x
7097	180	Định lượng Canxi	x	x	x	
7098	183	Định lượng Cortisol	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
7099	184	Định lượng Creatinin	x	x	x	
7100	187	Định lượng Glucose	x	x	x	
7101	188	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh)	x	x	x	x
7102	189	Định lượng MAU (Micro Albumin Arine)	x	x		
7103	193	Định tính Opiate (test nhanh)	x	x	x	x
7104	194	Định tính Morphin (test nhanh)	x	x	x	x
7105	195	Định tính Codein (test nhanh)	x	x	x	x
7106	196	Định tính Heroin (test nhanh)	x	x	x	x
7107	197	Định lượng Phospho	x	x	x	
7108	201	Định lượng Protein	x	x	x	
7109	202	Định tính Protein Bence -jones	x	x	x	x
7110	205	Định lượng Ure	x	x	x	
7111	206	Tổng phân tích nư-ớc tiểu (Bảng máy tự động)	x	x	x	x
		C. DỊCH NÃO TUỖ				
7112	207	Định lượng Clo	x	x	x	
7113	208	Định lượng Glucose	x	x	x	
7114	209	Phản ứng Pandy	x	x	x	
7115	210	Định lượng Protein	x	x	x	
		E. DỊCH CHỌC DỎ (Dịch màng bụng, màng phổi, màng tim...)				
7116	213	Đo hoạt độ Amylase	x	x		
7117	214	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x	
7118	215	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x	
7119	216	Định lượng Creatinin	x	x	x	
7120	217	Định lượng Glucose	x	x	x	
7121	218	Đo hoạt độ LDH	x	x		
7122	219	Định lượng Protein	x	x	x	
7123	220	Phản ứng Rivalta	x	x	x	
7124	221	Định lượng Triglycerid	x	x	x	
7125	222	Đo tỷ trọng dịch chọc dò	x	x	x	
7126	223	Định lượng Ure	x	x	x	
		G. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)				
7127	228	Định lượng CRP	x	x	x	
7128	249	Xác định các yếu tố vi lượng (đồng, kẽm)	x	x		
7129	255	Oestrogen toàn phần định lượng	x	x		
		XXIV. VI SINH – KỸ SINH TRÙNG				
		A. VI KHUẨN				
		1. Vi khuẩn chung				
7130	1	Vi khuẩn nhuộm soi	x	x	x	x
7131	2	Vi khuẩn test nhanh	x	x	x	x
7132	3	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	x	x	x	
7133	4	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh hệ thống tự động	x	x		
7134	5	Vi khuẩn nuôi cấy, định danh và kháng thuốc hệ thống tự động	x	x		
7135	6	Vi khuẩn kháng thuốc định tính	x	x	x	
7136	7	Vi khuẩn kháng thuốc hệ thống tự động	x	x		
7137	8	Vi khuẩn kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)	x	x		
7138	9	Vi khuẩn kháng sinh phối hợp	x	x		
7139	11	Vi khuẩn kháng định	x	x		
7140	16	Vi hệ đường ruột	x	x	x	x
		2. Mycobacteria				
7141	17	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	x	x	x	x
7142	21	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> Mantoux	x	x	x	x
7143	32	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> Real-time PCR	x	x		
7144	38	NTM (Non tuberculosis mycobacteria) định danh Real-time PCR	x	x		
		3. Vibrio cholerae				
7145	42	<i>Vibrio cholerae</i> soi tươi	x	x	x	x
7146	43	<i>Vibrio cholerae</i> nhuộm soi	x	x	x	x
7147	45	<i>Vibrio cholerae</i> nuôi cấy, định danh và kháng thuốc	x	x		
7148	47	<i>Vibrio cholerae</i> Real-time PCR	x	x		
		4. Neisseria gonorrhoeae				

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
7149	49	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> nhuộm soi	x	x	x	x
7150	50	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> nuôi cấy, định danh và kháng thuốc	x	x		
7151	52	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> Real-time PCR	x	x		
7152	53	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> Real-time PCR hệ thống tự động	x	x		
		5. <i>Neisseria meningitidis</i>				
7153	56	<i>Neisseria meningitidis</i> nhuộm soi	x	x	x	x
7154	57	<i>Neisseria meningitidis</i> nuôi cấy, định danh và kháng thuốc	x	x		
7155	59	<i>Neisseria meningitidis</i> Real-time PCR	x	x		
		6. Các vi khuẩn khác				
7156	60	<i>Chlamydia</i> test nhanh	x	x	x	x
7157	65	<i>Chlamydia</i> Real-time PCR	x	x		
7158	66	<i>Chlamydia</i> Real-time PCR hệ thống tự động	x	x		
7159	73	<i>Helicobacter pylori</i> Ag test nhanh	x	x	x	x
7160	74	<i>Helicobacter pylori</i> Ab test nhanh	x	x	x	x
7161	78	<i>Helicobacter pylori</i> Real-time PCR	x	x		
7162	80	<i>Leptospira</i> test nhanh	x	x	x	x
7163	84	<i>Mycoplasma pneumoniae</i> Real-time PCR	x	x		
7164	85	<i>Mycoplasma hominis</i> test nhanh	x	x	x	x
7165	87	<i>Mycoplasma hominis</i> nuôi cấy, định danh và kháng thuốc	x	x		
7166	89	<i>Mycoplasma hominis</i> Real-time PCR	x	x		
7167	94	<i>Streptococcus pyogenes</i> ASO	x	x	x	x
7168	96	<i>Treponema pallidum</i> nhuộm soi	x	x	x	
7169	98	<i>Treponema pallidum</i> test nhanh	x	x	x	x
7170	99	<i>Treponema pallidum</i> RPR định tính và định lượng	x	x		
7171	100	<i>Treponema pallidum</i> TPHA định tính và định lượng	x	x		
7172	102	<i>Treponema pallidum</i> Real-time PCR	x	x		
7173	103	<i>Ureaplasma urealyticum</i> test nhanh	x	x	x	
7174	105	<i>Ureaplasma urealyticum</i> nuôi cấy, định danh và kháng thuốc	x	x		
7175	107	<i>Ureaplasma urealyticum</i> Real-time PCR	x	x		
		B. VIRUS				
		1. Virus chung				
7176	108	Virus test nhanh	x	x	x	x
7177	110	Virus Ag miễn dịch tự động	x	x		
7178	112	Virus Ab miễn dịch tự động	x	x		
7179	115	Virus Real-time PCR	x	x		
		2. Hepatitis virus				
7180	117	HBsAg test nhanh	x	x	x	x
7181	119	HBsAg miễn dịch tự động	x	x		
7182	120	HBsAg kháng định	x	x		
7183	121	HBsAg định lượng	x	x		
7184	122	HBsAb test nhanh	x	x	x	x
7185	124	HBsAb định lượng	x	x		
7186	126	HBc IgM miễn dịch tự động	x	x		
7187	127	HBcAb test nhanh	x	x	x	x
7188	129	HBc total miễn dịch tự động	x	x		
7189	130	HBeAg test nhanh	x	x	x	x
7190	132	HBeAg miễn dịch tự động	x	x		
7191	133	HBeAb test nhanh	x	x	x	x
7192	135	HBeAb miễn dịch tự động	x	x		
7193	136	HBV đo tải lượng Real-time PCR	x	x		
7194	137	HBV đo tải lượng hệ thống tự động	x	x		
7195	140	HBV genotype Real-time PCR	x	x		
7196	142	HBV kháng thuốc Real-time PCR (cho 1 loại thuốc)	x	x		
7197	144	HCV Ab test nhanh	x	x	x	x
7198	146	HCV Ab miễn dịch tự động	x	x		
7199	148	HCV Ag/Ab miễn dịch tự động	x	x		
7200	151	HCV đo tải lượng Real-time PCR	x	x		
7201	153	HCV genotype Real-time PCR	x	x		
7202	155	HAV Ab test nhanh	x	x	x	x

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
7203	157	HAV IgM miễn dịch tự động	x	x		
7204	159	HAV total miễn dịch tự động	x	x		
7205	163	HEV Ab test nhanh	x	x	x	x
7206	164	HEV IgM test nhanh	x	x	x	x
		3. HIV				
7207	169	HIV Ab test nhanh	x	x	x	x
7208	174	HIV Ag/Ab miễn dịch tự động	x	x	x	
		4. Dengue virus				
7209	183	Dengue virus NS1Ag test nhanh	x	x	x	x
7210	184	Dengue virus NS1Ag/IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
7211	187	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
7212	188	Dengue virus IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x	
7213	189	Dengue virus IgG miễn dịch bán tự động	x	x	x	
7214	191	Dengue virus Real-time PCR	x	x		
		5. Herpesviridae				
7215	194	CMV IgM miễn dịch tự động	x	x		
7216	196	CMV IgG miễn dịch tự động	x	x		
7217	198	CMV Real-time PCR	x	x		
7218	202	HSV 1 IgM miễn dịch tự động	x	x		
7219	204	HSV 1 IgG miễn dịch tự động	x	x		
7220	206	HSV 2 IgM miễn dịch tự động	x	x		
7221	208	HSV 2 IgG miễn dịch tự động	x	x		
7222	210	HSV 1+2 IgM miễn dịch tự động	x	x		
7223	212	HSV 1+2 IgG miễn dịch tự động	x	x		
7224	213	HSV Real-time PCR	x	x		
7225	214	HSV đo tải lượng hệ thống tự động	x	x		
7226	215	VZV Real-time PCR	x	x		
7227	223	EBV Real-time PCR	x	x		
7228	224	EBV đo tải lượng hệ thống tự động	x	x		
		6. Enterovirus				
7229	225	EV71 IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
7230	227	EV71 Real-time PCR	x	x		
7231	230	Enterovirus Real-time PCR	x	x		
		7. Các virus khác				
7232	232	Adenovirus Real-time PCR	x	x		
7233	233	BK/JC virus Real-time PCR	x	x		
7234	235	Coronavirus Real-time PCR	x	x		
7235	236	Hantavirus test nhanh	x	x		
7236	239	HPV Real-time PCR	x	x		
7237	240	HPV genotype Real-time PCR	x	x		
7238	241	HPV genotype PCR hệ thống tự động	x	x		
7239	243	Influenza virus A, B test nhanh	x	x	x	x
7240	244	Influenza virus A, B Real-time PCR (*)	x	x		
7241	249	Rotavirus test nhanh	x	x	x	x
7242	253	RSV Real-time PCR	x	x		
7243	254	Rubella virus Ab test nhanh	x	x	x	x
7244	256	Rubella virus IgM miễn dịch tự động	x	x		
7245	258	Rubella virus IgG miễn dịch tự động	x	x		
7246	261	Rubella virus Real-time PCR	x	x		
		C. KÝ SINH TRÙNG				
		1. Ký sinh trùng trong phân				
7247	263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	x	x	x	x
7248	264	Hồng cầu trong phân test nhanh	x	x	x	x
7249	265	Đơn bào đường ruột soi tươi	x	x	x	x
7250	266	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	x	x	x	x
7251	267	Trứng giun, sán soi tươi	x	x	x	x
7252	268	Trứng giun soi tập trung	x	x	x	x
7253	269	<i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	x	x	x	x
7254	270	<i>Cryptosporidium</i> test nhanh	x	x	x	x

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
		2. Ký sinh trùng trong máu				
7255	289	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	x	x	x	x
7256	290	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định lượng	x	x		
7257	291	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	x	x	x	x
7258	299	<i>Toxoplasma</i> IgM miễn dịch tự động	x	x		
7259	301	<i>Toxoplasma</i> IgG miễn dịch tự động	x	x		
		3. Ký sinh trùng ngoài da				
7260	305	<i>Demodex</i> soi tươi	x	x	x	x
7261	306	<i>Demodex</i> nhuộm soi	x	x	x	
7262	307	<i>Phthirus pubis</i> (Rận mu) soi tươi	x	x	x	x
7263	308	<i>Phthirus pubis</i> (Rận mu) nhuộm soi	x	x	x	
7264	309	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghê) soi tươi	x	x	x	x
7265	310	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghê) nhuộm soi	x	x	x	
		4. Ký sinh trùng trong các bệnh phẩm khác				
7266	317	<i>Trichomonas vaginalis</i> soi tươi	x	x	x	x
7267	318	<i>Trichomonas vaginalis</i> nhuộm soi	x	x	x	
		D. VI NẤM				
7268	319	Vi nấm soi tươi	x	x	x	x
7269	320	Vi nấm test nhanh	x	x	x	x
7270	321	Vi nấm nhuộm soi	x	x	x	
7271	322	Vi nấm nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	x	x		
7272	323	Vi nấm nuôi cấy và định danh hệ thống tự động	x	x		
7273	324	Vi nấm nuôi cấy, định danh và kháng thuốc hệ thống tự động	x	x		
		Đ. ĐÁNH GIÁ NHIỄM KHUẨN BỆNH VIỆN				
7274	329	Vi sinh vật cấy kiểm tra không khí	x	x	x	
7275	330	Vi sinh vật cấy kiểm tra bàn tay	x	x	x	
7276	331	Vi sinh vật cấy kiểm tra dụng cụ đã tiệt trùng	x	x	x	
7277	332	Vi sinh vật cấy kiểm tra bề mặt	x	x	x	
7278	333	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước sinh hoạt	x	x	x	
7279	334	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước thải	x	x	x	
7280	335	Vi khuẩn kháng thuốc - Phát hiện người mang	x	x	x	
7281	336	Vi khuẩn gây nhiễm trùng bệnh viện - Phát hiện nguồn nhiễm	x	x	x	
		E. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)				
7282	338	<i>Cryptococcus</i> test nhanh	x	x	x	x
7283	340	Vi khuẩn Ag miễn dịch tự động	x	x		
7284	342	Vi khuẩn Ab miễn dịch tự động	x	x		
7285	344	Ký sinh trùng Ag miễn dịch tự động	x	x		
7286	346	Ký sinh trùng Ab miễn dịch tự động	x	x		
7287	348	Vi nấm Ag miễn dịch tự động	x	x		
7288	350	Vi nấm Ab miễn dịch tự động	x	x		
7289	352	Virus genotype Real-time PCR (cho một loại vi sinh vật)	x	x		
7290	353	Vi khuẩn Real-time PCR	x	x		
7291	354	Vi nấm Real-time PCR	x	x		
7292	355	Ký sinh trùng Real-time PCR	x	x		
7293	356	Ký sinh trùng test nhanh	x	x	x	x
7294	358	Vi nấm kháng thuốc định tính	x	x		
7295	359	Vi nấm kháng thuốc trên máy tự động	x	x		
		XXV. GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC				
7296	1	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú	x	x	x	
7297	2	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú không dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú	x	x	x	x
7298	7	Chọc hút kim nhỏ tuyến giáp	x	x		
7299	13	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da	x	x	x	x
7300	14	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt	x	x	x	
7301	15	Chọc hút kim nhỏ các hạch	x	x	x	x
7302	19	Chọc hút kim nhỏ mô mềm	x	x		
7303	20	Tế bào học dịch màng bụng, màng tim	x	x	x	
7304	21	Tế bào học dịch màng khớp	x	x	x	
7305	22	Tế bào học nước tiểu	x	x	x	
7306	23	Tế bào học đờm	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
7307	24	Tế bào học dịch chái phế quản	x	x		
7308	25	Tế bào học dịch rửa phế quản	x	x		
7309	26	Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang	x	x	x	
7310	27	Tế bào học dịch rửa ổ bụng	x	x		
7311	30	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyên, đúc, cắt, nhuộm...các bệnh phẩm sinh thiết	x	x	x	
7312	31	Phẫu tích các loại bệnh phẩm làm xét nghiệm mô bệnh học	x	x	x	
7313	35	Nhuộm PAS Periodic Acid Schiff	x	x		
7314	36	Nhuộm xanh alcian	x	x		
7315	37	Nhuộm hai màu Hematoxyline- Eosin	x	x		
7316	59	Nhuộm Giemsa trên mảnh cắt mô phát hiện HP	x	x		
7317	60	Nhuộm HE trên phiến đồ tế bào học	x	x		
7318	73	Lấy bệnh phẩm làm phiến đồ tế bào cổ tử cung – âm đạo	x	x		
7319	74	Nhuộm phiến đồ tế bào theo Papanicolaou	x	x	x	
7320	75	Nhuộm Diff – Quick	x	x	x	
7321	76	Nhuộm Giemsa	x	x	x	x
7322	78	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Liqui Prep	x	x		
7323	79	Cell bloc (khối tế bào)	x	x		
7324	89	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy	x	x	x	x
7325	90	Xét nghiệm sinh thiết tức thì bằng cắt lạnh	x	x		
		XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI				
		D. BỤNG – TIÊU HOÁ				
		2. Dạ dày				
7326	141	Phẫu thuật nội soi điều trị hẹp môn vị phì đại	x	x		
7327	142	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	x	x		
7328	143	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày + nối dạ dày-hồng tràng	x	x		
7329	144	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày	x	x		
7330	145	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày + nối dạ dày-hồng tràng	x	x		
7331	147	Phẫu thuật nội soi mở thông dạ dày	x	x		
7332	151	Phẫu thuật nội soi điều trị xoắn dạ dày có kèm cắt dạ dày	x			
7333	152	Phẫu thuật nội soi nối dạ dày - hồng tràng	x			
7334	153	Phẫu thuật nội soi nối dạ dày - hồng tràng, nối túi mật-hồng tràng	x			
7335	154	Phẫu thuật nội soi cắt dạ dày không điển hình	x			
7336	155	Phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày	x	x		
7337	156	Phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày	x			
7338	157	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày	x			
7339	158	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách	x			
7340	159	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1	x			
7341	160	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1α	x			
7342	161	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1β	x			
7343	162	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D2	x			
7344	163	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D3	x	x		
7345	164	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + nạo hạch D2	x			
7346	165	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách + nạo hạch D2	x			
		3. Tá tràng				
7347	166	Phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng	x	x		
7348	167	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng	x	x		
7349	168	Phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng + nối dạ dày-hồng tràng	x	x		
7350	169	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng + nối dạ dày-hồng tràng	x	x		
		4. Ruột non				
7351	172	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non	x	x		
7352	173	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non	x	x		
7353	174	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng	x	x		
7354	175	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng	x	x		
7355	176	Phẫu thuật nội soi nối tắt ruột non - ruột non	x	x		
7356	177	Phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột	x	x		
7357	178	Phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng	x	x		
7358	179	Phẫu thuật nội soi mở hồng tràng ra da	x	x		
7359	180	Phẫu thuật nội soi mở hồi tràng ra da	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
7360	181	Phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật	x	x		
7361	182	Phẫu thuật nội soi điều trị hẹp môn vị phì đại	x	x		
7362	183	Phẫu thuật nội soi tháo lồng ruột và cố định manh tràng	x	x		
7363	184	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	x	x		
7364	185	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn ruột non	x	x		
		5. Ruột thừa				
7365	187	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	x	x	x	
7366	188	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	x	x	x	
7367	189	Phẫu thuật nội soi cắt lại móm ruột thừa	x	x		
7368	190	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe ruột thừa trong ổ bụng	x	x	x	
7369	191	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	x	x	x	
		6. Đại tràng				
7370	192	Phẫu thuật nội soi cắt manh tràng	x	x		
7371	193	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải	x	x		
7372	194	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải + nạo vét hạch	x	x		
7373	195	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở rộng	x	x		
7374	196	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở + nạo vét hạch rộng	x	x		
7375	197	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang	x	x		
7376	198	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang + nạo vét hạch	x	x		
7377	199	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái	x	x		
7378	200	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái+ nạo vét hạch	x	x		
7379	201	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông	x	x		
7380	202	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông+ nạo vét hạch	x	x		
7381	205	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng	x	x		
7382	205	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng+ nạo vét hạch	x	x		
7383	206	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng	x	x		
7384	210	Phẫu thuật nội soi nối tắt hồi tràng - đại tràng ngang	x	x		
7385	212	Phẫu thuật nội soi làm hậu môn nhân tạo	x			
7386	213	Phẫu thuật nội soi Điều trị Megacolon (phẫu thuật Soave đường hậu môn một thì)	x			
		7. Hậu môn - Trực tràng				
7387	215	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng	x	x		
7388	216	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng+ nạo vét hạch	x	x		
7389	217	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp	x	x		
7390	218	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp+ nạo vét hạch	x	x		
7391	225	Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng	x	x		
7392	232	Phẫu thuật nội soi hạ bóng trực tràng + tạo hình hậu môn một thì	x			
7393	233	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn trực tràng trong điều trị sa trực tràng	x	x		
		8. Gan				
7394	260	Phẫu thuật nội soi cắt chòm nang gan	x	x		
		9. Đường mật				
7395	265	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi	x	x		
7396	266	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật	x	x		
7397	267	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr	x	x		
7398	273	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật	x	x	x	
		12. Mạc treo				
7399	304	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột, không cắt ruột	x	x		
7400	305	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non	x	x		
7401	306	Phẫu thuật nội soi cắt nang mạc treo ruột	x	x		
7402	307	Phẫu thuật nội soi khâu mạc treo	x	x		
		14. Thoát vị				
7403	313	Phẫu thuật nội soi đặt tấm lưới nhân tạo đường vào hoàn toàn trước phúc mạc (TEP)	x	x		
7404	314	Phẫu thuật nội soi đặt tấm lưới nhân tạo trước phúc mạc đường vào qua ổ bụng (TAPP)	x	x		
		15. Tuyến thượng thận				
7405	321	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ toàn bộ tuyến thượng thận 1 bên	x	x		
7406	322	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ toàn bộ tuyến thượng thận 2 bên	x	x		
7407	323	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần tuyến thượng thận 1 bên	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
7408	324	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần tuyến thượng thận 2 bên	x	x		
		16. Các phẫu thuật nội soi khác				
7409	327	Phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc	x	x		
7410	328	Phẫu thuật nội soi khâu thủng cơ hoành	x	x		
7411	329	Phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng	x	x		
7412	331	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tồn dư	x	x		
7413	333	Nội soi ổ bụng chẩn đoán	x	x		
7414	335	Phẫu thuật nội soi sinh thiết u trong ổ bụng	x	x		
7415	336	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong mổ mở	x	x		
7416	337	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong can thiệp nội soi ống mềm	x	x		
		D. TIẾT NIỆU-SINH DỤC				
		1. Thận				
7417	339	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ thận phụ	x	x		
7418	341	Phẫu thuật nội soi cắt u thận	x	x		
7419	344	Phẫu thuật nội soi cắt thận đơn giản	x	x		
7420	354	Tán sỏi thận qua da	x	x		
7421	356	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận	x	x		
7422	357	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận	x	x		
7423	358	Nội soi thận ống mềm tán sỏi thận	x	x		
7424	360	Phẫu thuật nội soi cắt thận và niệu quản do u đường bài xuất	x	x		
7425	361	Phẫu thuật nội soi hẹp bể thận, niệu quản (nội soi trong)	x	x		
7426	363	Phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận	x	x		
		2. Niệu quản				
7427	365	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	x	x		
7428	366	Phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản	x	x		
7429	367	Nội soi mở rộng niệu quản, nông rộng niệu quản	x	x		
7430	368	Nội soi niệu quản để đặt thông JJ hoặc rút thông JJ	x	x	x	
7431	371	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	x	x		
7432	376	Nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser hoặc bằng xung hơi	x	x		
7433	377	Nội soi xé sa sỏi niệu quản	x	x		
7434	379	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu quản	x	x		
7435	380	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản	x	x		
		3. Bàng quang				
7436	384	Nội soi cắt polyp cổ bàng quang	x	x		
7437	385	Nội soi bàng quang cắt u	x	x		
7438	386	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi	x	x		
7439	390	Nội soi gấp sỏi bàng quang	x	x		
7440	391	Nội soi bàng quang tán sỏi	x	x		
7441	392	Nội soi khâu lỗ thủng bàng quang qua ổ bụng	x	x		
		4. Tuyến tiền liệt				
7442	396	Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi	x	x		
7443	399	Điều trị u xơ tiền liệt tuyến bằng laser	x	x		
		5. Sinh dục, niệu đạo				
7444	404	Phẫu thuật nội soi hạ tinh hoàn ẩn	x	x		
7445	405	Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn trong ổ bụng	x	x		
7446	406	Phẫu thuật nội soi thắt tĩnh mạch tinh	x	x		
7447	407	Phẫu thuật nội soi cắt xơ hẹp niệu đạo	x	x		
7448	408	Nội soi tán sỏi niệu đạo	x	x		
7449	409	Nội soi cắt u niệu đạo, van niệu đạo	x	x		
		6. Phẫu thuật vùng hố chậu				
7450	417	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán trong phụ khoa	x	x		
		8. Buồng trứng – Vòi trứng				
7451	432	Phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai	x	x		
7452	433	Cắt u buồng trứng qua nội soi	x	x		
7453	434	Phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	x	x		
7454	437	Thông vòi tử cung qua nội soi	x	x		
		E. CƠ QUAN VẬN ĐỘNG				
		5. Khớp gối				
7455	460	Phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp gối	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
7456	461	Phẫu thuật nội soi cắt sụn chêm	x	x		
7457	462	Phẫu thuật nội soi khâu sụn chêm	x			
7458	463	Phẫu thuật nội soi cắt lọc sụn khớp gối	x	x		
7459	467	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng	x	x		
		N. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)				
7460	518	Phẫu thuật nội soi cắt cổ bàng quang	x	x		
7461	519	Nội soi cắt đốt u lành tuyến tiền liệt qua đường niệu đạo (TURP)	x	x		
7462	520	Phẫu thuật nội soi tái tạo gân	x	x		
		XXVIII. TẠO HÌNH THẨM MỸ				
		A. TẠO HÌNH VÙNG ĐẦU - MẶT - CỔ				
		1. Vùng xương sọ- da đầu				
7463	1	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc	x	x	x	x
7464	2	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán	x	x	x	x
7465	6	Phẫu thuật điều trị loét da đầu bán phần	x	x		
7466	9	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x	
7467	10	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu từ 2cm trở lên	x	x	x	
7468	11	Phẫu thuật cắt bỏ ung thư da vùng da đầu dưới 2cm	x	x		
7469	12	Phẫu thuật cắt bỏ ung thư da vùng da đầu từ 2cm trở lên	x	x		
7470	13	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng	x	x	x	
7471	14	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày	x	x	x	
7472	16	Tạo hình khuyết da đầu bằng vạt da tại chỗ	x	x	x	
7473	25	Phẫu thuật ghép mỡ trung bì vùng trán	x	x		
7474	30	Phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman vùng trán	x	x		
		2. Vùng mi mắt				
7475	33	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	x	x	x	x
7476	34	Khâu da mi	x	x	x	
7477	35	Khâu phục hồi bờ mi	x	x		
7478	36	Khâu cắt lọc vết thương mi	x	x	x	x
7479	37	Phẫu thuật ghép da tự thân cho vết thương khuyết da mi	x	x		
7480	38	Phẫu thuật tạo vạt da tại chỗ cho vết thương khuyết da mi	x	x		
7481	39	Phẫu thuật tạo vạt da lân cận cho vết thương khuyết da mi	x	x		
7482	44	Phẫu thuật treo mi lên cơ trán điều trị sụp mi	x	x		
7483	46	Kéo dài cân cơ nâng mi	x	x		
7484	48	Phẫu thuật điều trị hờ mi	x	x		
7485	49	Ghép da mi hay vạt da điều trị lật mi dưới do sẹo	x	x		
7486	54	Phẫu thuật điều trị Epicanthus	x	x		
7487	55	Phẫu thuật điều trị trĩ mi dưới	x	x		
7488	57	Phẫu thuật tạo hình khuyết một phần mi mắt	x	x		
7489	58	Phẫu thuật tạo hình khuyết ½ toàn bộ mi mắt trên	x	x		
7490	60	Phẫu thuật tạo hình khuyết ½ toàn bộ mi mắt dưới	x	x		
7491	63	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da lành tính mi mắt	x	x	x	
7492	64	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da ác tính mi mắt	x	x	x	
7493	65	Phẫu thuật ghép sụn mi mắt	x	x		
7494	66	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt	x	x	x	
7495	67	Phẫu thuật tạo hình mi mắt kết hợp các bộ phận xung quanh	x	x		
7496	68	Phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman điều trị lõm mắt	x	x		
7497	69	Phẫu thuật ghép mỡ trung bì tự thân điều trị lõm mắt	x	x		
7498	74	Phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hờ mi do liệt dây VII	x	x		
7499	82	Tái tạo cung mày bằng ghép da đầu mang tóc	x	x		
		3. Vùng mũi				
7500	83	Khâu và cắt lọc vết thương vùng mũi	x	x	x	
7501	84	Phẫu thuật ghép bộ phận mũi đứt rời không sử dụng vi phẫu	x	x	x	
7502	88	Phẫu thuật tạo hình mũi toàn bộ	x	x		
7503	89	Phẫu thuật tạo hình mũi một phần	x	x		
7504	90	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vạt có cuống mạch nuôi	x	x		
7505	91	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vạt da kế cận	x	x		
7506	92	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vạt da từ xa	x	x		
7507	93	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng các vạt da có cuống mạch nuôi	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
7508	94	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng ghép phức hợp vành tai	x	x		
7509	95	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (dưới 2cm)	x	x		
7510	96	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (trên 2cm)	x	x		
7511	97	Phẫu thuật tạo hình mũi sư tử	x	x		
7512	98	Phẫu thuật sửa cánh mũi trong sẹo khe hở môi đơn	x	x		
7513	99	Phẫu thuật sửa cánh mũi trong sẹo khe hở môi kép	x	x		
7514	100	Phẫu thuật thu nhỏ đầu mũi	x	x		
7515	101	Phẫu thuật thu nhỏ tháp mũi	x	x		
7516	102	Phẫu thuật hạ thấp sống mũi	x	x		
7517	103	Phẫu thuật tạo hình nâng xương chính mũi	x	x		
7518	106	Phẫu thuật chỉnh sụn cánh mũi	x	x		
7519	107	Phẫu thuật tạo lỗ mũi	x	x	x	
7520	109	Phẫu thuật lấy sụn vách ngăn mũi làm vật liệu ghép tự thân	x	x		
		4. Vùng môi				
7521	110	Khâu vết thương vùng môi	x	x	x	
7522	111	Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương môi	x	x	x	
7523	112	Phẫu thuật tái tạo khuyết lớn do vết thương môi	x	x	x	
7524	116	Phẫu thuật tạo hình môi toàn bộ bằng vật tại chỗ	x	x	x	
7525	118	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vật tại chỗ	x	x		
7526	119	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vật lân cận	x	x		
7527	120	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vật từ xa	x	x		
7528	122	Phẫu thuật chỉnh sửa lệch miệng do liệt thần kinh VII	x	x		
7529	125	Phẫu thuật tạo hình biến dạng môi trong sẹo khe hở môi một bên	x	x		
7530	131	Phẫu thuật tạo hình thiếu năng vòm hầu bằng tiêm chất làm đầy	x	x		
7531	132	Phẫu thuật tái tạo hình sẹo bỏng môi	x	x	x	
7532	133	Phẫu thuật tạo hình sẹo dính mép	x	x	x	
7533	134	Phẫu thuật tạo hình nhân trung	x	x	x	
		5. Vùng tai				
7534	136	Phẫu thuật khâu vết rách đơn giản vành tai	x	x	x	x
7535	137	Khâu cắt lọc vết thương vành tai	x	x	x	x
7536	141	Phẫu thuật tạo hình khuyết 1/3 vành tai bằng vật tại chỗ	x	x		
7537	142	Phẫu thuật tạo hình khuyết 1/2 vành tai bằng vật tại chỗ	x	x		
7538	143	Phẫu thuật tạo hình khuyết ¼ vành tai bằng vật tại chỗ	x	x	x	
7539	148	Phẫu thuật tạo hình thu nhỏ vành tai	x	x	x	
7540	149	Phẫu thuật tạo hình vành tai cụp	x	x		
7541	150	Phẫu thuật tạo hình vành tai vùi	x	x		
7542	151	Phẫu thuật tạo hình cắt bỏ vành tai thừa	x	x	x	
7543	152	Phẫu thuật tạo hình lỗ tai ngoài	x	x		
7544	153	Phẫu thuật tạo hình dị dạng gờ luân	x	x	x	
7545	154	Phẫu thuật tạo hình dị dạng gờ bình	x	x	x	
7546	155	Phẫu thuật tạo hình dị dạng dải tai bằng vật tại chỗ	x	x	x	
7547	157	Phẫu thuật tạo hình sẹo lõm quá phát vành tai	x	x	x	
7548	158	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai	x	x	x	
7549	159	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vành tai	x	x		
		6. Vùng hàm mặt cổ				
7550	161	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	x	x	x	x
7551	162	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	x	x	x	x
7552	163	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	x	x	x	x
7553	164	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức	x	x	x	
7554	165	Khâu nối thần kinh ngoại biên vùng mặt cổ	x	x		
7555	167	Phẫu thuật khâu vết thương thấu má	x	x	x	
7556	171	Phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời không bằng vi phẫu	x	x	x	
7557	174	Phẫu thuật vết thương vùng hàm mặt do hoá khí	x	x		
7558	175	Điều trị gãy xương chính mũi bằng nắn chỉnh	x	x	x	
7559	176	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	x	x	x	
7560	184	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số 7	x	x		
7561	185	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số 8	x	x		
7562	186	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt 2 bên	x	x		
7563	187	Phẫu thuật chỉnh sửa góc hàm xương hàm dưới	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
7564	188	Phẫu thuật chỉnh sửa gò má - cung tiếp	x	x		
7565	189	Phẫu thuật cắt chỉnh cằm	x	x		
7566	190	Phẫu thuật chỉnh sửa thân xương hàm dưới	x	x		
7567	192	Phẫu thuật tạo hình liệt mặt do dây VII bằng kỹ thuật treo	x	x		
7568	193	Phẫu thuật tạo hình thiếu sản bẩm sinh nửa mặt bằng chất làm đầy	x	x	x	
7569	194	Phẫu thuật tạo hình thiếu sản bẩm sinh nửa mặt bằng ghép mỡ coleman	x	x	x	
7570	195	Phẫu thuật tạo hình thiếu sản bẩm sinh toàn bộ mặt bằng chất làm đầy	x	x	x	
7571	196	Phẫu thuật tạo hình thiếu sản bẩm sinh toàn bộ mặt bằng ghép mỡ coleman	x	x	x	
7572	197	Phẫu thuật cắt u da mặt lành tính	x	x	x	
7573	198	Phẫu thuật khâu đóng trực tiếp sẹo vùng cổ, mặt (dưới 3cm)	x	x	x	
7574	199	Phẫu thuật khâu đóng trực tiếp sẹo vùng cổ, mặt (trên 3cm)	x	x	x	
7575	200	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da tại chỗ	x	x	x	
7576	201	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da lân cận	x	x		
7577	202	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da tại chỗ	x	x	x	
7578	203	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da từ xa	x	x	x	
7579	205	Phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên	x	x		
7580	206	Phẫu thuật ghép xương bằng vật liệu thay thế tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên	x	x		
7581	208	Phẫu thuật cắt xương điều trị nhô cằm	x	x		
7582	209	Phẫu thuật điều trị hoại tử mô do tia xạ bằng vật có cuống mạch nuôi	x	x		
7583	211	Phẫu thuật điều trị hoại tử xương hàm do tia xạ	x	x		
7584	212	Phẫu thuật điều trị hoại tử xương và phần mềm vùng hàm mặt do tia xạ	x	x		
7585	213	Ghép da dày toàn bộ, diện tích dưới 10cm ²	x	x	x	
7586	214	Ghép da dày toàn bộ, diện tích trên 10cm ²	x	x	x	
7587	215	Phẫu thuật đặt túi bơm giãn da	x	x	x	
7588	217	Cắt u máu vùng đầu mặt cổ	x	x	x	
7589	218	Cắt dị dạng bạch mạch đầu mặt cổ	x	x	x	
7590	219	Cắt dị dạng tĩnh mạch đầu mặt cổ	x	x	x	
7591	220	Tiêm xơ dị dạng tĩnh mạch đầu mặt cổ	x	x	x	
7592	221	Phẫu thuật cắt ung thư da vùng cổ mặt dưới 5cm và tạo hình bằng ghép da tự thân	x	x		
7593	222	Phẫu thuật cắt ung thư da vùng cổ mặt dưới 5cm và tạo hình bằng vật da tại chỗ	x	x		
7594	223	Phẫu thuật cắt ung thư da vùng cổ mặt trên 5cm và tạo hình bằng vật da lân cận	x	x		
7595	225	Cắt u phần mềm vùng cổ	x	x	x	
7596	226	Cắt novi sắc tổ vùng hàm mặt	x	x	x	
7597	227	Cắt u sắc tổ vùng hàm mặt	x	x	x	
7598	228	Cắt u thần kinh vùng hàm mặt	x	x		
7599	229	Cắt u xơ thần kinh vùng hàm mặt	x	x	x	
7600	230	Cắt u da lành tính vùng hàm mặt	x	x		
7601	231	Cắt u mỡ hệ thống lan tỏa vùng hàm mặt	x	x		
7602	235	Ghép mỡ tự thân coleman	x	x	x	
7603	238	Phẫu thuật lấy bỏ chất liệu ghép nhân tạo vùng đầu mặt	x	x		
7604	239	Phẫu thuật lát bỏ chất silicon lỏng vùng mặt cổ	x	x		
7605	240	Phẫu thuật lấy bỏ chất liệu độn vùng mặt cổ	x	x		
		B. TẠO HÌNH VÙNG THÂN MÌNH				
7606	250	Phẫu thuật tái tạo quầng núm vú	x	x		
7607	252	Phẫu thuật tái núm vú bằng vật tại chỗ	x	x		
7608	253	Phẫu thuật thu nhỏ vú phì đại	x	x		
7609	254	Phẫu thuật treo vú sa trễ	x	x		
7610	255	Phẫu thuật thu nhỏ vú sa trễ	x	x		
7611	256	Phẫu thuật tháo bỏ silicone cũ, nạo silicon lỏng	x	x		
7612	257	Phẫu thuật giải phóng sẹo bóng co kéo vú	x	x		
7613	264	Phẫu thuật cắt bỏ u xơ vú	x	x	x	
7614	265	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ	x	x	x	
7615	266	Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa	x	x	x	
7616	267	Phẫu thuật cắt bỏ u tuyến vú lành tính philoid	x	x		
7617	269	Phẫu thuật cắt vú to ở đàn ông	x	x	x	
7618	270	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần mềm thành ngực bụng bằng vật da cơ kế cận	x	x		

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
7619	275	Cắt bỏ khối u da lành tính dưới 5cm	x	x		
7620	276	Cắt bỏ khối u da lành tính trên 5cm	x	x		
7621	277	Cắt bỏ khối u da ác tính	x	x		
7622	278	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần cơ thành bụng bằng vật cân cơ lân cận	x	x		
7623	280	Phẫu thuật cắt bỏ tổ chức hoại tử trong ổ loét tỉ đè	x	x		
7624	281	Phẫu thuật loét tỉ đè cùng cụt bằng ghép da tự thân	x	x		
		D. TẠO HÌNH VÙNG CHI TRÊN VÀ BÀN TAY				
7625	315	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay	x	x		
7626	316	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cẳng tay	x	x		
7627	317	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cánh tay bằng vật tại chỗ	x	x		
7628	318	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cẳng tay bằng vật tại chỗ	x	x		
7629	319	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cánh tay bằng vật lân cận	x	x		
7630	320	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cẳng tay bằng vật lân cận	x	x		
7631	323	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân	x	x		
7632	324	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vật da tại chỗ	x	x		
7633	325	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vật da lân cận	x	x		
7634	326	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vật da từ xa	x	x		
7635	328	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng ghép da tự thân	x	x		
7636	329	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da tại chỗ	x	x		
7637	330	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da lân cận	x	x		
7638	331	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da từ xa	x	x		
7639	334	Phẫu thuật vết thương khớp bàn ngón	x	x	x	
7640	335	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	x	x		
7641	336	Cắt đáy ổ loét vết thương mãn tính	x	x	x	
7642	337	Nối gân gấp	x	x	x	
7643	338	Phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật	x	x	x	
7644	340	Nối gân duỗi	x	x	x	
7645	341	Gỡ dính gân	x	x	x	
7646	342	Khâu nối thần kinh không sử dụng vi phẫu thuật	x	x	x	
7647	344	Gỡ dính thần kinh	x	x		
7648	345	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 24 giờ điều trị vết thương mãn tính	x	x		
7649	346	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 48 giờ điều trị vết thương mãn tính	x	x		
7650	349	Phẫu thuật cái hóa	x	x		
7651	350	Chuyển ngón có cuống mạch nuôi	x	x		
7652	351	Phẫu thuật tạo hình kẻ ngón cái	x	x		
7653	352	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	x	x	x	
7654	353	Thay khớp bàn tay	x	x		
7655	354	Thay khớp liên đốt các ngón tay	x	x		
7656	355	Phẫu thuật tách dính 2 ngón tay	x	x		
7657	356	Phẫu thuật tách dính 3 ngón tay	x	x		
7658	357	Phẫu thuật tách dính 4 ngón tay	x	x		
7659	358	Phẫu thuật cắt ngón tay thừa	x	x		
7660	359	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay cái thừa	x	x		
7661	361	Phẫu thuật sửa sẹo co nách bằng ghép da tự thân	x	x		
7662	362	Phẫu thuật sửa sẹo co khuỷu bằng ghép da tự thân	x	x		
7663	363	Phẫu thuật sửa sẹo co nách bằng vật da tại chỗ	x	x		
7664	364	Phẫu thuật sửa sẹo co khuỷu bằng vật tại chỗ	x	x		
7665	365	Phẫu thuật sửa sẹo co nách bằng vật da cơ lân cận	x	x		
7666	366	Phẫu thuật sửa sẹo co khuỷu bằng vật da từ xa	x	x		
7667	370	Phẫu thuật sửa sẹo co cổ bàn tay bằng tạo hình chữ Z	x	x		
7668	371	Phẫu thuật sửa sẹo co ngón tay bằng tạo hình chữ Z	x	x		
7669	372	Phẫu thuật sửa sẹo co cổ bàn tay bằng ghép da tự thân	x	x		
7670	373	Phẫu thuật sửa sẹo co ngón tay bằng ghép da tự thân	x	x		
7671	380	Phẫu thuật tạo vật trị hoãn cho bàn ngón tay	x	x		
7672	381	Phẫu thuật tạo vật tĩnh mạch cho khuyết phần mềm bàn ngón tay	x	x		
7673	382	Phẫu thuật ghép móng	x	x		
7674	383	Phẫu thuật giãn da cho vùng cánh cẳng tay	x	x		
7675	384	Phẫu thuật giãn da điều trị dính ngón bẩm sinh	x	x		
		D. TẠO HÌNH CHO VÙNG CHI DƯỚI				

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
7676	385	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng ghép da tự thân	x	x		
7677	386	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng ghép da tự thân	x	x		
7678	387	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng bằng ghép da tự thân	x	x		
7679	388	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cổ chân bằng ghép da tự thân	x	x		
7680	389	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn chân bằng ghép da tự thân	x	x		
7681	390	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng vật da tại chỗ	x	x		
7682	391	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng vật da tại chỗ	x	x		
7683	392	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng chân bằng vật da tại chỗ	x	x		
7684	394	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng vật da lân cận	x	x		
7685	395	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng vật da lân cận	x	x		
7686	396	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng chân bằng vật da lân cận	x	x		
7687	397	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn chân bằng ghép da lân cận	x	x		
7688	403	Cắt các khối u da lành tính dưới 5cm	x	x		
7689	404	Cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x		
		E. THẨM MỸ				
7690	414	Phẫu thuật thu gọn môi dày	x	x	x	
7691	415	Phẫu thuật độn môi	x	x	x	
7692	416	Phẫu thuật điều trị cười hở lợi	x	x		
7693	417	Phẫu thuật sa trễ mí trên người già	x	x	x	
7694	418	Phẫu thuật thừa da mí trên	x	x	x	
7695	419	Phẫu thuật cắt da mí dưới cung mày	x	x	x	
7696	420	Phẫu thuật cắt da trán trên cung mày	x	x	x	
7697	421	Phẫu thuật tạo hình mắt hai mí	x	x	x	
7698	422	Phẫu thuật khâu tạo hình mắt hai mí	x	x	x	
7699	423	Phẫu thuật lấy bọng mỡ mí dưới	x	x	x	
7700	424	Phẫu thuật thừa da mí dưới	x	x	x	
7701	425	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ thẩm mỹ vùng mắt	x	x	x	
7702	426	Phẫu thuật treo cung mày trực tiếp	x	x	x	
7703	427	Phẫu thuật treo cung mày bằng chỉ	x	x	x	
7704	429	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu đôn nhân tạo kết hợp sụn tự thân	x	x	x	
7705	430	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu đôn nhân tạo	x	x	x	
7706	432	Phẫu thuật thu gọn cánh mũi	x	x	x	
7707	433	Phẫu thuật chỉnh hình mũi gồ	x	x	x	
7708	434	Phẫu thuật chỉnh hình mũi lệch	x	x	x	
7709	435	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ nâng mũi	x	x	x	
7710	436	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau chích chất làm đầy vùng mũi	x	x	x	
7711	439	Phẫu thuật chỉnh thon góc hàm	x	x	x	
7712	441	Phẫu thuật căng da mặt bán phần	x	x	x	
7713	442	Phẫu thuật căng da mặt toàn phần	x	x	x	
7714	443	Phẫu thuật căng da mặt cổ	x	x	x	
7715	444	Phẫu thuật căng da cổ	x	x	x	
7716	445	Phẫu thuật căng da trán	x	x	x	
7717	446	Phẫu thuật căng da thái dương giữa mặt	x	x	x	
7718	447	Phẫu thuật căng da trán thái dương	x	x	x	
7719	451	Hút mỡ vùng cằm	x	x	x	
7720	452	Hút mỡ vùng dưới hàm	x	x	x	
7721	453	Hút mỡ vùng nếp mũi má, má	x	x	x	
7722	454	Hút mỡ vùng cánh tay	x	x	x	
7723	455	Hút mỡ vùng nhượng chân, cổ chân	x	x	x	
7724	456	Hút mỡ vùng vú	x	x	x	
7725	457	Hút mỡ bụng một phần	x	x	x	
7726	458	Hút mỡ bụng toàn phần	x	x	x	
7727	459	Hút mỡ đùi	x	x	x	
7728	460	Hút mỡ hông	x	x	x	
7729	462	Hút mỡ tạo bụng sáu múi	x	x	x	
7730	463	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau hút mỡ.	x	x	x	
7731	464	Phẫu thuật cấy mỡ tạo dáng cơ thể	x	x	x	
7732	465	Phẫu thuật cấy mỡ nâng mũi	x	x	x	
7733	466	Phẫu thuật cấy mỡ làm đầy vùng mặt	x	x	x	

TT	TT BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
7734	467	Phẫu thuật cấy mỡ bàn tay	x	x	x	
7735	468	Phẫu thuật cấy mỡ vùng mông	x	x	x	
7736	469	Phẫu thuật làm to mông bằng túi độn mông	x	x	x	
7737	470	Phẫu thuật nâng vú bằng túi độn ngực	x	x	x	
7738	471	Phẫu thuật nâng vú bằng chất làm đầy	x	x	x	
7739	472	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ nâng vú	x	x	x	
7740	473	Phẫu thuật tạo hình bụng bán phần	x	x	x	
7741	474	Phẫu thuật tạo hình bụng toàn phần	x	x	x	
7742	475	Phẫu thuật căng da bụng không cắt rốn và di chuyển rốn	x	x	x	
7743	476	Phẫu thuật căng da bụng có cắt rốn và di chuyển rốn	x	x	x	
7744	477	Phẫu thuật tái tạo thành bụng đơn giản	x	x	x	
7745	478	Phẫu thuật tái tạo thành bụng phức tạp	x	x	x	
7746	479	Phẫu thuật tạo hình thành bụng toàn phần kết hợp hút mỡ bụng	x	x	x	
7747	480	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ tạo hình thẩm mỹ bụng	x	x	x	
7748	481	Phẫu thuật độn cằm	x	x	x	
7749	482	Phẫu thuật chỉnh hình cằm bằng cấy mỡ	x	x	x	
7750	483	Phẫu thuật chỉnh hình cằm bằng tiêm chất làm đầy	x	x	x	
7751	484	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ chỉnh hình cằm	x	x	x	
7752	485	Phẫu thuật thẩm mỹ cơ quan sinh dục ngoài nữ	x	x	x	
7753	486	Phẫu thuật thu nhỏ âm đạo	x	x	x	
7754	487	Laser điều trị u da	x	x	x	
7755	488	Laser điều trị nám da	x	x	x	
7756	489	Laser điều trị đồi mồi	x	x	x	
7757	490	Laser điều trị nếp nhăn	x	x	x	
7758	491	Tiêm Botulium điều trị nếp nhăn	x	x	x	
7759	492	Tiêm chất làm đầy xóa nếp nhăn	x	x	x	
7760	493	Tiêm chất làm đầy nâng mũi	x	x	x	
7761	494	Tiêm chất làm đầy độn mô	x	x	x	
7762	495	Ghép mỡ tự thân Coleman vùng trán	x	x		
7763	497	Tạo hình thiếu năng vòm hầu bằng tiêm chất làm đầy	x	x		
7764	499	Tạo hình thiếu sản bẩm sinh nửa mặt bằng ghép mỡ Coleman	x	x		
7765	500	Tạo hình thiếu sản bẩm sinh toàn bộ mặt bằng ghép mỡ Coleman	x	x		
7766	503	Treo cung mày bằng chỉ	x	x		